

KINH PHÁP HOA
Giảng Lục

PHÒNG PHÁT HÀNH
T.V. TRÚC LÂM
ĐÀ LẠT
ĐT: 063.827565

THÍCH THÔNG PHƯƠNG



KINH PHÁP HOA

Giảng Lục

Tập I



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
PL:2550 - DL:2006

Lời Đầu

Bộ kinh Pháp Hoa này lần đầu tiên chúng tôi được nghe Hoà thượng Viện trưởng Thiền Viện Trúc Lâm giảng, thật là một điều không ngờ. Lời Phật, lời Thầy đã mở ra cho chúng tôi một chân trời mới mẻ chưa từng có. Niềm tin về thiền cũng như lòng tự tin nơi mình có đủ khả năng giác ngộ được phát khởi từ đó.

Rồi trải qua thời gian dài, nhiều năm gần gũi Hoà thượng để tu học, thực hành công phu, càng giúp chúng tôi cảm sâu lời dạy của đấng Giác Ngộ Vô Thượng. Quả là một chân lý tuyệt diệu không thể nói hết bằng lời.

“Diệu Pháp ấy”, đời đời vẫn là ánh sáng đưa người ra khỏi đường sanh tử lầm mê từ vô thủy kiếp.

Tri kiến Phật này, bản hoài của ba đời chư Phật ra đời, người người luôn phải nhớ, phải khai, phải sống.

Mật chỉ đấng Giác Ngộ ba lần ngàn Tôn Giả Xá-

Lợi-Phát “Thôi thôi, đừng nói nữa” là tiếng sét vang rền, mãi mãi đánh thức cho người học Pháp Hoa: Chớ chết chìm trong đám rừng chữ nghĩa khô cứng, chết cứng ở những trang giấy mực vô tri ấy! Ngôn ngữ không biết phóng quang đâu, chớ lâm bám chặt theo.

Ánh sáng giữa chạng mào kia, giờ đây ai thấy được? Có lẽ nào nó đã tắt lịm từ lâu cách đây hơn hai mươi lăm thế kỷ hay sao?

Nhà lửa ba xe vẫn còn luôn để ngoài cửa chờ mỗi chúng ta, hay là mỗi chúng ta đang ngồi trên xe trâu trắng rồi đây!

Gã cùng tử con ông trưởng giả giàu sang vẫn còn lang thang đây đó, hay đã trở về nhà gặp cha già nhận lấy gia tài sản nghiệp? Kinh Pháp Hoa muốn nói gì với mỗi chúng ta?

Cỏ thuốc hiện bày khắp nơi trong thế gian này, có cây nào thấm ướt giọt mưa Pháp Hoa đang xối xuống đó chăng?

Đói gặp cơm vua chẳng chịu ăn, còn đợi gì nữa?

Lẽ thật này đang hiện bày ra đó, công đức ấy hiện đủ nơi cửa sáu căn Thấy, Nghe, Giác, Biết, người chân thành trì kinh sẽ cảm nghiệm được ngay không nghi ngờ.

Phật Đại Thông Trí Thắng vẫn còn đang thuyết pháp đây, chưa từng nhập diệt bao giờ, chớ vội tưởng tượng quay về quá khứ xa xôi vi trần kiếp.

Mười sáu Vương tử cũng luôn ra đời đây, có ai thấy chẳng?

Tháp báu Đa Bảo hiện ra kìa, phải một lòng chiêm ngưỡng, chớ để lầm qua. Mau thu hồi các Hoá Phật trở về, cửa tháp báu vang rền bung ra đó!

Ồ, vô số Bồ tát từ đất Tâm vọt lên kìa! Thật không ngờ, xưa nay chưa từng biết! Cha trẻ, con già chỉ làm mờ mắt anh chàng Tâm thức hay phân biệt kìa thôi, còn tuổi thọ vô lượng ấy, là sức sống chân thật hằng hữu, đâu che được con mắt Bồ tát Văn Thù, và phải nhờ chư Bồ tát đây mới giữ gìn được. Hành giả Pháp Hoa phải khai thác chỗ chỉ yếu này để sống vững theo lời phó chúc của đấng Giác Ngộ Vô Thượng.

Đến đây rồi, không còn có Tâm khinh thường ai cả, vì người người đều có Pháp Hoa trong nhà: “Tôi chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ thành Phật”.

Nam nữ, tăng tục, Việt Miên Lào ..v.v.. cũng không phân chia ngăn cách.

Long Nữ còn có đủ khả năng kia, thì chúng ta sao lại không có? Chớ để thân tướng nghiệp báo này làm lầm, rồi tự khinh mình thành lui sụt.

Song con đường Khai Thị Ngộ Nhập không phải dễ dàng nói ra suông. Để nhập được Pháp Hoa, trước phải quên cái NGÃ này! Đó là con đường bắt buộc hành giả chân chính phải đạp qua, không thể tránh né. Bồ

Tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến đốt thân, đốt tay cúng dường Phật, là có ý sâu, mỗi người cần nghiệm kỹ!

Diệu Âm, Quán Âm tiếp tục trừ cho sạch tập khí cái Ngã ấy thôi. Cho đến cuối cùng Bồ tát Phổ Hiền phủ sạch để hiện khắp nơi, hoàn thành cho Bồ tát Văn Thù khai phát từ ban đầu.

Mong rằng ánh sáng Pháp Hoa luôn chiếu đến với nhà nhà. Chân lý này hằng sống dậy khỏi những trang giấy chết. Ngày ngày càng có nhiều người tụng trì Pháp Hoa, khiến cho bản hoài chư Phật không bị gián đoạn trên thế gian.

Cuối cùng, vì đây là lời giảng ghi lại, tuy có chỉnh sửa nhưng chắc chắn nhiều lời, nhiều ý trùng lặp.., kính mong người đọc đạt ý quên lời, để cùng chia hưởng một vài tia sáng Pháp Hoa, đó chính là niềm vui chung cho sự ra mắt bộ kinh Pháp Hoa Giảng Lục này.

Tuy nhiên với bậc đã nhảy qua khỏi đầu lưới, hẳn phải ôm bụng cười vang, phẩy tay đi thẳng.

Lưới Phật che trùm nuốt hết rồi!

Mùa đông năm Ất Dậu 2005

Kính ghi

THÍCH THÔNG PHƯƠNG

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA GIẢNG LỤC

*Pháp Phật sâu mầu chẳng gì hơn,
Trăm ngàn muôn kiếp khó được gặp,
Nay con nghe thấy vâng gìn giữ,-
Nguyện hiểu nghĩa chân Đức Thế Tôn.*

Hôm nay nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Bộ kinh này nguyên bản bằng chữ Phạn, gần đây các nhà nghiên cứu phát hiện được tại vùng Tân Cương. Khoảng năm 1852 có một học giả người Pháp, ông dịch ra tiếng Pháp. Còn bản dịch mà chúng ta đang học ở đây là dịch từ bản chữ Hán.

Ở Trung Quốc, từ xưa có sáu bản dịch từ tiếng Phạn ra chữ Hán, nhưng dần dần về sau này thất lạc bớt, còn lại ba bản, gồm có:

- Bản thứ nhất, do Ngài Trúc Pháp Hộ dịch, gọi

là Chánh Pháp Hoa Kinh, gồm có mười quyển và hai mươi bảy phẩm, dịch vào khoảng năm 286 Tây lịch.

- Bản thứ hai, là do Ngài Cưu Ma La Thập dịch, tức là bản chúng ta đang học ở đây, gọi là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Bản này gồm tám quyển hai mươi tám phẩm, dịch khoảng năm 406 Tây lịch, vào thời Đạo Tần.

- Bản thứ ba, do Ngài Xà Na Quật Đa và Đạt Ma Cấp Đa dịch, đề tên là Thiêm Phẩm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Gồm có tám quyển, hai mươi bảy phẩm, dịch vào khoảng năm 601 Tây lịch.

Về chú giải, cũng có nhiều bản chú giải về Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này. Ở bên Ấn Độ có Ngài Thế Thân chú giải, gọi là bộ Diệu Pháp Liên Hoa Ưu Bà Đề Xá.

Qua bên Trung Quốc có bộ Pháp Hoa Kinh Sớ của Ngài Trúc Đạo Sanh, Pháp Hoa Nghĩa Ký của Ngài Pháp Vân, Pháp Hoa Văn Cú, Pháp Hoa Huyền Nghĩa của Ngài Trí Khải, Pháp Hoa Nghĩa Sớ của Ngài Cát Tạng, Pháp Hoa Huyền Tán của Khuy Cơ v.v....

Qua phần tiếng Việt có bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh là bản học ở đây. Có bản của ông Đoàn Trung Còn, bản của ông Mai Thọ Truyền, của Hòa thượng Trí Nghiêm v.v...

Trong đó bản của Hòa thượng Thích Trí Tịnh thông dụng, nên ở đây chúng ta dùng bản này để học. Đó là nói qua về bản kinh.

Kinh Pháp Hoa này, là một trong những bộ kinh Đại Thừa có duyên rất lớn với cõi này, được nhiều người mến mộ, kính quý đọc tụng. Bộ kinh này xiển dương về giáo lý, gọi là Khai Quyền Hiển Thật hoặc đưa Tam thừa trở về một Phật thừa.

Nghĩa là trước có Tam thừa, là Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát, mà đến đây đưa vào một Phật thừa hết. Để nêu cao cho thấy rõ tất cả chúng sanh đều có thể thành Phật.

Bởi vậy, trong đây Ngài Đề Bà Đạt Đa phá Phật đủ thứ, nhưng cũng được thọ ký, không bị bỏ sót ra ngoài, và trong bộ kinh này nhấn mạnh tông chỉ là: - **Khai, Thị, Ngộ, Nhập Tri Kiến Phật**, nghĩa là khai thị cho chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật. Đó là đại sự nhân duyên của Phật ra đời, tức là một nhân duyên, một việc lớn lao Phật ra đời. Chính đó là bản hoài của Phật, Ngài ra đời là vì mục đích khai thị cho chúng sanh ngộ nhập Tri Kiến Phật. Đó là điểm chính, còn dùng phương tiện này, phương tiện khác đều là những cách tạm thời để đưa về chỗ này. Cho nên có những lúc Phật chưa nói hết được bản hoài của Ngài thì Ngài dùng phương tiện nói thế này, thế kia. Chẳng hạn, như mấy người mới vào học đạo mà nói thẳng như vậy thì họ chưa tin nổi, thì dạy tu thập thiện, ngũ giới rồi lần lần lên tạo những nghiệp lành, bỏ ác để bớt đi nghiệp ác. Đó cũng là cách mình trở về từ từ, nhưng mà chưa chỉ thẳng ở đây.

Đến đây, Đức Phật Ngài thổ lộ ra hết, đưa thẳng chỉ rõ mọi người đều có tánh Phật, đều có thể thành Phật. Về tông chỉ này, trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ có dạy Ngài Pháp Đạt:

- Ông tụng niệm kinh này mà ông có biết kinh này lấy gì làm tông chẳng?

Ông thưa:

- Con chỉ nương theo văn mà tụng niệm, đâu có biết tông thú.

Tổ mới dạy:

- Tôi chẳng biết chữ, bây giờ ông hãy lấy kinh tụng qua một lần, tôi sẽ giải nói cho.

Pháp Đạt liền tụng thuộc lòng, tụng đến phẩm Thí Dụ, Tổ bảo dừng lại, rồi nói:

“Thôi kinh này vốn lấy nhân duyên ra đời làm tông, dù có nói nhiều thứ thí dụ cũng không ra ngoài ý này, mà cái gì là nhân duyên? - kinh nói: “chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên nên hiện ra nơi đời”. Một đại sự đó tức là Tri Kiến Phật.

Người đời bên ngoài mê đắm nơi tướng, bên trong mê đắm nơi không. Nếu mà hay ở nơi tướng mà lìa tướng, nơi không lìa không, tức là trong ngoài chẳng mê. Nếu ngộ được pháp này, một niệm mà tâm mở sáng đó là Khai Tri Kiến Phật. Phật vẫn Giác đây chia ra bốn môn: Khai tri kiến giác, Thị tri kiến giác, Ngộ tri kiến giác, Nhập tri kiến giác. Nếu nghe khai thị liền có thể ngộ nhập tức là tri kiến giác, chân tánh xưa nay sẽ hiện ra thôi, ông hãy đề đặt chớ hiểu lầm ý kinh. Nghe thấy Phật nói Khai thị ngộ nhập rồi tự cho là tri kiến của Phật, còn bọn ta không có phần. Nếu khởi hiểu nghĩa này, chính là chê bai kinh, là hủy báng Phật. Ngài đã là Phật thì đã đủ tri kiến rồi, đâu cần khai nữa. Nay ông hãy tin Tri kiến Phật là tự tâm ông, trọn không có Phật khác.

Bởi vì tất cả chúng sanh tự che lấp cái sáng tỏ rồi tham đắm nơi trần cảnh, bên ngoài thì duyên ra, bên trong thì quấy động, đành chịu rong ruổi làm nhọc cho Đức Thế Tôn mới từ tam muội dậy, rồi nói hết lời để khuyên: - “hãy nghỉ ngơi đi”, chớ có tìm cầu bên ngoài, thì cùng Phật không hai. Cho nên nói là Khai Tri Kiến Phật”.

Lục Tổ nói rõ: Tông thú của kinh là lấy nhân

duyên ra đời của Phật, nhân duyên ra đời là gì? - Là KHAI THỊ cho chúng sanh Ngộ Nhập Tri Kiến Phật.

Tri là biết. Kiến là thấy. Phật là Giác. Cái thấy biết giác ngộ ngay nơi chính mình, đánh thức cái giác ngộ chính mình mà mình bỏ quên, đó là đại sự nhân duyên của Phật ra đời, mà đó cũng là tông thú của bộ kinh. Bởi vậy mà Ngài nói rằng:

- Phật nói bao nhiêu các phương tiện, bao nhiêu thí dụ cũng dẫn về chỗ đó, nhắm vào chỗ đó, mà chúng ta mê lầm, dùng tâm chúng sanh cứ duyên ra bên ngoài, bên trong thì khuấy động cho nên mới phải nhọc nhằn Đức Thế Tôn từ tam muội dậy, rồi Ngài mới nói thế này, thế kia - Để khuyên mọi người hãy "nghỉ ngơi đi", đừng chạy nữa, hãy trở về tri kiến Phật nơi mình.

Như vậy, người nghe kỹ và hiểu sâu nghĩa lý của kinh này, đó là trồng sâu căn lành Bồ đề hay hạt giống Phật, có cơ hội thì nó nảy mầm. Nghe sâu tức là nghe tận nội tâm của mình, chớ không nghe ngoài tai. Đó là nói qua về tông thú bộ kinh, kể nói về người dịch.

Kinh này do Ngài Cưu Ma La Thập dịch vào đời Dao Tần, khoảng thế kỷ V, tại chùa Thảo Đường, ở Trường An. Ngài là một vị dịch kinh nổi tiếng và được đa số người rất tin tưởng. Những bộ kinh Ngài dịch ra, văn sáng sủa, lưu loát. Khi sắp tịch, Ngài có nguyện: "Nếu những kinh mà Ngài dịch ra không sai với ý Phật thì cho khi thiêu, cái lưởi vẫn còn không hoại, không hư". Quả nhiên khi Ngài tịch, thiêu rồi lưởi vẫn còn nguyên. Đó là để chứng tín kinh của Ngài dịch ra không sai ý Phật.



GIẢI QUA PHẦN ĐỀ KINH

Kinh này gọi là **Diệu Pháp Liên Hoa**. Vậy **Diệu Pháp** là gì?

- **Diệu:** là mầu nhiệm. Sao gọi là mầu nhiệm? - Bởi vì, chỗ này nói không thể hết, nghĩ không thể đến, gọi là dứt đường ngôn ngữ, bật chỗ tâm hành, bất khả thuyết, bất khả tư nghĩ, tạm nói là Diệu. Nếu nói được, nghĩ được thì đâu còn Diệu nữa.

Như Ngài Đạt Quán Dĩnh nói về sự lý với ngài Cốc Ân, Sư nói:

- Như Thạch Đầu nói: “Chấp sự nguyên là mê, khế lý cũng chẳng phải ngộ”.

Cốc Ân hỏi:

- Dùng làm lời nói thuốc hay lời nói bệnh?

Sư thưa:

- Lời nói thuốc.

Cốc Ân quở:

- Ông lấy bệnh làm thuốc, đâu có thể được.

Sư thưa: - Sự như phong thư được gói kín. Lý như mũi tên thẳng nhọn. Chỗ nhiệm mầu đâu có thêm mà còn cho là bệnh, thật chưa rõ yếu chỉ?

Sự như phong thư được gói kín là sao? - Là không có lộ ra ngoài. Còn lý giống mũi tên thẳng nhọn, là cũng không có gì mà chạm đến được. Tức cái lý, cái sự nó vi diệu đến như thế rồi, mà còn cho là bệnh, thật không hiểu nổi!

Ngài Cốc Ân liền bảo:

- Chỗ nhiệm mầu đến như thế đó, cũng gọi là sự lý thôi, còn cái ý chỉ của Tổ Sư là chỗ “trí biết không thể đến được”, hướng chỉ là sự lý hay cùng tột đó sao!

Nghĩa là chỗ ý chỉ của Tổ Sư, là chỗ trí biết không thể đến được, hướng nữa là mình dùng cái sự lý để mà bàn bạc. Bởi vậy, dù mình bàn bạc sự lý nói cho hay cách mấy đi nữa, nói cái lý mà thao thao bất tuyệt, nhưng cũng chưa rời khỏi cái môi.

Bởi vậy Ngài Cốc Ân nói chỗ ý Tổ Sư đó, trí không thể biết đến được. Như vậy ý chỉ của Tổ Sư đó, trí biết còn không biết đến được, hướng chỉ ý của Phật. Cho nên mình còn lý luận được hoặc là lý, hoặc là sự đó, thì quả là chưa thật mầu nhiệm, chưa thật diệu. Có vị tăng hỏi Thiên sư Đạo Ngộ:

- Thế nào là nói huyền diệu?

Đạo Ngộ bảo:

- Chớ bảo ta hiểu Phật pháp.

Bởi vì có chỗ hiểu thì hết diệu rồi, là có thức tình phân biệt, cái đó chúng sanh cũng hiểu được, những học giả, trí thức thế gian suy nghĩ họ cũng hiểu được, thì sao gọi là diệu? Cho nên ở đây Đạo Ngộ nói: “Chớ bảo ta hiểu Phật pháp”. Đơn giản mà rất là sâu xa. Bởi vậy mà một chữ “diệu” này có thể nói hoài

không hết. Nói hết, thì hết diệu. Do đó, đọc Kinh Pháp Hoa mình thấy cái diệu đó nó còn dài dài.

Phật trước khi nói kinh này, tại sao Ngài không vào nói liền đi mà phải nói Kinh Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm? Có diệu chưa? Nói Kinh Vô Lượng Nghĩa, kinh đó là kinh gì? Rồi còn nhập định Vô Lượng Nghĩa xứ, chưa chịu nói Pháp Hoa, như vậy diệu không? Rồi Ngài phóng hào quang từ chạng mày soi thấu hết tất cả thế giới khắp nơi, ở trong đó hiện ra đủ chuyện, Ngài nói rằng những việc này, những chỗ này thật là khó thể mà nói hết được. Trí Xá Lợi Phất cộng lại như lúa, mè, tre, lau cũng không hiểu được nữa. Không thể suy hiểu được thì diệu không? Rồi tiếp tục về sau, Phật thuyết pháp như vậy đó, bỗng Bồ tát từ dưới đất vọt lên, vọt lên đầy khắp. Một tiếng tăng háng thì vang khắp cả đại thiên thế giới. Có thể dùng cái thức tình của thế gian này hiểu hết không? Chính là diệu đó, từ cái diệu này đến cái diệu khác là vi diệu!

Chữ “diệu” này, Ngài Trí Giả Đại sư ngày xưa, giảng một tuần lễ không hết. Như vậy hiện giờ mình làm sao nói hết đây? Làm sao nói cho hết chữ diệu này? Chính xác nhất là để dành lại một phần cho người bổ túc vào.

- **Pháp:** tức là bốn pháp, không gì khác. Bởi pháp nó có nhiều nghĩa, chỉ cho muôn sự muôn vật cũng là pháp, là những cái đối tượng, là chỗ duyên của tâm hiểu biết, của thức tình, như pháp trần là những cái bóng dáng còn đọng lại trong tâm, mình không sờ không mó được. Ví dụ như buổi sáng mình đi chợ rồi thấy cái gì đặc biệt đó, chiều về nhớ lại thì cái hình ảnh đó hiện ra trong đầu, đây cũng gọi là pháp, tức

pháp trần. Nhưng đó là những pháp sanh diệt, pháp bị duyên. Còn pháp ở đây chỉ cho cái bốn pháp, pháp sẵn có nơi chính mình, nói rõ là chỉ tâm thể hay Tri Kiến Phật. Bốn pháp này không có hình tướng, nên không có thể duyên để biết được, mà chính đó mới là DIỆU.

Cho nên mình thường nghe nói pháp, liền suy nghĩ để hiểu thì đó là lầm. Pháp ở đây không phải chỗ suy nghĩ hiểu được. Nếu suy nghĩ hiểu được thì ở sau Phật đâu nói: "Dùng trí tuệ như Ngài Xá Lợi Phất cộng lại, suy nghĩ cũng không thể biết được, rõ được chỗ này". Chứng Đạo Ca mới vào đầu là "Quân bất kiến": Anh thấy chẳng? Tại sao mới vào đầu chưa nói gì hết, chưa có câu nào, lại hỏi "Anh thấy chẳng?" Thấy gì đây? Đó là ý nghĩa rất sâu xa! Đó muốn chỉ cái sẵn có nơi mọi người, nó luôn luôn hiện hữu từ xưa đến giờ, chưa từng thiếu, chưa từng mất, cho nên muốn thấy nó là mê rồi. Thì đó là "diệu" chưa? Chưa nói gì hết hỏi anh thấy chẳng liền, còn nói thế này thế kia, nhiều khi người ta nghe theo lời nói đó mà suy nghĩ để hiểu, để thấy, thì hết diệu rồi. Bởi vậy tiếp theo mới nói là: "Tuyệt học vô vi nhân đạo nhân". Chỗ đó dứt học, không học hỏi gì được. Vô vi, là không tạo tác, không làm gì hết. Nhân đạo nhân, là đạo nhân nhân thôi, không có tu hành gì, nó sẵn như vậy rồi. Sau mới nói: "Bất ly đương xứ thường trạm nhiên. Mịch tức tri quân bất khả kiến" Bất ly đương xứ, là không có rời ngay chỗ này, mà luôn luôn nó trong sáng rõ ràng. Nhưng vừa tìm là biết anh chưa thấy, anh không thể thấy. Vì tìm là hướng ra ngoài rồi. Bởi vậy, mới vào đầu Thiên sư Huyền Giác liền đặt câu hỏi: "Anh thấy chẳng?"

Nếu nói theo Kinh Kim Cang thì phải nói là "Diệu pháp đó tức chẳng phải diệu pháp". Đó là nhấn

manh, nhân cái ngôn ngữ hay các lời đó, phải thấy trở lại nơi chính mình, vượt qua ngôn ngữ văn tự để trực nhận nó thẳng nơi tự tâm của mình, không qua trung gian suy nghĩ, như vậy mới thật sự thấy bốn pháp, chớ còn suy nghĩ được, đó cũng còn bóng dáng thứ hai thôi.

Đây dẫn câu chuyện cho người nghe nghiệm kỹ lại: Ông cư sĩ Phạm Xung, đến tham vấn với Thiền sư Mân. Khi đến đó, ông uống trà với Thiền sư Mân xong, ông mới thưa:

- Con nay sắp già rồi mà còn phải rơi vào con đường quan quyền, sang cả nên cách việc này hơi xa.

Ngài Viên Thông liền gọi:

- Nội Hàn!

Ông Phạm Xung liền: Dạ!

Ngài bảo:

- Có xa đâu!

Mình cứ nhìn ra ngoài nên thấy nó rất xa. Trong khi cái bốn pháp nó sẵn nơi mình, luôn luôn có mặt đây mà vì quên, tưởng như ở nơi nào, nhiều khi còn đi tìm nữa. Cho nên, ở đây Thiền sư Mân nhấn mạnh lại, chỉ gọi: Nội Hàn. Vừa gọi ông biết dạ rồi, như vậy có xa bao giờ đâu? Ngay khi gọi nó nếu ở xa thì khi gọi phải đợi một chút, nó từ từ ở đâu đi tới, vậy mới tạm gọi là xa được. Còn ở đây “mới gọi” thì “dạ liền”. Nó sẵn đó rồi, có xa bao giờ đâu!

Khi nghe như vậy, ông liền vui mừng, tức có chỗ cảm nhận, ông thưa:

- Xin thầy lập lại lời chỉ dạy (tức là chỉ dạy thêm).

Thiền sư Viên Thông mới bảo:

- Từ đây đến Hồng Đô có bốn lộ trình.

Cũng giống như mình nói từ đây đến Đơn Dương có mấy chục cây số.

Ngay khi đó ông đứng suy nghĩ, thì Ngài Viên Thông liền bảo:

- Thấy tức liền thấy, suy nghĩ liền sai.

Ngay đó ông tỉnh ngộ.

Thực sự, mình luôn luôn sống hiện hữu với cái chân thật đó. Ở chỗ nào, lúc nào nó cũng luôn luôn hiện hữu đó, có xa bao giờ đâu? Nó cách là còn thấy kẹt nơi “cái ngã” này. Có “ngã” nên cách xa.

Do đó, ở đây nhấn mạnh lại, cái bốn pháp đó chính là Tri Kiến Phật chứ không gì khác. Nó sẵn nơi mình, tại mình cứ tưởng đâu xa, không ngờ mình đang sống hằng ngày mà tự mê. Bởi vì sống hằng ngày nó quá gần, mình không ngờ nên tưởng xa. Khi chúng ta nghĩ xa rồi thì mình sanh tâm tưởng tượng. Nhiều khi tưởng tượng diễn tả thế này thế kia, mà càng diễn tả thì càng xa hơn nữa. Bởi vậy xưa có một vị Tăng hỏi Thiền sư Duy Gián:

- Thế nào là gia phong của Hòa thượng?

Gia phong là chỗ đặc sắc trong tông môn của Ngài.

Sư đáp:

- Lý thấu thì đến.

Chỗ đó không phải chỗ lý luận, thấu lý thì đến.

Ông Tăng hỏi:

- Như vậy thì làm sao mà lãnh hội được?

Sư đáp:

- Vẽ trĩ chẳng thành gà.

Vẽ con chim trĩ làm sao mà thành con gà được?

Càng muốn lãnh hội chừng nào thì càng cách xa chừng ấy thôi. Còn muốn lãnh hội là còn muốn diễn tả để hiểu. Nhiều khi chúng ta có cái tâm từ bi theo thế gian, nghe người ta không hiểu thì mình cũng chịu không nổi, phải diễn tả cho nó rõ ràng, nó rành rẽ thế

này thế kia cho hiểu, mà càng diễn tả chừng nào thì càng xa thêm nữa. Bởi vì, mỗi lần diễn tả là mỗi lần người ta nghe càng tưởng tượng thêm ra. Trong khi cái chân thật rất đơn giản, đơn giản đến mức không ngờ. Do đó các Thiên sư có đánh, có hét, hoặc nói chát tai là để mình bật hết suy nghĩ ra bên ngoài. Vậy ai thấy rõ Diệu Pháp chưa?

Đó là ý nghĩa Diệu Pháp.

- **Liên Hoa:** tức là hoa sen, là dụ, còn Diệu Pháp là chỉ cho Pháp. Bởi vì Pháp đó quá mâu nhiệm, không nghĩ bàn được, bây giờ làm sao cho người hiểu đây, nên tạm thí dụ hoa sen. Người khéo nhân đây thấy kia, nhân dụ này thấy lý kia, chớ không nên mắc kẹt mà phải thấy được ngoài cái dụ này. Đó cũng nhắc mình thấy được ý ngoài lời.

Bởi vì hoa sen có nhiều ý nghĩa, nhưng đây nhấn mạnh hai điểm:

*Hoa sen: nó từ bùn nhơ mà nhô lên, rồi nó tỏa hương mà không dính bùn, không bị bùn nhơ làm ô nhiễm. Cũng vậy, cái Tri Kiến Phật đó, ở trong phiền não chúng sanh đều có. Rõ Tri Kiến Phật này thì nó vốn xưa nay chưa từng nhiễm ô. Tuy ở trong phiền não mà vốn tự thanh tịnh. Nói như vậy có ai dám tin không? Nếu nghiệm kỹ thì thấy rõ, tất cả chúng ta luân hồi trong sanh tử này chừng bao lâu rồi? Mình vào trong vòng luân hồi này, Phật nói từ vô thủy, vô lượng kiếp không biết thời gian là bao lâu nữa. Trong suốt thời gian luân hồi đó cũng làm đủ thứ. Làm trời cũng có, làm quỷ cũng có, có khi xuống địa ngục, súc sanh..., tại sao bây giờ còn ngồi đây?

Cho thấy rõ, trong vòng luân hồi, trong vô thường sanh diệt đó, nó có cái không mất. Cho nên

hôm nay vẫn còn ngồi đây! Để tin rằng: trong đó có cái chân thật, gọi là Tri Kiến Phật, nó ở trong phiền não, sanh tử mà không bị ô nhiễm. Do đó, ai được đủ duyên tỏ ngộ thì liền nhận rõ, quả thực lâu nay mình bỏ rơi một cái thật là tự đáng thương vô cùng! Ngay khi đức Phật mới thành đạo, trong Kinh Hoa Nghiêm kể, Ngài liền la lên:

- Lạ thay! Lạ thay! Tất cả chúng sanh đều có đầy đủ đức tướng trí tuệ của Như Lai. Vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng được. Nếu lìa vọng tưởng thì trí thanh tịnh, trí tự nhiên, trí vô sư tự hiện tiền.

Còn như Ngài Lục Tổ khi đại ngộ thì Ngài la lên:

Đâu ngờ tự tánh xưa nay vốn thanh tịnh,

Đâu ngờ tự tánh xưa nay vốn không sanh diệt,

Đâu ngờ tự tánh xưa nay vốn tự đầy đủ.

Rõ ràng xưa nay nó không thiếu, nó cũng chưa từng sanh diệt, vốn tự thanh tịnh, nó ở trong phiền não của chúng sanh đây mà không bị nhiễm ô. Đó là ý nghĩa hoa sen từ bùn nhơ nhô lên tỏa hương thơm ngát, tức một ý nghĩa nhấn mạnh về Tri Kiến Phật, vốn tự thanh tịnh lìa nhiễm ô.

*Thứ hai: hoa sen nhân quả đồng thời. Có hoa sen là có gương, có gương là có sẵn quả trong đó. Hoa là nhân, gương là quả thì nhân quả đồng thời. Cũng như mình, có tâm tức có Phật, nhưng mê Tri Kiến Phật ẩn, ngộ thì hiện ra sáng tỏ tự bao giờ, chớ không phải mình ngộ nó mới có. Cho nên trong nhà Thiên có câu "Kiến tánh thành Phật". Kiến tánh là mình ngộ tự tánh mình hay đây là ngộ Tri Kiến Phật, thì liền rõ nó là sẵn đó rồi, vốn sẵn thành Phật rồi. Nhưng nó cũng còn có những vô minh, những tập khí điên đảo chưa sạch hết, mình phải gạn lọc cho hết đi thì tròn

sáng thành Phật, là thành cái sẵn có này thôi, không có gì khác. Gọi là nhân quả đồng thời, chứ không phải là do mình tạo ra mới có, từ nhân mà sanh ra quả không phải như vậy. Xưa, vua Tống Hiếu Tông hỏi Ngài Phật Chiêu nhân ngày Phật thành Đạo. Ông hỏi:

- Đức Thích Ca, sáu năm ở trong núi Tuyết tu hành khổ hạnh, rốt cuộc đó là thành cái gì?

Thiền sư Phật Chiêu đáp:

- Sẽ bảo bệ hạ đã quên.

Thành cái bệ hạ đã quên chứ không có gì khác. Tưởng đâu Phật khổ hạnh vậy đó, là thành được cái gì phi phạm ngoài sức tưởng tượng, nhưng không ngờ thành là thành cái “sẵn có tự bao giờ mình bỏ quên”. Cái đó là cái gì? - Tức là Tri Kiến Phật.

Cũng như Tuyết Phong đến chỗ Hoà thượng Đức Sơn thưa:

- Việc ở trong tông thừa từ trước con có phần chăng?

Hoà thượng Đức Sơn đánh cho một gậy, bảo:

- Nói cái gì?

Ngày đó Tuyết Phong bảo rằng Sư giống như cái thùng sơn lũng đáy, rỗng rang.

Hỏi cái việc trong tông thừa từ trước đến giờ con có phần chăng? Tức là nghi mình không có phần, nhưng mà cái đó có sẵn nơi mọi người, cho nên Ngài Đức Sơn chỉ đập cho một gậy và bảo: "Nói cái gì?". Ngày đó Tuyết Phong liền rỗng rang hết, không còn có cái gì để bám, để tìm cầu nữa, như thùng sơn lũng đáy.

Sau khi Sư ra giáo hoá, có vị Tăng hỏi:

- Hòa thượng ở chỗ Đức Sơn được cái gì mà trở về?

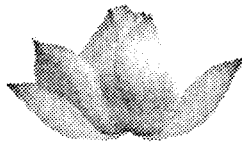
Ngài nói:

- Ta đi tay không, về tay không.

Cũng ngẫm ý nhận rõ cái Tri Kiến Phật này hay cái Diệu Pháp đó sẵn có đầy đủ nơi tự tâm của mỗi người, của chính mình. Bởi vì có tâm tức là có giác, do chúng sinh mê lầm không hay biết, cho nên Đức Phật mới ra đời thương xót, dùng đủ mọi phương tiện để đánh thức mình. Cũng như các Tổ ra đời, có khi dùng tiếng hét để đánh thức mình nhớ lại, tỉnh lại. Tóm lại, hoa sen là dụ cho cái Tri Kiến Phật sẵn có nơi chúng ta, dù ở nơi phiền não nhưng cũng không bị nhiễm ô. Ngay nơi đây tỏ sáng trở lại, là nó sẵn có đã thanh tịnh tự bao giờ, không phải do ai làm ra, cũng không phải do mình mới tu mà được.

Như vậy, ý nghĩa Diệu Pháp Liên Hoa đã giải rõ. Nhắc lại, đề kinh này dùng pháp và dụ lập đề. Diệu Pháp là pháp, còn Liên Hoa là dụ. Chính ngay đề đó đã ngẫm ý nghĩa sâu xa, nhắc chúng ta phải nhận cái này mà thấy được cái kia, không nên chấp bám vào cái phương tiện đó.

Vậy đề Kinh có thể dịch cho rõ ra là: Kinh Hoa Sen Diệu Pháp hay Kinh Hoa Sen Bốn Pháp Nhiệm Mầu. Ngay đề Kinh này thôi, nếu người lanh lợi một chút thì cũng mở cửa vào được rồi, khỏi phải đợi nói nhiều. Đây nhấn mạnh lại: **Cái Hoa Sen Diệu Pháp này, hiện giờ nó ở đâu? Làm sao thấy?** Tiếp vào phần chánh văn.



PHÂN CHÁNH VĂN

Trước khi vào chánh văn, nói qua về phần phân khoa của bộ Kinh này. Bộ Kinh này gồm có 28 phẩm. Phân khoa là chia ra nhiều phẩm theo sự sai biệt tùy với chỗ nhận của mỗi Ngài.

Từ xưa có vị phân làm nhân môn, quả môn. Nhân môn tức là nói về nhân; quả môn nói về quả. Lại có vị chia làm bốn đoạn sau:

- Thứ nhất, phẩm đầu là phẩm Tựa gọi là đoạn Tựa

- Thứ hai, từ phẩm Phương tiện đến phẩm An Lạc Hạnh. Đoạn này gọi là Khai Tam Hiển Nhất, tức là mở ba hiển một, là đưa Tam thừa trở về Nhất thừa.

- Thứ ba, từ phẩm Tùng Địa Dũng Xuất tới phẩm Công Đúc, là đoạn Khai Cận Hiển Viễn (mở gần hiển xa).

- Thứ tư, từ phẩm Như Lai Thọ Lượng cho đến hết. Đó là đoạn Lưu Thông.

Ngài Thiên Thai Trí Giả thì phân ra Bản môn và Tích môn.

- Bản, là chỉ cho sẵn có từ xưa, chỉ cho Phật bản địa, Phật lâu xa.

- Tích, là chỉ cho đức Phật từ bản địa lâu xa đó mà hiện ra dấu tích mới thành Phật gần đây, tức Phật Thích Ca mới thành ở Ấn Độ là Tích môn. Phật sẵn có tự bao giờ là Bản môn.

Mười bốn phẩm đầu là Tích môn, mười bốn phẩm sau là Bản môn. Phần Tích môn chia phần tự, phần chánh văn, phần lưu thông.

Ở đây chúng ta chia theo Ngài Hám Sơn đơn giản hơn. Ngài Hám Sơn chia ra ba phần là phần tựa, phần chánh tông và phần lưu thông.

Phần tựa gọi là phẩm Tựa.

Phần chánh tông gồm 27 phẩm sau, trong đó chia ra làm bốn phần:

- Phần một: từ phẩm Phương tiện đến phẩm Pháp sư, gồm 9 phẩm đầu gọi là Khai Tri Kiến Phật. Tức mở bày cho người nhận hiểu nơi mình có đầy đủ Tri Kiến Phật.

- Phần hai: chỉ một phẩm Hiện Bảo Tháp, gọi là Thị Tri Kiến Phật, tức chỉ bày Tri Kiến Phật.

- Phần ba: từ phẩm Đề Bà Đạt Đa đến phẩm Chúc Lụy, gồm 11 phẩm. Đó gọi là Ngộ Tri Kiến Phật.

- Phần bốn: từ phẩm Dược Vương Bồ Sĩ đến phẩm Phổ Hiền, gồm 6 phẩm, gọi là Nhập Tri Kiến Phật.

Ngài nói rõ phần **Khai - Thị - Ngộ** đó thuộc về phần Tín giải, tức tin hiểu tỏ sáng. Phần **Nhập** là phần hành chứng, là chứng nghiệm. Đó là nói phần chánh văn.

Phần lưu thông: gồm mấy câu cuối của phẩm Phổ Hiền là "Tất cả đại chúng trong hội nghe Kinh này đều rất vui thọ trì lời Phật, làm lễ mà đi".

Đó là lược qua phần phân khoa. Bây giờ vào chánh văn.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA



1 PHẨM TỰA

CHÁNH VĂN:

1. Tôi nghe như thế này: Một thuở nọ đức Phật ở trong núi Kỳ Xà Quật, nơi thành Vương Xá, cùng chúng đại Tỳ kheo một muôn hai nghìn người câu hội. Các vị đó đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết, không còn phiền não, việc lợi mình đã xong, dứt sự ràng rịt trong các cõi, tâm được tự tại. Tên của các vị đó là: A Nhã Kiều Trần Như, Ma Ha Ca Diếp, Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp, Đà Gia Ca Diếp, Nan Đề Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Chiên Diên, A Nậu Lâu Đà, Kiếp Tân Na, Kiều Phạm Ba Đề, Ly Bà Đa, Tất Lãng Già Bà Ta, Bạc Câu La, Ma Ha Câu Si La, Nan Đà, Tôn Đà La Nan Đà, Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử, Tu Bồ Đề, A Nan, La Hầu La v.v... Đó là

những vị đại A la hán, hàng tri thức của chúng.

Lại có bậc hữu học và vô học hai nghìn người. Bà Tỳ kheo ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề, cùng với quyến thuộc sáu nghìn người câu hội, mẹ của La Hầu La là bà Tỳ kheo ni Gia Thâu Đà La cũng cùng với quyến thuộc câu hội.

GIẢNG:

Đây là phần lục chủng chứng tín, hay lục chủng thành tựu, phần này còn dài. Ở đây giải trước phần đầu này.

***Tôi nghe:** gọi là Văn thành tựu. Tức là chỉ cho Ngài A Nan, Ngài nghe.

A Nan là một vị đa văn đệ nhất, dịch là Khánh Hỷ, Ngài là em chú bác với Phật. Sử chép Ngài A nan có dung mạo rất là đẹp đẽ, mặt như trắng tròn, mắt như sen xanh, thân như gương sáng. Ở trong hàng đệ tử lớn của Phật Ngài A Nan đặc biệt từ trước tới sau đều được mọi người kính mến. Theo kinh luận xưa nói có ba vị A Nan là:

1. A Nan Đà: dịch là Khánh Hỷ, Hoan Hỷ.
2. A Nan Bạt Đà: dịch là Hoan Hỷ Hiền.
3. A Nan Bà Già: gọi là Hoan Hỷ Hải.

Theo bộ luận xưa và theo Kinh Niết Bàn, Ngài A Nan có đủ tám pháp:

Tín căn kiên cố: Nghe qua 12 bộ kinh, Ngài liên tin nhận vững chắc và hay sanh được tất cả pháp lành.

Tâm chất trực ngay thẳng: tâm Ngài ngay thẳng chân thật. Nghe rồi thì y chánh pháp mà tin thôi, luôn luôn lia tà kiến hư vọng.

Thân không bệnh khổ: Ngài được phước thân không bệnh khổ.

Siêng năng tinh tấn: Ngài thường siêng năng tinh tấn.

Đầy đủ niệm tâm: Nghe rồi tâm nhớ nghĩ không quên.

Tâm không kiêu mạn: Ngài tuy được đa văn nhưng không kiêu mạn.

Thành tựu định ý: tất nhiên nghe rồi y pháp tu nhiếp tâm, thành tựu được thiền định.

Từ nghe mà sanh trí: tức là Ngài nghe những nghĩa thú vô lượng, khiến sanh được những trí tuệ sáng thêm, đều rõ thấu được tất cả.

Phần này gọi là phần Văn thành tựu.

***Như thế này:** là Tín thành tựu, chỉ cho pháp được nói ra.

***Một thuở nọ:** Là thời thành tựu. Nghe nói, nói cái gì? - Tức nói Pháp Hoa này. Nói ở đâu? Lúc nào? Ở đây nói một thuở thôi, không nói lúc đó là lúc nào. Bởi vì thời gian xưa tới nay là cách xa, thứ hai từ Ấn Độ qua Trung Hoa lịch số xưa có sai biệt. Do đó trên đây nói một thuở vậy thôi.

***Đức Phật:** là chủ thành tựu.

***Ở trong núi Kỳ Xà Quật, nơi thành Vương Xá:** là xứ thành tựu, tức là chỗ nơi nói ở đâu.

Núi Kỳ Xà Quật: Dịch là Linh Thú, nói gọn là Linh Sơn. Núi này nằm ở Đông Bắc thành Vương Xá, nước Ma Kiệt Đề hoặc Ma Kiệt Đà. Bởi vì núi này phần đỉnh giống như đầu con chim thú, cho nên gọi là Linh Thú. Ở đây còn có ý nghĩa là núi này phía nam có rừng gọi là rừng Thi Đà, nơi đây dùng để bỏ thầy người chết. Bởi vậy các vị Tỳ kheo khi quán bất tịnh thường vào đây quán. Vườn này bỏ thầy chết nên chim thú thường đến đây ăn xong rồi bay đậu trên

núi này, nên cũng gọi là Linh Thứu. Ngài Trí Giả nói núi này có năm ngôi tinh xá là:

Tinh xá Thiên Chủ Huyệt

Tinh xá Thất Diệp Huyệt

Tinh xá Xà Thần Sơn

Tinh xá Thiếu Độc Lục Sơn

Tinh xá Kỳ Xà Quật Sơn

Thành Vương Xá: tên tiếng Phạn gọi là La Duyệt Kỳ. Đây là thủ đô của nước Ma Kiệt Đà. Thành này lúc đương thời do Vua Bình Sa Vương trị vì, sau đó là Vua A Xà Thế, hiện nay vẫn còn nền cũ ở bên phía nam của thành phố vùng Trung du sông Hằng. Đó là một trong những trung tâm truyền giáo của đức Phật ngày xưa. Là chỗ thịnh hành nhất của Phật giáo trong thời đức Phật.

Theo bộ Đại Đường Tây Vực Ký, trong vùng phụ cận này có hai suối nước nóng, có tháp hàng phục voi say. Khi Vua A Xà Thế thả voi say đến đạp Phật, được Phật hàng phục, cho nên có tháp đó. Có thất đá Tát-bát-la, thất đá của Đề Bà Đạt Đa nhập định. Có tháp của Tỳ kheo tự sát chết, có tháp xá lợi Phật, tháp xá lợi nửa thân của Ngài A Nan, có trụ đá của Vua A Dục. Đây là nói qua về xứ thành tự.

***Chúng thành tự:** rất dài, trước là các vị đại Tỳ kheo một muôn hai nghìn người câu hội, tên các vị đó là: A Nhã Kiều Trần Như, Ma Ha Ca Diếp... La Hầu La. Đó là những vị đại A la hán hàng tri thức của chúng. Lại các bậc hữu học và vô học, các Tỳ kheo, các bậc đại Bồ Tát như Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Đạo Sư Bồ Tát. Sau đó đến Thiên Long Bát Bộ, Thích Đề Hoàn Nhơn cùng quyến thuộc, Minh Nguyệt Thiên Tử... Bửu Quang Thiên Tử, Tự Tại Thiên Tử, Đại Tự Tại Thiên

Tử, chủ cõi Ta bà như Phạm Thiên Vương v.v... Có tám vị Long Vương, bốn vị A Tu La Vương, bốn vị Ca Lô La Vương, cuối cùng là vua A Xà Thế cùng trăm nghìn quyến thuộc khác cùng câu hội.

A Nhã Kiều Trần Như: đây là một trong năm vị Tỳ kheo Phật độ đầu tiên ở vườn Lộc Dã. Kiều Trần Như là họ, dịch là Hỏa khí, thuộc dòng Bà la môn. A Nhã là tên, dịch là Liễu Giải hoặc Dĩ Tri hay Sơ Tri, còn gọi là Vô Trí. Là vị khi Phật giảng về Tứ Đế, Phật hỏi: "Ai hiểu chưa?" thì Ngài là người hiểu đầu tiên. Ở trong hàng đệ tử Phật, Ngài là một Trưởng lão có tuổi hạ cao nhất.

Năm vị Tỳ kheo đầu tiên là:

- Ngài A Nhã Kiều Trần Như.
- Ngài Bạt Đà La, có khi gọi là Ba Đề.
- Ngài Thập Lực Ca Diếp.
- Ngài Bà Sáp Ba.
- Ngài A Thấp Ba Thệ.

Ma Ha Ca Diếp: tức là Ngài Đại Ca Diếp, vì Ca Diếp có nhiều vị. Trung Hoa dịch là Quy Thị hay Âm Quang, vì Ngài có thân sáng chói. Tên của Ngài là Tất Bát La, do khi xưa mẹ ngài cầu nơi thọ thân Tất Bát La mà sinh ra nên lấy đó đặt tên. Ngài là vị tu hạnh đầu đà bậc nhất.

Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp, Già Da Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp: là ba anh em Ca Diếp, gọi là tam Ca Diếp.

Ưu Lô Tần Loa: dịch là Mộc Qua Lâm, là anh của hai vị Ca Diếp kia và cũng là thầy của Vua Bình Sa Vương. Ngài ban đầu tu theo ngoại đạo có 500 đệ tử, tự cho mình đã đắc A La Hán rồi, cho nên khi Phật muốn hóa độ Ngài thì Phật dùng thân thông để độ, nhưng Ngài cứ bảo rằng:

- Tuy là Phật có thần thông như vậy nhưng cũng chẳng bằng ta, vì ta đã đắc A La Hán rồi.

Cuối cùng Phật mới bảo:

- Ông chẳng phải A La Hán, chẳng có được Đạo.

Khi đó ông mới giật mình, sau đó Phật khai thị và Ngài được khai ngộ theo Phật, dẫn thêm 500 đệ tử của Ngài theo luôn. Kế đó hai người em là Già Da Ca Diếp và Na Đề Ca Diếp nghe anh đã theo Phật, trở về cũng theo Phật luôn. Ngài hay cung cấp tứ sự cho tứ chúng, là bậc nhất.

Na Đề: là Hà hay Giang. Ngài tâm ý lặng lẽ, hàng phục hết những kiết sử, tu hành rất là tinh tiến bậc nhất.

Già Da: là Tượng thành. Ngài quán rõ các pháp tất cả đều không. Không có chấp trước và cũng khéo hay giáo hóa bậc nhất.

Xá Lợi Phất: nói đủ là Xá Lợi Phất Ca, dịch là Thân Tử hay Thu Lộ Tử. Đó là vị có trí tuệ bậc nhất, có khi gọi là Xá Lợi Tử như trong Tâm kinh. Mẹ Ngài là con gái vị Luận sư Bà la môn ở thành Vương Xá. Khi còn ở trong bụng mẹ, Ngài đã giúp mẹ biện luận hơn hẳn tất cả mọi người.

Đại Mục Kiền Liên: Mục Kiền Liên là họ, dịch là Tán Tụng. Tên riêng là Câu Luật Đà dịch là Thiên Bao, cũng thuộc dòng Bà la môn, ở thôn Câu Luật Đà. Ngài với Ngài Xá Lợi Phất là hai người bạn thân từ nhỏ. Trước khi theo Phật thì Ngài theo ông San Xà Dạ, sau khi Ngài Xá Lợi Phất quy y Phật thì Ngài cũng theo Phật và Ngài đắc được thần thông bậc nhất. Đó là hai vị đại đệ tử của Phật.

Ma Ha Ca Chiên Diên: dịch là Đại Tiên, cũng dịch là Chung Nam, ở xứ A Bàn Đề miền Tây Ấn Độ.

Trước Ngài theo tu học với Tiên A Tư Đà (ông Tư Đà coi cho Thái tử Tất Đạt Đa khi mới sinh ra). Sau khi Tiên A Tư Đà mất có dặn lại Ngài hãy đến lễ Thế Tôn để thờ làm thầy. Cho nên sau đó Ngài đến và theo Phật. Ngài là vị Luận nghị bậc nhất.

A Nậu Lâu Đà: có chỗ gọi là A Na Luật, dịch là Vô Bần hay Như Ý, là vị Thiên nhân bậc nhất, con của vị Cam Lộ Phạn Vương, là anh em chú bác với đức Thế Tôn. Ngài xuất gia cùng một lúc với các Ngài A Nan, Ngài Nan Đà, ngài Ưu Ba Ly v.v...

Kiếp Tân Na: dịch là Phòng Túc, do cha mẹ của Ngài cầu ngôi sao Phòng rồi cảm sanh ra. Lúc đầu Ngài xuất gia nhưng chưa có gặp Phật. Nghe nói Phật thì Ngài hướng về Phật, trong đêm đó gặp trời mưa, cho nên Ngài nghỉ tạm trong phòng của một người thợ gốm, lấy cỏ làm tòa. Sau đó cũng có một vị Tỳ kheo vào đó để nghỉ tạm. Ngài mới lấy tòa cỏ của mình nhường cho vị Tỳ kheo đến sau. Chính Ngài thì ngồi dưới đất, trong đêm đó Ngài hỏi han. Vị Tỳ kheo sau mới hỏi Ngài:

- Vậy chứ ông muốn đi đâu?

Ngài thưa:

- Muốn đi tìm Phật.

Vị Tỳ kheo sau mới vì Ngài mà thuyết pháp. Thuyết pháp xong thì Ngài hoá nhiên đắc đạo. Lúc đó vị Tỳ kheo sau mới hiện hình ra chính là đức Phật hiện đến độ Ngài, ở chung một phòng với đức Phật mà không hay.

Kiều Phạm Ba Đề: dịch là Ngưu Tích hay Ngưu Tư. Do quả báo của kiếp trước, thường sau khi ăn xong thì cái miệng của Ngài hay nhơ nhời như trâu nhơ Ngài được Tôn giả Xá Lợi Phất dẫn dắt tu chứng được

A La Hán. Phật sợ Ngài ở thế gian mọi người thấy vậy chê bai sẽ bị đọa, cho nên Phật bảo Ngài hãy lên cung trời mà ở. Do đó Ngài thường lên cung trời ở. Khi Phật nhập diệt, các vị kết tập kinh điển thì Tôn giả Ca Diếp cho người lên cung trời thỉnh Ngài, lúc đó Ngài mới hay Phật nhập diệt rồi. Nhưng sau đó Ngài cũng không có xuống mà ở trên đó Ngài nhập diệt luôn.

Ly Bà Đa: dịch là Ly Việt hoặc Thường Tác Thanh, Giả Hòa Hợp. Ngài là em của Tôn giả Xá Lợi Phất. Cha mẹ của Ngài cầu sao Ly Bà Đa mà sanh ra. Ngài có lúc gặp mưa vào nghỉ ở một đền thờ Thần, gặp một con quỷ vác cây chết vô trước, còn một con đi sau. Hai con giành nhau cây chết, con nào cũng nói cây chết là của nó, hai con nhờ Ngài phân xử xem của ai. Ngài nghĩ rằng, bây giờ mà nói dối thì cũng chết, vì con nào cũng là quỷ, thôi chi bằng nói thật. Ngài mới chỉ con quỷ vô trước nói là của con quỷ này. Con quỷ sau tức giận nó bèn bứt tay, bứt chân của Ngài. Con quỷ trước thấy vậy cảm thương, nó bèn lấy tay, chân của cây chết ráp vào cho Ngài. Cuối cùng, hai con lấy những phần bứt ra ngoài cùng chia nhau ăn. Lúc này Ngài mới suy nghĩ: "vậy thì thân này là của ai đây?" Vì tay chân của Ngài bị chúng bứt đi, rồi lấy tay chân của cây chết ráp vô, vậy thân này là của ai? Lúc này Ngài mới cảm nhận được thân người là hư huyền không thật, nó không phải là của ta gì hết. Vì vậy khi đến chỗ đức Phật nghe nói lý bốn đại hòa hợp, thì Ngài cảm nhận được và xin xuất gia tu chứng A La Hán.

Tất Lãng Già Bà Ta: dịch là Dư Tập. Ngài có dư tập kiêu mạn 500 đời làm Bà la môn. Có lần Ngài đi ngang qua sông Hằng, nước lúc đó chảy xiết Ngài không qua được, Ngài mới kêu Thần sông Hằng và bảo:

- Này con tiểu tỳ, hãy dừng dòng chảy để cho ta đi qua.

Sau đó Thần sông Hằng đi đến thưa với Phật:

- Đệ tử của Ngài mừng tôi.

Phật kêu Ngài xin lỗi. Nghe lời Phật, Ngài đến chấp tay lại xin lỗi và nói:

- Con tiểu tỳ, thôi chớ giận.

Các vị Tỳ kheo nghe Ngài nói vậy đều cười, vì nói xin lỗi mà như mắng người ta. Phật mới dạy: Đây là do tập khí kiêu mạn nhiều đời của Ngài khi làm Bà la môn đó thôi, chứ sự thật thì Ngài không có tâm kiêu mạn.

Bạc Câu La: dịch là Thiện Dung hoặc là Vĩ Hình. Lúc nhỏ bà mẹ kế ghét Ngài, tìm cách giết hại Ngài đến năm lần nhưng không giết được, bởi vì đây là kiếp chót của Ngài sẽ chứng quả A-La-Hán. Sau cùng Ngài gặp Phật và tu đắc đạo. Đặc biệt Ngài sống đến 160 tuổi, được phước là thân không có bệnh. Ngài được gọi là trường thọ bậc nhất.

Ma Ha Câu Si La: dịch là Đại-Tất, có chỗ gọi là Trường Trảo Phạm Chí, là cậu của Ngài Xá Lợi Phất.

Nan Đà: dịch là Hoan Hỷ, là em khác mẹ với đức Thế Tôn, nhưng để phân biệt với Ngài Mục Ngưu Nan Đà cho nên gọi là Tôn Đà La Nan Đà. Tôn Đà La là tên của người vợ sắp cưới. Theo trong sử cũng có một vị tên là Tôn Đà La Nan Đà là con của một vị đại thương chủ. Nan Đà có nhiều vị, ở đây có hai vị là Nan Đà và Tôn Đà La Nan Đà.

Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử: dịch là Mãn Từ Tử, đây là con một vị Quốc Sư của Vua Tịnh Phạn, cũng thuộc dòng Bà la môn. Trước Ngài cùng 30 người bạn vào trong núi Tuyết tu đắc được tứ thiên và đắc được cả ngũ thông, nhưng chưa đắc được lậu tận thông,

chưa được giải thoát. Sau theo Phật chứng được A La Hán, là vị thuyết pháp bậc nhất.

Tu Bồ Đề: gọi là Không Sanh. Ngài là vị Giải Không bậc nhất (học trong Kinh Kim Cang).

A Nan: là vị thị giả của Phật, Ngài là vị đa văn bậc nhất.

La Hầu La: còn gọi là La Vân, dịch là Phú Chương vì Ngài ở trong bụng mẹ sáu năm. Ngài là một vị Sa di đầu tiên trong Phật Pháp, là một vị Mật hạnh bậc nhất.

Đó là những vị đại A La Hán. Còn những bậc hữu học và vô học là những vị nào?

Hữu học: chỉ cho những bậc Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm và A Na Hàm, bởi vì chưa hoàn toàn sạch hết lậu.

Vô học: phải chứng A La Hán, đã sạch hết phiền não lậu tận, được giải thoát, cho nên gọi là Vô học.

Hàng Tỳ kheo Ni, đó là:

Bà Tỳ kheo Ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề: dịch là Đại Ái Đạo, có chỗ gọi là Kiều Đàm Di, chúng chủ Ni, bà là di mẫu của đức Thế Tôn.

Bà Tỳ kheo Ni Gia Thân Đà La: là mẹ của La Hầu La, dịch là Hoa Sắc hay Danh Văn, cùng với quyến thuộc đồng câu hội trong đây. Đó là nói chung tất cả chúng Thanh Văn. Ở đây đặt hàng Thanh Văn trước, bởi vì hàng Thanh Văn là hàng đương cơ, dẫn hàng Thanh Văn tức hàng Nhị thừa để trở về nơi Nhất Phật Thừa. Kế đến mới nói hàng Bồ Tát.

CHÁNH VĂN:

2. Bậc đại Bồ tát tám muôn người đều không thối chuyển ở nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều chứng đặng pháp Đà La

Ni, nhạo thuyết biện tài, chuyển nói pháp luân bất thối chuyển, từng cúng dường vô lượng trăm nghìn chư Phật, ở nơi các đức Phật trồng các cội công đức. Thường được các Phật ngợi khen, dùng đức từ để tu thân, khéo chứng trí tuệ của Phật, thông đạt đại trí đến nơi bờ kia, danh đồn khắp vô lượng thế giới, có thể độ vô số trăm nghìn chúng sanh.

Tên của các vị đó là: Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, Quán Thế Âm Bồ tát, Đắc Đại Thế Bồ tát, Thường Tinh Tấn Bồ tát, Bất Hư Túc Bồ tát, Bửu Chưởng Bồ tát, Dục Vương Bồ tát, Đồng Thí Bồ tát, Bửu Nguyệt Bồ tát, Nguyệt Quang Bồ tát, Mãn Nguyệt Bồ tát, Đại Lực Bồ tát, Vô Lượng Lực Bồ tát, Việt Tam Giới Bồ tát, Bạt Đà Bà La Bồ tát, Di Lạc Bồ tát, Bửu Tích Bồ tát, Đạo Sư Bồ tát v.v... Các vị đại Bồ tát như thế tám muôn người câu hội.

GIẢNG:

Đây nói về các vị Bồ tát thuộc hàng đại Bồ tát chớ không phải thường, trong đó tám muôn người đều là bất thối chuyển ở nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bồ tát bất thối có ba hạng:

1. **Vị bất thối:** chỉ Bồ tát hàng thất trụ. Thất trụ trong thập trụ, không còn thối chuyển trở lại Nhị thừa nữa, nên gọi bất thối, là vị bất thối.

2. **Hạng bất thối:** là Bồ tát thuộc hàng thất địa thì tu hành không còn thối chuyển nữa.

3. **Niệm bất thối:** là Bồ tát thuộc hàng bát địa. Đến hạng này không cần khắc ý tinh tấn gì nhưng tự

nhiên cũng có thể tiến đạo hết, luôn luôn là được vô công dụng đạo. Đó là những hàng Bồ tát bất thối.

Đà La Ni: dịch là tổng trì, là gom giữ không để sót mất. Những vị này được sức niệm huệ, nghe rồi ghi nhớ không quên.

Nhạo thuyết biện tài: là một trong bốn pháp biện tài vô ngại:

1. Pháp vô ngại: đối với những văn cú văn chương, pháp mà mình đã lãnh ngộ đó, quyết đoán không có ngại. Tức là những pháp về văn cú, về văn chương đều tinh thông.

2. Nghĩa vô ngại: là tinh thông những nghĩa lý của pháp đã nêu bày, quyết đoán rõ ràng không ngần ngại.

3. Từ vô ngại: là tinh thông mọi thứ ngôn ngữ, ngôn từ của địa phương.

4. Biện tài vô ngại: hay gọi là nhạo thuyết biện tài. Đây là tùy thuận chánh lý tỏ bày được vô ngại. Tùy theo chỗ mong muốn của mọi người, của đối phương mà nói ra đều được tự tại.

Đó là bốn pháp biện tài vô ngại. Những vị này là những vị Bồ tát lớn nên được những công đức khác thường, từng cúng dường vô lượng chư Phật, ở nơi các đức Phật trông các cội công đức. Những vị này cũng thường được các Phật ngợi khen dùng đức từ để tu thân, khéo chứng trí tuệ Phật, thông đạt đại trí đến nơi bờ kia, đánh đồn khắp vô lượng thế giới, độ vô số trăm nghìn chúng sanh.... Hàng Thanh Văn dẫn trước tiên, kế hàng Bồ tát, thuộc điểm chính của Kinh nhắm nên ở giữa, sau đây mới tới các vị Trời rồng Bát bộ.

CHÁNH VĂN:

3. Lúc bảy giờ, Thích Đề Hoàn Nhân cùng quyển thuộc hai muôn vị thiên tử câu hội.

Lại có Minh Nguyệt thiên tử, Phổ Hương thiên tử, Bửu Quang thiên tử, bốn vị Đại Thiên Vương cùng với quyển thuộc một muôn thiên tử câu hội. Tự Tại thiên tử, Đại Tự tại thiên tử cùng với quyển thuộc ba vạn thiên tử câu hội.

Chủ cõi Ta bà: Phạm Thiên Vương, Thi Khí Đại Phạm, Quang Minh Đại Phạm v.v... cùng với quyển thuộc một muôn hai nghìn vị thiên tử câu hội.

Có tám vị Long Vương: Nan Đà Long Vương, Bạt Nan Đà Long Vương, Ta Đà La Long Vương, Hoà Tu Kiết Long Vương, Đức Xoa Ca Long Vương, A Na Bà Đạt Đa Long Vương, Ma Na Tư Long Vương, Ưu Bát La Long Vương v.v... đều cùng bao nhiêu trăm nghìn quyển thuộc câu hội.

Có bốn vị Khẩn Na La Vương: Pháp Khẩn Na La Vương, Diệu Pháp Khẩn Na La Vương, Đại Pháp Khẩn Na La Vương, Trì Pháp Khẩn Na La Vương, đều cùng bao nhiêu trăm nghìn quyển thuộc câu hội.

Có bốn vị Càn Thát Bà Vương: Nhạc Càn Thát Bà Vương, Nhạc Âm Càn Thát Bà Vương, Mỹ Càn Thát Bà Vương, Mỹ Âm Càn Thát Bà Vương đều cùng bao nhiêu trăm nghìn quyển thuộc câu hội.

Có bốn vị A Tu La Vương: Bà Trĩ A Tu La Vương, Khư La Khiên Đà A Tu La Vương, Tỳ Ma Chát Đa La A Tu La Vương, La Hầu A Tu La

Vương, đều cùng bao nhiêu trăm nghìn quyển thuộc câu hội.

Có bốn vị Ca Lâu La Vương: Đại Oai Đức Ca Lâu La Vương, Đại Thân Ca Lâu La Vương, Đại Mãn Ca Lâu La Vương, Như Ý Ca Lâu La Vương đều cùng bao nhiêu trăm nghìn quyển thuộc câu hội.

Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy cùng bao nhiêu trăm nghìn quyển thuộc câu hội.

Cả chúng đều lễ chân Phật, lui ngòi một phía.

GIẢNG:

Thích Đề Hoàn Nhơn: là Đế Thích, Vua cõi trời Đao Lợi thuộc Dục giới.

Minh Nguyệt thiên tử, Phổ Hương thiên tử, Bửu Quang thiên tử: là những vị thuộc nội thần của trời Đế Thích.

Bốn vị Đại Thiên Vương: thuộc ngoại tướng bên ngoài của trời Đế Thích.

Tự Tại thiên tử: là vị thiên tử của cõi trời Hoá lạc.

Đại Tự Tại thiên tử: là vị Thiên chủ của cõi trời Tha Hoá Tự Tại.

Đây là những vị Trời thuộc về Dục giới.

Chủ cõi Ta bà: Phạm Thiên Vương, Thi Khí Đại Phạm, Quang Minh Đại Phạm: là những vị thuộc cõi trời Sắc giới.

- Thi Khí Đại Phạm là vị Thiên chủ của cõi Sơ thiên.

- Quang Minh Đại Phạm là vị Thiên chủ của cõi

Nhi thiên.

Tám vị Long Vương: Nan Đà Long Vương... là rồng, thuộc Long thần bát bộ.

Bốn vị Khẩn Na La Vương, Pháp Khẩn Na La Vương... là thần ca hát của trời Đế Thích, hình dáng giống như người mà không phải người vì trên đầu có sừng, còn gọi là phi nhân. Đây là thần ca hát.

Bốn vị Càn Thất Bà Vương: Nhạc Càn Thất Bà Vương... dịch là Hương âm, trên người phát ra mùi thơm. Đây là các vị thần đánh nhạc cho trời.

Bốn vị A Tu La Vương: Bà Trì A Tu La Vương... dịch là Phi thiên, có phước như trời nhưng đức không bằng cõi trời. Đây là tâm hay đấu tranh nên sanh vào loài A Tu La, loài này thường hay đấu tranh dữ lắm. Cho nên Phật tử tu phước nhưng phải bớt tâm đấu tranh, nóng nảy, chứ không khéo tuy tu có phước nhưng sanh vào mấy loài này thì cũng không tốt.

Bốn vị Ca Lâu La Vương: Đại Oai Đức Ca Lâu La Vương... đây là thần Kim xí điều. Còn Ma Hầu La Già là thần đại mãng xà. Đó là Thiên long bát bộ hộ pháp.

Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy cùng bao nhiêu trăm nghìn quyến thuộc cầu hội.

Cả chúng đều lễ chân Phật, lui ngồi một phía.

Đó gọi là **Chúng thành tựu**. Vậy trong hội Pháp Hoa này có mặt đầy đủ Thiên long bát bộ, Bồ tát, Thanh văn. Cuối cùng Vua A Xà Thế cũng có mặt. Đó là điều đánh thức cho mọi người có đủ niềm tin, Vua A Xà Thế là người có tội giết cha, thuộc tội ngũ nghịch mà cũng được dự trong hội Pháp Hoa. Giống như ông cha sắp phó chúc bàn giao sự nghiệp, cũng vậy ở kinh Pháp Hoa này Phật muốn nói rõ cái bản hoài ra đời của các đức Phật, cho nên nhóm họp hết. Bản hoài đó là gì?

Đó là Ngài muốn mở bày Tri Kiến Phật cho mọi

người ngộ nhập, khiến tất cả tin nhận ai ai cũng có khả năng thành Phật, hoặc duyên gần hoặc duyên xa. Cho nên ở đây các vị Thanh văn là chúng đương cơ được Phật thọ ký trong hội này, còn chúng Bồ tát là người chính để tiến thành Phật, và các vị như Trời, Rồng, người là chúng kết duyên, cũng đều được kết duyên với Pháp Hoa hết, không bỏ sót ai.

Phần này gọi là phần Thông Tự, là phần tựa chung của các Kinh. Kế đây mới nói tựa riêng của Kinh Pháp Hoa.

CHÁNH VĂN:

4. Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn, hàng Tứ chúng vây quanh cúng dường, cung kính ngợi khen tôn trọng, vì các vị Bồ tát mà nói Kinh Đại thừa tên là "Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm".

Nói Kinh này xong, đức Phật ngồi xếp bằng nhập vào chánh định "Vô Lượng Nghĩa Xứ", thân và tâm của Phật đều không lay động.

Khi đó trời mưa hoa Mạn đà la, hoa Ma ha mạn đà la, hoa Mạn thù sa, hoa Ma ha mạn thù sa để rải trên đức Phật cùng hàng đại chúng, khắp cõi Phật sáu diệu vang động.

Lúc bảy giờ trong chúng hội, các hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Cận sự nam, Cận sự nữ, Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Nhơn, Phi nhơn và các Tiểu Vương cùng Chuyển Luân Thánh Vương, các đại chúng ấy đều đặng thấy việc chưa từng có, vui mừng chấp tay một lòng nhìn Phật.

GIẢNG:

Tựa riêng của Kinh Pháp Hoa là nguyên do phát khởi Kinh này. Như vậy trước khi nói Kinh Pháp Hoa đức Phật nói Kinh "Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm".

Kinh Vô Lượng Nghĩa là nghĩa vô lượng không có lường nổi, là pháp giáo hóa chỉ dạy cho hàng Bồ tát, là chỗ Phật thường hộ niệm, thường giữ gìn. Tại sao nói Kinh Pháp Hoa không nói thẳng đi, lại nói Kinh Vô Lượng Nghĩa trước, có ý nghĩa gì? Mà Kinh gì là Kinh Vô Lượng Nghĩa? Trong tạng Kinh cũng có bài Kinh Vô Lượng Nghĩa ngắn gọn do Ngài Đàm Ma Già Đà Da Xá thời Nam triều dịch khoảng năm 481, Kinh này nói: "Phiền não của chúng sanh vô lượng, cho nên Phật nói pháp cũng là vô lượng. Vì nói pháp vô lượng nên nghĩa cũng vô lượng, cái vô lượng nghĩa đó vốn sanh từ một pháp, pháp đó là vô tướng". Đó là ý bài kinh Vô Lượng Nghĩa, nhưng ở đây kinh này nói đủ là Kinh Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm, mà không kể bài kinh đó ra, chỉ nêu tựa thôi. Đây là một ý ngầm chỉ chỗ nghĩa vô lượng, thì làm sao nói hết, làm sao nghĩ cho cùng, nghĩ cho đến. Như vậy ngay tên đó muốn nhấn nhủ mình cái gì?

Tức muốn nghe Kinh Pháp Hoa phải khéo nghe ngoài lời nói, nghe ngoài cái tình thức suy tư, cho nên trước khi nói Pháp Hoa Phật nói Kinh Vô Lượng Nghĩa. Bởi vì, nếu dùng ngôn ngữ nói được hết, dùng tình thức mà suy nghĩ đến thì nó thuộc về hữu hạn, chứ đâu thành vô lượng. Mà đã là vô lượng nghĩa thì có chỗ nào thiếu không? Nghĩa vô lượng là hiển bày khắp chỗ, chỗ nào cũng có, không có tính kể, gió thổi, lá rụng, sum la

vạn tượng đầy đủ. Vậy thì cái gì cũng đang diễn bày cái nghĩa vô lượng đó hết, đâu có thiếu. Cần gì phải mở miệng nói. Do đó có vị Tăng hỏi Thiên sư Duy Chánh:

- Thầy là Thiên sư, sao thầy không nói thiên?

Thiên sư bảo:

- Ngày đêm nhờ vạn tượng diễn bày thôi, ngôn ngữ có gián đoạn, còn pháp này thì vô tận cho nên gọi là tạo hóa vô tận tạng.

Vạn tượng sum la hiển bày tất cả, nếu khéo nghe thì lúc nào cũng nghe được hết, đó mới gọi là cái kho vô tận. Thấy được cái đó là thấy được nghĩa vô lượng, nó trùm khắp mọi nơi không thiếu. Đó cũng là ngầm chỉ cái diệu của tâm pháp chân thật, Diệu pháp là như vậy.

Chính pháp này là pháp dạy cho hàng Bồ tát, là chỗ Phật thường hộ niệm, thường giữ gìn. Cũng giống như hạt châu trên búi tóc của ông Vua, phần sau Kinh Pháp Hoa có nói. Ông Vua có hạt châu quý ở trên búi tóc, hạt châu đó không phải đặng ai cho đó, không có vọng cho người, mà phải cho người đúng cơ. Do đó, ở đây muốn nhấn mạnh lại, mình cũng phải chuẩn bị tâm, lắng lòng để đón nhận pháp Phật muốn nói. Bởi vậy, trước khi nói Pháp Hoa Ngài nói Kinh Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm. Nói Kinh này xong Ngài lại nhập định Vô Lượng Nghĩa Xứ, thân và tâm Phật đều không lay động. Chỗ vô lượng đó có dễ dòm thấy chưa? Rồi ở đây thân và tâm của Phật đều không lay động, đó là muốn nhắc mình cái gì?

Nhắc mình trước khi muốn nghe kinh này cũng phải lắng lòng, để cho tạp niệm lắng xặng nó tạm dừng đi thì mới dễ thâm nhập Pháp Hoa này. Cho nên ở đây mới là mở màn thôi mà đã thấy tâm và cảnh đều nhiệm mầu, không thể nghĩ bàn. Lại có điểm đặc biệt,

trong cái chỗ không nói đó nhưng cảm trời mưa hoa, đất sáu điệu vang động, tức là lúc này quên thân tâm, lặng lẽ mà chỗ lặng lẽ đó không phải hoàn toàn giống như là không ngơ, như là cây đá chết.

Mưa hoa gồm bốn thứ hoa là:

- Hoa Mạn đà la: hoa sen trắng.
- Hoa Ma ha mạn đà la: hoa sen trắng lớn.
- Hoa Mạn thù sa: hoa sen đỏ.
- Hoa Ma ha mạn thù sa: hoa sen đỏ lớn.

Rồi đất chấn động sáu điệu. Đất chấn động, đó là gì? - Tức là đất tâm chấn động, mà mình chưa chấn động chút nào hay sao? Cho nên nghe tới chỗ đó mới thấy cái gì sâu xa trong chỗ im lặng của Phật không phải im lặng suông, mà im lặng đó gọi là im lặng vi diệu, im lặng sấm sét, im lặng chấn động cả đất tâm. Chính cái im lặng đó phá đổ cái mầm móng vô minh trong mình, như vậy đó là mở ra cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Trong chúng hội thấy được điều đó là điều chưa từng có, cho nên ai nấy lòng đều vui mừng, nhưng cũng không hiểu lý do nên chấp tay một lòng nhìn Phật, để trông chờ Phật sắp nói điều gì đặc biệt mà hiện tượng lạ như vậy. Vậy thì tất cả hãy một lòng trông chờ xem!

CHÁNH VĂN:

5. Bấy giờ, đức Phật từ nơi tướng lông mày trắng giữa chạng mày phóng ra luồng hào quang chiếu khắp cả một muôn tám nghìn cõi ở phương Đông, dưới thời chiếu đến địa ngục A Tỳ, trên suốt thấu trời Sắc Cứu Cánh. Chúng ở cõi này đều thấy cả sáu loài chúng sanh ở các cõi kia. Lại thấy đức Phật hiện tại nơi các cõi kia và

nghe Kinh pháp của các đức Phật ấy nói. Cùng thấy nơi các cõi kia, các hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cận sự nam, cận sự nữ, những người tu hành đắc đạo.

Lại thấy các vị đại Bồ tát dùng các món ngon duyên, các lòng tin giải, các loại tướng mạo mà tu hành đạo Bồ tát. Lại thấy các đức Phật nhập niết bàn. Lại thấy sau khi các đức Phật nhập niết bàn, đem xá lợi của Phật mà dựng tháp bằng bảy báu.

GIẢNG:

Đến đây Phật từ nơi lông trắng giữa chạng mày đó phóng ra hào quang chiếu suốt cả một muôn tám nghìn cõi phương Đông, suốt cả địa ngục từ dưới đất, trên suốt trời Sắc Cứu Cánh. Chúng ở cõi này thấy sáu loài chúng sanh ở các cõi kia, thấy hiện trạng đạo tràng nơi các đức Phật ở cõi kia, thấy Bồ tát tu hành, thấy Phật nhập niết bàn rồi chúng dựng tháp xá lợi, như vậy ở đây muốn hiện bày cảnh giới gì?

Bởi vì trước khi nói Pháp Hoa để chỉ bày Tri Kiến Phật, là chỗ ngoài lời nói, ngôn ngữ không thể diễn tả hết, cho nên ở đây mới dùng hình ảnh ánh sáng này phóng ra, để nói lên một ý nghĩa ngoài ngôn ngữ, khiến cho người thâm nhận. Tức nhân tướng đó mà thâm nhận cái gì đặc biệt không thể nói. Ánh sáng này chúng ta trông như là ánh sáng của Phật Ngài phóng ra thôi, nhưng mình có ánh sáng này không? Ánh sáng đó nếu chỉ Phật có, còn mình không có phần thì Phật phóng chỉ cho ai? Đó là muốn nhắc nhở mỗi người cũng có ánh sáng đó không thiếu. Ánh sáng đó

là TRÍ TUỆ THỰC TƯỚNG VÔ TƯỚNG. Trí tuệ đó là bật niệm phân biệt đối đãi hai bên, cho nên phóng từ nơi lông trắng giữa chặng mày, là chỉ nó ở giữa không kẹt hai bên. Nếu mình thấy ánh sáng xanh vàng đỏ trắng gì đó thì ánh sáng đó là ánh sáng sanh diệt thô, phóng ra nó có tướng rồi cũng mất. Mà muốn cảm nhận ánh sáng trí tuệ thật tướng đó thì phải quên niệm phân biệt hai bên liền thấy được suốt các cõi nước trước mắt chứ gì! Mở sáng trí tuệ đó thấy tất cả không còn ranh giới, cho nên ngồi đây mà thấy các cõi Phật từ phương Đông, gồm vô lượng cõi nước hết ranh giới, bật niệm phân biệt. Còn mình niệm phân biệt vẫn còn cho nên ngồi đây thấy ngoài kia là có ranh giới rồi, làm sao thấy vô lượng cõi nước kia.

Mà trong ánh sáng đó thì tất cả phàm thánh đều đủ trong đó hết. Sáu đạo chúng sanh cũng có trong đó, các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni tu hành đặc đạo cũng có, các vị Bồ tát tu hành đạo Bồ tát cũng có trong đó. Như vậy có phải tìm đâu xa, chỉ cần quên niệm phân biệt bên đây bên kia thì ngay đó rõ được ánh sáng này, tự tâm sáng tỏ liền. Và như vậy thì ánh sáng này nó suốt từ địa ngục A Tỳ, trên trời hữu đảnh, không có chỗ nào thiếu ánh sáng đó. Ngay trong địa ngục cũng có ánh sáng đó nữa. Nghĩa là cho đến tận chỗ tâm hồn đen tối của mình cũng có ánh sáng đó. Nếu khéo bật niệm phân biệt thì từ chỗ tăm tối của nơi tâm mình nó cũng không thiếu, nó suốt hết. Vậy ngay trong khoảng ánh sáng phóng ra thì cái gì thấy? - Mắt thấy! Đó là muốn đánh thức từ nơi con mắt này, nơi tánh thấy này mình khéo nhận thì nó đầy đủ hết.

Còn điểm đặc biệt nữa là Phật phóng ánh sáng đó mà có thấu lại chưa? Tức là bây giờ cũng còn, còn

đợi chờ đó, sẵn đó ai cũng có quyền thấy được, vì Phật chưa thu lại. Đó là điểm mà người đọc Kinh Pháp Hoa ít ai để ý!

Phật phóng ánh sáng đó, phóng trong lúc nào? - Trong lúc nhập định thân tâm chẳng động. Vậy nói lên ý nghĩa gì?

Thân tâm chẳng động là nghĩa tịch. Tức lặng lẽ mà phóng ánh sáng, là chiếu soi. Lặng lẽ mà chiếu soi rõ ràng. Tức là đầy đủ hai nghĩa tịch và chiếu. Tâm của mình nếu đầy đủ hai nghĩa tịch và chiếu thì đó là tâm Phật.

Mình thường thường theo chiếu mà quên tịch, còn có khi chìm trong tịch mà quên chiếu. Cho nên tịch tịch một hồi lâu thì gục gặc cái đầu, còn nếu theo chiếu một lúc rồi thì nó chiếu cả tới thành phố bên Mỹ, bên Tây và quên tịch luôn. Phải đầy đủ tịch và chiếu thì ngay đây hiện tiền sáng ngời đầy đủ tâm Phật rõ bày. Vì vậy ở đây Phật nhập định, trong nhập định đó thì chiếu soi tất cả. Nếu mình tu mà nó được tương ứng hai nghĩa đó: tịch và chiếu, thì đảm bảo nơi đây ngộ đạo dễ dàng, Tri Kiến Phật thấy cũng dễ, không xa. Còn mình theo ánh sáng Phật phóng ra đó rồi thấy đủ cảnh giới này, cảnh giới kia, thấy tuốt cõi trời, lúc đó quên nghĩa tịch hồi nào không hay.

Nếu nói theo Kinh Kim Cang đó là có chỗ trụ. Ở đây phải chiếu mà không rời cái nghĩa tịch, tức chiếu mà vô trụ, như vậy mới thấy Phật phóng ánh sáng hiện đủ, nhưng mà Ngài chẳng rời thân tâm bất động. Mình tu hành cũng vậy, phải đầy đủ hai nghĩa tịch và chiếu đó thì đúng, còn nghiêng một bên là sai.

Do đó, một ánh sáng này thôi thì đức Phật đã truyền cái gì cho mình rồi? - Truyền cái Diệu tâm Niết

bàn, chánh pháp nhãn tạng cho rồi, chớ đâu phải tìm cái gì khác nữa. Mình nghe truyền Diệu tâm Niết bàn hay Chánh pháp nhãn tạng, tưởng gì cao siêu ở cõi nào đâu, không ngờ ngay đây thôi. Như vậy Ngài phóng ánh sáng đó, cùng với chuyện đưa cành hoa sen có khác nhau không? Phóng ánh sáng đó cũng là khơi dậy cái thấy đang hiện hữu nơi mình đó! Đưa cành hoa sen lên mình cũng thấy, khéo thấy chỗ đó thì khéo thấy ánh sáng này chứ không phải có gì khác lạ

Ở đây cần chú ý cho kỹ, ánh sáng này nó hiển bày tất cả cảnh giới, từ địa ngục cho đến cảnh trời, các cõi Phật, các vị Bồ tát, Thanh văn tu hành gì nó hiện đủ tất cả hết, nhưng mà nó có là cái gì không? Nó soi suốt tất cả hết nhưng nó không là cái gì hết. Cũng vậy, mình thấy biết tất cả, thấy vật, thấy cảnh đều thấy nhưng không là gì hết, "Thấy biết vẫn là thấy biết thôi", thì ngay đó liền cảm nhận ánh sáng này, khởi trở về cách đây hai ngàn mấy trăm năm, lâu xa. Đó cũng là ý nghĩa đánh thức cho mọi người theo dòng thấy biết này nhận ra được tự tánh. Một cái phóng ánh sáng đó, người lanh lợi là biết chỗ về, khởi phải tìm đâu xa.

CHÁNH VĂN:

6. Khi ấy, Ngài Di Lạc Bồ tát nghĩ rằng: "Hôm nay đức Thế Tôn hiện thân biến tướng, vì nhân duyên gì mà có diêm lành này". Nay đức Phật đương nhập chánh định, việc biến hiện hy hữu không thể nghĩ bàn này nên hỏi ai, ai đáp được?

Ngài lại nghĩ: "ông Pháp Vương Tử Văn Thù Sư Lợi này đã từng gần gũi cúng dường vô

lượng các đức Phật đời quá khứ, chắc đã thấy tướng hy hữu này, ta nên hỏi ông".

Lúc đó hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cận sự nam, cận sự nữ và các Trời, rồng, quỷ, thần v.v... đều nghĩ rằng: "Tướng thần thông sáng chói của đức Phật hiện đây, nay nên hỏi ai?"

7. Bấy giờ, Ngài Di Lặc Bồ tát muốn giải quyết chỗ nghi của mình, Ngài lại xét tâm niệm của bốn chúng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cận sự nam, cận sự nữ và cả chúng hội Trời, rồng, quỷ, thần v.v... mà hỏi Văn Thù Sư Lợi rằng: "Vì nhân duyên gì mà có tướng lành thần thông này, Phật phóng ánh sáng lớn soi khắp một muôn tám nghìn cõi ở phương Đông, đều thấy cõi nước trang nghiêm của các đức Phật?"

Khi đó Ngài Di Lặc muốn nói lại nghĩa trên, dùng kệ hỏi rằng:

GIẢNG:

Ở đây Phật phóng ánh sáng đó rồi, Bồ tát Di Lặc khởi nghi, Ngài nghĩ: "Hôm nay đức Thế Tôn hiện thần biến tướng, vì nhân duyên gì mà có điềm lành này", Di Lặc sao khởi nghi? Bởi vì Ngài Di Lặc là tượng trưng cho thức. Đây không phải chỗ thức mà hiểu được, vì thức là phân biệt, cho nên thức thì khởi nghi, còn Phật thì đang nhập định thì làm sao hỏi? Do đó phải hỏi Ngài Văn Thù Sư Lợi thôi. Đó là muốn đánh thức cái tình thức mê lầm của mình, tình thức mê lầm là theo duyên, mà đây mình phải chuyển thức trở về trí. Ngài Văn Thù Sư Lợi chỉ cho căn bản trí hay gọi là trí sẵn có, trí bản hữu nơi mọi người. Bởi vậy

Ngài Ngài Văn Thù là vị Bồ tát từng gần gũi chư Phật, nên hỏi Ngài là chắc chắn xong. Chư Phật cũng chứng ngộ nơi trí căn bản này mà thành Phật. Trí này cũng gọi là Vô Sư trí. Chính trí vô sư đó nó tỏ suốt được chỗ này. Do đó muốn thấu được ánh sáng này, phải từ căn bản trí này mà thâm nhận, và đó cũng là ý nghĩa nhắc nhở người phải quên các niệm phân biệt kia đây. Vì căn bản trí là trí vô phân biệt.

Do đó, ở đây Ngài Di Lặc nghi, Ngài hỏi, và Ngài Văn Thù sẽ trả lời. Một điểm nữa là, bao nhiêu việc của chư Phật, Bồ tát, chúng sanh mà hiện ra ở trong ánh sáng đó, mà ngay đây thấy đủ hết, không sót gì, chỉ trong một lúc, một thời gian ngắn thôi. Tin nổi không? Là ngầm ý muốn nhắc cái gì? - Nếu sống được trở về với Tri Kiến Phật này, quên được niệm phân biệt kia đây, tức sẽ quên cái niệm về thời gian, quên niệm về không gian. Thời gian lâu mau sẽ không thành vấn đề, không gian xa gần cũng không thành vấn đề, ngay một niệm đây tỏ suốt được là đầy đủ, trong nhà Thiền gọi là một niệm muôn năm. Mình chưa kinh nghiệm thì thấy khó hiểu, nhưng người có công phu rồi kinh nghiệm thấy rõ, ngồi thiền lúc đầu chưa quen, ngồi nửa tiếng thì lúc còn năm phút cuối đau quá tưởng còn lâu, trông cho mau hết để xả. Còn nếu ngồi an rồi, ngồi hai tiếng mà tưởng như mới năm, mười phút. Tùy theo tâm niệm, khi đau năm phút, mười phút thấy dài đằng đằng, khi tâm yên lặng hai tiếng, ba tiếng thấy như chốc lát. Đây cũng vậy, tâm mà sống được chỗ này rồi, thì quên niệm thời gian, quên niệm không gian. Đó là điểm người chứng nghiệm dễ cảm nhận được. Ngài Di Lặc dùng lời kệ tóm tắt ý trên.

CHÁNH VĂN:

8- Ngài Văn Thù Sư Lợi!
Đức Đạo Sư cố chi
Lông trắng giữa chạng mờ
Phóng ánh sáng khắp soi?
Trời mưa hoa Mạn đà
Cùng hoa Mạn thù sa
Gió thơm mùi chiên đàn
Vui đẹp lòng đại chúng
Vì như duyên như vậy
Cõi đất đều nghiêm tịnh
Mà trong thế giới này
Sáu điệu vang động lên
Bấy giờ bốn bộ chúng
Thấy đều rất vui mừng
Thân cùng ý thơ thới
Đặng việc chưa từng có.

GIẢNG:

Đây là thuật lại việc Phật phóng hào quang về phương Đông. Trời mưa hoa, đất chấn động, trong chúng thấy việc chưa từng có. Kế đó nói đến ánh sáng giữa chạng mờ.

CHÁNH VĂN:

9- Ánh sáng giữa chạng mờ
Soi suốt thẳng phương Đông
Một muôn tám nghìn cõi
Đều ánh như sắc vàng

GIẢNG:

Đây nói ánh sáng soi suốt thẳng phương Đông,
trời mưa hoa, đất chấn động.

**Từ địa ngục A Tỳ
Trên đến trời Hữu danh
Cả sáu đạo chúng sanh**

Đây là ánh sáng đó soi rõ cả sáu đường chúng
sanh từ dưới địa ngục A Tỳ lên đến cõi trời.

**Sống chết của kia đến
Nghệp duyên lành cùng dữ
Thọ báo có tốt xấu
Tại đây đều thấy rõ**

GIẢNG:

Trong ánh sáng đó thấy hết nghiệp lành, nghiệp
dữ, quả báo tốt xấu đều hiện rõ.

CHÁNH VĂN:

**10- Lại thấy các đức Phật
Đấng Thánh chúa Sư tử
Diễn nói các kinh điển
Nhiệm mầu bậc thứ nhất
Tiếng của Ngài thanh tịnh
Giọng nói ra êm dịu
Dạy bảo các Bồ tát
Vô số ức muôn người.
Tiếng phạm âm thâm diệu**

Khiến người nghe đều ưa
Các Phật ở cõi mình
Mà giảng nói chánh pháp
Dùng nhiều món nhân duyên
Cùng vô lượng tỷ dụ
Để soi rõ Phật pháp
Mà khai ngộ chúng sanh.
Nếu có người bị khổ.
Nhàm lìa già, bệnh, chết
Phật vì nói Niết bàn
Để dứt các ngăn khổ
Nếu là người có phước
Đã từng cúng dường Phật
Chí cầu pháp thù thắng
Vì nói hạnh Duyên giác.
Nếu lại có Phật tử
Tu tập các công hạnh
Để cầu huệ vô thượng
Phật vì nói tịnh đạo.

GIẢNG:

Đây là nói đức Phật nói pháp độ cho các hàng tam thừa, tiếng Phạm âm vi diệu, có nhiều phương tiện khéo léo để khai ngộ chúng sinh.

CHÁNH VĂN:

11- Ngài Văn Thù Sư Lợi!
Tôi ở tại nơi đây
Thấy nghe dường ấy đó
Và nghìn ức việc khác

Thấy rất nhiều như thế
Nay sẽ lược nói ra:
Bắt đầu lại kể chi tiết thêm.

CHÁNH VĂN:

12- Tôi thấy ở cõi kia
Có hằng sa Bồ tát
Dùng các món nhơn duyên
Mà cầu chứng Phật đạo.
Hoặc có vị bố thí
Vàng, bạc, ngọc như ý
Kim cương, các trân bửu
Cùng tôi tớ, xe cộ
Kiệu cang chứng châu báu
Vui vẻ đem bố thí
Hồi hướng về Phật đạo
Nguyện đặng chứng thừa ấy
Bạc nhất của ba cõi
Các Phật hằng khen ngợi.
Hoặc có vị Bồ tát
Xe tứ mã, xe báu
Bao lơn che tàng đẹp
Trau tria dùng bố thí.
Lại thấy có Bồ tát
Bố thí cả vợ con
Thân thịt cùng tay chân
Để cầu vô thượng đạo.
Lại thấy có Bồ tát
Đầu, mắt và thân thể
Đều ưa vui thí cho
Để cầu trí huệ Phật.

GIẢNG:

Bố thí cả bảy báu, tôi tứ, xe cộ đều hướng về Phật đạo. Đây là Bồ tát bố thí cả ngoại tài lẫn nội tài, là muốn nói lên phá sạch lòng chấp ngã từ thân thể đến vợ con của mình, cho đến của cải đều bố thí hết. Như vậy mới đi đến ba la mật.

CHÁNH VĂN:

**13- Ngài Văn Thù Sư Lợi!
Ta thấy các Quốc Vương
Qua đến chỗ của Phật
Thưa hỏi đạo vô thượng
Bèn bỏ nước vui vẻ
Cung điện cả thần thiếp
Cạo sạch râu lẫn tóc
Mà mặc y pháp phục**

GIẢNG: Bỏ ngôi Vua.

**Hoặc lại thấy Bồ tát
Mà hiện làm Tỳ kheo
Một mình nơi vắng vẻ
Ưu vui tụng kinh điển**

Đây là Bồ tát thích ở nơi vắng vẻ tu hành.

CHÁNH VĂN:

**Cũng có thấy Bồ tát
Đồng mãnh và tinh tấn**

Vào ở nơi thâm sơn
Suy xét mối Phật đạo.
Và thấy bậc ly dục
Thường ở chỗ không nhàn
Sâu tu các thiền định
Đặng năm món thần thông.
Và thấy vị Bồ tát
Chấp tay trụ thiền định
Dùng nghìn muôn bài kệ
Khen ngợi các Pháp Vương.

GIẢNG:

Đó là Bồ tát ở núi sâu, vắng vẻ, tu thiền định, chứng thần thông, khen ngợi Phật.

CHÁNH VĂN:

Lại thấy có Bồ tát
Trí sâu chí bền chắc
Hay hỏi các đức Phật
Nghe rồi đều thọ trì
Lại thấy hàng Phật tử
Định huệ trọn đầy đủ
Dùng vô lượng tỷ dụ
Vì chúng mà giảng pháp
Vui ưa nói các pháp
Dạy bảo các Bồ tát
Phá dẹp chúng binh ma
Mà đánh rên trống pháp.

GIẢNG:

Bồ tát trí sâu, đầy đủ định tuệ, dùng pháp thí để đánh dẹp các binh ma.

CHÁNH VĂN:

Cùng thấy vị Bồ tát
Vắng lặng yên lặng ngôi
Trời, rỗng đều cung kính
Chẳng lấy đó làm mừng.
Và thấy có Bồ tát
Ở rừng phóng hào quang
Cứu khổ chốn địa ngục
Khiến đều vào Phật đạo.

Dùng trí tuệ, tu thiền định, cứu khổ đến chỗ
tăm tối.

Lại thấy hàng Phật tử
Chưa từng có ngủ nghỉ
Kinh hành ở trong rừng
Siêng năng cầu Phật đạo.

Luôn luôn tinh tấn chưa từng có ngủ nghỉ.

Cũng thấy đủ giới đức
Oai nghi không thiếu sót
Lòng sạch như bửu châu
Để cầu chứng Phật đạo

Đó thuộc về trì giới.

Và thấy hàng Phật tử
Trụ vào sức nhẫn nhục
Bị kẻ tặng thượng mạn
Mắng rửa cùng đánh đập
Thảy đều hay nhẫn được
Để cầu chứng Phật đạo

Đó thuộc về nhẫn nhục.

Lại thấy có Bồ tát
Xa rời sự chơi cười
Và quỵen thuộc ngu si
Ưu gần gũi người trí
Chuyên tâm trừ loạn động
Nhiếp niệm ở núi rừng
Trải ức nghìn muôn năm
Để cầu được Phật đạo

Đó là tu thiền định

14- Lại thấy vị Bồ tát
Đồ ăn uống ngon ngọt
Cùng trăm món thuốc thang
Đem cúng Phật và tăng
Áo tốt đồ thượng phục
Giá đáng đến nghìn muôn
Hoặc là vô giá y
Đem cúng Phật và tăng
Dùng nghìn muôn ức thứ
Nhà báu bằng chiên đàn
Các giường nằm tốt đẹp
Để cúng Phật cùng tăng

Rừng vườn rất thanh tịnh
Bông trái đều sum sê
Suối chảy cùng ao tắm
Cúng dường Phật và tăng
Cúng thí như thế đó
Các đồ cúng tốt đẹp
Vui vẻ không hề nhàm
Để cầu đạo vô thượng

GIẢNG: Đây là cúng dường các đồ vật trang nghiêm và thanh tịnh, thuộc bố thí.

CHÁNH VĂN:

15- Lại có vị Bồ tát
Giảng nói pháp tịch diệt
Dùng các lời dạy dỗ
Dạy vô số chúng sanh

GIẢNG: Nói pháp tịch diệt tức dạy về pháp Niết bàn, là bố thí pháp.

Hoặc thấy vị Bồ tát
Quán sát các pháp tánh
Đều không có hai tướng
Cũng như khoảng hư không.

Đó là thấu suốt tánh không của các pháp.

Lại thấy hàng Phật tử
Tâm không chỗ mê đắm
Dùng món diệu huệ này

Mà cầu đạo vô thượng
Dùng cái diệu huệ vô trước.

CHÁNH VĂN:

16- Ngài Văn Thù Sư Lợi
Lại có vị Bồ tát
Sau khi Phật diệt độ
Cúng dường xá lợi Phật
Lại thấy hàng Phật tử
Xây dựng các tháp miếu
Nhiều vô số hằng sa
Nghiêm sức khắp cõi nước
Bửu tháp rất cao đẹp
Đều năm nghìn do tuần.
Bề ngang rộng xứng nhau
Đều hai nghìn do tuần
Trong mỗi mỗi tháp miếu
Đều có nghìn tràng phan
Màn châu xen thả xuống
Tiếng linh báu hòa reo
Các vị trời, rồng, thần
Người cùng với phi như
Hương hoa cùng kỹ nhạc
Thường đem đến cúng dường.
Ngài Văn Thù Sư Lợi!
Các hàng Phật tử kia
Vì cúng dường xá lợi
Nên trang sức tháp miếu
Cõi quốc giới tự nhiên
Thù đặc rất tốt đẹp

Như cây Thiên thọ vương
Bông kia đương hé nở.

Cúng dường tháp xá lợi.

CHÁNH VĂN:

17- Phật phóng một luồng sáng
Ta cùng cả chúng hội
Thấy nơi cõi nước này
Các thứ rất tốt đẹp
Thần lực của chư Phật
Trí huệ đều hi hữu
Phóng một luồng tịnh quang
Soi khắp vô lượng cõi
Chúng ta thấy việc này
Đặng điều chưa từng có.

GIẢNG:

Tóm tắt lại, chung quy chỉ có một luồng ánh sáng phóng ra đó mà thấy suốt cả những việc như vậy thì làm sao mà sáng tỏ được việc đó?

CHÁNH VĂN:

18- Xin Phật tử Văn Thù
Giải quyết lòng chúng nghi
Bốn chúng đều mong ngóng
Nhìn Ngài và nhìn ta.
Đức Thế Tôn cố chi
Phóng ánh quang minh này?

Phật tử phải thời đáp
 Quyết nghị cho chúng mừng.
 Có những lợi ích gì
 Đức Phật phóng quang này?
 Khi Phật ngồi đạo tràng
 Chứng đặng pháp thâm diệu
 Vì muốn nói pháp đó
 Hay là sẽ thọ ký?
 Hiện bày các cõi Phật
 Các báu sạch trang nghiêm
 Cùng thấy các đức Phật
 Đây không phải cố nhỏ
 Ngài Văn Thù nên biết
 Bốn chúng và long thần
 Nhìn xem xét Ngài đó
 Mong sẽ nói những gì?

GIẢNG:

Ngài Di Lặc nói kệ thuật lại về diêm lành Phật phóng ánh sáng thấy đủ các việc trên đó, khiến cho lòng chúng khao khát trông chờ mà đón nhận pháp vi diệu Phật sắp nói ra. Nếu người lanh lợi như Ngài Văn Thù thấy ánh sáng đó thì biết được cái gì rồi. Thấy ánh sáng đó, rõ được ý Phật muốn nói cái gì, tức thấy được ý ngoài lời. Nếu chưa thấy được ý đó thì chờ Ngài Văn Thù nói ra cho mình hiểu.

CHÁNH VĂN:

19- Lúc bảy giờ, Ngài Văn Thù Sư Lợi nói với Ngài Di Lặc Đại Bồ tát cùng các vị Đại sĩ:

"Các Thiện nam tử! Như chỗ ta xét nghĩ thời nay đức Phật Thế Tôn muốn nói pháp lớn, mưa pháp vũ lớn, thổi pháp loa lớn, đánh pháp cổ lớn và diễn pháp nghĩa lớn.

Các Thiện nam tử! Ta từng ở nơi các đức Phật đời quá khứ, thấy được diễm lành này, Phật kia phóng hào quang đó rồi liền nói pháp lớn. Cho nên biết chắc rằng hôm nay đức Phật hiện hào quang cũng lại như vậy. Phật vì muốn cho chúng sanh đều đặn nghe biết pháp mầu mà tất cả trong đời khó tin theo, nên hiện diễm lành này.

GIẢNG:

Theo như chỗ Bồ tát Văn Thù xét biết đó Ngài thấy rằng: đức Phật sắp nói pháp lớn, mưa pháp vũ lớn, thổi pháp loa lớn, đánh pháp cổ lớn và diễn pháp nghĩa lớn, tức là Ngài sắp nói pháp sâu xa vi diệu.

Ngài mới thuật lại, trước kia ở những đời quá khứ, Ngài thường gần gũi các đức Phật Ngài cũng thấy rõ các đức Phật kia, khi phóng hào quang, ánh sáng soi khắp về phương Đông những diễm đó. Sau khi phóng như vậy, sẽ nói pháp sâu xa.

Như vậy pháp Phật sắp nói đây rất khó tin, khó hiểu ngầm chỉ pháp đó khó nói, phải hiểu ý sâu xa, ngoài lời kia. Bởi vì khó nói, lời nói không thể đến được, cho nên ở đây Ngài hiện diễm lành trước.

Ngài Văn Thù cho biết Phật sắp nói pháp lớn, nhưng chưa biết pháp lớn đó là pháp lớn gì, để cho mọi người thật khao khát mới nói để đón nhận. Đây Ngài nói tiếp:

CHÁNH VĂN:

20- Các Thiện nam tử! Như vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp về trước, bấy giờ có đức Phật hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh Như lai Ứng Cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô Thượng sĩ, Điều Ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn diễn nói chính pháp. Ban đầu, giữa, rốt sau ba chặng đều lành, nghĩa lý rất sâu xa. Lời lẽ khéo mầu, thuần một không tạp, đầy đủ cả tướng phạm hạnh thanh bạch.

GIẢNG:

Ở đây Ngài thuật lại ở vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp, lâu xa về trước có đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh. Đức Phật này cũng đầy đủ mười hiệu:

- Như Lai: là không từ đâu đến, không đi về đâu (vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ). Có chỗ nói, Như Lai là những điều Phật nói ra, là những điều Ngài làm được và đã làm, gọi là Như Lai. Như là thể như như bất động. Lai là đến, có thể có dụng đầy đủ, từ thể như mà đến.

- Ứng cúng: là xứng đáng nhận sự cúng dường.

- Chánh biến tri: là biết khắp hết, không rơi vào hai bên.

- Minh hạnh túc: là tam minh lục thông đầy đủ

- Thiện thế: là khéo qua, khéo vượt qua sanh tử.

- Thế gian giải: là hiểu suốt cả thế gian.

- Vô thượng sĩ: là bậc Vô thượng không có ai trên. Chính cái tên này có ý nghĩa rất sâu, đem lại niềm tin cho mình, sức mạnh vươn lên.

Gọi là bậc Vô thượng, là không ai trên, nhưng có người bằng. Bởi vì, ai ai cũng có Phật tánh, nếu mình tu đến viên mãn cũng được thành Phật, cũng được Vô thượng, cũng ngang bằng. Đó là ý nghĩ bình đẳng, không phải Ngài là bậc tối thượng, rốt cuộc ai tu rồi cũng về đó quỳ dưới chân Ngài, không thể ngang được.

- Điều ngự trượng phu: là điều phục mọi người.

- Thiên nhân sư: là bậc thầy của cả trời, người.

- Phật Thế Tôn: là bậc giác ngộ tôn quý ở trên đời.

Đức Phật này gọi là Nhật Nguyệt Đăng Minh, những pháp Ngài nói ra nghĩa lý rất sâu xa, lời lẽ khéo mâu, thuần một không tạp, tức là thuần nhất không có xen tạp, mà ban đầu, giữa, rốt sau đều lành. Như vậy tức là sao?

Những điều Phật nói ra ban đầu cũng là lành, giữa cũng là lành, sau cũng là lành thì đó mới thật là chân lý. Bởi vì Phật chứng ngộ, từ cái chứng ngộ của Ngài, Ngài nói ra. Những điều Ngài nói ra đó là những điều Ngài đã đi qua, Ngài đã kinh nghiệm qua chớ không phải những điều Ngài suy tưởng, phỏng đoán, giả thuyết, không phải như vậy. Mà đây chính Ngài kinh nghiệm thể nhận nói ra, cho nên những điều đó trước cũng lành, giữa cũng lành, sau cũng lành, luôn luôn đều đúng. Không phải những cái thuyết đúng trong lúc này nhưng không đúng trong lúc khác, trong giai đoạn, chân lý mà có giai đoạn. Còn ở đây lúc nào cũng đúng hết.

Ví dụ: Phật nói lý Tứ đế, Ngài nói khổ, có thân là đều khổ, từ xưa đến giờ kiểm lại không sai bao giờ.

Như Ngài nói vô thường, sự vật có làm ra, có tạo tác vốn là vô thường. Kiểm lại từ trước, sau cho tới bây

giờ đều đúng như vậy hết. Cho nên đó là đầu, giữa, rốt sau đều lành.

CHÁNH VĂN:

Phật, vì người cầu đạo Thanh văn nói pháp Tứ đế, thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, cứu cánh Niết bàn. Vì hạng cầu quả Duyên giác, nói pháp mười hai nhân duyên. Vì hàng Bồ tát, nói sáu pháp Ba la mật, làm cho chứng đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thành bậc Nhất thiết chủng trí.

GIẢNG:

Đức Phật vì người cầu đạo Thanh văn, nói Tứ đế để thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, chứng đến cứu cánh Niết bàn. Vì người cầu Duyên giác nói pháp mười hai nhân duyên, Bồ tát thì nói pháp Ba la mật, để chứng đến đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ngài tùy theo căn cơ, trình độ, mong cầu của mỗi người mà nói pháp tam thừa, nhưng rốt ráo sau cùng cũng đưa đến thành Phật. Cuối cùng cũng đưa đến chỗ đó.

CHÁNH VĂN:

Kế lại có đức Phật cũng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, lại có đức Phật cũng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh. Như thế đến hai muôn đức Phật đều đồng một tên, hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, đầy đủ mười hiệu, những pháp được nói ra đầu, giữa, sau đều lành.

GIẢNG:

Kế đó cũng có đức Phật hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, lại có đức Phật cũng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh. Như vậy cho tới hai muôn đức Phật cũng hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh. Hết tên đặt, sao có một tên hoài vậy? Đó là nghĩa rất sâu xa!

Nhật Nguyệt Đăng Minh là gì?

Nhật, là mặt trời. Nguyệt, là mặt trăng. Đăng, là đèn. Minh, là sáng. Mặt trời, mặt trăng, đèn, cái nào cũng sáng hết. Ban ngày có mặt trời soi sáng (Nhật), ban đêm có mặt trăng soi sáng (nguyệt), những chỗ mặt trời, mặt trăng soi không tới thì có ánh đèn soi tới (đăng). Như vậy là sao? - Tức luôn luôn không có lúc nào tối hết. Là chỉ cho nguồn sáng vô biên nơi chính mình, nghĩa là không có lúc nào gián đoạn, không từng mất, không từng thiếu, không từng vắng nơi chính mình. Đây là nhắc nhở mọi người đều có nguồn sáng đó, mà việc này không phải mới đây, mà nó có từ vô số kiếp trước. Tại sao? - Nó sẵn có tự bao giờ nhưng tại mình bỏ quên. Đã có sẵn như nhau cho nên Phật kế tiếp in nhau không khác. Phật trước cũng Nhật Nguyệt Đăng Minh, Phật sau cũng Nhật Nguyệt Đăng Minh, mà hai chục ngàn vị cũng Nhật Nguyệt Đăng Minh. Nghĩa là cũng một việc đó chưa từng có tối, có mờ, không gián đoạn, nhưng chúng ta tự bỏ quên vậy thôi.

Vậy, ai cũng có một đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh từ vô số kiếp, nhưng mà bỏ quên. Chính vì bỏ quên cho nên thấy có tối có mờ, khi mà tỏ sáng được mới biết mình có đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh luôn luôn sáng ngời chưa từng tối bao giờ.

Cho nên đức Lục Tổ khi ngộ Ngài đã la lên:

Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh

Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ

Ở đây Phật Phật đồng hiệu, đó cũng là ý chỉ Tri Kiến Phật vốn là không có hai. Phật trước, Phật sau không có hai, không có sai biệt. Khi chúng ta sống trở về nguồn giác rồi thì chỗ thấy như nhau, nếu có chỗ thấy biết sai biệt thì cách biệt nhau rồi.

Tổ Lâm Tế có lần Ngài dạy:

- “Quý vị nếu muốn cùng Phật Tổ không khác thì chỉ như vậy mà thấy, chẳng nên ngờ vực. Tâm tâm quý vị không khác, thì đó gọi là Tổ sống”.

Tâm tâm, niệm niệm nó không sai khác, niệm trước niệm sau nó như vậy, không đổi không biến là Tổ sống, không cần phải tìm đâu hết. Còn mình niệm trước như vậy, niệm sau khác, chưa nói tới thời gian dài, chỉ trong vòng một hai niệm thôi thì nó đã khác rồi, thì làm sao thấy Tổ sống được. Ngài nói tiếp:

- “Tâm tâm nếu khác biệt, thì tánh tướng cũng sai khác”

Tâm mình khác rồi thì thấy rõ muôn sự cũng sai biệt. Tâm tâm không khác biệt, thì tánh tướng không có khác. Như vậy khi chúng ta sống trở về với nguồn tâm, tức nguồn sáng không gián đoạn đó, thì tâm tâm in nhau. Tâm mình, tâm Phật cũng in nhau, cùng thấy cùng gặp Phật, gặp Tổ rõ ràng.

Bởi vậy mà khi Phật trước, Tổ sau và các vị Thiên sư sau nữa, tuy các đời cách xa nhau, nhưng khi tỏ ngộ rồi thì chỗ thấy các Ngài giống nhau, nói ra nó cũng in nhau, nó hợp nhau. Phật ngày xưa đưa cành hoa sen lên khai thị cho Ngài Ca Diếp, tới sau này các Tổ thì sao? Như Ngài Bá Trượng, Ngài khai thị cho

Ngài Quy Sơn Linh Hựu, một hôm bảo Linh Hựu:

- Ông vạch trong lò xem có lửa không?

Linh Hựu bới trong lò, thấy không có, trình với Bá Trượng, Ngài bèn đến vạch sâu trong đó, thấy đóm lửa, Ngài đưa lên và hỏi:

- Ông nói không, chớ cái này là cái gì?

Linh Hựu liền tỏ ngộ.

Ở chỗ kia Phật đưa cành hoa sen lên. Đây đưa đóm lửa lên, chỉ khác cành hoa sen với đóm lửa thôi, còn chỗ khai thị là chỗ gì? - Chính là tánh thấy nơi mình đó, cái hiện hữu đó. Hai Ngài tuy cách xa nhau nhưng chỗ thấy cũng gặp nhau.

Rồi sau này Ngài Quy Sơn có khi đưa phất tử lên, có vị lại đưa cây gậy. Trong Kinh Lăng Nghiêm, Phật khai thị cho Ngài A Nan, Phật đưa tay lên. Vậy mặc dù sống cách xa nhau, khi tỏ ngộ rồi chỗ thấy gặp nhau. Cho nên tâm tâm mà không khác biệt rồi thì cùng Phật Tổ thấy không hai. Không khác biệt thì Phật Phật đồng tên, đồng họ.

Chúng đến chỗ đó rồi đều gặp nhau. Những pháp được nói ra cũng cùng chỗ chứng ngộ đó mà nói ra, cũng đều đúng với chân lý không sai.

CHÁNH VĂN:

Đức Phật rút sau cả, lúc chưa xuất gia có tám vị Vương tử: người thứ nhất tên là Hữu Ý, thứ hai tên Thiện ý, thứ ba tên Vô Lượng Ý, thứ tư tên Bửu Ý, thứ năm tên Tăng ý, thứ sáu tên Trừ Nghi Ý, thứ bảy tên Hương Ý, thứ tám tên Pháp Ý.

Tám vị Vương tử đó có oai đức tự tại, đều lãnh trị bốn châu thiên hạ. Nghe Vua cha xuất

gia chúng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều bỏ ngôi Vua cũng xuất gia theo, phát tâm đại thừa, hằng tu hạnh thanh tịnh, đều làm bậc Pháp sư, thuở trước đã từng ở chỗ nghìn muôn đức Phật vun trồng các cội lành.

GIẢNG:

Đây, Ngài thuật thêm cho thấy một điều nữa là: đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh rốt sau khi chưa xuất gia có tám vị Vương tử. Tám vị này mang tên đều chữ “ý” như vậy có ý nghĩa gì trong đó? Và những vị Vương tử đó đều có oai đức tự tại hết, đều lãnh trị bốn châu thiên hạ, nhưng khi nghe Vua cha xuất gia rồi chúng đạo, liền bỏ ngôi xuất gia theo. Đó là nói lên ý gì?

Những hình ảnh nói trong Kinh Pháp Hoa đây đều có ý nghĩa sâu xa trong đó. Phải hiểu qua những cái đó, nếu theo chữ nghĩa hiểu thì dễ lắm. Tám vị đó đều mang tên kèm với chữ ý. Ý tức là chỉ một tâm thể. Tám vị Vương tử chỉ cho tám thức, đó là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, mạng na thức và a lại da thức. Tám thức tuy công dụng có sai biệt nhưng cùng một tâm thể thôi.

Mạng na thức (thức chấp ngã): còn gọi là là truyền tống thức. Từ trong tàng thức đưa ra, truyền vào.

Bao nhiêu chủng tử của mình thấy nghe ở ngoài thì mạng na thức nó đem vô gieo trong tàng thức (a lại da thức). Tàng thức giữ trong đó, bởi vậy yêu ghét, buồn giận, thương yêu gì đó, nó vừa ở ngoài, khi gieo vô nó giữ lại ở đó, lúc gặp duyên nó tống ra. Ví dụ: bữa nay thấy bực mình với ai, ghét người đó thì

đem vô để đó, hôm nào gặp mặt thì trong hiện ra, cho nên khi gặp người đó là ghét liền. Đó là trong này tống ra.

Minh tu là để cạn hết chủng tử đó cho nó sạch. Mới đầu cạn chủng tử xấu, chủng tử ác ra ngoài, giữ chủng tử lành trở lại, nhưng mà sâu hơn nữa là sao? - Lành, dữ phải buông. Bởi vì còn lành còn dữ là còn đối đãi. Sống cho trọn vẹn, thấy cho tột cùng cái thể chân thật của nó thì cái lành mới tột lành. Còn cái lành đối với cái dữ đó là cái lành có hạn chế.

Như vậy là:

- Nhãn thức cũng có biết phân biệt nơi con mắt.
- Nhĩ thức: biết phân biệt ở lỗ tai, thì cũng biết.
- Tỷ thức: phân biệt nơi lỗ mũi, thì nó cũng biết.

Mỗi cái đều có biết mà có biết tức là đồng có tâm, bởi vì mê mà theo trần thành ra có sai khác. Nếu sống trở về nguồn chân thì cái biết trùm khắp, nó dùng lẫn nhau, như trong Kinh Lăng Nghiêm nói: "Sáu căn hỗ dụng, dùng thay lẫn nhau". Trong đây, khi Phật chưa xuất gia, thì "Phật" đây chỉ cho "Như Lai tạng" còn tại trần, tức là còn trong mê nhiễm. Mỗi người chúng ta đều có kho Như Lai, kho Phật đó hết, nhưng còn tại trần, còn trong mê trong nhiễm nên có đó mà không biết. Chính còn trong mê trong nhiễm nên tâm biến thành thức. Tuy nó ở trong cái nhiễm ô đó mà không rời thể giác. Bởi vậy, tuy nó phân biệt hơn thua, tốt xấu nhưng vẫn còn mang tánh Biết trong đó. Song cái biết này là biết theo mê, biết hơn thua, phải quấy, biết giới hạn. Khi sống trở về được rồi thì cái biết nó tròn khắp, tức biết trở thành giác. Vì vậy ở trong mê nó cũng có công năng soi sáng, nhưng soi sáng phân biệt các pháp.

Cho nên tám vị Vương Tử đều có oai đức tự tại lãnh trị bốn châu thiên hạ, như các thức, nó phân biệt các pháp, các trần từ bốn phương tới. Cũng là ý, tám thức này nó không rời thân tứ đại này.

Như vậy tám thức khi Như Lai tàng còn tại triền (mê nhiễm) thì tâm biến thành thức, thành ra cũng biết phân biệt, nhưng phân biệt còn trong mê trong nhiễm. Khi nghe Vua cha xuất gia thì tám vị Vương tử cũng xuất gia theo, tức là Như Lai tàng này khi xuất triền, là ra khỏi mê thì tám thức cũng chuyển theo, chuyển thức thành trí.

Trong nhà Phật, sau khi giác rồi thì các thức đó chuyển thành trí, mà chuyển thành trí thì năm thức trước chuyển thành Thành Sở tác trí, thức thứ sáu chuyển thành Diệu Quan sát trí, thức thứ bảy chuyển thành Bình Đẳng tánh trí, thức thứ tám là tàng thức chuyển thành Đại Viên cảnh trí, tức là trí tròn sáng như gương lớn, không có nhiễm ô gì, cái gì cũng hiện trong đó hết.

Còn mặt na thức chuyển thành bình đẳng tánh trí, vì lúc còn mê mặt na chấp ngã cho nên phân biệt có tôi, có anh, có yêu có ghét, đâu còn bình đẳng. Chuyển thành trí rồi, thì quên tướng ta và người, tức là thấy rõ bình đẳng hết. Còn các thức kia thì cũng chuyển thành trí hết, cho nên Phật xuất gia, tám vị Vương tử cũng xuất gia theo. Như vậy để cho thấy rõ, tu hành cuối cùng đâu có trở thành một cái gì khác, mà chính là cái mình dùng hằng ngày mà mình mê không biết, chỉ là chuyển tên đó thôi. Hồi xưa còn mê nói là thức, bây giờ tỉnh gọi là trí vậy thôi, đâu có gì khác trong đó. Cho nên cũng cái biết này, cái thấy này, khi mê thì gọi là thấy biết

của chúng sanh, khi giác ngộ rồi thì thấy biết của Phật, gọi là Tri Kiến Phật.

CHÁNH VĂN:

21- Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, lúc đó nói Kinh đại thừa tên Vô Lượng Nghĩa Xứ Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm. Nói kinh đó rồi Phật ở trong đại chúng, ngồi xếp bằng nhập vào cảnh chánh định Vô lượng nghĩa xứ, thân và tâm chẳng lay động.

Khi ấy trời mưa hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha-mạn-thù-sa để rải trên đức Phật và hàng đại chúng. Khắp cõi nước Phật sáu diệu vang động.

22- Lúc đó trong hội, hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Cận sự nam, Cận sự nữ, Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lầu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già Nhân, Phi nhân, cùng các vị Tiểu Vương v.v..., các đại chúng đó đặng điều chưa từng có, mừng rỡ chấp tay một lòng nhìn Phật.

23- Bấy giờ, đức Như Lai từ tướng lông trắng giữa chạng mày phóng ra luồng ánh sáng soi khắp cả một muôn tám nghìn cõi ở phương Đông, như nay đương thấy ở cõi Phật này.

Di Lạc nên biết! Khi đó trong hội có hai mươi ức ức Bồ tát ưa muốn nghe pháp, các vị Bồ tát ấy thấy ánh sáng chiếu khắp các cõi Phật đặng điều chưa từng có, đều muốn biết vì duyên cố gì mà phóng ánh sáng này. Khi ấy có

vị Bồ tát hiệu Diệu Quang có tám trăm người đệ tử.

GIẢNG:

Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh thời đó Ngài cũng nói Kinh đại thừa tên Vô Lượng Nghĩa Xứ Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm, nói Kinh đó xong cũng nhập vào chánh định Vô lượng nghĩa xứ, thì cũng trời mưa hoa, đất chấn động, tất cả chúng trong hội cũng đều nghi ngờ cũng giống như chuyện ngày nay.

Tức cảnh trước đó cũng giống như ngày nay, những điềm lành đó cũng giống như những điềm lành ngày nay, vậy để rõ cái việc gì? - Là để nói lên xưa nay cũng vốn không hai, mê ngộ cũng đồng một thể thôi. Xưa cũng cảnh đó, nay cũng cảnh đó, nhưng Ngài Văn Thù thì thấy còn mình không thấy, vì do mê mà thôi. Sự thật trong đó chưa từng có cách biệt bao giờ, chỉ cần mình mở mắt của Ngài Văn Thù thì biết được Phật muốn nói gì rồi,

Mắt Văn Thù là mắt gì? Là mắt trí tuệ. Mà trí tuệ đây là chỉ cho căn bản trí hay cũng gọi là bản giác. Trí căn bản là trí sẵn có nơi mình, trong nhà Thiên gọi là trí vô sư, là trí không thầy dạy. Nên Ngài Văn Thù mới thấy thì hiểu liền, có ai dạy đâu, trong khi đó ở phần sau Ngài Di Lặc mới nghi. Cũng vậy mình mở được căn bản trí đó là mở được trí vô sư thì rõ được ánh sáng kia liền. Tóm lại Phật Phật đồng một Diệu pháp đó thôi chứ không có hai. Phật xưa cũng hiện ra điềm đó, bây giờ cũng hiện ra điềm đó, Diệu pháp đó không hai nhưng vì mình chưa mở được con mắt căn bản nên còn chưa hiểu được.

CHÁNH VĂN:

24- Bảy giờ đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh từ chánh định mà dậy, vì Diệu Quang Bồ tát nói kinh Đại thừa tên Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm, trải qua sáu mươi tiểu kiếp chẳng rời chỗ ngồi.

25- Lúc ấy trong hội, người nghe pháp cũng ngồi một chỗ đến sáu mươi tiểu kiếp, thân tâm đều không lay động, nghe đức Phật nói pháp cho là như trong khoảng bữa ăn. Bảy giờ trong chúng không có một người nào hoặc là thân hoặc là tâm mà sanh lười mỏi.

26- Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh trong sáu mươi tiểu kiếp nói Kinh đó rồi, liền ở trong chúng ma, phạm, sa môn, bà la môn và trời, người, a tu la mà tuyên rằng: "Hôm nay vào nửa đêm, Như Lai sẽ nhập Vô Dư Niết bàn". Khi đó có vị Bồ tát tên Đức Tạng, đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh liền thọ ký cho, bảo các Tỳ kheo rằng: "Ông Đức Tạng Bồ tát này kể đây sẽ thành Phật hiệu là Tịnh Thân Như Lai, Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác".

Đức Phật thọ ký xong, vào nửa đêm bèn nhập Vô Dư Niết bàn.

GIẢNG:

Trước tiên nhắc đến ở trong hội đó có Bồ tát tên là Diệu Quang khi Phật phóng ánh sáng đó rồi Phật ở nơi chánh định dậy, vì Bồ tát Diệu Quang đó nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật

Sở Hộ Niệm. Nói Kinh đó trải qua sáu mươi tiểu kiếp chẳng rời khỏi chỗ ngồi, trong chúng hội cũng ngồi sáu mươi tiểu kiếp.

Bồ tát Diệu Quang là gì? Diệu là mẫu nhiệm. Quang là ánh sáng. Diệu Quang là ánh sáng nhiệm mẫu. Ánh sáng Diệu Quang là ánh sáng trí tuệ căn bản. Đó là trí tuệ không thể nghĩ bàn, tức là muốn ngầm nói cái gì? - Muốn nghe pháp này, rõ Tri Kiến Phật này thì phải bật niệm phân biệt, phải từ căn bản trí mà vào.

Sáu mươi tiểu kiếp, tính ra khoảng một tỷ tám triệu năm, nói pháp luôn như vậy, ai nghe có tưởng tượng nổi không? Pháp ở đâu mà nói hoài vậy? Đây muốn chỉ cho ta rõ Tri Kiến Phật vượt ngoài thời gian, khái niệm. Ở đây Ngài nói pháp thời gian dài như vậy thân và tâm không lay động, không rời chỗ ngồi. Chúng nghe pháp cũng vậy, cũng ngồi đó thân tâm đều không lay động trải qua sáu mươi tiểu kiếp, tức là một tỷ tám triệu năm mà tưởng như trong khoảng bữa ăn thôi, tức quên thời gian. Còn mắc kẹt thời gian là còn thấy có lâu, có mau cho nên ngồi nghe một lúc trông cho hết giờ để nghỉ. Đó là sống với tri kiến chúng sanh, còn sống với Tri Kiến Phật thì quên thời gian.

Đức Phật nói pháp trong sáu mươi tiểu kiếp cũng không rời chỗ ngồi, ý nghĩa đó là muốn nói lên cái gì?

- Đó là cho dù Ngài nói thế nào, nói Đông nói Tây gì đi nữa thì vẫn không rời “một niệm hiện tiền” đây thôi. Vậy mình ngồi nghe mà nghe chú tâm, lắng lòng nghe thì thời gian dài cũng không rời người nghe pháp đây, không rời niệm hiện tiền đó. Rõ được chỗ này mình mới thấy ý nghĩa sâu xa trong đó, chớ mình không biết đức Phật nói pháp cách gì trải qua thời

gian dài mà ngồi đó nói hoài, chúng cũng ngồi đó hoài. Như vậy, khi người sống trong Tri Kiến Phật đó thì quên niệm về thời gian, mới rõ được, mới sống được trong Tri Kiến Phật. Do đó ngồi thiền lâu lâu có những giây phút an ổn, mình cảm thấy được chút chút quên thời gian, lúc đó mình mới hiểu được phần nào cảnh giới này. Khi chúng ta sống được nhất tâm, sống ngay trong hiện tại này, bắt được ý nghĩ lăng xăng đó, quên mất ý niệm về thời gian, chúng ta mới nghe được Pháp Hoa rõ ràng, còn bây giờ nghe Pháp Hoa bằng cái gì? - Nghe với tâm đang ngồi đây mà nghĩ nhớ chuyện nhà. Vậy ngay đây mà đã rời khỏi chỗ ngồi rồi, chưa nói đến mấy mươi kiếp nữa.

Khi Phật nói Kinh Pháp Hoa xong rồi tức qua sáu mươi tiểu kiếp đó xong rồi, Ngài tuyên bố: "Tối nay nửa đêm Ta nhập Niết bàn". Sao nói Kinh xong tuyên bố nhập Niết bàn? Chỗ này có giống chỗ Ngài Sùng Tín đưa đèn cho Ngài Đức Sơn không? Tức là Đức Sơn Tuyên Giám, sau khi quấy bộ Thanh Long Sớ Sao đi về phương Nam, gặp bà già bán bánh hỏi một câu mà đáp không được, Sư mới hỏi, ở đây có Thiên sư không, bà già chỉ đến Ngài Sùng Tín. Ở đó, Sư theo Ngài Sùng Tín một thời gian, một hôm đứng hầu khuya, Ngài Sùng Tín mới bảo:

- Khuya rồi, sao ông không xuống đi?

Sư đi ra thấy trời tối đen, bèn trở vào thưa rằng:

- Bên ngoài tối đen.

Tối đen đó có hai nghĩa, là bên ngoài trời tối đen mà tâm Ngài cũng đang tối đen.

Ngài Sùng Tín nói:

- Được rồi! Ông tới ta đốt đèn đưa cho.

Ngài Sùng Tín đốt đèn đưa cho Sư. Sư đưa tay ra

tiếp nhận, thì ngay đó Ngài Sùng Tín liền thối tất. Sự liền ngộ.

Lúc cần thì mỗi đèn đưa cho, khi lấy thì thối tất đi. Như vậy có giống ở đây không? - Nói Kinh Pháp Hoa cho nghe, nghe xong tuyên bố nhập Niết bàn. Vậy đó là nhấn nhủ mình cái gì? - Phần của Ta nói tới đây là xong rồi, nói Pháp Hoa là thổ lộ cho mọi người hết rồi, Tri Kiến Phật đó đã nói rõ rồi, bây giờ còn lại là gì? - Là phần của các ông. Cho nên, thôi Ta nhập Niết bàn. Cũng như ta đưa đèn rồi liền thối tất, đó là ông tự sáng lên, không ý vào Ta. Ý lại, nếu có được gì đi nữa cũng là cái vay mượn, cũng là trí hữu sự. Ở đây muốn mình phải phát trí vô sự, sống với trí vô sự đó. Ta nhập Niết bàn rồi chỉ còn ông ở đó thì ông phải sống dậy thôi. Đó là ý nghĩa rất sâu xa! Chính ông sống được như vậy đó thì ông mới giữ gìn, mới truyền Pháp Hoa không đoạn dứt được. Nếu ý lại vào Ta, khi Ta mất đi thì ông chơi với. Trong nhà Thiên có câu: "Từ cửa vào thì không phải cửa báu của nhà mình". Nếu báu trong nhà thì trong nhà tự lấy ra xài, còn từ cửa vào là thuộc bên ngoài. Do đó ở đây Phật tuyên bố thôi Ta nhập Niết bàn, còn lại là phần dành cho ông.

Khi đức Phật tuyên bố nửa đêm nhập Niết bàn thì trong hội đó có vị Bồ tát tên là Đức Tạng, Phật thọ ký cho Ngài Đức Tạng kể đó sẽ thành Phật gọi là Tịnh Thân Như Lai. Ai thấy có gì lạ không? Nói Kinh thì nói cho Ngài Diệu Quang nghe, đối trước với Ngài Diệu Quang, nhưng lại thọ ký cho Ngài Đức Tạng. Bởi vì Diệu Quang là chỉ cho Ngài Văn Thù, mà Văn Thù tức là căn bản trí. Căn bản trí tức là trí căn bản, là trí không thấy, là bản giác, giác có ở nơi mọi người thì còn thọ ký gì nữa. Do đó thọ ký cho Ngài Đức Tạng.

Đức Tạng là kho công đức đầy đủ diệu hạnh, chỗ sống được trọn vẹn, được viên mãn mới thành Phật, với tự thân trang nghiêm thanh tịnh, đó là quả đức. Muốn nói lên, ngộ Tri Kiến Phật, rõ được bản giác là sẵn đủ tự bao giờ rồi, nhưng còn phải sống, sống cho trọn vẹn viên mãn trong đó mới tròn đầy quả đức, thực sự thành tựu thanh tịnh pháp thân, thanh tịnh tự thân. Quả Phật tới đó mới là trọn vẹn, cho nên thọ ký cho Ngài Đức Tạng. Đó là điều nhắc nhở cho người học Pháp Hoa cũng phải nhớ kỹ, sáng được Pháp Hoa, ngộ được Tri Kiến Phật nhưng phải sống được trong đó, sống trọn vẹn đầy đủ công đức thì mới xong, chứ không phải nghe ngộ là đủ. Cho nên Phật thọ ký cho Ngài Đức Tạng mà không thọ ký cho Ngài Diệu Quang.

CHÁNH VĂN:

27- Sau khi đức Phật diệt độ, Diệu Quang Bồ tát trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa, trải tám mươi tiểu kiếp vì người mà diễn nói.

28- Tám người con của Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh đều học với Ngài Diệu Quang. Ngài Diệu Quang dạy bảo cho đều vững bền ở nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các vị Vương tử đó cúng dường vô lượng trăm nghìn muôn ức đức Phật đều thành Phật đạo. Vị thành Phật sau hết hiệu là Nhiên Đăng.

29- Trong hàng tám trăm người đệ tử có một người tên Cầu Danh. Người này ưa tham danh lợi, dầu cũng đọc tụng các kinh mà chẳng thuộc rành, phần nhiều quên mất nên gọi là Cầu Danh. Người này cũng do có trồng các nhưn

duyên căn lành nên đặng gặp vô lượng trăm nghìn muôn ức đức Phật mà cúng dường cung kính tôn trọng khen ngợi.

30- Di Lạc nên biết! Lúc đó Diệu Quang Bồ tát đâu phải người nào xa lạ, chính là Ta đây, còn Cầu Danh Bồ tát là Ngài đây.

Nay thấy diễm lành này cùng với xưa không khác. Cho nên ta xét nghĩ, hôm nay đức Phật Như Lai sẽ nói kinh Đại thừa tên Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm.

Bấy giờ, Ngài Văn Thù Bồ tát ở trong đại chúng, muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

GIẢNG:

Phật thọ ký xong, Ngài nhập Niết bàn rồi, sau đó Bồ tát Diệu Quang trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa tám mươi tiểu kiếp, vì người khác mà diễn nói, tức là tiếp nối giữ gìn Kinh Pháp Hoa hay giữ gìn Tri Kiến Phật đó. Mà muốn tiếp nối, giữ gìn Tri Kiến Phật hay kinh Pháp Hoa đó, phải là cái gì? Phải là căn bản trí hoặc là trí vô sư, cho nên ở đây Bồ tát Diệu Quang trì Diệu Pháp Liên Hoa tám mươi tiểu kiếp, Ngài trì liên tục. Bởi cái trí sẵn nơi mình, chính trí đó nó mới giữ gìn liên tục được, còn trí hữu sư thì nó sẽ có gián đoạn, lấy cái trí đó mà giữ gìn Pháp Hoa thì khó được liên tục. Rồi tám người con của đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh đó đều học với Ngài Diệu Quang, Ngài Diệu Quang cũng dạy bảo cho khiến đều vững bền nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và những người con này cũng từng cúng dường vô lượng đức Phật rồi sau đó cũng đều thành Phật, Phật cuối cùng là

Phật Nhiên Đăng, mà Nhiên Đăng là thầy của đức Phật Thích Ca.

Tám người con đó là chỉ cho tám thức, tám thức nó đều nương theo căn bản trí, tức là nương theo Ngài Diệu Quang mà học. Như vậy để thấy rõ, khi mê thì nó là thức, khi giác thì nó là trí. Ngay điểm này ta hiểu thêm ý nghĩa gì? Nó có cố định không? Không có tánh cố định gì hết. Thức nó không phải cố định là thức mà khi giác thì nó chuyển thành trí rồi. Do đó, tám thức nó vốn là tánh không, không có tánh cố định. Mà tánh không, tức là tám thức đều vô ngã, nhưng mình lại chấp ngã, chấp nó cố định đó là mê lầm. Hiểu được như vậy, thì chính ngay cái suy nghĩ của mình đây, khéo chuyển thì nó sẽ đi đến cái gì? Cái suy nghĩ này, thay vì nó suy nghĩ hơn thua, phải quấy, đông tây bây giờ hãy suy nghĩ đến chỗ không suy nghĩ xem. Song chỗ không suy nghĩ làm sao suy nghĩ? Thì ngay đó nó bật suy nghĩ rồi! Mà bật suy nghĩ thì nó chuyển thành trí, căn bản trí hiện ra. Nếu khéo ứng dụng thì chính ngay cái tâm suy nghĩ này, mình chuyển nó liền tỏ ngộ ngay không cần phải tìm đâu xa.

Mà nếu ngay chỗ suy nghĩ này, mình suy nghĩ đến chỗ bật suy nghĩ thì bừng sáng dậy, và chỗ bừng sáng dậy là gì? Đó là Nhiên Đăng chớ gì! Cho nên Phật cuối cùng là Nhiên Đăng. Nhiên Đăng là cái đèn nó bật cháy và đó là thầy của Phật Thích Ca. Tới đây có ai nghi cái gì không? Tám vị Vương tử đó theo học với Ngài Diệu Quang, cuối cùng rồi cũng đều thành Phật, cũng đều phụt cháy hết, cuối cùng là vị Nhiên Đăng. Như vậy, mấy vị học trò đều thành Phật hết, còn Ngài Diệu Quang thì sao không thấy thọ ký thành Phật? Diệu Quang tức Ngài Văn Thù, cũng không thấy

thọ ký thành Phật, cũng còn là Văn Thù? Bởi vì, Ngài là căn bản trí rồi. Đó là một ý, thành Phật cũng không phải là thành một cái gì khác, mà là thành cái sẵn có đã bị bỏ quên thôi. Bởi vậy, chính cái “diệu quang” tức cái ánh sáng nhiệm mầu sẵn có, là thầy của các đức Phật. Các đức Phật thành Phật cũng là thành cái sẵn có đó chứ không phải cái gì khác. Đến đây ai thấy được cái Diệu Quang chưa?

Rồi thêm một đoạn nữa, trong hàng tám trăm đệ tử của Ngài Diệu Quang đó, có người tên là Cầu Danh. Cầu Danh tức là đi theo danh lợi, tiếng tăm, cho nên nói người này ưa danh lợi, tiếng tăm, dầu có đọc tụng nhưng không có thuộc kinh. Theo danh tướng thì làm sao thuộc kinh Pháp Hoa này nổi! Nhưng do có trồng nhân duyên căn lành, có gấn gũi các đức Phật, nên cuối cùng cũng được thọ ký thành Phật. Do đó Ngài Văn Thù nói, Diệu Quang đó không ai khác, chính là ta đây; còn Cầu Danh là ông - là Ngài Di Lạc. Ngài Di Lạc đó cũng được gặp Phật Thích Ca thọ ký sau này sẽ thành Phật. Như vậy, Cầu Danh cũng được thọ ký thành Phật, thì ở đây có ai mất phần không?

Hiện tại đây chúng ta đang sống với cái gì? - Với cầu danh, với vọng tưởng chứ gì? Tức sống với các thức tưởng phân biệt đó, nếu khéo chuyển rồi cũng thành Phật. Minh biết rõ cái vọng tưởng đó nó là không thật thì không lầm các vọng tưởng đó. Chính ngay suy nghĩ mà bật suy nghĩ thì nó bừng sáng lên, tánh giác hiện tiền. Để thấy rõ, mỗi người chúng ta ngồi đây đều là những vị Phật tương lai, nếu khéo biết chuyển. Cho nên ở đây rốt lại Ngài Văn Thù nói ra, Diệu Quang đó chính là ta, còn Cầu Danh chính là ông chứ không có ai khác. Đó cũng là ý nghĩa, xưa nay không rời ngay

một niệm hiện tiền này, chớ kẹt vào niệm xưa nay đó chính trước mắt đây liền cách biệt.

Do đó, Ngài Văn Thù kết thúc, nay thấy điềm lành này cùng với xưa không khác, xét biết rõ đức Phật Như Lai sẽ nói kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm. Nay với xưa không khác, thấy rõ như vậy. Phật chưa nói, chưa xuất định nhưng Ngài Văn Thù thấy đó đã biết rồi. Vậy là do cái gì? - Do căn bản trí thâm hiểu được Phật muốn nói. Chúng ta khéo mở được con mắt đó thì mình cũng thấy được chỗ chưa nói của đức Phật đó. Chính thấy chỗ chưa nói của Phật đó mới thấy được chỗ tốt cùng. Còn thấy chỗ đã nói thì sao? - Thấy chỗ đã nói là thấy theo chỗ phân biệt rồi. Cho nên khi Phật đã nói rồi nhưng mình cũng phải từ chỗ đã nói đó mà thấy chỗ chưa nói kia, còn nếu theo chỗ đã nói mà hiểu tức là theo đuôi. Chỗ này phải nghiền ngẫm cho kỹ mới thấy chỗ sâu xa của Phật!

Như vậy ngày xưa cũng cái thấy cái nghe này, rồi bây giờ cũng cái thấy cái nghe này, cho nên Ngài Văn Thù lúc xưa, ở chỗ đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh đó thì Ngài cũng cái thấy cái nghe này, rồi ngày nay ở chỗ Phật Thích ca cũng cái thấy cái nghe này Ngài biết rõ, thì mình bây giờ nếu khéo cũng sẽ thấy rõ. Chính ngày xưa cũng thấy nghe đó, bây giờ cũng cái thấy nghe đó thì có hai, ba gì đâu. Chưa ngộ còn đợi gì nữa? Tri Kiến Phật là ngay chỗ đó, còn gì nữa; chỉ là mình đừng xen những cái khác vào thôi. Cũng ngay chỗ thấy nghe này đừng xen những cái khác vào là xong!

Trong Sử thiên có kể: có vị Tăng đến hỏi Ngài Linh Vân:

- Khi Phật chưa ra đời thì thế nào?

Ngài Linh Vân lấy cây phát tử đưa lên (đó là Phật chưa ra đời).

Sau đó ông Tăng hỏi tiếp:

- Khi Phật ra đời thì như thế nào?

Ngài cũng đưa cây phát tử lên.

Vậy có gì sai khác? Mà cái gì là cái Phật trước khi chưa ra đời? - Chính là cái đang ngồi đó. Thành ra chính cái đó khi Phật chưa ra đời và sau khi ra đời cũng không rời cái đó. Nhưng mình không sống được ngay cái đó, mà còn thêm trong đó cho nên thành ra sai biệt. Nếu rõ được ngay chỗ đó rồi thì ở đây thấy được Diệu Pháp Liên Hoa thôi. Kế đó Ngài Văn Thù mới thuật lại bài kệ:

CHÁNH VĂN:

**31-Ta nhớ thưở quá khứ
Vô lượng vô số kiếp
Có Phật Như Trung Tôn
Đức Thế Tôn nói pháp
Độ vô lượng chúng sanh
Vô số ức Bồ tát
Khiến vào trí huệ Phật**

GIẢNG:

Đây nhắc lại đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, từ vô lượng vô số kiếp về trước, Phật ra đời, độ vô lượng chúng sanh cũng đều nhắm vào trí huệ Phật. Đó là bản hoài của Phật.

CHÁNH VĂN:

**32- Khi Phật chưa xuất gia
Có sanh tám Vương tử
Thấy Đại Thánh xuất gia
Cũng theo tu Phạm hạnh**

GIẢNG:

Nhắc lại khi Phật chưa xuất gia có tám vị Vương tử, khi Phật xuất gia thì tám vị đó cũng xuất gia theo.

CHÁNH VĂN:

**33- Phật nói kinh Đại thừa
Tên là "Vô Lượng Nghĩa"
Ở trong hàng đại chúng
Mà vì rộng tỏ bày.
Phật nói kinh ấy rồi
Liên ở trong pháp tòa
Xếp bằng nhập chánh định
Tên "Vô Lượng Nghĩa Xứ."
Trời rưới hoa Mạn đà
Trống trời tự nhiên vang
Các trời, rồng, quý, thần
Cúng dường đáng Như Tôn
Tất cả các cõi Phật
Tức thời vang động lớn.**

GIẢNG:

Đây nói về đức Phật nói kinh "Vô Lượng Nghĩa",

sau khi nói xong Ngài bèn nhập định tên là "Vô Lượng Nghĩa Xứ", lúc đó trời rưới hoa, đất chấn động. Thuật lại việc đó, người nghe thì ai cũng tưởng vào một thời xa xôi nào đó. Nhưng đất chấn động vang như vậy, nó còn vang cho đến ngày nay, có ai nghe được không? Tiếng vang chấn động đất, vậy đất này là đất gì? - Đó là đất tâm. Tiếng vang đó còn vang đến ngày nay, ai khéo nghe tiếng vang đó thì sao? - Thì tự nhiên là thấy trời mưa hoa, cảm được trời mưa hoa và nghe được Phật nói kinh Vô Lượng Nghĩa, thấy được Phật nhập chánh định Vô Lượng Nghĩa Xứ đó.

CHÁNH VĂN:

**34- Phật phóng sáng giữa mây
Hiện các việc hy hữu
Ánh sáng chiếu phương Đông
Muôn tám nghìn cõi Phật.
Bày sanh tử nghiệp báo
Của tất cả chúng sanh
Lại thấy các cõi Phật
Dùng các báu trang nghiêm
Màu lưu ly, pha lê
Đây bởi Phật quang soi.**

GIẢNG:

Đây là nói Phật phóng ánh sáng từ lông trắng giữa chạng mây, chiếu về phương Đông, một muôn tám nghìn cõi, soi thấy hết nghiệp báo của chúng sanh ở trong sáu đường, cho đến cảnh trang nghiêm ở cõi Phật, màu lưu ly, pha lê đều thấy rõ hết. Đó là

muốn nói lên cái gì? - Trong ánh sáng đó tịnh uest gì cũng hiện trong đó hết, không thiếu. Vậy còn tìm đâu xa chi nữa Đó là nhắc nhở cho mình thấy lại ánh sáng đó là cái hay, còn theo tướng tịnh uest là theo chiều mê.

CHÁNH VĂN:

**35- Lại thấy những trời, người
Rỗng, thần, chúng dạ xoa
Càn thất, Khẩn na la
Đều cúng dường Phật mình.**

GIẢNG: Thấy trời, người, rỗng, thần, dạ xoa.

CHÁNH VĂN:

**36- Lại thấy các Như Lai
Tự nhiên thành Phật đạo
Màu thân như núi vàng
Đoan nghiêm rất đẹp màu
Như trong lưu ly sạch
Hiện ra tượng chơn kim
Thế Tôn trong đại chúng
Dạy nói nghĩa thâm diệu**

GIẢNG:

Đây là thấy thân tướng trang nghiêm, đẹp đẽ của các đức Phật. Và tự nhiên thành Phật đạo nói pháp vi diệu, tức là sao? Thành Phật là thành tự

nhiên, ý nói thành Phật tức là thành cái sẵn có đó, chớ không phải thành cái bên ngoài, thành mà không có chỗ thành.

CHÁNH VĂN:

37- Mỗi mỗi các cõi Phật
Chúng Thanh văn vô số
Nhơn Phật quang soi sáng
Đều thấy đại chúng kia
Hoặc có các Tỳ kheo
Ở tại trong núi rừng
Tinh tấn giữ tịnh giới
Dường như gìn châu sáng

GIẢNG: Nhân cái ánh sáng của Phật mà thấy các Tỳ kheo trì giới, tu hành tinh tấn thanh tịnh.

CHÁNH VĂN:

38- Lại thấy các Bồ tát
Bồ thí nhĩn nhục tháy
Số đông như hằng sa
Đầy bởi sáng Phật soi.
Lại thấy hàng Bồ tát
Sâu vào các Thiên định
Thân tâm lặng chẳng động
Để cầu đạo vô thượng.
Lại thấy các Bồ tát
Rõ tướng pháp tịch diệt
Đều ở tại nước mình
Nói pháp cầu Phật đạo.

GIẢNG:

Đây là nói các Bồ tát tu hành bố thí, nhẫn nhục. Còn các Bồ tát tu Thiền định cầu Phật đạo thì rõ được các pháp tướng tịch diệt. Thấy rõ ở ngay nước mình cũng nói pháp cầu Phật đạo, chớ khỏi phải đi đâu xa. Ý nói nơi mình có đủ, khỏi cần ở đâu khác.

CHÁNH VĂN:

**39- Bảy giờ bốn bộ chúng
Thấy Phật Nhật Nguyệt Đăng
Hiện sức thần thông lớn
Tâm kia đều vui mừng
Mỗi người tự hỏi nhau
Việc này nhưn duyên gì?**

GIẢNG:

Đây nói về bốn chúng khởi nghi, thấy rõ đó nhưng vẫn chưa nhận biết được, vậy có giống như mình không? Thấy đó, gặp nhau đó mà không biết nhau!

CHÁNH VĂN:

**40- Đấng của trời, người thờ
Vừa từ chánh định dậy
Khen Diệu Quang Bồ tát
Ông là mắt của đời
Mọi người đều tin về
Hay vưng giữ tạng pháp
Như pháp của ta nói**

**Chỉ ông chứng biết được.
Đức Phật đã ngợi khen
Cho Diệu Quang vui mừng
Liên nói kinh Pháp Hoa
Trải sáu mươi tiểu kiếp-
Chẳng rời chỗ ngồi ấy
Ngài Diệu Quang pháp sư
Trọn đều hay thọ trì
Pháp thượng diệu của Phật.**

GIẢNG:

Đây là Phật xuất định khen Bồ tát Diệu Quang, ngầm chỉ cho mọi người thâm cảm thông chỗ mà tình thức không thể xen vào biết được. Tức là chỗ tâm tương ứng, người ngoài khó suy nghĩ biết. Trong đây Phật khen Diệu Quang rồi nói:

“Ông là mắt của đời
Hay vâng giữ tạng pháp
Như pháp của ta nói
Chỉ ông chứng biết được”

Đó là thâm cảm thông với nhau, còn người ngoài dùng trí suy nghĩ thì không biết được. Phật khen ngợi cho Ngài Diệu Quang vui mừng rồi, nói kinh Pháp Hoa.

CHÁNH VĂN:

**41- Phật nói kinh Pháp Hoa
Cho chúng vui mừng rồi
Liên chính ngay trong đó**

**Bảo hàng chúng trời, người
Các pháp "nghĩa thật tướng"
Đã vì các ông nói
Nay ta giữa đêm này
Sẽ vào cõi Niết bàn
Phải một lòng tinh tấn
Rời các sự buông lung
Các Phật rất khó gặp
Úc kiếp được một lần.**

GIẢNG:

Đây Phật tuyên bố, Ngài sắp nhập Niết bàn. Coi như về pháp sâu xa nghĩa thật tướng đó đã nói hết rồi, bây giờ Ngài nhập Niết bàn, trả lại phần còn lại cho các ông.

CHÁNH VĂN:

**42- Các con của Phật thấy
Nghe Phật sắp nhập diệt
Thấy đều lòng buồn khổ
Phật sao gấp diệt vậy?
Đấng Thánh Chúa Pháp Vương
An ủi vô lượng chúng
Nếu lúc ta diệt độ
Các ông chớ lo sợ
Đức Tạng Bồ tát đây
Tâm đã được thông thấu
Nơi vô lậu thiết tướng
Kế đây sẽ thành Phật
Tên hiệu là Tịnh Thân**

Cũng độ vô lượng chúng

GIẢNG:

Đây đức Phật thọ ký cho Bồ tát Đức Tạng. Thấy chúng buồn khổ, Ngài bảo các ông không phải buồn khổ rồi Ngài an ủi thêm, nói các ông chớ có lo sợ, Bồ tát Đức Tạng kế tiếp đây sẽ thành Phật, sẽ độ vô lượng chúng sanh. Là nói lên, khi có tướng, có sanh, có diệt thì đó là giả tướng thôi. Còn thật tướng vẫn hằng hữu không có mất bao giờ, chớ có lo buồn. Thấy Phật nhập diệt đó là tướng giả, tướng sanh diệt, còn Phật thật có sanh diệt gì đâu mà lo buồn.

CHÁNH VĂN:

43- Dêm đó Phật diệt độ
Như củi hết lửa tắt
Chia phân các xá lợi
Mà xây vô lượng tháp.
Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni
Số đông như hàng sa
Lại càng thêm tinh tấn
Để cầu đạo vô thượng.

GIẢNG: Đây nói Phật diệt độ, chúng đệ tử xây tháp cúng dường.

CHÁNH VĂN:

44- Diệu Quang pháp sư ấy
Vâng giữ Phật pháp tạng

Trong tám mươi tiểu kiếp
Rộng nói kinh Pháp Hoa
Tám vị Vương tử đó
Được Diệu Quang dạy bảo
Vững bền đạo vô thượng
Sẽ thấy vô số Phật
Cúng dường các Phật xong
Thuận theo tu đại đạo
Nói nhau đặng thành Phật
Chuyển thứ thọ ký nhau
Đấng Phật rốt sau cả
Hiệu là Phật Nhiên Đăng
Đạo sư của thiên tiên
Độ thoát vô lượng chúng.

GIẢNG:

Đây nói Ngài Diệu Quang tiếp tục thọ trì kinh Pháp Hoa, tám vị Vương tử theo học với Ngài cuối cùng đều thành Phật, rốt sau cả là Phật Nhiên Đăng.

CHÁNH VĂN:

45 -Diệu Quang pháp sư đó
Có một người đệ tử
Tâm thường cứ biếng trễ
Tham ưa nơi danh lợi
Cầu danh lợi không nhàm
Thường đến nhà sang giàu
Rời bỏ việc tụng học
Bỏ quên không thông thuộc
Vì bởi nhờn duyên ấy

Cũng tu các nghiệp lành
 Dặng thấy vô số Phật
 Cúng dường các đức Phật
 Thuận theo tu đại đạo
 Dủ sáu Ba la mật
 Nay gặp đấng Thích Ca
 Sau đây sẽ thành Phật
 Hiệu rằng Phật Di Lặc
 Rộng độ hàng chúng sanh
 Số đông đến vô lượng.

GIẢNG:

Đây nói về Ngài Cầu Danh là vị đệ tử Ngài Diệu Quang. Ban đầu là cầu danh, do tham ưa danh lợi nhưng do cũng có trồng căn lành và gần gũi các đức Phật, nên chuyển tâm tu các công đức lành, cúng dường chư Phật rồi cũng thấy vô số Phật. Cuối cùng rồi cũng được thọ ký thành Phật.

CHÁNH VĂN:

46 - Sau Phật kia diệt độ
 Lười biếng đó là Ngài
 Còn Diệu Quang pháp sư
 Nay thời chính là ta.
 Ta thấy Phật Đấng Minh
 Diêm sáng trước như thế
 Cho nên biết rằng nay
 Phật muốn nói Pháp Hoa
 Tướng nay như diêm xưa
 Là phương tiện của Phật.

Nay Phật phóng ánh sáng
Giúp bày nghĩa thật tướng
Các người nay nên biết
Chấp tay một lòng chờ
Phật sẽ rưới nước pháp
Đầy đủ người cầu đạo
Các người cầu ba thừa
Nếu có chỗ nghi hối
Phật sẽ dứt trừ cho
Khiến hết không còn thừa.

GIẢNG:

Đây nói rõ Diệu Quang chính là Ngài Văn Thù hiện tại, còn Cầu Danh là Ngài Di Lạc. Vậy, xưa chính là nay chớ không gì khác, xưa nay không từng xa cách. Muốn nhắc, ngay niệm hiện tiền này, mình khéo soi lại, sống ngay đây liền rõ được chỗ sâu xa đó. Phật nói rõ:

“Điềm sáng trước như thế
Cho nên biết rằng nay
Phật muốn nói Pháp Hoa”

Và đây là Ngài đã thổ lộ rõ ràng: “phóng ánh sáng đó, là giúp bày ngầm chỉ nghĩa thật tướng”. Khởi cần phải nói nhiều, đó là Ngài thổ lộ cho mình thấy rõ ràng, thấy ánh sáng đó là phải thâm hội cái thật tướng, chớ không phải thấy ánh sáng đó rồi mê mờ chạy theo ánh sáng đó.

Vậy ngay một phẩm Tựa này, tuy Phật chưa nói lời nào nhưng đã ngầm hiển hiện, chỉ rõ cái diệu pháp trong đó rồi.

Bởi vì, Diệu Pháp, nó là chỗ ngôn ngữ không thể nói đến được, cho nên tạm dùng hình ảnh phóng quang, hình ảnh Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, Bồ tát Văn Thù, Bồ tát Cầu Danh, Bồ tát Di Lặc, Bồ tát Diệu Quang, những hình ảnh đó thâm tỏ bày cho mình ngầm thấy được lý sâu xa mà ngôn ngữ không thể nói đến được. Nếu người khéo nhận ngay nơi tướng sáng đó, liền rõ cảnh giới Pháp Hoa hiện bày khắp các nơi. Cho nên trong nhà Thiền nói là núi xanh trước mắt, chim kêu bên tai đều hiển bày nghĩa thật tướng, nếu mình khéo thấy.

Có một Thiền sư đọc kinh Pháp Hoa tới câu:

“Chư pháp tùng bản lai
Thường tự tịch diệt tướng”

Các pháp xưa nay tướng nó vốn là tịch diệt, lặng lẽ, ông nghi: bây giờ có lặng lẽ gì đâu? Tướng này là cây cối trước mắt, gió động, người qua, người lại sanh diệt rõ ràng, tại sao nói các pháp xưa nay vốn là lặng lẽ? Ông nghi thời gian dài suốt bao nhiêu năm trời, một hôm tới mùa Xuân ông ngồi, nghe chim hoàng oanh hót trên cành, bỗng liền tỏ ngộ. Ông làm thêm hai câu kế đó là:

“Chư pháp tùng bản lai
Thường tự tịch diệt tướng
Xuân đáo bách hoa khai
Hoàng oanh đề liễu thượng”

Có nghĩa, “các pháp xưa nay nó vốn tự vắng lặng, nhưng Xuân đến trăm hoa nở, hoàng oanh hót trên cành”.

Tướng thường lặng lẽ chỉ cho thể, thể thì thường lặng lẽ, nhưng khi duyên đến nó hiện rõ nên gọi là chân không mà diệu hữu. Tướng lặng lẽ đây không phải là một bề im phẳng phác, mà khi duyên đến thì nó hiện rõ mọi nơi mọi chỗ, đâu đâu cũng hiện bày cái thể thật tướng đó. Cho nên ngay các tướng hiển bày trước mắt đây, liền rõ được thật tướng lặng lẽ đó, chớ không rời những cái này.

Vậy, nếu mình khéo nhận được tướng sáng đó thì rõ được cảnh giới Pháp Hoa hiện bày khắp nơi, chỗ nào nó cũng đều hiện bày. Mà muốn rõ cái diệu pháp này, trước phải thấu suốt kinh Vô Lượng Nghĩa, nên Phật nói kinh này trước. Kinh Vô Lượng Nghĩa đó là kinh gì? - Vô Lượng Nghĩa là nghĩa vô lượng không đếm hết, không tính hết, chỗ ngôn ngữ không thể nói đến.

TÓM TẮT:

Phẩm này, Phật ban đầu ở núi Linh Thứu, chúng Thanh văn hữu học, vô học, Bồ tát, trời, rồng, bát bộ, cả Vua A Xà Thế cũng đều có mặt ở trong pháp hội đó. Phật trước nói kinh Vô Lượng Nghĩa, sau nhập chánh định Vô Lượng Nghĩa Xứ, từ đó trời mưa hoa, đất chấn động, rồi Phật từ ánh sáng giữa chạng lờng mây mới phóng ra, soi khắp bao nhiêu cõi nước ở phương Đông, trong đó hiện hết cảnh giới phàm thánh đều có đủ. Sau đó, chúng hội khởi nghi hỏi Bồ tát Văn Thù. Bồ tát Văn Thù mới thuật lại những việc xưa kia mà Ngài đã từng thấy hai muôn đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh cuối cùng khi Phật chưa xuất gia có tám vị Vương tử, sau khi

Phật xuất gia thành đạo thì tám vị Vương tử đó cũng xuất gia theo và đồng theo học với Bồ tát Diệu Quang. Phật lúc đó cũng như ngày nay nói kinh Vô Lượng Nghĩa, cũng nhập chánh định Vô Lượng Nghĩa Xứ, cũng phóng quang, sau đó cũng nói kinh Pháp Hoa giống như việc ngày nay, xưa nay nó không khác. Nói kinh Pháp Hoa rồi, tuyên bố nửa đêm nhập Niết bàn, thọ ký cho Bồ tát Đức Tạng. Sau đó Bồ tát Diệu Quang trì kinh Pháp Hoa trải tám mươi tiểu kiếp.

Ngài Diệu Quang có đệ tử tên là Cầu Danh, vì tham ưa danh lợi đó cho nên học rồi mà không thuộc kinh. Nhưng do có trồng các căn lành, gặp nhiều đức Phật, cuối cùng cũng được thọ ký thành Phật. Sau cùng Ngài Văn Thù mới nói rõ, Diệu Quang chính là ta, còn Cầu Danh chính là ông, thì không có ai khác hết. Xưa tức là nay đây. Như vậy thấy rõ điềm này cũng như điềm xưa nên biết chắc Phật sẽ nói Pháp Hoa.

Nếu chúng ta ngày nay thấy được ánh sáng đó ngay chính mình đây, thì biết rõ Pháp Hoa dễ dàng. Như vậy, mở đầu kinh Pháp Hoa xuất hiện trước là Ngài Văn Thù Sư Lợi khơi mào. Văn Thù đó là chỉ cho căn bản trí, muốn nhắc nhở mỗi người chúng ta cũng phải khéo mở sáng được căn bản trí nơi mình, tin nhận căn bản trí nơi mình đó, lấy đó làm cái nhân để tiến tu thì quả chân thật sẽ đến.





2 - PHẨM PHƯƠNG TIỆN

CHÁNH VĂN:

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn từ chánh định an lành mà dậy, bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Trí huệ của các đức Phật rất sâu vô lượng, môn trí huệ đó khó hiểu khó vào, tất cả hàng Thanh văn cùng Bích Chi Phật đều không biết được. Vì sao?"

Phật đã từng gần gũi trăm nghìn muôn ức vô số các đức Phật, trọn tu vô lượng đạo pháp của các đức Phật, đồng mãnh tinh tấn, danh tốt đồn khắp, trọn nên pháp rất sâu chưa từng có, theo thời nghi mà nói pháp ý thú khó hiểu.

Xá Lợi Phất! Từ khi ta thành Phật đến nay, các món nhân duyên, các món thí dụ rộng nói ngôn giáo, dùng vô số phương tiện dìu dắt chúng sanh, làm cho xa lìa lòng chấp. Vì sao? Đức Như Lai đã đầy đủ phương tiện, tri kiến và ba la mật.

Xá Lợi Phất! Tri kiến của Như Lai rộng lớn

sâu xa, đức vô lượng vô ngại lực, vô sở úy, thiên định, giải thoát tam muội, đều sâu vào không ngần mé, trọn nên tất cả pháp chưa từng có.

Xá Lợi Phất! Như Lai hay các món phân biệt, khéo nói các pháp lời lẽ êm dịu vui đẹp lòng chúng. Xá Lợi Phất! Tóm yếu mà nói đó, vô lượng vô biên pháp vị tầng hữu, đức Phật thấy đều trọn nên.

GIẢNG:

Tới phần này là Phật từ chánh định dậy, trước khi nói ý nghĩa này, nói qua ý nghĩa phẩm phương tiện, vì sao phẩm này gọi là phẩm phương tiện?

Phương: là phương pháp, cách thức.

Tiện: là tiện lợi, thích ứng khéo léo, nói đủ là thiện xảo phương tiện để giúp cho người đạt đến chỗ mong muốn.

Vì trí tuệ giác ngộ của Phật, là trí tuệ siêu việt, nó vốn vượt ngoài ngôn ngữ, cũng như tâm suy nghĩ. Bởi vậy, khi đức Phật thành đạo xong, Ngài định nhập Niết bàn, vì thấy chỗ này nó sâu xa quá, khó mà nói cho người hiểu được, thì nhập Niết bàn cho rồi. Chư thiên phải ba lần thưa thỉnh, Phật mới hứa khả. Đó là ngầm nói lên trí tuệ chứng ngộ của Phật, nó vượt ngoài ngôn ngữ, khó có thể dùng ngôn ngữ diễn bày được. Để giáo hóa chúng sanh, Ngài phải dùng phương tiện mà dẫn dắt họ khéo vào trí tuệ đó. Cho nên cuối cùng phải vượt qua ngôn ngữ, vượt qua cái suy nghĩ bình thường của thế gian, mới thấu được chỗ rốt ráo Phật muốn nói, muốn chỉ.

Chính vì vậy, mở đầu kinh Pháp Hoa này, Phật nhập định phóng quang, rồi trời mưa hoa, đất chấn

động, chúng hội thắc mắc không hiểu được, chỉ Ngài Văn Thù mới thâm cảm thông được thôi. Ngay mở đầu kinh này cũng nói lên điều đó.

Như vậy để thấy, lý chân thật rất ráo, không thể nói mà chỉ người tri âm mới tự thâm cảm thông, thâm hiểu được. Song nếu một bề không nói thì dạy ai đây, do đó Phật phải phương tiện nói bày. Vậy đã nói ra thì đó là phương tiện, chứ chưa phải thật, mình không thể chấp vào chỗ nói năng đó. Trong nhà thiền, khi nói ra là thuộc về đầu thứ hai rồi, còn đầu thứ nhất, có chỗ gọi là ngọn diệp phong, chỗ đó bật ngôn ngữ.

Bởi vậy trong kinh Hoa Nghiêm, khi đồng tử Thiện Tài lên tham vấn Tỳ kheo Đức Vân trên ngọn Diệp Phong, nhưng đồng tử lên đến núi rồi lại không gặp Ngài Đức Vân, sau đó qua ngọn núi khác, gọi là Biệt Phong mới gặp Ngài. Trong đó lại nói, Tỳ kheo Đức Vân chưa từng xuống núi, mà đồng tử Thiện Tài ở núi khác lại thấy Ngài là sao? - Ngọn Diệp Phong là chỗ lý rất ráo chân thật, chỗ đó không có hai. Nên Thiện Tài lên đó không thấy Ngài Đức Vân. Nếu thấy được là có hai, có chủ có khách rồi. Bởi vậy lên tới đó, nhưng không thấy được, muốn thấy thì qua ngọn núi khác mới thấy. Đó là nhân cái này mà thấy được cái kia. Mình ở đây cũng vậy, nhân lời nói phương tiện kia phải thấy thấu qua cái đó, thấy thấu qua ý kia, mới thấy chỗ lý rất ráo.

Trong sử Thiên có một vị Tăng hỏi Thiên sư Khế Phan ở Nam Thiên:

- Thế nào là nghĩa đệ nhất?

Sư bảo:

- Sao không hỏi nghĩa đệ nhất?

Ông Tăng nói:

- Đang hỏi đây!

Sư bảo:

- Đã rơi vào nghĩa đê nhị rồi.

Ngay đó ông phải thâm nhận liền. Do đó để rõ, khi có nói ra là thuộc về phương tiện, mà phương tiện là thuộc về cái thứ hai, thứ ba rồi.

Lẽ thật là chỗ tốt lý không lời, phương tiện vì người mà tạm có nói năng thôi. Dùng cách này, cách nọ khéo léo để dắt người vào lý thật đó là phương tiện. Phương tiện cũng giống như chiếc xe, chiếc thuyền chuyên chở đưa mình từ chỗ này tới chỗ khác, nhưng cái đó không phải là chỗ mục đích mình muốn đến. Ví dụ, mình muốn đi Sài Gòn, ngồi trên xe nó đưa mình tới Sài Gòn, nhưng cứ ngồi lý trên xe đó hoài cho đó là Sài Gòn là lầm.

Cũng vậy, nếu mình không khéo mà mắc kẹt trên phương tiện, trên ngôn ngữ lời nói đó, thì cũng không thấy được lý đạo. Trong Kinh Viên Giác, Phật nói: "Kinh điển Phật cũng giống như ngón tay chỉ mặt trăng". Ngón tay là chỉ cho phương tiện để chỉ mặt trăng, mình phải khéo thấy mặt trăng mới thấy được lý thật.

Vua Đường Tuyên Tông có lần hỏi Thiên sư Hoàng Biện:

- Sao gọi là phương tiện?

Thiên sư Hoàng Biện đáp:

- Phương tiện là ẩn thật mà che tướng, là cửa quyền biến khéo léo, để tiếp hàng căn cơ bậc trung, bậc hạ, chiêu uốn uốn chuyển bày ra để dẫn dụ họ, gọi đó là phương tiện. Giả sử đối với hàng thượng căn, bảo là cõi bỏ phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng. Đây cũng là lời nói phương tiện.

Đến như Tổ Sư bảo quên công bật lời, cũng không ra ngoài dấu vết phương tiện. Vì cái lời nói đó cũng là phương tiện rồi. Vậy làm sao vượt khỏi phương tiện? Nói "Tôi buông hết phương tiện, cõi bỏ hết phương tiện", lời nói đó cũng là phương tiện.

Người vượt ngoài phương tiện, là người phải khéo dùng phương tiện để ứng dụng cho mình, nhưng không mắc kẹt trong phương tiện đó. Cũng như đức Phật, Ngài nói ra lời này, lời nọ, Ngài cũng biết đó là phương tiện; nhưng Ngài khéo dùng nó mà dẫn dắt mình, không mắc kẹt trong đó, là Ngài vượt qua phương tiện, và dùng trở lại phương tiện. Đó là khéo léo, nếu không mình nghe nói buông hết, rồi bảo: "tôi bây giờ không chấp gì hết", nói không chấp mà thành chấp. Chấp vào cái không chấp đó! Lời nói phương tiện của Phật là lời nói phá chấp, lại chấp vào lời nói phá chấp đó làm thật, thành ra chấp nữa, cái đó rất là vi tế. Cho thấy, mọi cái lập bày ra đều là phương tiện.

Đến các vị Thiên sư hay các vị Tổ đánh hoặc hét cũng là phương tiện, để ngay đó đánh thức mình tỉnh lại cái thật chính mình. Cũng như ở đây, Phật phóng ánh sáng cũng là phương tiện. Như vậy, mình phải thấy được ý ngoài lời chứ không nên mắc kẹt ngôn ngữ.

Rồi khi Phật xuất định, Ngài tán thán trí tuệ của Phật với Tôn giả Xá Lợi Phất, Ngài bảo:

- Trí huệ đó rất sâu vô lượng. Môn trí huệ đó khó hiểu, khó vào. Tất cả hàng Thanh văn cùng Bích Chi Phật cũng không biết được.

Trí tuệ đó quá sâu xa, hàng Thanh văn cùng Bích Chi Phật cũng không biết được. Phật nói thêm:

- Phật đã từng gần gũi trăm nghìn vô số đức Phật, trọn tu vô lượng đạo pháp của các đức

Phật, đồng mãnh tinh tấn, danh tốt đồn khắp, trọn nên pháp rất sâu chưa từng có, theo thời nghi mà nói pháp, ý thú khó hiểu.

Phật tán thán trí tuệ sâu xa đó, cho đến hàng Thanh văn, Bích Chi Phật không thể biết được, vậy ai biết được? Mới xuất định, Phật liền tán thán trí tuệ đó. Hiểu chỗ này, thấm được chỗ này, quý vị mới thấy được ý của Phật khi thành đạo, Ngài muốn nhập Niết bàn. Vì trí tuệ này quá sâu xa, vượt ngoài ngôn ngữ. Ở đây Ngài nói thêm, Ngài đã từng gần gũi trăm nghìn vô số Phật và trọn tu vô lượng đạo pháp mới thành được như vậy. Tuy nói lý chân thật đó sẵn có nơi mình, không phải do tu hành mà được, nhưng không phải để tự nhiên mà có, phải công phu sâu xa miên mật, khéo hợp mới tự cảm nhận. Ngài cũng nói rõ:

- Ta, từ thành Phật đến nay, các món nhân duyên, các món thí dụ, rộng nói ngôn giáo, dùng vô số phương tiện diu dắt chúng sanh, làm cho xa lìa lòng chấp.

Nghĩa là, Ngài dùng bao nhiêu phương tiện ngôn ngữ cũng để diu dắt người xa lìa lòng chấp. Còn chấp là còn mắc kẹt cái này, mắc kẹt cái kia, hết chấp liền thấu được chỗ chân thật đó.

Trong đây ngầm nói ý gì? Ngài nói bao nhiêu lời, bao nhiêu phương tiện đó, đều là để phá chấp cho người. Minh sạch hết chấp thì thấu được ý Phật. Vậy, những điều Phật nói ra chưa thật là rất ráo; và ngầm ý, bốn mươi mấy năm Phật nói pháp cũng là phương tiện đánh thức cho người sống trở lại lý thật, vượt ngoài ngôn ngữ. Do đó trong Kinh Lăng Già, Phật nói:

- Ta từ khi thành Phật cho đến nhập Niết bàn, ở trong khoảng giữa đó chưa từng nói một chữ, cũng không đã nói, sẽ nói.

Sự thật không có gì để nói, cốt là mọi người hết chấp, tự cảm nhận lẽ thật chính nơi mình mà mình đã bỏ quên, chớ không có cái khác.

Kinh nói, Phật đã đạt được những pháp sâu xa đó, những trí tuệ, các giải thoát tam muội đều là vào chỗ không ngăn mé. Tức nói lên chỗ Phật đã đến hay cái tri kiến của Như Lai nó rộng sâu, thức tình không thể suy cùng được.

CHÁNH VĂN:

2 - Thôi Xá Lợi Phất! Chẳng cần nói nữa. Vì sao? Vì pháp khó hiểu ít có thứ nhất mà Phật trọn nên đó, chỉ có Phật cùng Phật mới có thể thấu tốt tướng chân thật của các pháp, nghĩa là các pháp: tướng như vậy, tánh như vậy, thể như vậy, lực như vậy, tác như vậy, nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, trước sau rốt ráo như vậy.

GIẢNG:

Phật nói rõ, bởi vì các pháp khó hiểu đó chỉ có Phật với Phật mới thấy rõ tốt tướng chân thật. Đó cũng chỉ cho người thâm cảm thông chớ không thể diễn tả hết bằng lời. Phật nói: "Nghĩa là các pháp: tướng như vậy, tánh như vậy, thể như vậy, lực như vậy, tác như vậy, nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, trước sau rốt ráo như vậy".

Đây là thập như thị trong Kinh Pháp Hoa, nghĩa là nó như vậy, thấy như vậy thôi. Phật tán thán rồi thôi, Phật không nói nữa, là để cho người thật khao

khát, lắng lòng định tâm mà tin vào. Tin nhận là phân biệt thì mới có thể cảm thông được, vì không thể suy nghĩ qua chỗ đó.

Chính chỗ này, đức Lục Tổ nói bài pháp đầu tiên cho thượng tọa Minh, khi Minh đuổi theo Tổ. Tổ bảo ông hãy lắng lòng mà nghe, Thượng tọa Minh im lặng giây lâu, Ngài mới nói:

- Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, cái gì là bộ mặt thật của Thượng tọa Minh?

Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, tức là bất niệm thiện ác thì chính ngay đó là gì? Làm sao suy nghĩ? Chính ngay đó liền cảm nhận bộ mặt thật rõ ràng của mình, cho nên khi thượng tọa Minh đại ngộ, và hỏi thêm:

- Ngoài lời mật, ý mật từ trước đến nay, còn có ý mật nào nữa chăng?

Tổ bảo:

- Đã nói với ông, tức chẳng phải mật, nếu ông soi ngược lại thì mật đó ở ngay bên ông thôi.

Ngay khi mình bất niệm phân biệt, thì chính đó tự mình tỉnh dậy, mọi bí mật sẽ mở tung, không còn giấu giếm gì nữa. Còn vừa nghĩ thì thành bí mật thôi. Vì sao? Vì còn nghĩ là chưa hiểu nên nó thành bí mật, bí mật tại nơi mình. Ở đây mọi tướng tánh đó, nó như thế nào thấy đúng như thế, không thêm không bớt, không nghĩ ngợi. Mình vừa nghĩ ngợi tức là xen cái ta vào trong đó rồi. Có cái ta xen vào, thì bóp méo sự thật của các pháp, nó hết còn là như vậy, mà thành ra thế này, thế kia theo cái ta.

Thí dụ, như cái hoa thấy là cái hoa, thấy đúng như vậy, đâu có lỗi lầm gì, thì chân lý rõ ràng thôi. Nếu xen cái tôi vào, thì bắt đầu sanh chuyện, mỗi

người đều thấy khác nhau, có đẹp, có xấu. Hoa - sự thật không đẹp, không xấu. Hoa là hoa thôi, cũng như nó không đỏ không trắng. Đỏ, trắng, do mình thêm vào đó. Do tâm phân biệt mà mình đặt tên màu cho nó là xanh, đỏ, trắng quen rồi, ai cũng gọi như vậy trở thành thói quen chung, ai nói màu xanh thành vàng thì cãi liền. Nếu xưa kia người ban đầu đặt hoa đỏ là vàng, thì bây giờ mình cũng gọi tên hoa là vàng. Đó là do nhóm người ban đầu đặt tên trước, nên mọi người đều công nhận gọi theo. Cũng như đứa bé sinh ra, lớn lên chưa biết gì hết thì thấy hoa là hoa thôi chứ không biết đỏ, vàng là gì. Nó cũng không biết đó là hoa nữa, chỉ biết đó là vật vậy thôi. Để cho thấy rõ, mình có xen cái thấy của mình vào đó thì có cái ta, cho nên sự vật đó đã bị bóp méo theo cái nhìn của mình, nó hết như thị, còn đây là thấy đúng như vậy, nó như vậy thôi.

Thập như thị, Tướng - tánh là một cặp, tướng nó hiện ra bên ngoài; còn tánh chỉ ngầm bên trong, tánh không biến đổi. Ví dụ như nước thì tánh của nó là ướt. Còn thể - lực là cặp đối nhau. Thể là bản thể, là cái gốc của lực. Lực là lực dụng, thể đối với dụng. Từ thể đó nó có công năng đầy đủ, cái lực dụng đó nó ứng ra ngoài. Còn nhân là điều kiện chính nó đưa đến cái quả. Thí dụ, hạt giống là nhân, là nó đủ điều kiện chính để đưa đến quả; duyên là điều kiện phụ trợ giúp cho nhân đó mà thành tựu đến cái quả. Ví dụ hạt giống là nhân, duyên là phân, nước, ánh sáng mặt trời, công của người v.v... Quả là kết quả nhân duyên đó tạo thành, tức là nhân duyên đó tạo thành kết quả. Báo là chỉ cho cái quả nó hiện ra để đáp lại cái nhân kia. Trước - sau rất ráo như vậy, tức trước là chỉ cho cái khởi đầu, sau là chỉ cho rốt sau này. Trong đó tánh, tướng, thể, lực,

tác, thì tác là hành động tạo thành những cái nghiệp.

Vậy tánh, tướng, thể, lực, tác, nhân, duyên, quả, báo, trước, sau rốt ráo đều như vậy. Đây là gồm cả thời gian và không gian trong đó hết, đều như vậy, đều NHƯ hết, mà đều NHƯ là sao? - Là nó không rời ngay một niệm hiện tiền đây! Ngay đây nó như vậy, thấy đúng như vậy, mình vừa quên một niệm hiện tiền này, thêm cái khác vào thì hết như vậy liền, tức là có cái niệm phân biệt vào trong đó, quên mất niệm hiện tiền này thì mọi cái thành ra sai biệt, hết NHƯ. Đến đây là mở cái thấy biết "trở về núi sông là núi sông".

Từ trước đến giờ Phật nói vô thường, nói vô ngã, nói khổ, tập, diệt, đạo, nói nhân duyên, bao nhiêu phương tiện tùy duyên. Qua Bát Nhã nói tánh không, đến Pháp Hoa này Phật nói "thấy đúng rõ, mọi cái như vậy là như vậy", trả về cái thấy như thật, núi sông là núi sông, thấy đúng như nó là nó, chớ không thêm một chút xíu nào vào trong đó.

Do đó, quý vị khéo mở cái thấy này, thì còn gì là hơn thua, phân biệt thế này thế kia! và như vậy, nhìn những cánh hoa này, từng cánh hoa nó đều rõ ràng rơi trong mắt mình thôi, không di đâu khác, mỗi cánh hoa nó đều hiện rõ, không có chút gì lầm lẫn! Còn bây giờ quý vị nhìn cánh hoa có thấy rõ từng cánh hoa không, hay là sao? Bây giờ nhìn hoa thì mình đồng hoá mình với cái hoa đó, mình chết trên hoa đó, chứ đâu thấy rõ từng cánh hoa, từng cánh hoa. Còn nếu mở mắt sáng ra thì thấy rõ từng cánh hoa, từng cánh hoa rành rành không có một chút gì lầm lẫn, đó chính là mở cái thấy như thị. Mở được cái thấy như thị, thì mới rõ được các pháp đúng như thật. Đến đây quý vị thấy trí tuệ sâu xa rộng lớn của Phật chưa? Khi nói tới đó, Thế Tôn muốn

tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

CHÁNH VĂN:

**3- Đấng Thế Hùng khó lường
Các Trời cùng người đó
Tất cả loài chúng sanh
Không ai hiểu được Phật.
Trí lực, vô sở úy
Các pháp khác của Phật
Không ai so lường được.**

GIẢNG:

Đấng Thế Hùng khó lường là chỉ cho Phật. Ở đây Phật nhắc lại, mọi trí lực, vô sở úy các pháp của Phật đó Ngài đều đầy đủ hết, không ai có thể so lường được. Đó là nói lên không phải chỗ thức tình có thể hiểu được, dò đến được.

**Vốn từ vô số Phật
Đầy đủ tu các đạo
Pháp nhiệm mầu rất sâu
Khó thấy khó rõ được.
Trong vô lượng ức kiếp
Tu các đạo đó rồi
Đạo tràng đặng chứng quả
Ta đều đã thấy biết.
Quả báo lớn như vậy
Các món tánh, tướng, nghĩa
Ta cùng mười phương Phật
Mới biết được việc đó.**

GIẢNG:

Ở đây Phật nói tiếp, vốn tu hành đầy đủ đạo pháp từ vô số đức Phật và các pháp nhiệm mầu sâu xa đó, là chỗ rất khó thấy, khó rõ được, không thể dùng mắt thấy, không thể dùng thức hiểu, mà ở đây do Ngài từ vô lượng kiếp tu các đạo đó rồi, ở nơi đạo tràng mà chứng quả, cho nên chính từ "đạo tràng đặng chứng quả, ta đều đã thấy biết". Nghe đến đây thì quý vị hiểu được cái gì? - Đây là chỗ tự chứng của Phật. Ở nơi đạo tràng Ngài chứng quả thì làm sao dùng suy nghĩ mà biết được? Cho nên mình học Phật, có khi mình có trí lanh lợi, mình suy đoán chỗ Phật thành đạo rồi nói thế này thế kia, rồi cãi nhau: tôi thấy thế này, anh thấy thế kia, rốt cuộc để lộ cái chỗ không thật của mình ra. Bởi vì, đó là chỗ chứng của Phật, mình dùng trí hiểu biết lanh lợi để suy đoán, làm sao suy đoán được? Nếu có hiểu được thì hiểu theo suy đoán, hiểu một góc cạnh nào đó thôi, đâu phải hiểu đến chỗ thật, mà trong đó cãi nhau càng không thật nữa. Cho nên chính chỗ này, quý vị mới kinh nghiệm qua, người còn thích cãi thì sao? - Thì biết rõ thế nào rồi. Do đó nếu hiểu chỗ này, quý vị mới thấy thấm thía câu chuyện người mù sờ voi:

Ông Vua muốn thử mấy người mù, cho nên một hôm gọi mấy người mù lại, rồi đem con voi để trước sân trong triều. Ông vua bảo mấy người mù đó là:

- Đâu các ông sờ voi rồi tả lại cho ta nghe hình dáng nó như thế nào?

Người sờ trúng tai voi thì nói:

- Voi giống cái quạt.

Người sờ trúng cái đuôi nói:

- Voi giống như cây chổi.

Người rờ trúng cái chân thì nói:

- Voi giống như cái cột.

Người rờ trúng cái bụng thì nói:

- Voi giống như cái lu.

Rồi ai cũng nghĩ là mình thấy đúng nên liền cãi nhau. Tại sao mấy người đó cãi? Mấy người đều có rờ trúng hết, chớ không phải là không rờ trúng, nhưng trúng trong một góc cạnh nào thôi, chớ không phải là chính mắt trông thấy rõ ràng. Do đó mỗi người đều thấy khác nhau, nên cãi nhau. Trong khi đó ông Vua chỉ cười, vì vua thấy toàn thể con voi rồi, nói thế nào đi nữa thì cũng không toàn vẹn hết. Vậy người thấy toàn vẹn thì sao? Còn cãi nữa không? Còn cãi là chưa thấy trọn vẹn, là chấp theo cái thấy riêng của mình.

Đây cho thấy, đức Phật Ngài ở nơi đạo tràng tự chứng được. Do đó muốn thấy chỗ này thì cũng phải đến trong cảnh giới đó, tự mình vào được trong chỗ đó, rồi thâm cảm nhận thôi, chớ không thể suy nghĩ. Phật nói đó là chỗ ta đều thấy biết hết. Do Ngài tự chứng mà thấy biết rõ ràng, không còn chỗ suy luận, chỗ phỏng đoán. Cho nên những điều Ngài nói ra chắc chắn, chân thật, quả quyết không sai với lẽ thật.

Quả báo lớn như vậy

Các món tánh tướng nghĩa

Ta cùng mười phương Phật

Mới biết được việc đó.

GIẢNG:

Quả báo lớn như vậy, nghĩa tánh tướng đó, Ngài

cùng mười phương chư Phật mới biết được. Bởi vì sao? Bởi vì Phật với Phật tâm tâm tương ứng với nhau thì mới biết được, chứ không phải là chỗ suy nghĩ.

CHÁNH VĂN:

**Pháp đó không chỉ được.
Văng bặt tiếng nói năng
Các loài chúng sanh khác
Không có ai hiểu dạng
Trừ các chúng Bồ tát
Người sức tin bền chặt.**

GIẢNG:

Ở đây Phật đã thổ lộ ngầm chỉ ý giáo ngoại biệt truyền rõ ràng qua hai câu:

**Pháp đó không chỉ được
Văng bặt tướng nói năng.**

Là ý giáo ngoại biệt truyền đó, bởi vì chỗ đó nó bặt hết mọi nói năng, vậy thì phải thấy như thế nào? - Phải thấy trước câu nói, thấy ngoài lời. Đó là ý nói, lời nói ra đều không thể đến được chỗ này, không thấy được chỗ này, phải thấu qua ngôn ngữ, ngay đây ý giáo ngoại biệt truyền hiện trong đó. Cho nên Ngài nói:

**Các loài chúng sanh khác
Không có ai hiểu dạng
Trừ các chúng Bồ tát
Người sức tin bền chặt.**

Đó là dùng trực giác tin nhận vào, chớ không thể suy nghĩ. Chỗ này trong nhà thiền, các Ngài ít chịu giải thích rõ ràng cho mình hiểu, mà các Ngài nói những lời dễ hiểu là những lời tử ngữ, còn những lời sống là những lời làm người ta bật tình thức suy nghĩ.

**Các hàng đệ tử Phật
Tùng cúng dường các Phật
Tất cả lậu đã hết
Trụ thân rốt sau này
Các hạng người vậy thấy
Sức họ không kham được**

Ở đây Phật nói, những hàng đệ tử Phật tất cả lậu đã hết, trụ thân rốt sau, mà sức họ cũng không kham được, đây Phật thí dụ:

**Giả sử đầy thế gian
Đều như Xá Lợi Phất
Cùng suy chung so lường
Chẳng lường được trí Phật**

Trí tuệ như Xá Lợi Phất đầy thế gian này, cũng không lường được Phật trí. Đó là một lớp.

**Chánh sử khắp mười phương
Đều như Xá Lợi Phất
Và các đệ tử khác
Cũng đầy mười phương cõi
Cùng suy chung so lường
Cũng lại chẳng biết được.**

Lớp thứ hai là, khắp mười phương đều như Xá Lợi Phất và những hàng đệ tử khác nữa, cùng họp lại để suy lường cũng không biết được.

**Bạc Duyên giác trí lanh
Vô lậu thân rốt sau
Cũng đầy mười phương cõi
Số đông như rừng tre
Hạng này chung một lòng
Trong vô lượng ức kiếp
Muốn xét Phật thật trí
Chẳng biết được chút phần.**

Đây là hàng Bích Chi Phật ở khắp mười phương đông như rừng tre, họp chung lại suy lường trong vô lượng ức kiếp, cũng không thể biết được một chút phần, nghĩa là trong một thời gian dài suy xét cũng không biết được trí Phật.

**Bồ tát mới phát tâm
Cúng dường vô số Phật
Rõ thấu các nghĩa thú
Lại hay khéo nói pháp
Đông đầy mười phương cõi
Như lúa, mè, tre, lau
Một lòng dùng trí mầu
Trải số kiếp hằng sa
Thấy đều chung suy lường
Chẳng biết được trí Phật.**

Đây là Bồ tát mới phát tâm đông nhiều ở khắp mười phương như lúa, mè, tre, lau mà cùng chung suy

lường cũng không biết được trí Phật.

**Hàng Bát thối Bồ tát
Số đông như hàng sa
Một lòng chung suy cầu
Cũng lại chẳng biết được**

Đến hàng Bồ tát Bát thối chung nhau suy cầu cũng không hiểu được.

**5 - Lại bảo Xá Lợi Phật
Pháp nhiệm mầu rất sâu
Vô lậu khó nghĩ bàn
Nay ta đã đặng đủ
Chỉ ta biết tướng đó
Mười phương Phật cũng vậy.**

Ngài nói rằng, pháp mầu đó chỉ Ngài biết được thôi, và mười phương Phật cũng như vậy đó.

Đây đức Phật nhắc lại, lúc đầu tán thán pháp Phật sâu xa nhiệm mầu, rồi Ngài nói trong vô lượng kiếp Ngài tu hành, ở đạo tràng Ngài chứng được quả, vậy quý vị thấy Ngài có tu chứng hay không? - Nếu có tu chứng thì có tạo tác, có làm ra rồi! Ở trong kinh Kim Cang Phật nói: "Ta không có một chút pháp có thể được", vậy là sao? Ý nói đây không phải là điều nói suông hay chỗ luận rỗng mà được, mà phải trải qua nhiều kiếp công phu tu hành thực sự, khi công phu khế hợp thì tự chứng biết, không phải chỗ lý luận, người bên ngoài khó suy đến chỗ đó, phải người tri âm mới cảm thông được. Cho nên nói Phật cùng Phật mới biết, còn dùng trí lanh lợi của thế gian, dù cho lanh lợi cách

mấy cũng đừng mong dò được chỗ này. Ý kế Ngài nhắc, phải đạt ý quên lời, Ngài nhấn mạnh dù trí tuệ như Tôn Giả Xá Lợi Phất nhiều vô kể đó, cùng nhau chung suy lường cũng không thể biết được. Hạng Bích Chi Phật vô số cùng suy chung so lường cũng không biết được, cho đến hàng Bồ tát mới phát tâm, Bồ tát bất thối mà cùng nhau chung suy cầu cũng không thể biết được, không thể hiểu được. Nếu như vậy Phật nói kinh này cho ai? Mình học làm chi? Mình vô phần sao? Vậy lỗi là tại chỗ nào?

Ở đây mỗi người phải nghiệm cho thật kỹ mới thấy tại sao. Chính là tại chỗ “suy lường, xét biết”. Đó là chỗ trọng yếu mình phải thấy, lỗi chính là chỗ đó.

Suy lường xét nét làm sao biết được cái thật trí của Phật? Vừa suy là suy cái gì? Vừa xét là xét cái gì? Suy là suy về cái gì đó, mình suy lường trí Phật thì thấy được trí Phật chưa? Suy lường về nó là chưa đối diện với nó, xét nét về nó là còn cách với nó, chỉ hướng về nó thôi.

Trí tuệ Phật này chính là cái sẵn có nơi mình, chớ không có bên ngoài. Do đó mình suy xét về nó thì biến nó thành cái thứ hai, có bóng dáng tức trong đó có hai Văn Thù rồi. Nếu có hai Văn Thù thì làm sao biết Văn Thù nào thật, Văn Thù nào giả? Đây cũng vậy, khi suy lường thì có bóng dáng thứ hai, thành ra không thể biết được trí Phật.

Trong Tín Tâm Minh, Tam Tổ Tăng Xán chỉ rõ:

Chỉ đạo vô nan

Duy hiềm giản trạch

Chỗ tốt cùng của Đạo nó không khó, chỉ hiềm là mình chọn lựa thôi. Đạo tốt cùng đó, nó luôn hiện tiền nơi mình đây, chỉ cần tin nhận là xong. Nhưng lỗi là

tại giản trạch, so đo, phân biệt chọn lựa thế này, thế kia, do đó nó thành xa cách. Nếu bật được niệm phân biệt đó, ngay đây rõ ràng sáng suốt. Nên Ngài nói tiếp:

**Đản mạc tắng ái
Đổng nhiên minh bạch**

Chỉ dùng có khởi niệm yêu ghét, thì ngay đó rõ ràng sáng suốt, minh bạch rõ ràng. Bao nhiêu trí tuệ như Xá Lợi Phất hợp lại mà chung suy lường không thể biết được, bao nhiêu Bồ tát hợp lại suy lường không thể hiểu được, lỗi là tại đó.

**Xá Lợi Phất phải biết
Lời Phật nói không khác
Với pháp của Phật nói
Nên sanh sức tin chắc
Pháp của Phật lâu sau
Cần phải nói chân thật
Bảo các chúng Thanh văn
Cùng người cầu Duyên giác
Ta khiến cho thoát khổ
Đến chứng đặng Niết bàn.
Phật dùng sức phương tiện
Dạy cho ba thừa giáo
Chúng sanh nơi nơi chấp
Dắt đó khiến ra khỏi.**

Ở trước Phật nói: pháp của Phật sâu xa khó hiểu, không thể dùng lời nói mà diễn bày hết được, ở đây Phật nói: "Lời Phật nói không khác với pháp của Phật nói", thì nó có mâu thuẫn không? - Để nói rõ, đây là

chỗ tu chứng của Ngài, Ngài nói ra, không phải là những lời suy tưởng, không phải là ngoài lời nói này, còn riêng có gì khác nữa, mình phải khéo rõ biết bao nhiêu điều sai biệt đó, nhưng nó không rời thể chân thật này. Khéo ngay đây dừng được phân biệt thì ngay lời nói đó mình tự cảm nhận được cái sâu xa đó liền. Cho nên mỗi lời, mỗi lời mình "nghe biết rõ ràng" thì có ra khỏi chân thật không?

Sở dĩ không thấy chân thật là vì mê theo từng lời, từng lời đó. Nghe đó liền chấp vào lời nói đó, rồi phân biệt thế này thế kia, chính như vậy lại bị lời đó dẫn đi nên quên mất chân thật. Quên niệm phân biệt thì nghe được từng lời, từng lời rõ ràng mà không rời cái thể chân thật, thì ngay lời nói đó liền tỏ ngộ chân thật.

Vậy là lời Phật nói chắc thật, không hư dối, phải tin chắc. Kế Ngài nhắc, dùng bao nhiêu sức phương tiện đó dạy cho ba thừa giáo để khiến chúng sanh ra khỏi chấp trước.

CHÁNH VĂN:

6 - Khi đó trong hàng Thanh văn lậu tận A La Hán, Ngài A Nhã Kiều Trần Như v.v... một nghìn hai trăm người và các Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Cận sự nam cùng Cận sự nữ, hạng người phát tâm Thanh văn Duyên giác đều nghĩ rằng: "Hôm nay đức Phật cố chi lại ân cần ngợi khen phương tiện mà nói thế này: "Pháp của Phật chứng rất sâu khó hiểu, tất cả hàng Thanh văn cùng Duyên giác không thể đến được". Đức Phật nói một nghĩa giải thoát chúng ta cũng chứng được pháp đó đến nơi Niết bàn, mà nay chẳng rõ nghĩa đó về đâu?"

GIẢNG:

Đây là ở trong chúng, tất cả các người phát tâm Thanh văn, Duyên giác nghe Phật nói như vậy đều khởi nghi: Phật hôm nay vì nhơn duyên gì mà khen ngợi phương tiện, nói pháp Phật chứng rất sâu khó hiểu, tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác không thể đến được. Trong khi đó chúng ta chỉ cần nghe một nghĩa giải thoát thôi thì cũng chứng được pháp đó đến Niết bàn rồi. Vậy không biết còn gì nữa?

CHÁNH VĂN:

7- Lúc ấy Ngài Xá Lợi Phất biết lòng nghi của bốn chúng, chính mình cũng chưa rõ, liền bạch Phật rằng: "Thưa Thế Tôn, nhơn duyên gì mà Phật khen ngợi pháp phương tiện thứ nhất nhiệm mầu, rất sâu khó hiểu của các đức Phật? Con từ trước đến nay chưa từng nghe Phật nói điều đó, hôm nay bốn chúng thấy đều có lòng nghi, cúi xin đức Phật Thế Tôn bày nói việc đó. Có gì mà đức Thế Tôn ân cần khen ngợi pháp nhiệm mầu rất sâu khó hiểu?"

GIẢNG:

Ngài Xá Lợi Phất cũng nghi.

Ở trước, Phật phóng quang mà Phật không nói gì hết, có Bồ tát Văn Thù giải nghi cho rồi - giải nghi lý do Phật phóng quang. Đến đây Phật xuất định, không ai hỏi mà lại tán thán trí tuệ của Phật, cả hàng Thanh văn, Bích Chi Phật cũng không hiểu được; tán

thán rồi Phật cần ngăn thôi không cần nói. Vậy đó là ý gì? - Bởi vì đó là chỗ chứng của Phật, người ngoài không sao biết được nên Phật tự tán thán thôi. Ở đây cần phải thấy rõ, nếu còn có thấy pháp Thanh văn, Duyên giác thì sao? - Thì cái thấy đó chưa có tốt đâu. Phát tâm Thanh văn, Duyên giác mà còn bám vào, chấp vào trong đó tức là còn thấy có pháp này, pháp kia sai biệt thì chưa thấy được ý nghĩa sâu xa, lý rất ráo mà Phật muốn chỉ. Chính cái “tâm không hiểu” đó mình khéo nhận ra thì liền thông, chớ không phải có gì riêng khác.

Ngài Xá Lợi Phát thuật lại lời kệ.

CHÁNH VĂN:

**8- Đấng Huệ Nhựt Đại Thánh
Lâu mới nói pháp này
Tự nói pháp mình chứng
Lực, vô úy, tam muội
Thiền định, giải thoát thấy
Đều chẳng nghĩ bàn được.**

GIẢNG:

Ngài tán thán Phật là bậc Huệ Nhựt Đại Thánh. Huệ Nhựt: là trí tuệ sáng như mặt trời. Đại Thánh: vì Phật là bậc-thánh-h trên hàng Thánh nên xưng là Đại Thánh.

Khi Phật chưa ra đời thì chúng sanh đang sống trong đêm dài vô minh tăm tối, Phật ra đời giống như mặt trời xuất hiện để phá bóng tối vô minh đó, nên mới xưng tán Ngài là Huệ Nhựt. Ngài tự nói pháp mình chứng đều chẳng thể nghĩ bàn.

Pháp chứng nơi đạo tràng
Không ai hỏi đến đặng
Ý con khó lường được
Cũng không ai hay hỏi
Không hỏi mà tự nói
Khen ngợi đạo mình làm
Các đức Phật chứng đặng
Trí huệ rất nhiệm mầu.

Pháp đó không ai hỏi đến, Phật tự nói chỗ mình chứng, chỗ mình làm, bởi vì chỗ đó là chỗ sống của Phật, chỗ tự chứng của Phật, người ngoài không thể biết được. Do đó, Phật tự nói lên, rồi tự Ngài khen ngợi để cho mọi người có lòng khao khát.

Hàng vô lậu La Hán
Cùng người cầu Niết bàn
Nay đều sa lưới nghi
Phật cố chi nói thế?

Ở đây bao nhiêu người khởi nghi.

Hạng người cầu Duyên giác
Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni
Các trời, rồng, quý, thần
Và Càn thất bà thầy
Ngó nhau cứ lòng nghi
Nhìn trông đáng Túc Tôn
Việc đó là thế nào
Xin Phật vì dạy cho?

Đây là hàng Duyên giác, Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni

đều ngó nhau khởi lòng nghi, cố nhìn đức Thế Tôn để trông chờ, khao khát muốn được nghe Phật chỉ dạy, Phật nói về nhân duyên đó.

**Trong các chúng Thanh văn
Phật nói con hạng nhất
Nay con nơi trí mình
Nghi lắm không rõ được
Vì là pháp rốt ráo
Vì là đạo Phật làm
Con từ miệng Phật sanh
Chấp tay nhìn trông chờ
Xin ban tiếng nhiệm mầu
Liên vì nói như thiệt**

Ngài Xá Lợi Phất là vị trí tuệ bậc nhất mà ngài vẫn còn nghi, Ngài nói: "Vì là pháp rốt ráo, vì là đạo Phật làm". Đây là chỗ sống của Phật, chỗ hành của Phật nên Ngài phải chịu thôi. Ngài lại nói: "Con từ miệng Phật sanh", Ngài nói như thế là bởi vì Ngài lấy trí tuệ làm mạng sống, chứ không phải sống theo cái sống thường của mình đây. Trí tuệ đó từ nơi Phật, mà Ngài nhờ đó phát minh ra. Giờ đây, Ngài đang chấp tay nhìn trông chờ, sẵn sàng để tiếp nhận, cho nên "xin Phật ban tiếng mầu, liên vì nói như thiệt". Như vậy xưa nay không như thiệt hay sao mà bây giờ mới xin nói như thiệt? Đây là muốn cho Phật thổ lộ bản hoài chân thật của Ngài.

**Các trời, rồng, thần quỷ
Số đông như hằng sa
Bồ tát cấu thành Phật**

Số nhiều có tám muôn
Lại những muôn ức nước
Vua Chuyển Luân Vương đến
Đều lòng kính chấp tay
Muốn nghe đạo đầy đủ

Đó là mọi người dọn lòng sẵn sàng đón nhận, tới phiên Phật giảng.

CHÁNH VĂN:

9- Khi đó đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Thôi thôi! Chẳng nên nói nữa. Nếu nói việc đó tất cả trong đời các trời và người đều sẽ kinh sợ nghi ngờ"

GIẢNG:

Ở trước Phật tán thán rất nhiều, tới đây Ngài Xá Lợi Phất cầu xin chỉ dạy, Phật lại ngăn và từ chối. Ngài Xá Lợi Phất lại cầu xin.

CHÁNH VĂN:

10- Ngài Xá Lợi Phất lại bạch Phật rằng: "Thưa Thế Tôn! Cúi xin nói đó, cúi xin nói đó, vì sao? Trong hội đây có vô số trăm nghìn muôn ức A tăng kỳ chúng sanh đã từng gặp các đức Phật, các căn mạnh mẽ, trí tuệ sáng suốt, được nghe Phật dạy chắc có thể kính tin".

Lúc ấy Ngài Xá Lợi Phất muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

**Đấng Pháp Vương vô thượng
Xin nói, nguyện đừng lo
Vô lượng chúng hội đây
Có người hay kính tin**

GIẢNG:

Ngài Xá Lợi Phất cầu xin, vì trong đây có nhiều chúng sanh gặp gỡ các đức Phật, cũng từng nghe Phật dạy, có những người trí tuệ sáng suốt có thể tin nhận được, chớ không phải là không có ai để tin.

CHÁNH VĂN:

11- Đức Phật lại ngăn Xá Lợi Phất: "Nếu nói việc đó thì tất cả trong đời, trời, người, A tu la đều sẽ kinh nghi, Tỳ kheo tăng thượng mạn sẽ phải sa hầm lớn".

**Khi đó đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:
Thôi thôi! Chẳng nên nói
Pháp ta diệu khó nghĩ
Những kẻ tăng thượng mạn
Nghe ắt không kính tin**

GIẢNG:

Phật lại ngăn lần nữa.

Tăng thượng mạn: là những người chưa chứng mà cho là chứng, chưa được mà cho là được, tức là đối với những người này họ tự nói: "Tôi đã đủ rồi, đâu cần nghe chi nữa", đối với hạng người này nói chi cho uổng.

CHÁNH VĂN:

12 - Lúc ấy Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật rằng: "Thưa Thế Tôn! Cúi xin nói đó, cúi xin nói đó. Nay trong hội này hạng người sánh bằng con có trăm nghìn muôn ức, đời đời đã từng theo Phật học hỏi, những người như thế chắc hay kính tin lâu dài, an ổn nhiều điều lợi ích.

Khi đó Ngài Xá Lợi Phất, muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Đấng Vô Thượng Lương Túc
Xin nói pháp đệ nhất
Con là trưởng tử Phật
Xin thương phân biệt nói
Vô lượng chúng hội đây
Hay kính tin pháp này
Đời đời Phật đã từng
Giáo hóa chúng như thế
Đều một lòng chấp tay
Muốn nghe lãnh lời Phật
Chúng con nghìn hai trăm
Cùng hạng cầu Phật nọ
Nguyện Phật vì chúng này
Cúi xin phân biệt nói
Chúng đây nghe pháp ấy
Thời sanh lòng vui mừng

GIẢNG:

Ngài Xá Lợi Phất ân cần thưa thỉnh thì Phật ngăn, đó là Phật muốn cho chúng thật lòng khao khát,

tha thiết thưa thỉnh thì khi Ngài nói ra mới dễ tiếp nhận. Bởi vì việc sâu xa khó hiểu như vậy, nếu nói dễ dàng thì dễ khinh thường, vì cái sâu xa khó hiểu đó cũng không ở đâu xa, mà chính ngay nơi mình thôi.

CHÁNH VĂN:

13- Bấy giờ đức Thế Tôn bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Ông đã ân cần ba phen thưa thỉnh đầu đặn chẳng nói, ông nay lóng nghe khéo suy nghĩ nhớ đó, ta sẽ vì ông phân biệt giải nói".

14- Khi Phật nói lời đó, trong hội có các Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Cận sự nam, Cận sự nữ, cả thảy năm nghìn người liền từ chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật mà lui về. Vì sao? Vì bọn người này gốc tội sâu nặng cùng tăng thượng mạn, chưa đặn mà nói đã đặn, chưa chứng mà cho đã chứng, có lỗi dường ấy cho nên không ở lại. Đức Thế Tôn yên lặng không ngăn cản.

15- Bấy giờ, đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Trong chúng ta đây không còn cành lá, rệt có hột chắc. Xá Lợi Phất! Những gã tăng thượng mạn như vậy lui về cũng là tốt, ông nay nên khéo nghe, ta sẽ vì ông mà nói".

Ngài Xá Lợi Phất bạch rằng: "Vâng thưa Thế Tôn, con nguyện ưa muốn nghe".

GIẢNG:

Đến đây Phật hứa nói, rõ ràng Phật ngăn tới ngăn lui để cho chúng hết lòng thưa thỉnh. Mọi người đã sẵn sàng đón nhận, khi đưa ra họ nhận liền, còn

họ nghe mà chưa thật lòng, chỉ nghe cho vui thôi thì sao? Thì nói ra họ chưa tiếp nhận, chưa có thể thấm sâu được.

Nhưng khi Phật hứa nói, thì trong hội có năm nghìn người đứng dậy lễ Phật lui về, quý vị thấy có buồn không? Đối diện với Phật, sắp nghe pháp mà đành đứng dậy bỏ về thì nói sao đây? Như vậy không phải đối diện mà lầm qua sao? Cho nên mình thấy, ngay thời của Phật mà cũng còn có chuyện như vậy, còn mình bây giờ ngồi nghe có ai muốn bỏ về chưa? Khi họ bỏ về, Phật không ngăn mà còn bảo họ về cũng tốt. Vậy Phật không từ bi hay sao, Phật không kêu những người đó ở lại nghe pháp?

Đây, cảnh tỉnh cho những ai có lòng tự mãn, đó là: "Những kẻ tăng thượng mạn, nghe ắt không kính tin". Khi có niệm tự cho mình là đủ rồi, tự cho mình hiểu quá rồi thì đâu cần cầu thêm nữa. Chính như vậy là tự mình sẽ ngăn mình. Nói như vậy, Phật có bỏ hạng người này không?

Trong kinh Pháp Hoa nói mọi người đều sẽ thành Phật, ai cũng thành Phật. Tại sao Phật bỏ họ, có bỏ luôn hay không? Đây quý vị nhớ lại kỹ, sẽ thấy ánh sáng Pháp Hoa lúc Phật phóng ra, nó vẫn chiếu khắp nơi phải không? Nhưng Phật có thu lại chưa? Trong kinh cũng chưa thấy chỗ nào Phật thu lại hết. Như vậy là sao? Phật cũng còn để dành cho họ. Còn để dành thì có lúc họ sẽ bắt gặp, tuy họ bỏ về, Phật không ngăn nhưng cũng không gạt bỏ luôn. Bởi vì dù họ đi đâu cũng không ra ngoài ánh sáng đó, hiểu như vậy quý vị không có nghi.

Khi họ về rồi Phật bảo: "Trong chúng ta đây không còn cành lá, rất có hạt chắc". Cành lá là gì? -

Là chỉ cho cái tâm kia đây, lằng xằng. Còn hột chắc là không có cái tâm kia đây, chỉ nhất tâm chân thật. Chính cái tâm này mới nghe được Pháp Hoa, vào được Pháp Hoa. Cho nên đến đây chuẩn bị nói Pháp Hoa, Ngài nói với Xá Lợi Phất: "Ông hãy khéo nghe, ta sẽ vì ông mà nói". Ngài Xá Lợi Phất mới thưa rằng: "Vâng, bạch Thế Tôn, con nguyện ưa muốn nghe". Đó là sẵn sàng nghe, đúng lúc, đúng thời!

CHÁNH VĂN:

16- Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Pháp mầu như thế, các đức Phật Như Lai đến khi đúng thời mới nói, như bông Linh Thoại đến thời tiết mới hiện một lần. Xá Lợi Phất! Các ông nên tin lời của Phật nói không hề hư vọng.

GIẢNG:

Phật nói rõ, pháp mầu sâu xa thì phải đúng thời mới nói, nếu nói dễ dàng, người sẽ khinh thường. Xưa, thị giả thiên sư Điều Khoà là Hội Thông theo học với Thầy thời gian, một hôm từ giã Thầy đi nơi khác.

Sư hỏi:

- Ông đi đâu?

Hội Thông thưa:

- Hội Thông vì pháp mà xuất gia, song Hoà thượng chẳng từ bi chỉ dạy, nay con xin đi các nơi tham học Phật pháp.

Sư bảo:

- Nếu là Phật pháp, ta đây cũng có chút ít.

Hội Thông thưa:

- Thế nào là Phật pháp của Hoà thượng?

Sư bút sợi lông vãi trên thân đưa lên thổi. Ngay đó Hội Thông liền lĩnh hội huyền chỉ.

Chỉ một việc bút sợi lông vãi đưa lên thổi, sao trước kia Sư không làm, phải đợi đến lúc này mới làm? Tức phải chờ đúng lúc thời tiết nhân duyên đầy đủ, tâm người mới khế hợp mà cảm nhận được.

Trong đây, Phật thí dụ bông Linh Thoại, tương truyền ngàn năm mới nở một lần. Khi nó nở là có thánh nhân ra đời, tức chỉ việc ít có, khó gặp! Cho nên Phật ân cần nhắc người khéo tin nhận, chớ vội bỏ qua!

CHÁNH VĂN:

17- Xá Lợi Phất! Các đức Phật theo thời nghi nói pháp ý thú khó hiểu. Vì sao? Ta dùng vô số phương tiện các món nhơn duyên, lời lẽ thí dụ diễn nói các pháp. Pháp đó không phải là suy lường phân biệt mà có thể hiểu, chỉ có các đức Phật mới biết được. Vì sao? Các đức Phật Thế Tôn, chỉ do một sự nhơn duyên lớn mà hiện ra nơi đời.

Xá Lợi Phất! Sao nói rằng các đức Phật Thế Tôn chỉ do một sự nhơn duyên lớn mà hiện ra nơi đời? Các đức Phật Thế Tôn vì muốn cho chúng sanh khai Tri Kiến Phật để đặng thanh tịnh mà hiện ra nơi đời, vì muốn cho chúng sanh tỏ ngộ Tri Kiến Phật mà hiện ra nơi đời, vì muốn cho chúng sanh chứng vào đạo Tri Kiến Phật mà hiện ra nơi đời.

Xá Lợi Phất! Đó là các đức Phật do vì một sự nhơn duyên lớn mà hiện ra nơi đời.

GIẢNG:

Các đức Phật theo thời nghi mà nói pháp là sao? Ngâm ý nói, nó không có cố định, không thể chấp vào lời nói đó, vì đó chỉ là phương tiện, chưa phải thật. Phải thâm nhận ý thú ngoài lời, ngoài sự suy nghĩ, nên tiếp đó Phật bảo: "Pháp đó không phải là suy lường phân biệt mà có thể hiểu, chỉ có các đức Phật mới biết được". Vậy mình làm sao hiểu? Phật nói cho ai? Bởi mình cầu hiểu, nên không thể hiểu. Mình càng suy thì càng trái xa. Vì pháp đó ở đâu mà mình hiểu? mình suy? Hiểu nó là nó ở ngoài mình rồi!

Tiếp đến Phật thổ lộ nhân duyên ra đời, tức chư Phật chỉ vì **MỘT NHÂN DUYÊN VIỆC LỚN** mà hiện ra đời!

Sao gọi là việc lớn? Bởi nó vượt qua thời gian, không gian, không cái gì trên đời có thể so sánh, nó là cái giải quyết cả kiếp người, cả sự luân hồi trong sinh tử từ vô thủy. Ai cũng có việc lớn đó mà bỏ quên, và nhân duyên việc lớn đó là gì?

Tức là **KHAI THỊ** cho chúng sinh **TỔ NGỘ VÀO TRI KIẾN PHẬT**. Tri kiến Phật là gì? Tức cái **THẤY BIẾT GIÁC NGỘ** hiện sẵn nơi sáu căn của mỗi người đây.

Chúng sinh luôn nhận theo trần mà quên nó, nên sống hàng ngày trong nó mà không hề hay biết, đành chịu lưu chuyển trong luân hồi. Chư Phật khai, tức đánh thức cho người **NHỚ LẠI**, chứ cũng không có khai cái gì mới. Bởi cửa đó sẵn mở rồi, chỉ cần người **NHỚ** lại, tin nhận là xong.

Lục Tổ nói: "Một niệm tâm sáng, đó là khai tri

kiến Phật". Ngay đây, một niệm sáng tỏ không mê, tức mở ánh sáng giác ngộ chứ gì? Cho nên nói Phật khai là một phần, một phần chính yếu là mỗi người phải TỰ KHAI.

CHÁNH VĂN:

18- Đức Phật bảo Xá Lợi Phất: "các đức Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ tát, những điều làm ra thường vì một việc: chỉ đem Tri Kiến Phật chỉ cho chúng sanh tỏ ngộ thôi".

Xá Lợi Phất! Đức Như Lai chỉ dùng một Phật thừa mà vì chúng sanh nói pháp, không có các thừa hoặc hai hoặc ba khác.

19- Xá Lợi Phất! Pháp của tất cả các đức Phật ở mười phương cũng như thế.

Xá Lợi Phất! Thuở quá khứ các đức Phật dùng vô lượng vô số phương tiện, các món như duyên lời lẽ thí dụ mà vì chúng sanh diễn nói các pháp, vì pháp ấy đều là một Phật thừa, nên các chúng sanh đó theo chư Phật nghe pháp rất ráo đều đặng chứng "nhất thể chủng trí".

Xá Lợi Phất! Thuở vị lai, các đức Phật sẽ ra đời cũng dùng vô lượng vô số phương tiện các món như duyên, lời lẽ thí dụ mà vì chúng sanh diễn nói các pháp, vì pháp ấy đều là một Phật thừa, nên các chúng sanh đó theo chư Phật nghe pháp rất ráo đều đặng chứng "nhất thể chủng trí".

Xá Lợi Phất! Hiện tại nay, trong vô lượng trăm nghìn muôn ức cõi Phật ở mười phương, các đức Phật Thế Tôn nhiều điều lời ích an vui cho chúng sanh. Các đức Phật đó cũng dùng vô

lượng vô số phương tiện các món như duyên, lời lẽ thí dụ mà vì chúng sanh diễn nói các pháp, vì pháp ấy đều là một Phật thừa, nên các chúng sanh đó theo chư Phật nghe pháp rất ráo đều dặng chứng "nhất thể chúng trí".

Xá Lợi Phất! Các đức Phật đó chỉ giáo hóa Bồ tát, vì muốn đem Tri Kiến Phật mà chỉ cho chúng sanh, vì muốn đem Tri Kiến Phật cho chúng sanh tỏ ngộ, vì muốn làm cho chúng sanh chứng vào Tri Kiến Phật vậy.

Xá Lợi Phất! Nay ta cũng lại như thế, rõ biết các chúng sanh có những điều ưa muốn, thân tâm mê chấp, ta tùy theo bốn tánh kia dùng các món như duyên, lời lẽ thí dụ cùng sức phương tiện mà vì đó nói pháp.

Xá Lợi Phất! Như thế đều vì để chứng dặng một Phật thừa "nhất thể chúng trí".

GIẢNG:

- Ở đây chú ý: Chư Phật có làm ra điều gì, đều là vì một việc: ĐEM TRI KIẾN PHẬT chỉ cho chúng sanh. Vậy còn nghi gì nữa? Phật có giấu giếm cái gì đâu. Trong đây Phật đã nói rõ, bao nhiêu việc làm sai biệt là đều hướng người về một việc: TỎ NGỘ TRI KIẾN PHẬT! Tức phải đến như Phật, chớ không phải chỉ đạp theo dấu Phật cho là đủ! Đây là chỗ ba đời chư Phật đều chỉ dạy, không chỉ riêng Phật Thích Ca thôi.

Tại sao Phật chỉ nhắm đến việc này? Bởi các Ngài đều thấy rõ, TRI KIẾN PHẬT là cái ai ai cũng có đủ, không thiếu sót, mà không chỉ ra nó, không đánh thức nhớ lại nó, thì còn chỉ cái gì? Chính kinh Hoa

Nghiêm Phật từng nói: "Lạ thay! lạ thay! Tất cả chúng sinh đều có đủ đức tướng trí tuệ Như Lai, chỉ vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng được. Nếu lìa vọng tưởng là trí thanh tịnh, trí tự nhiên, trí vô sự tự nhiên hiện tiền"

Tóm lại, ý Phật muốn đưa người đến một Phật thừa, giác ngộ thành Phật, ngoài ra đều là phương tiện

CHÁNH VĂN:

20- Xá Lợi Phất! Các đức Phật hiện ra trong đời ác năm trước, nghĩa là: kiếp trước, phiền não trước, chúng sanh trước, kiến trước, mạng trước. Như thế Xá Lợi Phất, lúc kiếp loạn trước chúng sanh nhơ nặng, bòn sẻn, tham lam, ghét ganh, trợn nên các căn chẳng lành, cho nên các đức Phật dùng sức phương tiện, nơi một Phật thừa, phân biệt nói thành ba.

21- Xá Lợi Phất! Nếu đệ tử ta tự cho mình là A La Hán cùng Duyên giác mà không nghe, không biết việc của các Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ tát, người này chẳng phải đệ tử Phật, chẳng phải A La Hán, chẳng phải Duyên giác.

Lại nữa Xá Lợi Phất! Các Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni tự cho mình đã đặng A La Hán, là thân rốt sau rốt ráo Niết bàn, bèn chẳng lại chí quyết cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nên biết bọn đó là kẻ tăng thượng mạn. Vì sao? Nếu có Tỳ kheo thiết chứng quả A La Hán mà không tin pháp này, quyết không có lẽ ấy, trừ sau khi Phật diệt độ, hiện tiền không Phật. Vì sao? Sau khi Phật diệt độ, những kinh

như thế, người hay thọ trì đọc tụng hiểu nghĩa rất khó có đặng, nếu gặp đức Phật khác ở trong pháp này bèn đặng hiểu rõ.

Xá Lợi Phất! Các ông nên một lòng tin hiểu thọ trì lời Phật dạy. Lời các đức Phật Như Lai nói không hư vọng, không có thừa nào khác, chỉ có một Phật thừa thôi.

GIẢNG:

Đây Phật chỉ rõ, các đức Phật ra đời nhằm thời ngũ trước, chúng sinh căn cơ kém, nên phải tùy duyên, phương tiện từ một Phật thừa nói thành ba. Nếu xét tột lý thật thì, TRI KIẾN PHẬT vốn không có đại tiểu, không có hai ba. Như Lục Tổ trả lời cho Ngũ Tổ: "Người thì có Nam Bắc, nhưng Phật tánh của con cùng Hoà thượng đồng nhau". Vậy thì, Ngài đã Giác được, con cũng có phần Giác được.

Song, Phật sở dĩ nói nhiều pháp là vì sao? Vì chúng sinh có nhiều bệnh, Phật phải nhiều thuốc để cho thích hợp. Tức tùy chỗ ưa muốn, mê chấp của họ mà cởi mở lần lần, để cuối cùng cũng đưa về Phật thừa.

Trong đây, Phật lại nhấn mạnh: **THẬT LÀ A LA HÁN** mà **KHÔNG TIN** việc này, không biết việc Phật chỉ dạy Bồ tát, là không có lý. Tức Phật muốn đánh thức: **ÔNG CHÚA PHẢI LÀ A LA HÁN**, mà tự cho mình là A La Hán, cần phải xét lại!

Thật sự **A LA HÁN**, sạch hết phiền não, sao còn tự mãn? Sao còn chấp vào chỗ mình được?

Phật cũng nhấn mạnh: " Những Tỳ kheo, Tỳ kheo ni đó, tự cho mình đã được thôi", chứ không phải thật được!

Phật nói rõ thêm, trừ lúc Phật diệt độ, hiện tiền không có Phật, nhưng gặp Phật khác, bèn ở trong pháp này mà hiểu được. Hiện tiền không có Phật, tức vắng bóng ánh sáng giác ngộ, nên khó tin. Song nếu hay thọ trì, đọc tụng, dù không hiểu, nhưng cũng gieo cái nhân xa. Đủ duyên, gặp Phật khác liền tỏ hiểu, không mất. Phật khác ở đâu? Tức ĐẠO NHÂN VÔ TÂM đó! Gặp vị này liền TIN NGAY.

Trong phần này có nói đến thời ngũ trước, vậy ngũ trước là gì? Nghĩa là:

1- Kiếp trước: Thời chúng sinh tạo nhiều ác nghiệp tụ hội trong đó, tuổi thọ ngắn ngủi, nhiều tai ương, tật dịch....

2- Phiền não trước: chúng sinh nhiều phiền não tham sân si, loạn tâm thần, đắm nặng trong ngũ dục.

3- Chúng sinh trước: Tức người nhiều chủng tử tệ ác chiêu cảm đến, không biết tu thiện, theo tình tạo nghiệp, không cầu giải thoát.

4- Kiến trước: Xa thời Phật, tà phát sinh, người nhiều chấp trước sai lầm, không đúng lẽ thật.

5- Mạng trước: Do ít biết tu thiện, nghiệp lành kém mỏng, nên thọ mạng thường ngắn ngủi.

Tức trong thời này, chúng sinh càng càng khó nghe, khó tin hiểu, Phật bất đắc dĩ phải vì họ chịu uốn, dẫn dắt từ từ, chưa thể nói thẳng giác ngộ thành Phật, phải nói tu hành giải thoát khổ là điều cần trước.

CHÁNH VĂN:

Khi ấy đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này mà nói kệ rằng:

22- Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni
 Cứu lòng tăng thượng mạn
 Cận sự nam ngã mạn
 Cận sự nữ chẳng tin
 Hàng bốn chúng như thế
 Số kia có năm nghìn
 Chẳng tự thấy lỗi mình
 Nơi giới có thiếu sót
 Tiếc giữ tội quấy mình
 Trí nhỏ đó đã ra
 Bọn cám tẩm trong chúng
 Oai đức Phật phải đi
 Gã đó kém phước đức
 Chẳng kham lãnh pháp này
 Chúng nay không càn lá
 Chỉ có những hạt chắc

GIẢNG:

Chẳng thấy lỗi mình, tức thiếu phản tỉnh, thiếu thành thật với chính mình, nên khuyết giới, là giữ tội. Tức là che đậy tội lỗi, dở xấu của mình thì làm sao tin được VIỆC LỚN.

Đây muốn nhắc phải RẤT THÀNH THẬT với chính mình, chỗ nào chưa thật biết, thật rõ, còn nghi chưa quyết, phải tìm được thiện tri thức thưa hỏi cho rõ ràng. Phải buông sạch những tâm niệm càn lá, thuận là một lòng chân thật. Thì dễ tiếp nhận pháp này.

CHÁNH VĂN:

23- Xá Lợi Phát khéo nghe!

**Pháp của các Phật đặng
Vô lượng sức phương tiện
Mà vì chúng sanh nói
Tâm của chúng sanh nghĩ
Các món đạo ra làm
Bao nhiêu những tánh dục
Nghiệp lành dữ đời trước
Phật biết hết thế rồi
Dùng các duyên thí dụ
Lời lẽ sức phương tiện
Khiến tất cả vui mừng
Hoặc là nói kệ kinh
Cô khởi cùng bốn sự
Bốn sanh, vị tăng hữu
Cũng nói những nhưn duyên
Thí dụ và trùng tụng
Luận nghị cộng chín kinh
Căn độn ưa pháp nhỏ
Tham chấp nơi sanh tử
Nơi vô lượng đức Phật
Chẳng tu đạo sâu mầu
Bị các khổ não loạn
Vì đó nói Niết bàn
Ta bày phương tiện đó
Khiến đều vào huệ Phật
Chưa từng nói các ông
Sẽ đặng thành Phật đạo
Sở dĩ chưa từng nói
Vì giờ nói chưa đến
Nay chính là đến giờ
Quyết định nói đại thừa.**

GIẢNG:

Phật phương tiện tùy bệnh cho thuốc, có lập có phá. Những điều trước đây Phật lập bày ra, đều vì việc lớn này, không thể dính kẹt trong đó!

CHÁNH VĂN:

**24- Chín bộ pháp của ta
Thuận theo chúng sanh nói
Vào đại thừa làm gốc
Nên mới nói kinh này**

GIẢNG:

Phần trước Phật lập lại tùy theo tánh dục của chúng sanh, Ngài nói ra chín bộ kinh, đó cũng là phương tiện khiến đều vào trí huệ Phật. Giờ đây đến đúng lúc rồi, Ngài quyết định nói đại thừa. Phật nói tiếp, chín bộ pháp đó, Ngài thuận theo chúng sanh mà nói, rồi cũng đưa vào đại thừa, lấy đại thừa làm gốc nên bây giờ lại nói kinh này. Vậy đại thừa cũng không rời tiểu thừa, nói tiểu thừa hay đại thừa đó là phương tiện thôi, cũng đều đưa về một việc chính.

CHÁNH VĂN:

**Có Phật tử tâm tịnh
Êm dịu và căn lợi
Nơi vô lượng các Phật
Mà tu đạo sâu mầu
Vì hàng Phật tử này**

**Nói kinh đại thừa đây
Ta ghi cho người đó
Đời sau thành Phật đạo**

GIẢNG:

Ở đây, Phật nói có những người Phật tử tâm được thanh tịnh, căn bén nhạy lanh lợi là người lợi căn, Phật mới vì hạng này mà nói thẳng lý thật là thành Phật. Vì những người này nghe được thì liền tin nhận, nhưng Phật nói rõ, ở đây không phải là hạng nói lý suông mà những vị này đã ở nơi nhiều đức Phật, có tu hành đạo lý sâu mầu, cho nên vì những người này mà nói kinh đại thừa đây, khiến cho đời sau được thành Phật đạo. Song nói được đó không phải là cái mới có, mà là cái đã sẵn nơi mình. Ở đây quý vị nghe kiểm lại xem:

Sao không nói ngay đời đó thành mà nói đời sau sẽ thành Phật đạo? Đó là nói lên cần phải sống cho đầy đủ trọn vẹn trong đó, thì mới viên mãn công phu, viên mãn Phật quả, không phải nói sẵn có là xong rồi; hoặc thấy được, nhận được là xong. Nên ở đây, Phật nói rõ ràng, những người này đã có ở nơi vô lượng các đức Phật, tu những đạo sâu mầu, nhưng Phật cũng thọ ký cho họ đời sau sẽ thành Phật đạo, tức là còn phải sống cho được đầy đủ, được trọn vẹn trong đó, chớ không phải nhận trên lý thôi.

CHÁNH VĂN:

**Bởi thân tâm niệm Phật
Tu trì tịnh giới vậy
Hạng nghe nói thành Phật**

**Rất mừng đầy khắp mình
Phật biết tâm của kia
Nên vì nói đại thừa
Thanh văn hoặc Bồ tát
Nghe ta nói pháp ra
Nhấn đến một bài kệ
Đều thành Phật không nghi**

GIẢNG:

Thâm tâm niệm Phật là: luôn luôn nhớ Phật không quên.

Như vậy tâm mình nhớ Phật, Phật nhớ mình - Là có sự tương ứng, và nhớ Phật là gọi lại Phật chính mình, đó là bước để mình sống lại chính mình. Luôn nhớ là nhớ như vậy và tu trì tịnh giới, cho nên những hạng người này nghe thành Phật thì rất vui mừng.

Đây là hạng có tu trì đàng hoàng nên nói tu trì tịnh giới, chớ không phải nói trên ngôn ngữ thôi.

**Hạng này nghe thành Phật
Rất mừng đầy khắp mình.**

Đây là hạt giống Phật rất mạnh, rất vững, có lòng tin sâu, nên nghe việc này thì mừng, mừng đầy khắp mình, chứ không phải nghe phớt phớt bên ngoài.

Bởi họ có hạt giống Phật mạnh sẵn và Phật cũng biết tâm niệm của chính họ nữa, thầy trò khế hợp nhau, nên khi Phật nói ra họ tin nhận liền. Giống như con gà mẹ với trứng gà con, khi trứng gà gần đến thời kỳ nở thì gà con trong trứng phát ra tiếng, gà mẹ nghe liền mở lưng vỏ, gà con ra liền.

Đây cũng vậy, hạt giống Phật của người đó nó đã sâu dầy, Phật biết vậy liền đánh thức họ đúng lúc thì họ liền tin nhận và tỏ sáng. Nên Phật biết vậy rồi, liền nói đại thừa, Thanh văn, Bồ tát đó nghe Phật nói pháp ra dù chỉ một bài kệ thôi cũng đều thành Phật không nghi. Vậy để rõ, ai ai cũng đều có việc này, không phải Thanh văn mất phần thành Phật. Có khi Phật quở Thanh văn để đánh thức họ và thúc đẩy các vị ấy tiến lên, chớ không phải nói Thanh văn là không có phần.

CHÁNH VĂN:

**25 - Trong cõi nước mười phương
Chỉ có một thừa pháp
Không hai cũng không ba
Trừ Phật phương tiện nói**

GIẢNG:

Phật xác định rõ ràng: trong cõi nước mười phương chỉ có một thừa pháp, không hai cũng không ba gì hết, vì phương tiện mà Phật nói có sai biệt vậy thôi. Mà thừa pháp đó là gì? - Là tri kiến Phật, mình phải thấy pháp chân thật đó, không phân biệt hai ba.

CHÁNH VĂN:

**Chỉ dùng danh tự giả
Dắt dẫn các chúng sanh
Vì nói trí huệ Phật
Các Phật ra nơi đời
Chỉ một việc này thiệt**

**Hai thứ chẳng phải chơn
Trọn chẳng đem tiểu thừa
Mà tế độ chúng sanh**

GIẢNG:

Đây Phật nói thêm, những điều Phật nói chỉ là dùng danh từ giả tạm để dẫn dắt, vậy vì sao chúng ta lại bám chấp vào danh từ đó, kẹt trên danh từ giả đó, là mình chết trên cái giả danh, mắc kẹt trên đó rồi phân chia đây kia, yêu ghét, cao thấp v.v..., càng đi xa cái thật. Danh từ giả đó là gì? - Thí dụ như Phật nói Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát hoặc quả này quả nọ, đó là danh từ tạm gọi mà thôi; nếu mình nói: tôi tu theo đại thừa, còn anh tu theo tiểu thừa nên tôi cao, anh nhỏ anh thấp, thì chính tâm đó là tâm gì? - Là tâm sanh tử.

Còn tri kiến Phật có tiểu đại gì không? Hiểu như vậy thì mới thấy được ý Phật muốn chỉ, cho nên:

Các Phật ra nơi đời
Chỉ một việc này thiệt
Hai thứ chẳng phải chân

Như vậy, thấy có một, có hai, có ba, đó là không phải thật, cho nên Phật nói:

Trọn chẳng đem tiểu thừa
Mà tế độ chúng sanh.

Phật nói tiểu thừa cũng là phương tiện, chứ bản ý của Phật là muốn hướng người đến chỗ Phật thừa này.

CHÁNH VĂN:

**Phật tự trụ đại thừa
Như pháp của mình đặng
Định, huệ, lực trang nghiêm
Dùng đây độ chúng sanh**

GIẢNG:

Ở đây Phật nói: Ngài tự trụ đại thừa, như pháp mình chứng đặng, dùng để độ chúng sanh. Đó là Phật muốn nói ra cái gì? Tức là Ngài nói ra từ chỗ chứng nghiệm. Ngài được cái gì, Ngài nói ra để giáo hóa chúng sanh, chớ không giấu giếm gì hết.

CHÁNH VĂN:

**Tự chứng đạo vô thượng
Pháp bình đẳng đại thừa
Nếu dùng tiểu thừa độ
Nhấn đến nơi một người
Thời ta đọa xan tham
Việc ấy tất không được**

GIẢNG:

Phật nói rõ, Ngài không có một chút gì giấu diếm, chẳng qua là mình chưa thể tin nhận kịp thôi. Nếu Ngài có một chút gì giấu giếm, tức là dùng tiểu thừa độ, dù chỉ một người là thành xan tham rồi. Phật không có điều đó. Nhưng có điều, chỗ đó là chỗ

khó nói, nên Ngài phải dùng phương tiện nói thế này, nói thế kia, để cho người căn cơ khế hợp rồi thâm tin nhận lấy.

Ngài nói: tự chứng đạo Vô thượng đó là pháp bình đẳng. Bình đẳng là không cao thấp, hơn thua. Không phải Ngài có mình không có. Chỗ bình đẳng này không phải là san bằng hết, mà là ai ai cũng đủ cái đó. Phật chứng được thì mình cũng chứng được, chớ không phải cái này dành riêng cho đức Phật thôi.

Phật khéo, Ngài nhận được trước và sống được thì Ngài thành Phật. Còn mình chưa hoặc là mới nhận, nếu mình sống được trọn vẹn đầy đủ rồi thì mình cũng thành Phật. Đó là bình đẳng không hai, không sai khác, chính đó là chỗ đặc biệt trong nhà Phật.

Vì thế, Ngài chứng được thì muốn chỉ cho mọi người chứng được như Ngài. Chính vì vậy mà có câu: "Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành".

CHÁNH VĂN:

**Nếu người tin về Phật
Như Lai chẳng dối gạt
Cũng không lòng tham ganh
Dứt ác trong các pháp
Nên Phật ở mười phương
Mà riêng không chỗ sợ**

GIẢNG:

Ở đây Phật nói rõ hơn, Ngài nhấn mạnh: nếu người tin về Phật, là tin tưởng được Như Lai chẳng dối gạt. Bởi vì mình tin được điều đó thì mình mới thấy

được Như Lai không dối gạt mình, chứ chưa tin nổi thì cũng còn nghi. Nói ai cũng thành Phật hết, mà ai cũng còn đủ nghiệp chướng sao thành Phật được? Mình có tin nhận điều này rồi thì thấy rõ quả thật Phật không dối gạt mình. Đó là lẽ thật. Tuy nghiệp chướng đó, nhưng tri kiến Phật vẫn hằng hiện hữu nơi sáu căn không mất.

Ngài nói rõ thêm, Ngài không có lòng tham ganh ghét gì hết; chính ngài đã dứt sạch các ác ở trong các pháp rồi, cho nên dù Phật ở mười phương mà Ngài riêng không có sợ. Ngài nói ra điều này là quyết định xác thực, dù cho có mười phương chư Phật ở khắp nơi đó, Ngài cũng nói ra một cách mạnh mẽ chớ không có e dè sợ sệt gì. Còn mình, khi nói thì e dè, sợ không biết có đúng không, sợ mình nói lỡ bị người ta bắt bẻ thì sao? Chứng tỏ những điều mình nói ra là những điều mình học lại thôi, chưa phải là chỗ thực sống của mình nói ra. Rồi Ngài nói rõ:

CHÁNH VĂN:

**Ta dùng tướng trang nghiêm
Ánh sáng soi trong đời
Đấng vô lượng chúng trọng
Vì nói thiệt tướng ẩn**

GIẢNG:

Đây là Ngài nói thật tướng ẩn, tức nói đến chỗ chân thật chứ không còn giấu giếm nữa. Ngài đem ánh sáng giác ngộ này soi sáng cho thế gian. Ngài ra đời chỉ vì một việc này thôi.

CHÁNH VĂN:

26- **Xá Lợi Phát! Nên biết
Ta vốn lập thệ nguyện
Muốn cho tất cả chúng
Bằng như ta không khác
Như ta xưa đã nguyện
Nay đã đầy đủ rồi
Độ tất cả chúng sanh
Đều khiến vào Phật đạo**

GIẢNG:

Phật nói rõ hơn nữa, Ngài ra đời muốn cho mọi người bằng như Ngài, chứ không thua kém Ngài. Rõ ràng đó là tinh thần vô ngã chân thật, không giấu nghề.

Bởi lẽ thật này là lẽ thật nơi tất cả, cho dù có nói hết đi nữa cũng không nói hết chỗ đó, vì chỗ đó không thể dùng ngôn ngữ nói đến được. Trước kia Ngài đã nguyện, bây giờ đây đã đầy đủ rồi, độ hết cả chúng sanh đều khiến vào Phật đạo. Quý vị nghe như vậy có nghi không? Tại sao mình còn ngồi đây mà nói độ hết? - Trước Ngài đã gieo nhân lành, tạo duyên, gây niềm tin cho mọi người khiến cho ai cũng tin nhận mình có Phật tánh, có phần thành Phật đạo. Những vị trực tiếp nghe Ngài dạy thì đều được Ngài thọ ký. Nhưng đối với người chưa trực tiếp, Ngài cũng gián tiếp gieo nhân duyên đó, như mình đây, Ngài gián tiếp gieo cho mình tin nhận được cái chân thật đó, nghĩa là Ngài gieo nhân duyên đầy đủ hết chứ không bỏ sót ai.

CHÁNH VĂN:

**Nếu ta gặp chúng sanh
Dùng Phật đạo dạy cả
Kẻ vô trí rồi sai
Mê lầm không nhận lời**

GIẢNG:

Ngài nói rõ, nếu gặp ai Ngài cũng nói thành Phật hết thì với kẻ vô trí tâm loạn sẽ không tin nhận, nhiều khi còn phỉ báng trở lại, cho nên Ngài chưa vội nói, Ngài chỉ gieo duyên lành cho họ hướng đến.

CHÁNH VĂN:

**Ta rõ chúng sanh đó
Chưa từng tu cội lành
Chấp chặt nơi ngũ dục
Vì si ái sanh khổ
Bởi như duyên các dục
Sa vào ba đường dữ
Xoay lăn trong sáu nẻo
Chịu đủ những khổ độ
Thân mọn thọ bào thai
Đời đời tăng trưởng luôn
Người đức mỏng ít phước
Các sự khổ bức ngặt
Vào rừng rậm tà kiến
Hoặc chấp có chấp không
Nương gá các chấp này
Đầy đủ sáu mươi hai**

GIẢNG:

Như vậy cho thấy rõ những người thiếu căn lành đó, do chấp chặt nơi ngũ dục bị si ái làm khổ, cho nên từ đó mà đi vào ba đường dữ, luân hồi trong sáu nẻo, chịu khổ độc. Vì phước đức mỏng nên bị cái khổ nó bức ngặt, rồi ở trong rừng rậm tà kiến, chấp có chấp không, cứ thế mà lẩn quẩn mãi không ra khỏi. Ở đây hãy chú ý, sở dĩ khổ đó là từ đâu? - Vì si ái. Chính si ái đó mà khổ. Si là si mê không thấy đúng lẽ thật, rồi mới chấp vào cái ngã này, yêu tiếc lấy nó rồi từ đó tạo nghiệp chịu khổ thôi chứ gì? Cho nên nói nó là si ái. Chẳng hạn tham là tham cho cái gì? Tham cho cái ta này nó hưởng chứ gì? Rồi sân thì cũng do cái gì mà sân? Cũng do cái ngã này, vì đụng đến nó mà sân. Còn kiêu căng tự đắc là gì? Cũng vì cái ngã thôi, vì muốn đưa nó lên cao. Mà cái gì là ngã này? - Kiểm lại, cái này là giả dối thôi. Do si mê tưởng đâu là thật cho nên chấp là có ngã thật ở trong ấy, bám chặt vào đó rồi từ đó mà tạo tội chịu khổ. Bởi vậy nếu xét cho kỹ, mình bớt chấp ngã được chừng nào thì mình được nhẹ nhàng chừng nấy. Ở đâu, hay ở chỗ nào mà vắng bóng si ái này, vắng bóng cái ta này, cộng thêm cái của ta nữa thì chính ngay đó là Niết bàn chứ gì? Có bóng dáng của cái ta này là lối đi vào sanh tử, vắng bóng nó thì ngay đó là Niết bàn chứ không có gì khác. Cho nên Niết bàn không phải là chỗ nào khác mà ngay nơi hiện tại đây thôi. Nhưng ở đây mình vì cái si mê đó mà chấp chặt vào cái ngã này, do chấp chặt cái ngã đó mà sanh ra các tà kiến. Đây nói tà kiến đó như rừng rậm, vào trong đó rồi hết biết lối ra. Nghĩa là quanh quẩn trong những cái chấp đó, mà bao nhiêu

những tà kiến đó cuối cùng đem gom lại không ngoài hai thứ "có - không".

Nếu mình sạch những cái chấp có, chấp không thì ngay đó là lặng lẽ giải thoát. Nhưng mình đâu có chịu như vậy. Không chấp có thì cũng rơi vào chấp không, còn không chấp không thì cũng rơi vào chấp có.

Thí dụ mình nói tu hành phải đạt đạo. Đạo gì để đạt? Tưởng có đạo để đạt là chấp có, còn nếu bỏ không thêm tu gì hết là chấp không, thành ra lẫn lẩn, không ở bên này cũng rơi vào bên kia. Ở đây nếu quên được niệm phân biệt có - không thì ngay đó tâm lặng lẽ. Mà tâm lặng lẽ tức là Niết bàn, vậy thôi.

Vậy nếu không bám chấp vào đó thì sẽ mở sáng được con đường giác ngộ. Còn bám chặt vào đó thì lý thật bị che mờ. Cho nên Phật nói:

CHÁNH VĂN:

**Chấp chặt pháp hư vọng
Bền nhận không bỏ dặng
Ngã mạn tự khoe cao
Dua nịnh lòng không thiệt
Trong ngàn muôn ức kiếp
Chẳng nghe danh tự Phật
Cũng chẳng nghe chánh pháp
Người như thế khó độ**

GIẢNG:

Vì chấp chặt pháp hư vọng mà bền nhận không bỏ được, nên cứ lẫn lẩn mãi trong đó. Có khi cả muôn kiếp mà không nghe được danh tự Phật. Trong khi đó,

mình có duyên lành học Phật, tức là mình có hạt giống đó đã được gieo sâu rồi.

CHÁNH VĂN:

**27- Cho nên Xá Lợi Phát!
Ta vì bày phương tiện
Nói các đạo dứt khổ
Chỉ cho đó Niết bàn
Ta dầu nói Niết bàn
Cũng chẳng phải thiệt diệt**

GIẢNG:

Niết bàn là tịch diệt vắng lặng. Nhưng Ngài nói Niết bàn đó không phải thiệt diệt, bởi vì nhiều người nghe nói Phật đến khi chết là nhập Niết bàn, cho nên mình mắc kẹt trên từ Niết bàn. Ở đây, Phật nói Niết bàn là chỉ tâm lặng lẽ, dứt sạch những niệm phân biệt sanh diệt, thì ngay đó là Niết bàn, chứ không phải đến Niết bàn là diệt tất cả, không còn gì hết. Phật nói rõ:

**Ta dầu nói Niết bàn
Cũng chẳng phải thiệt diệt**

Do đó, trong kinh Kim Cang, Phật nói: "Độ chúng sanh vào Niết bàn mà không có chúng sanh nào diệt độ", để chỉ rõ cái sanh tử này nó không thật, những vọng tưởng này cũng không phải thật. Cho nên giác ngộ nó thì nó hết thôi, mà thể của nó vẫn sáng ngời, chớ không có vọng tưởng để diệt, cũng như không

có cái sanh tử để diệt, mà ở đây nói Niết bàn là để đối với sanh tử. Vậy cũng là hai pháp đối đãi mà thôi, phương tiện mà dựng lập. Cốt yếu là mình nhận rõ lại bản tâm của mình, bản tâm vốn là sáng ngời lạng lẽ từ xưa, khi nhận rõ nó thì thấy sanh tử, Niết bàn chỉ là hai danh từ, nên không mắc kẹt trên đó. Chú nghe nói nhập Niết bàn, rồi như vậy không biết đi đâu, không biết mình sống ra sao. Ở đây, nhập Niết bàn là sống với tâm chân thật của mình, không sanh không diệt đó, chứ không phải là đi đâu.

CHÁNH VĂN:

Các pháp từ bốn lai
Tướng thường tự vắng lặng
Phật tử hành đạo rồi
Đời sau đặng thành Phật
Ta có sức phương tiện
Mở bày khắp ba thừa
Tất cả các Thế Tôn
Đều nói đạo nhất thừa

GIẢNG:

Ở đây Phật nói rõ:
Các pháp từ xưa nay
Tướng thường tự vắng lặng

Như vậy là để nói lên cái gì? Quý vị nghe có nghi không? Trong khi đó mình thấy nó lằng xằng đủ thứ hết, ra ngoài đường là thấy xe chạy, sao vắng lặng được? Ở đây muốn chỉ cho thật tướng chứ không

phải chỉ cho tướng hư dối này. Chính những tướng này là tướng thật tướng thối, nhưng làm sao thấy được thật tướng này? Mình thấy tất cả tướng hiện tại đó, nhưng không khởi tâm động niệm phân biệt trên đó, thì nó có động có tịnh gì? Có sanh có diệt gì? Nói rõ hơn là, thấy tất cả mà không có chen cái ngã này vào, dù cho có sanh diệt thì những sanh diệt này cũng như như thối. Còn mình chen cái tôi vào mới sanh chuyện, chen cái tôi này mới có này có kia, có tôi có anh, có yêu có ghét, thì đó là sanh diệt. Còn thấy biết tất cả không chen tôi này vào, thấy nó là nó thối, nó vắng lặng là như vậy, là không có niệm sanh diệt, nó là nó như vậy thối, đó là thấy không sanh diệt. Vậy muốn nói lên ngay sanh diệt đó là vô sanh chứ không có gì khác, không phải chạy tìm cái vô sanh ở đâu. Do đó mà:

Phật tử hành đạo rồi
Đời sau đặng thành Phật

Thành Phật là thành cái sẵn tự vắng lặng đó, chứ không phải có cái khác. Và tuy mở bày nói ba thừa đó là đạo nhất thừa thối, cốt yếu là không ngoài đưa người trở về tri kiến Phật, cho nên nói gì thì nói, Ngài cũng nhấn mạnh chỗ đó.

CHÁNH VĂN:

Nay trong đại chúng này
Đều nên trừ nghi lầm
Lời Phật nói không khác
Chỉ một, không hai thừa

GIẢNG:

Phật nhấn mạnh lại khiến cho mọi người tin chắc chắn, Ngài nói phương tiện chỉ để đưa về nhất thừa.

CHÁNH VĂN:

28- Vô số kiếp đã qua
 Vô lượng Phật diệt độ
 Trăm nghìn muôn ức Phật
 Số nhiều không lường được
 Các Thế Tôn như thế
 Các món duyên thí dụ
 Vô số ức phương tiện
 Diễn nói các pháp tướng
 Các đức Thế Tôn đó
 Đều nói pháp nhất thừa
 Độ vô số chúng sanh
 Khiến vào nơi Phật đạo

GIẢNG:

Bao nhiêu Phật quá khứ ra đời, cũng không ngoài nói về tri kiến Phật, mở sáng tri kiến Phật, mới là căn bản, chứ đừng kẹt trên hình thức sai biệt.

Lại các đại thánh chúa
 Biết tất cả thế gian
 Trời người loài quần sanh
 Thâm tâm chỗ ưa muốn
 Bèn dùng phương tiện khác
 Giúp bày nghĩa đệ nhất

GIẢNG:

Đây nói các bậc đại thánh chúa là chỉ cho các đức Phật. Ngài biết được thâm tâm của mọi người ưa muốn cái gì đó, tùy chỗ ham muốn đó, Ngài dùng phương tiện để giúp bày cho nghĩa đệ nhất này. Những phương tiện Ngài đưa ra, là để thâm nhận cái này. Ngay đó, có ai cảm nhận được chỗ phóng quang chưa? Phật phóng quang đó cũng là cái gì? Đó cũng là phương tiện khác, để giúp bày cho nghĩa đệ nhất này, bởi vì nghĩa đệ nhất này không thể diễn tả được, cho nên phóng quang đó là nhắc cho mọi người nhớ ánh sáng đó. Hiểu được ý này, quý vị đọc sách Thiền thấy các Thiền sư cũng dùng cách này đánh thức mình. Chẳng hạn, các Ngài đưa ngón tay hay là cúi đầu hoặc là tăng hắng, le lưỡi cũng là cái gì? Cũng là phương tiện khác để giúp bày cho nghĩa đệ nhất này. Đưa ngón tay lên để làm gì? Để đánh thức nghĩa đệ nhất ngay trước mắt đó. Các Ngài tăng hắng, le lưỡi để đánh thức chỗ không thể nói được đó. Mình phải khéo vượt qua phương tiện đó để sống lại chính mình, soi lại mình đó là gốc. Do đó Ngài Bá Trượng nhắc là: "Đọc kinh, xem giáo lý phải luôn luôn soi lại mình".

CHÁNH VĂN:

**29- Nếu có loài chúng sanh
Gặp các Phật quá khứ
Hoặc nghe pháp bố thí
Hoặc trì giới nhẫn nhục
Tinh tấn, thiền, trí thấy
Các món tu phước huệ**

**Những người như thế đó
Đều đã thành Phật đạo.
Nếu người lòng lành dịu
Các chúng sanh như thế
Đều đã thành Phật đạo**

GIẢNG:

Ở đây nói về các chúng sanh gặp các đức Phật trong quá khứ đã tu hành lục độ, tâm được lành dịu thuần thực thì cũng trở về Phật đạo hết. Nghĩa là lục độ đó cũng là phương tiện khác của Phật đạo, cũng từ nơi tánh giác đó nó thúc đẩy, đánh thức mình trở về thôi. Tu lục độ là tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục....Như bố thí là để buông xả hết cái chấp, bớt hướng về cái ngã này, để sống trở về với tánh giác. Đó cũng là phương tiện để đưa mình tới Phật thừa.

CHÁNH VĂN:

**30- Các Phật diệt độ rồi
Người cúng dường xá lợi
Dựng muôn ức thứ tháp
Vàng, bạc và pha lê
Xà cừ cùng mã não
Ngọc mai khô, lưu ly
Thanh tịnh rộng nghiêm sức
Trau giồi nơi các tháp
Hoặc có dựng miếu đá
Chiên đàn và trầm thủy
Gỗ mật cùng gỗ khác
Gạch ngói bùn đất thảy**

**Hoặc ở trong đồng trống
Chứa đất thành miếu Phật
Nhấn đến đồng tử giỡn
Nhóm cát thành tháp Phật
Những hạng người như thế
Đều đã thành Phật đạo**

GIẢNG:

Đây nói về cúng dường tháp miếu xá lợi, dựng miếu đá v.v cho đến những đứa bé chơi giỡn, nhóm cát thành miếu, dần dần công đức đầy đủ cũng thành Phật đạo hết.

Vậy có ai bị bỏ sót không? Những đứa bé giỡn chơi nhóm cát thành tháp Phật đó, tại sao nó không làm thứ khác mà làm tháp miếu? Tức mấy đứa bé đó nó cũng có chủng tử này, nó mới hiện ra hình tướng. Như vậy để thấy hạt giống Phật nó hiện ra rồi. Hoặc có những anh chàng say rượu vô chùa lại niệm Phật, tuy say rượu nhưng còn có hạt giống. Những vị như vậy dần dần chứa nhóm công đức đầy đủ cũng đều thành Phật đạo, chỉ là đủ duyên hoặc chưa đủ duyên phát hiện.

CHÁNH VĂN:

**31- Nếu như người vì Phật
Xây dựng các hình tượng
Chạm trở thành các tượng
Đều đã thành Phật đạo
Hoặc dùng bảy báu làm
Thau, đồng bạch, đồng đỏ**

**Chất nhôm cùng chì kẽm
Sắt, gỗ cùng với bùn
Hoặc dùng keo, sơn, vôi
Nghiêm sức làm tượng Phật
Những người như thế đó
Đều đã thành Phật đạo**

GIẢNG:

Nghĩa là dùng các hình tượng chạm trổ hoặc những chất kim khí, gỗ hoặc keo, sơn, vôi v.v... để làm thành tượng Phật đó thì cũng đều đầy đủ công đức thành Phật đạo hết.

CHÁNH VĂN:

**Vẽ vời làm tượng Phật
Trăm tướng phước trang nghiêm
Tự làm hoặc bảo người
Đều đã thành Phật đạo
Nhấn đến đồng tử giỡn
Hoặc cỏ cây và bút
Hoặc lấy móng tay mình
Mà vẽ thành tượng Phật
Những hạng người như thế
Lần lần chứa công đức
Đầy đủ tâm đại bi
Đều đã thành Phật đạo
Chỉ dạy các Bồ tát
Độ thoát vô lượng chúng**

GIẢNG:

Đây nói lên chạm trổ, vẽ tượng Phật, đó là những cái nhân lành, những hạt giống Phật nó biểu hiện ra, dần dần đầy đủ những công đức rồi cũng đều thành Phật đạo. Đây chú ý, Phật nói rõ: lần lần chứa đầy đủ công đức mới thành Phật đạo chứ không phải liền khi đó! Vậy để thấy rõ nhân quả phải được viên mãn mới thành Phật. Mình vẽ hay chạm trổ hình tượng Phật đó là cái nhân Phật biểu hiện ra, lần lần đầy đủ thì quả được viên mãn. Nhân và quả được viên mãn tương ứng với nhau thì thành Phật.

Cho thấy, đâu đâu cũng để cho mình chứa nhóm hạt giống Phật, không có chỗ nào bỏ qua. Cho nên mình không chấp cái này bỏ cái kia, hay là mình không chấp vào chút ít công phu của mình cho là đủ. Đây Phật nói rõ phải lần lần chứa những công đức đầy đủ tâm đại bi đó, chứ không phải nghe nói dùng cây bút vẽ hình tượng Phật thôi là đủ rồi, là lắm. Đó chỉ là một cái duyên, một cái nhân chứa nhóm hạt giống Phật của mình, mà còn phải bồi dưỡng những công đức cho được đầy đủ viên mãn thì mới thành tựu quả Phật.

CHÁNH VĂN:

**32- Nếu người nơi tháp miếu
Tượng báu và tượng vẽ
Dùng hoa, hương, phan, lọng
Lòng kính mà cúng dường
Hoặc khiến người trở nhạc
Đánh trống, thổi sừng ốc
Tiêu, địch, cầm, không hầu**

Tỳ bà, chụp chả đồng
Các tiếng hay như thế
Dem dùng cúng dường hết
Hoặc người lòng vui mừng
Ca ngâm khen đức Phật
Nhấn đến một tiếng nhỏ
Đều đã thành Phật đạo

GIẢNG:

Đây Phật nói về cúng dường hương hoa, ca nhạc, tức là dùng hoa, hương, ca nhạc để cúng dường cho Phật, cho đến một tiếng khen ngợi nhỏ thôi, cũng đều thành Phật đạo hết. Như vậy, trong mọi sinh hoạt hằng ngày, mình đang sống trong ánh sáng Phật, không rời Phật thật đó một giây phút nào hết, nhưng mình lại ít để ý, tự quên, rồi lang thang chạy theo trần cảnh trong sáu trần để chịu luân chuyển. Ở đây, từ chỗ sống hằng ngày, khéo tin nhận trở về là mình đang đi trên con đường giác ngộ. Vậy, thành Phật không phải là chuyện của ai khác, mà đây là việc bốn phận của mỗi người. Coi như không ai thiếu hết, chỉ mình khéo tin nhận thôi, khéo tin nhận nơi tâm của mình, đó chính là Phật thật.

CHÁNH VĂN:

Nếu người lòng tán loạn
Nhấn đến dùng một bông
Cúng dường nơi tượng vẽ
Lần thấy các đức Phật
Hoặc có người lễ lạy

Hoặc lại chỉ chấp tay
Nhấn đến gờ một tay
Hoặc lại hơi cúi đầu
Dùng dây cúng dường tượng
Lần thấy vô lượng Phật
Tự thành đạo vô thượng
Rộng độ chúng vô số
Vào vô dư Niết bàn
Như củi hết lửa tắt

GIẢNG:

Những người lòng tán loạn, chỉ dùng một bông cúng dường tượng vẽ, lần lần gập gỡ các đức Phật, cũng đều thành tự được đạo vô thượng, cho đến hơi cúi đầu, gờ tay thôi, không có chỗ nào thiếu vắng. Đây quý vị đọc thấy rõ:

Lần thấy vô lượng Phật
Tự thành đạo vô thượng

Thành đó là thành tự thân thôi chứ không có đạo gì ở bên ngoài mà thành. Đó là mình sống trở về với mình, cho nên những cái này là gọi cho mình sống trở lại thôi. Thành đạo vô thượng rồi thì độ vô số chúng vào vô dư Niết bàn, như củi hết lửa tắt.

Củi hết lửa tắt là nghiệp hết, không còn có tạo tác, không còn có chỗ để dẫn mình đi luân hồi, nên gọi là nhập Niết bàn. Đây nói như củi hết lửa tắt vậy thôi chứ không nói ra sao, có người nghe nói vậy không biết nhập Niết bàn ra sao, rồi suy nghĩ xem nhập chỗ nào, càng sai thêm. Nhập Niết bàn là dứt

nghiệp sanh tử thôi, ngay đó thì lặng lẽ, chứ không nói nhập thế nào, nhập đi đâu, còn nghĩ tới đi đâu là nghĩ tới sanh tử.

CHÁNH VĂN:

**Nếu người lòng tán loạn
Vào nơi trong tháp miếu
Một xưng Nam mô Phật
Đều đã thành Phật đạo
Nơi các Phật quá khứ
Tại thế hoặc diệt độ
Có người nghe pháp này
Đều đã thành Phật đạo**

GIẢNG:

Vào trong tháp xưng Nam mô Phật thôi cũng không mất nhân đó, như vậy để thấy rõ, không có chỗ nào mà nó thiếu hết. Bao nhiêu phương tiện, bao nhiêu duyên lành đều là gợi lại cái sẵn có nơi mình, mà mình không dám nhận. Do đó, cúng dường hay làm các công đức khác cũng đều để soi lại nó, đó mới là Phật chính.

Tóm kết lại đoạn này, là nói tất cả các đức Phật trong thời quá khứ đã khơi dậy cho những người nghe được pháp này, cuối cùng những người đó cũng thành Phật đạo. Quý vị nghe như vậy còn mình thì sao? Các vị đó từ khen một tiếng nhỏ, chỉ chấp tay, hơi cúi đầu thôi, rốt ráo rồi cũng thành Phật đạo hết. Mình ở đây có ai thành chưa? Đó là khiến cho mọi người có đủ niềm tin nơi chính mình, ai ai cũng đều có hạt giống Phật đó. Tin nhận và sống trở về cái đó thì ai cũng đủ

khả năng để giác ngộ. Nếu giác ngộ mà chưa đầy đủ thì mình từ phạm tiến lên bậc Hiền, rồi dần dần lên bậc Thánh, còn sống trọn vẹn thì thành một vị Phật. Vậy là ai ai cũng đều có những cơ hội để mình gặp gỡ lại ông Phật đó hết, nhưng mình đã bỏ qua rất nhiều cơ hội. Đưa ngón tay trước tượng Phật, thì cái gì thúc đẩy đưa ngón tay lên? Ngay đó, nếu mình nhớ trở lại, thì mình có cơ hội sống trở về rồi.

CHÁNH VĂN:

**34- Các Thế Tôn vị lai
Số nhiều không thể lường
Các đức Như Lai đó
Cùng phương tiện nói pháp
Tất cả các Như Lai
Dùng vô lượng phương tiện
Độ thoát các chúng sanh
Vào trí vô lậu Phật.**

GIẢNG:

Các đức Phật Thế Tôn vị lai nói pháp cũng đều đưa người về trí tuệ vô lậu thôi. Nhưng quý vị biết Phật vị lai đó là ai không? - Đó là những vị Phật đang ngồi nghe pháp này.

CHÁNH VĂN:

**Nếu có người nghe pháp
Không ai chẳng thành Phật**

Nếu có người nghe pháp thì không ai mà không thành Phật cả. Vậy quý vị đang nghe pháp đây thì không phải là Phật vị lai sao?

**Các Phật vốn thế nguyện
Ta tu hành Phật đạo
Khắp muốn cho chúng sanh
Cũng đồng đặng đạo này**

Tức muốn cho mọi người đều thể nhập vào tri kiến Phật thôi.

**Các Phật đời vị lai
Dầu nói trăm ngàn ức
Vô số các pháp môn
Kỳ thiệt vì nhất thừa**

Ngài nhấn mạnh lại là tất cả cũng đưa về nhất thừa thôi.

**Các Phật lưỡng túc tôn
Biết pháp thường không tánh
Giống Phật theo duyên sanh
Cho nên nói nhất thừa**

GIẢNG:

Đây là điểm cần phải chú ý!

Lưỡng túc tôn: là đầy đủ cả hai: phước, trí trang nghiêm, tức hai điều phúc đức và trí tuệ. Một đức Phật là phải đầy đủ hai cái đó, còn thiếu một là chưa viên mãn và các Phật đó:

Biết pháp thường không tánh
Giống Phật theo duyên sanh

Đó là sao? Giống Phật theo duyên sanh là nhờ duyên mà nó sanh, như vậy thành ra duyên sanh ra giống Phật sao? Ở đây phải hiểu cho thật kỹ vì đây là lý sâu xa!

Giống Phật theo duyên sanh: cho thấy ở đây ai cũng có hạt giống Phật đó hết, nhưng mà theo duyên sanh tức là có duyên được gặp gỡ Phật, Bồ tát, Tổ, những vị Thiện tri thức nhắc lại, gọi lại mình, mình liền nhớ ra, sự tỉnh lại thì đó gọi là theo duyên sanh, chứ không phải nói cái duyên nó sanh ra hạt giống Phật.

Ngài nói các pháp không tánh, là - Không thật nhiễm hay là tịnh, không thật cố định là phàm hay là thánh, là chúng sanh hay là Phật. Mê thì gọi chúng sanh, giác thì gọi là Phật, không cố định chúng sanh là chúng sanh thật, không cố định Phật là Phật thật. Nếu Phật cố định là Phật rồi thì mình không mong gì thành Phật được. Như vậy mê cũng không cố định là mê, ngộ thì hết mê. Vậy ngộ cũng không thật ngộ nữa, không thật có cái ngộ riêng. Do đó, nếu mình theo duyên nhiễm thì đi vào sanh tử, đó gọi là mê, còn theo duyên tịnh là trở về Niết bàn.

Vậy ngay nơi tâm thể chính mình, cái đó nó không có nhiễm-tịnh, sanh diệt gì. Khi đầy đủ nhân duyên tương ứng thì mình liền giác ngộ hạt giống Phật nơi mình, tức là tánh giác sẵn có chứ không phải cầu bên ngoài. Nó có sẵn đó, khi gặp duyên đầy đủ gọi lại thì mình nhớ lại, nó hiện ra, còn thiếu duyên thì nó ẩn.

Câu chuyện Ngài Nam Tuyên cúng trai Mã Tổ:

Một hôm Ngài cúng kỵ Mã Tổ, Ngài thử trong chúng bèn hỏi:

- Hôm nay cúng trai Mã Tổ, vậy Mã Tổ có đến hay không?

Trong chúng không ai đáp được, vì Mã Tổ đã tịch rồi, bây giờ cúng cơm hỏi Ngài có đến không. Nói sao đây? Lúc đó Ngài Lương Giới bước ra thưa rằng:

- Đợi có bạn liền đến.

Ngay đó Ngài Nam Tuyền liền khen:

- Chú nhỏ này tuy hậu sanh cũng khéo dưa gọt.

Hỏi cúng trai Mã Tổ, Mã Tổ có đến hay không, vậy đó là Mã Tổ gì? - Muốn nói đến pháp thân chân thật sẵn có nơi mình, nó đâu có hình tướng gì. Cũng giống như Mã Tổ tịch rồi, để chỉ ra cái không hình tướng thì đâu có đến, đâu có đi. Không đến không đi, thì cúng cho ai đây? Cho nên mọi người không ai thấy được ý đó. Ngài Lương Giới hiểu rõ được pháp thân chân thật đó nên Ngài nói "Đợi có bạn liền đến". Có bạn là đủ duyên, đủ duyên thì liền đến. Pháp thân của mình không có hình tướng gì, nhưng đủ duyên thì nó liền hiện. Minh tu hành, khi công phu tương ứng, hay được các bậc Thiện tri thức đánh thức, gọi lại, đủ duyên mình liền cảm nhận ngay. Cảm nhận tức là đến. Giống như đây Phật nói, các hạt giống Phật theo duyên sanh là như vậy.

CHÁNH VĂN:

**Pháp đó trụ ngôi pháp
Tướng thế gian thường còn
Nơi đạo tràng biết rồi
Đức Phật phương tiện nói**

GIẢNG:

Chỗ này mỗi người phải nghiệm cho kỹ, pháp đó là pháp gì mà nó trụ nơi ngôi pháp, mà tướng thế gian thường còn? Nói vậy có trái với hiện tại không? Thế gian là sanh diệt, ở đây Ngài nói "tướng thế gian thường còn!" Muốn thấy được tướng thế gian thường còn này thì phải rõ được pháp đó, mà pháp đó là pháp gì? - Đó là chỉ cho pháp thể vô tướng, hay gọi là tri kiến Phật. Nó ở ngay ngôi pháp tức là sao? Đây muốn cho mình thấy rõ, sum la vạn tượng đầy dẫy nó đang sanh diệt lăng xăng chỉ là trên giả tướng thôi, còn trên pháp thể vô tướng nó vẫn hằng bất động.

Nghĩa là mình thấy tất cả mà không chen cái ngã vào, thì nó là nó thôi, nên pháp đó trụ ngôi pháp. Đây là cái nào mình trả về cái đó, đừng sanh thêm tâm phân biệt vào đó, như Ngài Văn Môn nói:

- Cây gậy chỉ là cây gậy thôi.

Còn mình thêm "cây gậy của tôi", mới sanh chuyện! Cây gậy là cây gậy, có sanh diệt gì đâu. Như vậy nó trụ ngay nơi nó thôi, mình thấy cây gậy thì cái thấy nó trụ nơi cái thấy thôi, đừng có dẫm chân vào cái khác, ngay đó mình rõ được thế gian thường còn. Đây cho thấy ngay nơi tướng sanh diệt hiện tại, nó ngấm đầy đủ cái thể bất sanh bất diệt trong đó, nếu mình đừng được niệm phân biệt thì cảm nhận ngay cái chân thật hiện hữu. Kinh Hoa Nghiêm có bài kệ:

Nhất thiết pháp bất sanh
Nhất thiết pháp bất diệt
Nhược như như thị giải
Chư Phật thường hiện tiền.

Nghĩa là:

Tất cả pháp chẳng sanh
Tất cả pháp chẳng diệt
Người hiểu được như thế
Chư Phật thường hiện tiền.

Nếu thấy tất cả pháp không sanh diệt, là mình sống trở về với tâm bất sanh bất diệt, thì ngay đó Phật hiện tiền. Còn mình theo tâm sanh diệt để sống, đem tâm sanh diệt nhìn tất cả, thì tất cả đều sanh diệt. Đó là nói về các vị Phật vị lai cũng nhắm thẳng vào việc chính đó. Bây giờ tới Phật hiện tại.

CHÁNH VĂN:

**Hiện tại mười phương Phật
Của trời, người cúng dường
Số nhiều như hằng sa
Hiện ra nơi thế gian
Vì an ổn chúng sanh
Cũng nói pháp như thế
Biết vắng bật thứ nhất
Bởi dùng sức phương tiện
Dầu bày các món đạo
Kỳ thiệt vì Phật thừa**

GIẢNG:

Ở đây cần chú ý, Phật hiện tại ra đời cũng vì an ổn chúng sanh, nên nói pháp như thế thôi. Các

Ngài biết vắng bật thứ nhất, tức là các ngài biết, các pháp vốn là vắng bật, nó bật hết các nói năng suy nghĩ, vượt ngoài ngôn ngữ phân biệt, không thể bàn luận, cũng không thể dùng cái tình thức này để hiểu được. Nhưng chính vì không thể nói được, nên các Ngài phải dùng phương tiện để diễn bày, sự thật cũng vì một Phật thừa này thôi. Tùy theo tâm hạnh chúng sanh có sai biệt, nên các Ngài dùng phương tiện nói ra những phần sai biệt, hoặc nói quả này quả kia, nhưng cốt để đưa mọi người trở về tánh giác, tức một Phật thừa đây.

CHÁNH VĂN:

**Biết các hạnh chúng sanh
Thâm tâm có nghĩ nhớ
Nghiệp quen từ quá khứ
Tánh dục, sức tinh tấn
Và các căn lợi độn
Dùng các món nhân duyên
Thí dụ cùng lời lẽ
Tùy cơ phương tiện nói**

GIẢNG:

Phật biết chúng sanh có các nghiệp từ quá khứ, đã nghĩ nhớ cái gì, cho nên Ngài theo chỗ nghĩ nhớ đó mà dùng phương tiện để nói, để đánh thức trở lại. Bởi khi có nghĩ nhớ thì sao? Nghĩ nhớ cái này, nghĩ nhớ cái kia tức quên mất cái hiện tiền, nên các Ngài mới phương tiện đánh thức mình trở lại.

CHÁNH VĂN:

**35 - Ta nay cũng như vậy
Vì an ổn chúng sanh
Dùng các món pháp môn
Rao bày nơi Phật đạo
Ta dùng sức trí huệ
Rõ tánh dục chúng sanh
Phương tiện nói các pháp
Đều khiến đặng vui mừng**

GIẢNG:

Phật nói rõ, Ngài dùng sức trí huệ nên biết rõ tánh dục tức là lòng ham muốn của chúng sanh, mà dùng các phương tiện nói pháp khiến cho họ được vui mừng. Thí dụ như có người chưa chịu thành Phật, chưa chịu giải thoát, chỉ muốn đời sau sinh ra được sung sướng thôi, hoặc được hưởng an vui, Phật nói thành Phật thì làm sao họ chịu, vì vậy Phật phải dùng phương tiện bảo họ là ráng tu tạo công đức, tu phước lành, giữ năm giới cho kỹ, thì đời sau sanh ra được tốt đẹp hoặc tu thập thiện đời sau sanh ra được lên cõi trời, khỏi rơi vào các đường dữ. Nói như vậy, đó là Phật cũng phương tiện thôi, để cho họ bắt đầu trở về dần dần, mà chưa thể nói thẳng được thành Phật.

CHÁNH VĂN:

**Xá Lợi Phất nên biết!
Ta dùng mắt Phật xem**

Thấy sáu đường chúng sanh
 Nghèo cùng không phước huệ
 Vào đường hiểm sanh tử
 Khổ nối luôn không dứt
 Sâu tham nơi ngũ dục
 Như trâu "mao" mển đuôi
 Do tham ái tự che
 Dui mù không thấy biết
 Chẳng cầu Phật thế lớn
 Cùng pháp dứt sự khổ
 Sâu vào các tà kiến
 Lấy khổ muốn bỏ khổ
 Phật vì chúng sanh này
 Mà sanh lòng đại bi.

GIẢNG:

Phật dùng mắt Phật đó mà xem:
 Thấy sáu đường chúng sanh
 Nghèo cùng không phước huệ

Nghèo đây là nghèo gì? - Nghèo phước, nghèo tuệ. Chúng sanh quá nghèo về phước đức và trí tuệ, nên mới chìm sâu trong vô minh. Chính chìm sâu trong vô minh mà luôn luôn tạo nghiệp, đi vào trong các khổ, giống như con trâu mao nó mển cái đuôi của nó. Người do tham ái nó tự che, dui mù, không có trí tuệ, nên không cầu Phật thế lớn để đi ra khỏi các khổ não đó.

Trâu mao là chỉ cho con bò rừng, lông đuôi của nó rất là dài, nó rất yêu quý giữ cái lông đuôi đó, khi đi nếu có cây gì mọc vào thì nó liền dừng lại, không dám động dây gì hết. Nhưng vì lông dài và đẹp nên

cũng hay bị người bắt để lấy lông đuôi làm chui cờ, dải mũ..., vì tiếc giữ cái lông đuôi đó mà chịu khổ. Cũng giống mình đây, vì tham ái bám vào cái ngã này rồi cũng đi vào các khổ, bị những cái tham sân si nó dẫn mình đi vào trong sanh tử. Con bò rừng này bị người bắt, còn mình thì ai bắt đây? - Bị sanh tử bắt vào trong luân hồi này chịu khổ. Chính vì đó mà Phật gọi là đui mù không thấy biết.

Mình đây hai mắt mở sáng, nhưng Ngài cũng nói là đui mù. Đui mù đây là thiếu trí tuệ, cho nên mở mắt mà vẫn đui là như vậy. Chính mình vì tham ái, yêu tiếc cái thân này, nên nó dẫn mình đi luân hồi hoài hoài không dứt. Thí dụ khi sắp chết, thân này nó sắp mất rồi, thì sao đây? Bỏ không đành, vì mình đã sống với nó mấy chục năm, bây giờ bỏ nó đâu đành. Cứ quyến luyến, tiếc không thể bỏ nó được, nhưng bất ngờ nó rã thì liền chụp cái khác để thế vào, có phước thì chụp được cái tốt tốt, nếu thiếu phước lỡ chụp vào có hai sừng thì mệt, vì lúc đó đụng cái gì chụp cái nấy thôi, đâu có lựa chọn được.

Chỉ người có trí tuệ, có đạo lực mạnh làm chủ được, thì mới có thể lựa chọn. Cho nên Phật mới sinh lòng đại bi mà giáo hóa để đánh thức mình trở lại.

CHÁNH VĂN:

**36 - Xưa, ta ngồi đạo tràng
Xem cây cùng kinh hành
Trong hai mươi một ngày
Suy nghĩ việc như vậy:**

Đây Phật thuật lại, khi Ngài thành đạo,

Ngài đi kinh hành, trong hai mươi mốt ngày đó
Ngài suy nghĩ:

**Trí huệ của ta dặng
Vi diệu rất thứ nhứt
Chúng sanh các căn chậm
Tham vui si làm mù
Các hạng người như thế
Làm sao mà độ dặng?**

GIẢNG:

Ngài thấy rằng, trí tuệ mà Ngài chứng được đó, nó quá vi diệu, khó nói, khó diễn tả được, trong khi đó chúng sanh căn chậm lụt, bị tham vui si mê che lấp nên bị mù. Tham vui mà si là sao? - Tham vui theo ngũ dục, chịu theo cái ngã này, nên không thấy được lẽ thật, vọng chấp vào đó là si, hạng người như vậy, làm sao mà độ dặng đây, do đó Ngài muốn nhập Niết Bàn.

CHÁNH VĂN:

**Bấy giờ các Phạm Vương
Cùng các trời Đế Thích
Bốn thiên Vương hộ đời
Và trời Đại tự tại
Cùng các thiên chúng khác
Trăm nghìn ức quyến thuộc
Chấp tay cung kính lễ
Thỉnh ta chuyển pháp luân**

GIẢNG:

Đến đây các vị Trời Đế Thích, Phạm Vương, tứ Thiên Vương, Trời Đại tự tại, cùng các quyền thuộc đó, cùng đến để thỉnh Ngài chuyển pháp luân.

CHÁNH VĂN:

Ta liền tự suy nghĩ
 Nếu chỉ khen Phật thừa
 Chúng sanh chìm nơi khổ
 Không thể tin pháp đó
 Do phá pháp không tin
 Rớt trong ba đường dữ
 Ta thà không nói pháp
 Mau vào cõi Niết Bàn
 Liền nhớ Phật quá khứ
 Thật hành sức phương tiện
 Ta nay chứng đặng đạo
 Cũng nên nói ba thừa.

GIẢNG:

Ngài thương xót, cho nên phương tiện nói. Như vậy ngay buổi đầu Phật đã thổ lộ cho mình thấy rõ, chỗ chân thật đó vượt ngoài ngôn ngữ, không thể diễn tả được, không thể nói bày được. Nhưng giờ đây, từ chỗ không thể nói đó, mới phương tiện nói ra, vậy có nói ra đều là phương tiện cả, mình chớ chấp theo phương tiện đó, mà phải thấy tốt ý ban đầu kia, ý sâu xa đó! Chỗ này là chỗ Ngài ngầm đánh thức mình, **phải thâm nhận ý ngoài lời.**

CHÁNH VĂN:

37 - Lúc ta nghĩ thế đó
Mười phương Phật đều hiện
Tiếng phạm an ủi ta
Hay thay! Đức Thích Ca
Bực Đạo Sư thứ nhất
Đặng pháp vô thượng ấy
Tùy theo tất cả Phật
Mà dùng sức phương tiện
Chúng ta cũng đều đặng
Pháp tối diệu thứ nhất
Vì các loại chúng sanh
Phân biệt nói ba thừa.

GIẢNG:

Lúc đó thì mười phương, các đức Phật hiện ra khen ngợi Ngài: Hay thay! Đức Thích Ca, Ngài đã đặng pháp vô thượng, mà các Đức Phật đều chúng đặng như vậy, pháp đó là pháp tối diệu thứ nhất, nhưng vì các loại chúng sanh mới phân biệt nói ra ba thừa, nghĩa là, các pháp chứng nghiệm của các Ngài đó rất là khó nghĩ bàn được, chỉ tự thâm chứng thôi, nên mình vừa nghĩ đến nó là sai rồi. Bởi vậy trong nhà thiên hỏi: "Thế nào là đại ý Phật pháp?". Bị đánh liền. Muốn hiểu nó tức là biến nó thành ra cái bị hiểu rồi, nên các Ngài chỉ đánh thôi, đánh cho mình bật suy nghĩ để tự thâm nhận, nhưng ở đây vì:

CHÁNH VĂN:

Trí kém ưa pháp nhỏ

**Chẳng tự tin thành Phật
Cho nên dùng phương tiện
Phân biệt nói các quả
Dầu lại nói ba thừa
Chỉ vì dạy Bồ tát.**

GIẢNG:

Do mọi người trí còn kém nên ưa pháp nhỏ, ưa pháp nhỏ là sao? Cũng giống như mình nói tu giải thoát thành Phật chưa chịu, phải từ từ có được chút chút gì đó thì mình mới chịu. Ví dụ bảo: "Tu phải tu rất ráo viên mãn trở về chính mình thôi, không được gì hết". Thấy cũng hơi buồn. Tu năm ba năm thì chứng được cái quả gì đó, hoặc lên được bậc tranh thứ ba, thứ tư nào đó, thì thấy an ủi, đó là ưa pháp nhỏ. Cho nên ở đây Ngài nói rằng:

- Chẳng tự tin thành Phật.

Bởi vậy các Ngài nói các quả, có quả Thanh Văn, Duyên Giác, Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm... Nhưng sự thật chỉ một tâm này thôi, chớ có gì khác.

Thí dụ tu chứng Tu đà hoàn, thì Tu đà hoàn là ai? Tư đà hàm là ai? Có phải người nào khác không? Cũng một tâm này thôi, do phiền não của tâm mình nó bớt được bao nhiêu. Nếu bớt được một phần là chứng Tu đà hoàn, bớt phần nữa thì chứng Tư đà hàm, bớt phần nữa chứng A na hàm, còn phiền não hết thì chứng A la hán, đó là phương tiện, chứ không phải thật. Cho nên Ngài nói:

**Dầu lại nói ba thừa
Chỉ vì dạy Bồ Tát**

Dầu Ngài nói ba thừa cũng chỉ dạy Bồ tát thôi.

CHÁNH VĂN:

38 - Xá Lợi Phát nên biết!
Ta nghe các Đức Phật
Tiếng nhiệm mầu rất sạch
Xưng: "Nam mô chư Phật!"
Ta lại nghĩ thế này
Ta ra đời trước ác
Như các Phật đã nói
Ta cũng thuận làm theo

GIẢNG:

Khi Ngài nghe chư Phật nói như vậy, Ngài nghĩ lại, Ngài ra đời trong đời ác trước này, cho nên Ngài cũng phải tùy thuận theo như các Đức Phật đó.

CHÁNH VĂN:

Suy nghĩ việc đó rồi
Liên đến thành Ba Nại
Các pháp tướng tịch diệt
Không thể dùng lời bày
Bèn dùng sức phương tiện
Vì năm Tỳ kheo nói.

GIẢNG:

Từ chỗ không nói đó, Ngài phải dùng phương tiện nói ra, nên mới vì năm tỳ kheo ở vườn Lộc Dã mà nói pháp.

CHÁNH VĂN:

**Đó gọi chuyển pháp luân
Bèn có tiếng Niết Bàn
Cùng với A la hán
Tên pháp, tăng sai khác.**

GIẢNG:

Từ đây mới có tên Niết Bàn, có tiếng A la hán, có tiếng Pháp Tăng. Vậy Niết Bàn, A la hán, Phật, Pháp, Tăng, những tên này là gì? Từ chỗ không tên mà tạm bày có tên. Ban đầu không thể nói, rồi đến vườn Lộc Dã Phật nói pháp Tứ Đế, mới có tên Niết Bàn. Nói Tứ Đế, khi dứt sạch được phiền não chứng được Niết Bàn có tên A la hán, có được năm vị, tức năm vị đó là có Tăng, gồm đủ Phật - Pháp - Tăng - Tam Bảo. Đó cũng là cái tên, mình phải thấy lại cái gốc, chứ đừng mắc kẹt trên tên đó. Nghĩa là Phật hay Pháp hay Tăng đó là gốc từ đâu? - Phật là tâm sáng suốt, Pháp là tâm chân chánh, Tăng là tâm thanh tịnh chớ gì! Đó là cái chân thật nơi mình. Còn Phật, Pháp, Tăng, tên bên ngoài đó là những tên phương tiện.

CHÁNH VĂN:

**Từ kiếp xa vẫn lại
Khen bày pháp Niết Bàn
Dứt hẳn khổ sống chết
Ta thường nói như thế.**

Do đó, Ngài khen pháp Niết Bàn để giải thoát sanh tử.

CHÁNH VĂN:

39 - Xá Lợi Phát phải biết!
Ta thấy các Phật tử
Chí quyết cầu Phật đạo
Vô lượng nghìn muôn ức
Đều dùng lòng cung kính
Đồng đi đến chỗ Phật
Từng đã theo các Phật
Nghe nói pháp phương tiện
Ta liền nghĩ thế này:
Sở dĩ Phật ra đời
Để vì nói Phật huệ
Nay chính đã đúng giờ

GIẢNG:

Đây là Phật thuật lại, Ngài thấy bao nhiêu người chí quyết cầu Phật đạo đó, đều dùng lòng cung kính đi đến chỗ Phật nghe pháp phương tiện từ đó tới nay, đến đây là đúng giờ rồi, đến đây tâm tâm được tương ứng. Như vậy, khi đúng thời, đúng lúc, hai bên tương ứng nhau, nói ra gọi lại, thì mình liền cảm thông, cái này không phải do một bậc gì, hay do quyền lực tối cao đem đến cho mình, mà nó sẵn nơi mình thôi, nhưng mình chưa nhận được, bởi vì chưa đúng thời, và mình chưa đủ lòng tin thuần thực, cho nên Phật phải chờ đúng giờ là như vậy.

CHÁNH VĂN:

Xá Lợi Phát phải biết!

**Người cần chậm trí nhỏ
Kẻ chấp tướng kiêu mạn
Chẳng thể tin pháp này**

GIẢNG:

Kẻ chấp tướng, kiêu mạn thì không tin nổi pháp này. Bởi vì sao? - Kiêu mạn, chấp tướng, là muốn đưa nó lên thoi, thấy giả tướng này bám vào nó, đâu tin được chân thật kia, cho nên khó tin.

CHÁNH VĂN:

**Nay ta vui vô úy
Ở trong hàng Bồ Tát
Chính bỏ ngay phương tiện
Chỉ nói đạo vô thượng.
Bồ Tát nghe pháp đó
Đều đã trừ lưới nghi
Nghìn hai trăm La Hán
Cũng đều sẽ thành Phật.**

GIẢNG:

Đến đây là đã tự tin mình thành Phật rồi, trước là Thanh Văn nay thành Bồ Tát, vậy quý vị thấy sao? Trước là Thanh Văn tin được rồi thì đến đây là Bồ Tát, như vậy các pháp thường không tánh rõ ràng, cũng như mình ở đây, tin được cái này thì mình chuyển phàm tiến lên thánh và

Nghìn hai trăm La Hán
Cũng đều sẽ thành Phật

La hán này cũng thành Phật hết, đâu phải A la hán hoài.

CHÁNH VĂN:

Như nghi thức nói pháp
Của các Phật ba đời
Ta nay cũng như vậy
Nói pháp không phân biệt.

GIẢNG:

Phật kết lại, Ngài cũng tuân theo nghi thức của chư Phật đó mà nói pháp, phương tiện nói thành ba thừa, nhưng rốt lại cũng đưa vào nhất thừa.

CHÁNH VĂN:

Các Đức Phật ra đời
Lâu xa khó gặp gỡ
Chính sử hiện ra đời
Nói pháp này khó hơn
Vô lượng vô số kiếp
Nghe pháp này cũng khó
Hay nghe được pháp này
Người đó cũng lại khó.

GIẢNG:

Ở đây, khiến mình có thêm niềm tin, các đức Phật đó ra đời khó gặp gỡ rồi, Phật ra đời nói pháp này càng khó hơn, mình nghe được pháp này càng khó hơn nữa. Nghe đây có hai phần, nghe bằng lỗ tai là một, còn nghe thấu qua lỗ tai nữa. Hay nghe được pháp này tức tin nhận sâu xa tự tâm mình đó, thì người đó thật là ít có nữa.

CHÁNH VĂN:

Thí như hoa Linh thoại
Tất cả đều ưa mến
Ít có trong trời, người
Lâu lâu một lần trở.

GIẢNG:

Đây là Ngài nhắc nhở, mình được cái duyên lành đó không phải là dễ dàng, cho nên chớ bỏ qua cơ hội, nghe được, tin nhận được thì tin liền. Bởi vì từ vô lượng kiếp mình trầm luân mê mờ ở trong sanh tử này, bây giờ chợt nghe được điều này, tức là hạt giống này đang sống dậy, không chịu tin nhận còn đợi gì nữa? Nếu tin nhận được cái này, còn gì vui sướng hơn! Cho nên Ngài nói ít có.

CHÁNH VĂN:

Người nghe pháp mừng khen
Nhấn đến nói một lời

**Thời là đã cúng dường
Tất cả Phật ba đời.**

GIẢNG:

Nghe pháp tin nhận, mừng khen, thì Ngài nói đó là cúng dường ba đời chư Phật rồi, quý vị cúng dường như thế này thì khoẻ hơn đi mua đồ cúng dường không? Ở đây Phật muốn nói rằng: Mình cúng dường Phật là tin nhận trở lại mình, nghe lời Phật ứng dụng thực hành sống trở về, đó mới là cúng dường chân thật. Còn cúng dường bằng hương hoa là để mình gieo duyên lành sống trở lại cái này.

**Người đó rất ít có
Hơn cả hoa Ưu Đàm
Các ông chớ có nghĩ
Ta là vua các pháp
Khắp bảo các đại chúng
Chỉ dùng đạo nhất thừa
Dạy bảo các Bồ Tát
Không Thanh văn đệ tử.**

GIẢNG:

Phật ân cần dặn đi dặn lại, quả là hết tình vì mình rồi đó. Ngài chỉ dùng đạo Nhất thừa để dạy thôi, chứ không Thanh văn đệ tử. Như vậy Ngài bác bỏ hàng thanh văn đệ tử hay sao? Đây nói Thanh Văn đệ tử đó, cũng là dẫn dắt trở về thôi, thật sự ý Ngài không phải nằm chỗ đó.

CHÁNH VĂN:

**Xá Lợi Phát các ông!
Thanh Văn và Bồ Tát
Phải biết pháp môn này
Bí yếu của các Phật.**

GIẢNG:

Ngài nhấn mạnh, pháp này là bí yếu của chư Phật, bí yếu chỗ nào? - Đó là chỗ sống của chư Phật, chư Phật đều giữ gìn chỗ đó, gặp người tương ứng thì mới thâm trao cho, đó là chỗ sống ngay nơi nội tâm của mọi người, mà mọi người không hay biết. Nếu sống rời cái này tức là sao? - Tức là mê. Nhưng chỗ đó không phải riêng của chư Phật, mà mọi người ai cũng đều có; mình phải dừng đi cái niệm lăng xăng, tìm cầu bên ngoài; thâm nhận trở lại thôi. Vì đó là chỗ khó diễn tả, cho nên gọi là chỗ bí yếu.

CHÁNH VĂN:

**Bởi đời ác năm trước
Chỉ tham ưa các dục
Những chúng sanh như thế
Trọn không cầu Phật đạo.**

Theo các dục nên không thành giác ngộ.

**Người ác đời sẽ tới
Nghe Phật nói nhất thừa
Mê lầm không tin nhận**

**Phá pháp đọa đường dữ
Người tâm quý trong sạch
Quyết chí cầu Phật đạo.**

Người có lòng tâm quý trong sạch đó, thì quyết chí cầu đến Phật đạo tức cầu đến giác ngộ.

**Nên vì bọn người ấy
Rộng khen đạo nhất thừa
Xá Lợi Phất nên biết
Pháp các Phật như thế
Dùng muôn ức phương tiện
Tùy thời nghi nói pháp
Người chẳng học tập tu
Không hiểu đặng pháp này.**

GIẢNG:

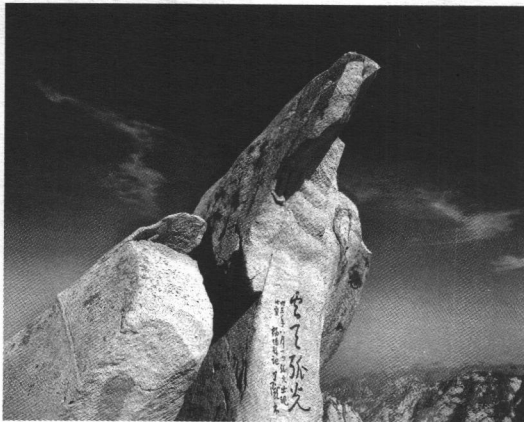
Đây phải nhớ, pháp mà các Phật tùy nghi nói ra, người không có học tập tu, thì không hiểu đặng pháp này, vì sao? - Vì pháp này không phải pháp để nói suông trên văn tự, trên ngôn ngữ, mà phải thể nghiệm nơi chính mình, mới có thể hiểu được pháp này.

CHÁNH VĂN:

**Các ông đã biết rõ
Phật là thấy trong đời
Việc phương tiện tùy nghi
Không còn lại nghi lầm
Lòng sanh rất vui mừng
Tự biết sẽ thành Phật**

GIẢNG:

Rất vui mừng là sao? - Tự biết sẽ thành Phật, chớ không phải là phỏng đoán lỡ mờ, mà chắc chắn sẽ thành Phật, nói nhiều rồi cũng quy về chỗ tự biết thôi. Đó là điều mà mỗi người phải tự kiểm lại. Từ trước đến nay Phật nói nhiều phương tiện, rồi cũng để nhấn mạnh lại chỗ sống trở về tánh giác của mình, rốt cuộc là tự thâm nhận nơi chính mình. Mà cái thành Phật ở đây là thâm nhận lại cái sẵn có nơi mình thôi, chỗ này mình cảm nhận được rõ ràng, chớ không phải chỗ này do chư Phật, chư Tổ bên ngoài nói, không thể nghiệm được, đó cũng thiếu thực tế. Mà đây mình tự biết được rõ ràng, đó là lẽ thật một trăm phần trăm.



自代大士任
 心印圓珠
 淨有圖珠
 七足身
 十手
 淨有圖珠
 淨有圖珠



八自
 淨有圖珠
 淨有圖珠

 **3-PHẨM THÍ DỤ****CHÁNH VĂN:**

- Lúc bấy giờ Ngài Xá Lợi Phất hớn hở vui mừng, liền đứng dậy chấp tay chiêm ngưỡng dung nhan của Đức Phật mà bạch Phật rằng: "Nay con theo đức Thế Tôn nghe đặng tiếng pháp này, trong lòng hớn hở đặng điều chưa từng có. Vì sao? Con xưa theo Phật nghe pháp như thế này, thấy các vị Bồ Tát được thọ ký thành Phật, mà chúng con chẳng được dự việc đó, tự rất cảm thương mất vô lượng tri kiến của Như Lai.

Thế Tôn! Con thường khi một mình ở dưới cây trong núi rừng, hoặc ngồi, hoặc đi kinh hành, hằng nghĩ như vậy: Chúng ta đồng vào pháp tánh, tại sao đức Như Lai lại dùng pháp tiểu thừa mà tế độ cho?

Đó là lỗi của chúng con chớ chẳng phải là Thế Tôn vậy. Vì sao? Nếu chúng con chờ Phật

nói pháp sở nhưn thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thời chắc do pháp đại thừa mà đặng độ thoát. Song chúng con chẳng hiểu Phật phương tiện theo cơ nghi mà nói pháp, vừa mới nghe Phật nói pháp, vội tin nhận suy gẫm để chứng lấy.

Thế Tôn! Con từ xưa đến nay trọn ngày luôn đem hằng tự trách mình, mà nay được từ Phật nghe pháp chưa từng có, trước chưa hề nghe, dứt các lòng nghi hối, thân ý thơ thới rất được an ổn. Ngày nay mới biết mình thật là Phật tử, từ miệng Phật sanh ra, từ pháp hóa sanh, đặng pháp phần của Phật.

GIẢNG:

Đây là phẩm Thí Dụ, nhưng trong Kinh Pháp Hoa nói có bảy thí dụ chính, còn có thêm hai thí dụ phụ nữa, bảy dụ là:

- Một là dụ nhà lửa (trong phẩm thí dụ).
 - Hai là dụ cùng tử, là đứa con bỏ cha đi lang thang nghèo đói (trong phẩm Tín giải).
 - Ba là dụ cỏ thuốc (trong phẩm Dược Thảo Dụ).
 - Bốn là dụ Hóa Thành, Bảo Sở.
 - Năm là dụ Hạt châu, hạt châu buộc trong ché áo.
 - Sáu là dụ Kế châu, hạt châu trên núi tóc của vua.
 - Bảy là dụ Phụ y tử, là thầy thuốc và các người con
- Đó gọi là bảy dụ chính, thêm hai dụ phụ là:
- Người đói gặp cơm vua không dám ăn ở phẩm

Thọ Ký.

- Thí dụ ở trên cao nguyên đào giếng trong phẩm Pháp Sư.

Vậy có bảy thí dụ chính và hai thí dụ phụ, nhưng ở đây lấy phẩm này đặt tên là phẩm Thí Dụ, vì phẩm này Phật nói về thí dụ nhà lửa, ba xe gồm xe dê, xe hươu, xe trâu; để nói lên bản hoài của Phật ra đời.

Phật ra đời là việc lớn, là một đại sự nhân duyên để Khai Thị cho chúng sanh Ngộ Nhập Tri Kiến Phật, đưa thẳng đến Nhất Thừa, đây là Tông chỉ của Kinh Pháp Hoa muốn nhắc, cho nên phẩm này đặt tên là Phẩm Thí Dụ.

Qua phẩm Phương Tiện, Phật đã nói rõ, Phật ra đời nói pháp tam thừa, nói những phương tiện để đưa về nhất thừa là chính, nên đến đây Ngài Xá Lợi Phất vui mừng hơn hở, Ngài đứng dậy bạch Phật, thưa rằng: Ngài từ trước đến giờ, đã theo Thế Tôn nghe pháp, nhưng hôm nay nghe được pháp này trong lòng rất vui mừng hơn hở, được điều chưa từng có, vì sao? Vì từ trước đến giờ nghe thấy các vị Bồ Tát được Phật thọ ký thành Phật, nhưng mình tại sao không được dự vào việc đó. Ngài nói, Ngài tự cảm thương mất đi vô lượng tri kiến của Như Lai. Và thường ở một mình dưới gốc cây hoặc ngồi hay đi kinh hành, Ngài nghĩ mình cũng đồng vào trong pháp tánh, tại sao Đức Như Lai dùng pháp Tiểu thừa mà tế độ, không dùng pháp Nhất thừa này để độ, rồi Ngài tự trách, trách mình chớ không phải trách Thế Tôn, trách là sao? - Ngài nói rằng, nếu mình chờ Phật nói pháp sở nhân thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Phật nói chỗ thành Phật đó, thì được từ đại thừa mà vào, mà được độ thoát. Đây vì do không hiểu được phương tiện của Phật, cho nên vừa nghe nói liền tin nhận, rồi suy gẫm để chứng lấy, không hiểu đó là phương tiện.

Như vậy, Ngài Xá Lợi Phất đến đây Ngài có chỗ tin nhận, cho nên mới hoan hỷ và tỏ bày: "Nghe được tiếng pháp này trong lòng rất là hớn hởi, được điều chưa từng có", chỗ chưa từng có đó là chưa từng có ở chỗ nào? - Ở chỗ lâu nay Ngài nghe Phật thọ ký cho các vị Bồ Tát này, Bồ Tát kia, tưởng như mình là không có phần đó, cho nên tự trách mình sao mất việc đó. Giờ đây được nghe Phật nói thẳng ra, mới chợt nhận ra mình cũng có phần chứ không mất, vậy còn gì vui hơn! Chính đây là niềm vui khi Ngài tin nhận mình có việc đó.

Con từ xưa đến nay trọn ngày luôn đem hằng tự trách mình, mà nay được từ Phật nghe pháp chưa từng có, trước chưa hề nghe, dứt các lòng nghi hối, thân ý thơ thới rất được an ổn.

Đối với Ngài Xá Lợi Phất, mình chưa đến cảnh giới chứng A La Hán như Ngài, chưa hiểu được hết lòng của Ngài, nói gần hơn như:

Thiền giả Trí Hoàng, ban đầu tham học nơi Ngũ Tổ, tự cho mình có sở chứng, mới cất am ngồi thiền mãi, trải qua 20 năm. Đệ tử của Lục Tổ Huệ Năng là Huyền Sách nghe danh Ngài liền đến am hỏi rằng:

- Ông ở đây làm gì?

Trí Hoàng nói:

- Nhập định

Huyền Sách hỏi:

- Ông nói nhập định là có tâm nhập hay không tâm nhập? Nếu không tâm nhập thì tất cả vô tình cỏ cây, ngói đá nên được định, nếu có tâm nhập thì tất cả loài hữu tình hàm thức cũng nên được định hết. Bởi vì chúng sanh cũng có tâm thì như vậy là sao? Ngài Trí Hoàng mới nói:

- Tôi chính khi nhập định chẳng thấy có "cái có tâm và không tâm."

Huyền Sách nói:

- Chẳng thấy có tâm và không tâm tức là thường định, sao lại có xuất nhập, nếu có xuất nhập tức không phải Đại Định.

Ngài Trí Hoàng nghe nói như vậy thì giật mình và hỏi Ngài Huyền Sách là:

- Thầy là đệ tử của ai?

Ngài Huyền Sách trả lời:

- Thầy tôi là Lục Tổ ở Tào Khê.

Sau đó, Ngài Huyền Sách hướng dẫn Ngài Trí Hoàng đến gặp Lục Tổ, Lục Tổ chỉ bày khơi thông cho, sau đó Ngài mới đại ngộ, tâm sở đắc trong 20 năm qua đều dứt sạch hết, bây giờ mới thật sự thấu suốt.

Quý vị thấy nhập định tu 20 năm, mà cũng còn chỗ vướng kẹt, Ngài Huyền Sách hướng dẫn đến Lục Tổ, được Lục Tổ khai thị và ấn chứng cho, thì mới thật sự thấu suốt được chỗ này, đâu phải đơn giản. Cho nên vừa mới nghe, mình vội chứng lấy tức là không thấy sâu được ý Phật. Xá Lợi Phất do trước kia vừa nghe vội chứng lấy, mà không biết đó là phương tiện của Phật. Nên Phật nói lý Tứ Đế để dứt khổ, đó là phương tiện giúp cho mình đang khổ được dứt khổ, nhưng dứt khổ còn lại cái gì? Cũng như sạch hết phiền não, sạch hết sanh tử còn lại cái gì? Phật cũng chưa nói cái đó, mới nghe đến đó đã vội chứng lấy tức chưa thấy được ý sâu, cho nên gọi là Thanh Văn. Thanh Văn là từ nghe mà được. Còn đây dẫn vào Nhất Thừa ngay nơi tâm mà chứng, chứng mà không có chỗ chứng, nên nó sâu xa. Ngài Xá Lợi Phất nói: "Nghe điều chưa từng nghe". Để thấy điều này nó ngoài ngôn ngữ, đến đây mới biết

mình thật là Phật tử, từ miệng Phật sanh ra, tức là không còn nghi gì nữa, từ pháp mà hóa sanh, tức là sống trong pháp, không còn hư dối, rồi được pháp phần của Phật là tin nhận có phần thành Phật, có phần Tri Kiến Phật không còn thấy thiếu mất.

**Con nghe tiếng pháp này
Được điều chưa từng có
Lòng rất đổi vui mừng
Lưới nghi đều đã trừ**

Đến đây là tin chắc đại thừa đó rồi.

**Xưa nay nhờ Phật dạy
Chẳng mất nơi đại thừa
Tiếng Phật rất ít có
Hay trừ khổ chúng sanh
Con đã được lậu tận
Nghe cũng trừ lo khổ.**

Ngài nói là nghe tiếng Phật ít có đó, trừ khổ chúng sanh, sạch hết các lậu, chẳng còn sót lại trong sanh tử nữa, nghe đó Ngài cũng đã trừ các khổ rồi.

**Con ở nơi hang núi
Hoặc dưới cụm cây rừng
Hoặc ngồi hoặc kinh hành
Thường suy nghĩ việc này**

Ngài thuật lại Ngài luôn luôn nghĩ đến việc này.

Than ôi! Rất tự trách

Sao lại tự khinh mình
Chúng ta cũng Phật tử
Đồng vào pháp vô lậu
Chẳng được ở vị lai
Nói pháp vô thượng đạo
Sắc vàng, bả hai tướng
Mười lực các giải thoát

Nghĩa là mình cũng được trong pháp vô lậu đó, mình cũng là Phật tử, tại sao không được có cái việc của Phật như vậy.

Đồng chung trong một pháp
Mà chẳng được việc đây
Tám mươi tướng tốt đẹp
Mười tám pháp bất cộng
Các công đức như thế
Mà ta đều đã mất

Ngài thuật lại tâm trạng lúc trước tự trách mình, cũng là nghi, nghi mình cũng có việc đó mà chưa dám tin, thấy người ta ngộ được thọ ký, xét lại mình cũng là người có tâm, cũng có tu giải thoát như vậy, mà sao không thể ngộ, không thể chứng được việc đó, chính đó là tâm niệm đưa mình đi tới.

Lúc con kinh hành riêng
Thấy Phật ở trong chúng
Danh đồn khắp mười phương
Rộng lợi ích chúng sanh
Tự nghĩ mất lợi này
Chính con tự khi đối.

Thấy Phật ở trong chúng tiếng tăm vang khắp làm lợi ích chúng sanh, nghĩ mình sao mất lợi đó.

**Con thường trong ngày đêm
Hằng suy nghĩ việc đó
Là mất hay chẳng mất?**

GIẢNG:

Hỏi: Là mất hay không mất? Ngay câu này quý vị thấy sao? Nếu ngay câu này mà khéo soi lại thì xong việc. Chính khi mình nghĩ mất hay không mất đó, thì soi lại tâm đó xem? có mất đi đâu không? Nếu soi lại thấy tâm đó là đầy đủ đâu có mất, ngay tâm đó mình soi lại thì giống Ngài Lâm Tế bị Hoàng Bá đánh "Có lỗi hay không lỗi". Bởi vì nghi có lỗi hay không lỗi mà quên mất chính mình. Khi nghi mất hay không mất thì ngay đó có mất không? Thấy lại tâm nghi đó thì xong.

**Con thường thấy Thế Tôn
Khen ngợi các Bồ Tát
Vì thế nên ngày đêm
Suy lường việc như vậy.**

Ngài cũng có hạt giống đó trước rồi, cho nên thấy Thế Tôn khen ngợi các Bồ Tát, thì ngày đêm cũng suy lường như vậy, tức việc hôm nay Ngài có được đây không phải là chuyện ngẫu nhiên, mà là đã từng ôm ấp việc này lâu rồi, nhưng chưa đủ duyên chín mùi.

**Nay nghe tiếng Phật nói
Theo cơ nghi dạy pháp**

**Vô lậu khó nghĩ bàn
 Khiến chúng đến đạo tràng
 Con xưa chấp tà kiến
 Làm thầy các Phạm Chí.**

Ngài thuật lại, trước kia Ngài chưa gặp Phật, Ngài thờ ngoại đạo Phạm Chí là ông San xà Dạ, rồi làm thầy của mấy trăm vị Phạm Chí, chấp theo tà kiến.

**Thế Tôn rõ tâm con
 Trừ tà nói Niết Bàn
 Con trừ hết tà kiến
 Đặng chứng nơi pháp không.**

Ngài sạch hết tà kiến trụ nơi pháp không, nhưng chưa rõ được bất không, thấy không mà chưa thấy cái bất không.

**Bấy giờ lòng tự bảo
 Đặng đến nơi diệt độ
 Mà nay mới tự biết
 Chẳng phải thiệt diệt độ
 Nếu lúc đặng thành Phật
 Đủ ba mươi hai tướng
 Trời, người, chúng Dạ xoa
 Rồng, thần đều cung kính
 Bấy giờ mới được nói
 Dứt hẳn hết không thừa.**

Trước nói diệt độ mà nay chưa phải thật, đây là diệt độ nhưng trên còn có Phật, Bồ Tát, Duyên Giác.

Vậy là còn có sai biệt chưa thật hết. Đến khi thành Phật dứt hẳn không còn gì trên nữa.

**Phật ở trong đại chúng
Nói con sẽ thành Phật
Nghe tiếng pháp như vậy
Lòng nghi hối đã trừ.**

Đến đây nghe Phật nói mình cũng thành Phật, Ngài hết nghi, tức là bây giờ nói ông có sẵn nơi đó rồi.

**Khi mới nghe Phật nói
Trong lòng rất sợ nghi
Phải chăng ma giả Phật
Nào loạn lòng ta ư?**

Mới nghe Phật nói cho rằng chắc ma giả rồi, tại sao? - Tại trước nói khác, bây giờ như nói khác, trước nói tu dứt khổ đến Niết Bàn đó là giải thoát, dứt sanh tử rồi. Đến đây Phật nói chưa phải thiết diệt độ, vậy trước nói khác, sau nói khác? Nên tưởng như ma giả Phật gạt mình.

**Phật dùng các món duyên
Thí dụ khéo nói phô
Lòng kia an như biển.**

Đây Ngài thuật lại, lúc mới nghe chưa dám tin, bởi vì ngoài sức tưởng tượng quá. Nhờ Phật khéo thí dụ nói bày, khiến lòng an ổn.

Con nghe lười nghi dứt

**Phật nói thưở quá khứ
Vô lượng Phật diệt độ
An trụ trong phương tiện
Cũng đều nói pháp đó
Phật hiện tại, vị lai
Số nhiều cũng vô lượng
Cũng dùng các phương tiện
Diễn nói pháp như thế.**

Tức là trước Phật nói vô số Phật quá khứ, Phật hiện tại, Phật vị lai ra đời, dùng bao nhiêu phương tiện nói pháp tam thừa, nhưng rốt cục lại cũng quy về nhất thừa thành Phật thôi, Ngài nghe như vậy Ngài biết, rồi tin nhận.

**Như Thế Tôn ngày nay
Từ sanh đến xuất gia
Đặng đạo chuyển pháp luân
Cũng dùng phương tiện nói
Thế Tôn nói đạo thật
Ba tuần không nói được
Vì thế con định biết
Không phải ma giả Phật**

Đến đây Ngài mới tin rõ ràng không phải ma giả Phật, đó là Ngài vượt qua phương tiện. Trước kia mới nghe, thấy Thế Tôn sao bây giờ nói khác trước, tưởng đâu ma giả Phật gạt mình. Chính chỗ này mới thấy, niềm tin sâu rồi, thì không mắc kẹt trên ngôn ngữ sai biệt, mà mình chấp trên ngôn ngữ sai biệt có khi dễ nghi lầm, đây tin nhận như vậy mới thật tin.

Bây giờ quý vị, nghe Hòa thượng dạy như vậy cũng hay, giả sử nghe người khác hay hơn thì có đổi thay không? Hoặc nếu nghe Hòa thượng nói ngược lại, thì có rung động không? Như Ngài Đại Mai khi Ngài nhận hiểu rõ ràng rồi, dù cho ông thầy nói khác đi cũng không có nghi ngờ. Ngài hỏi Mã Tổ:

- Thế nào là Phật?

Mã Tổ đáp:

- Tức tâm tức Phật.

Ngài tỏ sáng tin nhận được, bèn về núi ở tu một thời gian dài, Mã Tổ thấy vắng lâu quá, mới sai ông Tăng đi dò xem, và dặn ông Tăng là Ngài Đại Mai có nói gì thì về thuật lại cho Mã Tổ nghe, đến nơi ông Tăng hỏi Ngài:

- Hòa thượng được gì về đây, ở trong núi vậy?

Ngài Đại Mai đáp:

- Ta đến Mã Tổ hỏi: "Thế nào là Phật", Mã Tổ đáp: "Tức tâm tức Phật". Từ đó ta tin nhận được, về ở núi tới nay.

Ông Tăng nói:

- Bây giờ Mã Tổ không nói vậy nữa, mà nói là: "Phi tâm phi Phật". Tức không phải tâm, không phải Phật.

Gặp người khác nghe như vậy, thì chơi với rồi sanh nghi: ủa, sao trước ông nói với mình vậy, mà bây giờ lại nói khác, tức là còn kẹt trên ngôn ngữ.

Còn Ngài Đại Mai nghe vậy liền nói:

- Ông già đó làm loạn thiên hạ không có ngày nào thôi, mặc ông phi tâm phi Phật, ta chỉ biết tức tâm tức Phật thôi.

Sau đó ông tăng về trình lại với Mã Tổ, nghe xong Mã Tổ khen:

- Trái mai đã chín.

Vậy đó mới thật chín mùi, còn mình nghe khác liền nghi, là không phải thứ thật. Ở đây khi mới nghe, Ngài Xá Lợi Phất thấy cũng hơi nghi, chắc ma chứ không phải Phật. Khi nghe Phật dùng phương tiện rõ ràng, thì mới biết những điều Phật nói trước kia đó là phương tiện, phương tiện thì không phải thật, cho nên Ngài tin chắc không nghi, tức vượt qua ngôn ngữ phương tiện, không bị ngôn ngữ nó che. Tin như vậy, thì không còn ai lay động được nữa.

**Con sa vào lưới nghi
Cho là ma làm ra
Nghe tiếng Phật êm dịu
Sâu xa rất nhiệm mầu
Nói suốt pháp thanh tịnh
Tâm con rất vui mừng
Nghi hối đã hết hẳn
An trụ trong thiệt trí
Con quyết sẽ thành Phật
Được trời, người cung kính
Chuyển pháp luân vô thượng
Giáo hóa các Bồ Tát.**

Ở đây Ngài tin tưởng mình có cái thật trí đó, và có phần thành Phật. Đây cũng là điểm ngầm nói lên, điều này là điều khó tin khó hiểu, không thể dùng tâm suy nghĩ hay là hiểu biết thông thường mà biết được. Bởi vậy Ngài Xá Lợi Phất trước kia, cũng đã từng theo Phật nghe pháp rồi, vậy mà mới nghe qua còn chưa dám tin, thì thấy điều này ngoài sức suy nghĩ, ngoài sức tưởng tượng.

CHÁNH VĂN:

Lúc bấy giờ, đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Ta nay ở trong hàng Trời, người, sa môn, bà la môn mà nói. Ta xưa từng ở nơi hai mươi muôn ức Phật vì đạo vô thượng nên thường giáo hóa ông, ông cũng lâu dài theo ta thọ học ta dùng phương tiện dẫn dắt ông sanh vào trong pháp ta".

Xá Lợi Phất! Ta thuở xưa dạy ông chí nguyện Phật đạo, ông nay đều quên mà bèn tự nói đã được diệt độ. Ta nay lại muốn khiến ông nghĩ nhớ bốn nguyện cùng đạo đã làm, mà vì các Thanh Văn nói kinh đại thừa tên là: "Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm".

GIẢNG:

Ngài Xá Lợi Phất tin nhận rõ ràng rồi, Phật chờ tới đó thôi, Phật mới thọ ký, như vậy việc thọ ký, cũng không phải thọ ký gì khác. Khi tin nhận rồi thọ ký cái đã sẵn, còn khi chưa tin nhận, có nói ra mình cũng đâu cảm nhận. Trước khi thọ ký Phật tuyên bố rõ ràng giữa chúng mà nhắc lại: "Xưa kia Ngài đã dạy Xá Lợi Phất chí cầu Phật đạo rồi mà bỏ quên, ở đây nhắc lại thôi. Việc này không phải việc mới có. Ngài Xá Lợi Phất có chánh nhân đã sẵn rồi, hôm nay đầy đủ duyên thuận thực Phật nhắc lại là duyên nhân vậy thôi, chánh nhân như hạt giống sẵn có, còn duyên nhân là mình vun bón thêm phân cho nảy nở.

Nhìn Ngài Xá Lợi Phất rồi nhìn lại mình, có khi mình cũng từng nghe Phật dạy quá nhiều rồi tại mình

bỏ quên thôi. Có thể nói là hằng ngày Phật dạy mình rất nhiều, đâu là chỗ Phật dạy? Ngay chỗ thấy nghe hằng ngày đây, hằng ngày thấy nghe là tri kiến Phật nằm sẵn đó.

Nghe thì cái gì nghe? Thấy thì cái gì thấy? Thấy nghe tất cả là ông Phật Như Lai cũng đang ngồi chỗ thấy nghe đó, ông ngồi đó nhắc mình luôn luôn mà mình không nhớ! Nếu nhớ lại thì thấy ra là Phật nhắc nhở mình hằng ngày mà mình quên.

Cho nên Phật nói: ta đã từng dạy ông bao nhiêu lâu rồi, bây giờ cũng nhắc lại chuyện đó thôi chứ không phải chuyện mới có. Khi Phật nhắc như vậy rồi Ngài mới thọ ký, để cho thấy việc thọ ký ở đây, không phải nhân Ngài thọ ký mới có việc này, mà việc này là việc sẵn rồi.

CHÁNH VĂN:

Xá Lợi Phất! Ông đến đời vị lai quá vô lượng vô biên bất khả tư nghì kiếp, cúng dường bao nhiêu nghìn muôn ức Phật, phụng trì chánh pháp đầy đủ đạo tu hành của Bồ Tát, sẽ thành Phật hiệu là Hoa Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh hạnh Túc, Thiệu Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn.

GIẢNG:

Phật thọ ký cho Xá Lợi Phất thành Phật, không phải ngay đây thành Phật liền, mà qua đời vị lai vô lượng vô biên bất khả tư nghì kiếp, cúng dường

bao nhiêu nghìn muôn ức Phật, phụng trì chánh pháp đầy đủ đạo hạnh Bồ Tát rồi thành Phật, hiệu Hoa Quang Như Lai. Nếu mình được thọ ký tới đó thì không vui rồi phải không? Thọ ký qua vô lượng vô biên bất khả tư nghì kiếp, chứ không phải là từ một trăm kiếp, như vậy để nói lên cái gì? - Để chỉ rõ việc thọ ký thành Phật là thành cái sẵn có đây, chứ không phải thành cái mới có. Cái tri kiến Phật đây nó vượt ngoài thời gian, với nó thời gian không thành vấn đề. Còn mình nghe nói thọ ký thời gian dài như vậy, sanh buồn hoặc là mong thọ ký sớm thành Phật là sao? - Thứ nhất là kẹt thời gian lâu mau, thứ hai là mong cái có được cho sớm là sai rồi, có được tức có mất. Cái này có sẵn rồi còn gì được mất, trải qua bao nhiêu ngàn kiếp thì Nó vẫn là Nó. Đó là thấy vượt ngoài thời gian, mới thật sự là cảm nhận được cái này, còn nhìn trên lâu - mau, nhanh - chậm, đó là mắc kẹt.

Ngài thành Phật là Hoa Quang Như Lai, đó cũng là tương ứng với túc nhân của Ngài, Xá Lợi Phật là vị Trí tuệ bậc nhất trong hàng đệ tử của Phật, nên ở đây thành Phật Hoa Quang. Hoa là chỉ cho cái nhân, nhân nở thành quả. Quang là ánh sáng trí tuệ, cái nhân đó thành tựu cái quả đó, gồm mười hiệu là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn. Như vậy mỗi vị khi thành Phật rồi thì cũng đầy đủ mười hiệu trên, là vốn không hai. Nhưng ở đây thành Phật đó phải trải qua tu đầy đủ đạo hạnh của Bồ Tát rồi mới thành Phật, tức là đầy đủ bao nhiêu công đức, đầy đủ sai biệt trí, tập khí sạch hết, nhân và quả được viên mãn, chớ không phải thành Phật là Phật sẵn rồi

không cần gì tu. Trong nhà Phật có câu: "Không có Thích Ca tự nhiên hay Di Lặc trời sanh".

Tức là không có để tự nhiên mà thành, không phải nói sẵn rồi cứ để như vậy là xong, không phải công phu gì hết.

CHÁNH VĂN:

Nước tên Ly Cấu, cõi đó bằng phẳng, thanh tịnh đẹp đẽ an ổn giàu vui, Trời, người đông đảo, lưu ly làm đất, có tám đường giao thông, dây bằng vàng ròng để giăng bên đường, mé đường đều có hàng cây bằng bảy báu, thường có bông trái. Đức Hoa Quang Như Lai cũng dùng ba thừa giáo hóa chúng sanh.

GIẢNG:

Cõi nước này rất đẹp đẽ, không giống như cõi Ta bà ở đây, đủ gò, nong, cao, thấp, đủ thứ xấu. Để chỉ cho Ngài Xá Lợi Phất thành Phật rồi thì tâm Ngài thanh tịnh nên cõi nước Ngài cũng thanh tịnh.

CHÁNH VĂN:

Xá Lợi Phất! Lúc đức Phật ra đời dầu không phải đời ác mà bởi bốn nguyện nên nói pháp ba thừa Kiếp đó tên là "Đại Bửu Trang Nghiêm". Vì sao gọi là "Đại Bửu Trang Nghiêm"? Vì trong cõi đó dùng Bồ Tát làm "Đại Bửu" vậy. Các Bồ Tát đó số đông vô lượng vô biên bất khả tư nghị, tính kể hay thí dụ đều không kịp đến được, chẳng phải

sức trí tuệ của Phật không ai có thể biết được. Khi muốn đi thì có bông đỡ chân.

GIẢNG:

Cho thấy rõ trong thời kỳ này không phải thời ác trước, đó là kiếp của nhiều người phước đức đầy đủ, thuộc về kiếp tăng, chứ không phải là kiếp giảm, kiếp ác trước như mình ở đây.

CHÁNH VĂN:

Các vị Bồ Tát đó không phải hàng mới phát tâm, mà đều đã trồng cội đức từ lâu. Ở nơi vô lượng trăm nghìn muôn ức đức Phật, tịnh tu phạm hạnh hằng được các Phật ngợi khen. Thường tu trí huệ của Phật, đủ sức thần thông lớn khéo biết tất cả các pháp môn, ngay thật không dối, chí niệm bền vững, bậc Bồ Tát như thế, khắp đầy nước đó.

GIẢNG: Trong nước đó Bồ tát rất là nhiều, như toàn là Bồ tát.

CHÁNH VĂN:

Xá lợi Phất! Đức Phật Hoa Quang, thọ mười hai tiểu kiếp, trừ lúc còn làm Vương tử chưa thành Phật. Nhơn dân nước đó thọ tám tiểu kiếp. Đức Hoa Quang Như Lai quá mười hai tiểu kiếp thọ ký đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho Kiên Mãn Bồ Tát mà bảo các Tỷ kheo: Ông Kiên Mãn Bồ

Tát này kế đây sẽ thành Phật hiệu là Hoa Túc An Hành Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, cõi nước của đức Phật đó cũng lại như thế.

Xá Lợi Phất! Sau khi Phật Hoa Quang đó diệt độ, chánh pháp trụ lại trong đời ba mươi hai tiểu kiếp, tượng pháp trụ đời cũng ba mươi hai tiểu kiếp.

GIẢNG:

Ở đây Xá Lợi Phất khi thành Phật đó, cõi nước tốt đẹp, kiếp số tốt đẹp, chúng trong đó cũng tốt đẹp luôn. Nước tên là Ly Cấu, tức lìa nhơ nhớp, đâu đâu cũng là trang nghiêm tốt đẹp. Vì nó tương ứng với các trí tuệ, nghĩa là nơi nơi hiển bày trí tuệ đó thôi, chỗ nào cũng tốt đẹp thanh tịnh, tức chỗ nào cũng hiển bày trí tuệ hết, nếu mình hiểu theo thông thường thì sẽ không thấy được ý này. Nên có câu: "Rõ rỡ hoa vàng đều là Bát Nhã." Nhìn thấy hoa nở đó cũng là hiển bày Bát Nhã, chỗ nào cũng là chỗ trang nghiêm, chỗ ly cấu.

Sở dĩ mình thấy có chỗ nhơ, chỗ sạch, rồi có chỗ cao, chỗ thấp, chỗ thì núi cao thật là cao, sông sâu thật là sâu, bởi vì sao? - Vì tâm mình sai biệt quá nhiều, có khi thì hiểm độc như là hố sâu, có lúc cao mạn giống như núi cao. Tâm đó là tâm bất bình thường, nên nhìn đâu cũng thấy bất bình thường. Còn ở đây sống trong trí tuệ, thấy rõ đâu đâu cũng là Bát Nhã, cho nên đâu đâu cũng là trang nghiêm, cũng là thanh tịnh.

Khi Phật Hoa Quang sắp tịch, thọ ký cho Bồ Tát Kiên Mãn tên là Hoa Túc An Thành Như Lai, cái tên này cũng nói lên một ý nữa. Kiên Mãn là gì? Kiên là bền vững, Mãn là trọn vẹn. Hoa Túc An Hành, Hoa là

hoa, còn Túc là chân, An Hành là bước đi an ổn. Nếu mình với tâm bền vững trọn vẹn tiếp nối Tri Kiến Phật vậy đó, thì chỗ đi của mình được an ổn, mỗi bước đi là mỗi bước chân nở hoa, cho nên thọ ký cho Bồ Tát Kiên Mãn, là ý muốn nhắc mình tu hành chứ không có gì khác, cũng chỉ cho chỗ chân thật đó không dứt mất dứt đoạn mà có sự liên tục không mất.

Như vậy quý vị thấy, Phật ở trước là Phật Nhựt Nguyệt Đăng Minh, từ Tri Kiến Phật Đăng Minh truyền xuống thì sao? Phật truyền nhau, truyền nhau sáng mãi không dứt. Như vậy mỗi người đều có đầy đủ Tri Kiến Phật, nhận rõ Tri Kiến Phật đó thì thấy rõ là cái sẵn tự bao giờ, không lúc nào thiếu vắng. Người cảm nhận sâu rồi mới thấy, dù cho ở trong thời không có Phật đi nữa, cái đó cũng không mất, tại sao mình không nhận ra sống với cái đó, mà cứ mãi sống với "cái còn cái mất" này. Thực sự là lúc Phật chưa ra đời, chánh pháp này diệt mất, vắng bóng ở thế gian, mà cái đó có mất không? - Cũng không mất.

Sở dĩ Phật chưa ra đời, chánh pháp vắng bóng, đó là bởi chúng sanh nghiệp tập nặng, cho nên không ai nhắc nhở, không ai biết hết, thì tạm gọi là mất. Khi Phật ra đời thì sao? - Phật nhắc lại, có người nhận ra thì thấy rõ cái đó không bao giờ mất.

Đây nói rõ, khi Phật sắp tịch thì thọ ký cho Bồ Tát Kiên Mãn tiếp nối thành Phật, tức cái đó không mất, mình còn chỗ nương tựa chứ không phải là không, cũng muốn nói lên Tịch hay Diệt chỉ là thân này diệt thôi, chứ còn cái chánh pháp nhĩn tạng đó, tức cái Tri kiến Phật đó, nó đâu có mất. Nếu mình nhìn trên thân tướng bảo là Phật có sanh có diệt, đó là không thấy được Như Lai rồi. Bởi vậy người học theo kiểu học giả

nói rằng: Phật tu hành khổ nhọc chứng Niết Bàn bất sanh bất diệt, nói cho nhiều, cuối cùng tám mươi tuổi rồi cũng chết, mấy vị A La Hán cũng chết hết, vậy chứng Niết Bàn ở chỗ nào? Thành Phật ở chỗ nào? Nhìn theo kiểu đó là nhìn theo kiểu gì? Kiểu học chữ nghĩa thôi, không thấy được chỗ sâu xa, vậy thành Phật là thành cái thân này sao? Hết thân này không còn là Phật, nhìn cách đó là cái nhìn thô thiển. Thật sự thành Phật là thành trí tuệ chân thật này, thân này diệt chứ cái kia đâu có diệt, thấy như vậy mới thấy chỗ thành Phật, mới thấy ý sâu xa của Phật pháp.

Phật thọ ký xong rồi, lúc ấy Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ:

**Xá Lợi Phất đời sau
Thành Đấng Phật trí khắp
Hiệu rằng: Phật Hoa Quang
Sẽ độ vô lượng chúng
Cúng dường vô số Phật
Đầy đủ hạnh Bồ Tát
Các công đức thập lực
Chứng dặng đạo vô thượng
Quá vô lượng kiếp rồi
Kiếp tên Đại Bửu Nghiêm
Cõi nước tên Ly Cấu
Trong sạch không vết nhơ
Dùng lưu ly làm đất
Dây vàng giảng đường xá**

GIẢNG:

Đây nói lên việc thọ ký cho Ngài Xá Lợi Phất

tên là Phật Hoa Quang, cõi nước tên Ly Cấu, Kiếp tên Đại Bửu Nghiêm, cõi nước rất là tốt đẹp không có các thứ dơ xấu.

**Cây bảy báu sắc đẹp
Thường có hoa cùng trái
Bồ Tát trong cõi đó
Chí niệm thường bền vững
Thần thông ba la mật
Đều đã trọn đầy đủ
Nơi vô số đức Phật
Khéo học đạo Bồ Tát
Những Đại Sĩ như thế
Phật Hoa Quang hóa độ.**

Nói về chúng của Phật Hoa Quang đều là những bậc Bồ tát, thần thông ba la mật đều đầy đủ

**Lúc Phật làm Vương tử
Rời nước bỏ vinh hoa
Nơi thân cuối rốt sau
Xuất gia thành Phật đạo**

**Phật Hoa Quang trụ thế
Thọ mười hai tiểu kiếp
Chúng như dân nước đó
Sống lâu tám tiểu kiếp**

Như vậy trong thời đó tuổi thọ con người sống rất lâu.

**Sau khi Phật diệt độ
Chánh pháp trụ ở đời**

Ba mươi hai tiểu kiếp
Rộng độ các chúng sanh
Chánh pháp diệt hết rồi
Tượng pháp cũng băm hai
Xá Lợi rộng truyền khắp
Trời, Người, khắp cúng dường
Phật Hoa Quang chỗ làm
Việc đó đều như thế.

Đây là nói lên việc của Phật Hoa Quang sau khi nhập diệt.

Đấng lương Túc Tôn kia
Rất hơn không ai bằng
Phật tức là thân ông
Nên phải tự vui mừng.

Phật kết luận lại, Phật đó chính là ông chứ không ai khác hết, đừng nghe nói Phật đó lại tưởng Phật của ai, điều này khiến cho Ngài Xá Lợi Phát tin nhận rõ chính mình là Phật.

CHÁNH VĂN:

Bấy giờ bốn bộ chúng: Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Cận sự nam, Cận sự nữ và cả đại chúng: Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la đà... thấy Xá Lợi Phát ở trước Phật lãnh lấy lời dự ghi sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, lòng rất vui mừng hơn hở vô lượng. Mỗi người đều cõi y trên của mình đang đắp đẽ cúng dường Phật.

GIẢNG:

Đây là nói về trong khi Ngài Xá Lợi Phất ở trước Phật, được lãnh lời thọ ký thành Phật, ai nấy cũng vui mừng hơn hở đều cõi y trên của mình đang đắp để cúng dường Phật. Vì sao mà các vị đó lại vui mừng như vậy? - Một là thấy Ngài Xá Lợi Phất được thọ ký là biết sau khi Phật diệt độ sẽ có người nối tiếp Phật, hai là Ngài Xá Lợi Phất được thọ ký rồi thì hy vọng mình cũng có phần. Còn nếu nói theo tâm trạng phàm phu thấy vậy thì có khi không được vui mừng.

Thí dụ: Như bây giờ ở trong một pháp hội có nhiều vị đệ tử lớn, nhưng thấy vị thầy truyền cho người kia còn mình không được truyền, thì mình lúc đó thế nào? Có sanh tâm đố kỵ không? Bởi vậy trong Pháp Bảo Đàn thấy Lục Tổ được truyền y thì sao? - Thì bị người đuổi theo, giành y bát. Đó là nói về những người còn tâm phàm phu, thấy người khác được còn mình không được thì có tâm đố kỵ ganh ghét. Nhưng ở pháp hội này, các vị ở đây là những bậc hiền thánh đã thấy được ý sâu trong đó nên khi thấy Ngài Xá Lợi Phất được thọ ký thì ai cũng vui mừng hơn hở, mỗi người đều tự cõi y trên của mình dâng cúng Phật. Cõi y trên đó là chỉ cho cõi bết lòng chấp, bết chấp vào những phương tiện, tâm bắt đầu chuyển hướng, bởi vì y phục, áo mặc chỉ là lớp bên ngoài.

CHÁNH VĂN:

Thích Đề Hoàn Nhơn cùng Phạm Thiên

Vương... và vô số Thiên tử cũng đem y đẹp của Trời, hoa trời Mạn đà la, Ma ha mạn đà la... cúng dường nơi Phật. Y trời tung lên liên trụ giữa hư không mà tự xoay chuyển. Các kỹ nhạc trời trăm nghìn muôn thứ ở giữa hư không đồng thời đều trối. Rưới các thứ hoa trời mà nói lời rằng: "Đức Phật xưa ở thành Ba la Nại, ban đầu chuyển pháp luân, đến nay mới lại chuyển pháp luân rất lớn Vô thượng".

GIẢNG:

Thích Đề Hoàn Nhơn chỉ cho trời Đế Thích. Đây các vị trời đem y phục cõi trời dâng lên cúng dường, rồi mưa những hoa trời, trối kỹ nhạc để cùng cúng dường, đồng thời tán thán: "Trước kia Phật chuyển pháp luân lần đầu là nói pháp Tứ Đế, đó là một lần chuyển pháp luân, bây giờ lại thêm một lần chuyển pháp luân nói về pháp lớn vô thượng này". Đây là muốn nói lên, lần chuyển pháp luân đặc biệt hy hữu này, là một bước ngoặt của sự biến chuyển mới, và cũng là sự cảm nhận sâu ngoài sức tưởng tượng của các Ngài, nên các Ngài phấn khởi vô cùng. Lúc đó các vị Thiên tử muốn tuyên lại nghĩa này mà nói kệ rằng:

CHÁNH VĂN:

Xưa ở thành Ba Nại
 Chuyển pháp luân bốn đế
 Phân biệt nói các pháp
 Sanh diệt của năm nhóm.

GIẢNG:

Túc ở thành Ba La Nại, Phật chuyển pháp luân lần đầu ở vườn Lộc Dã nói về Tứ Đế, thì phân biệt năm uẩn sanh diệt vô ngã, trừ vọng chấp mê lầm chấp ngã cho mọi người, nếu trừ diệt được lòng chấp ngã này thì giải thoát khỏi sanh tử. Bởi gốc sanh tử từ đâu mà ra? - Là chính vì chấp ngã này, mọi đau khổ cũng từ cái ngã này mà ra, cho nên chấp ngã là gốc của sanh tử, cũng là gốc của mọi đau khổ. Nhưng xét cho kỹ thì cái gì là cái ngã này? - Đó chỉ là vọng chấp thôi.

Đây quán rõ như sau:

Năm uẩn đó gồm có sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

- **Sắc:** là chỉ cho sắc ấm này, nó là bốn đại hoà hợp, nếu rời bốn đại thì cái gì là ngã trong đó, cái gì gọi là ta? Sở dĩ có sắc này là từ đâu mà có: - Là do Sắc đối với Tâm. Sắc - Tâm hoà hợp, là danh sắc. Có sắc là có tâm, ngược lại có tâm nên có sắc này. Nếu quý vị vị đang ngồi đây, có ai đó mà không có tâm thì sao? Thì ra nghĩa địa phải không? Như vậy Sắc - Tâm đối nhau mà tạm có thôi, rời ra thì không có, vậy thì cái ngã ở chỗ nào?

- **Thọ:** gồm những cảm thọ như khổ - vui, buồn, giận, sung sướng... Những cảm thọ đó nó có ngã không? Thọ thì luôn luôn phải thọ cái gì đó, có cái gì để thọ, hoặc thọ khổ, hoặc thọ vui, nếu rời đối tượng để thọ thì cái thọ đó ở chỗ nào? Như vậy là thọ cũng không thật, cũng là đối đãi thôi, thì cái ngã nằm ở đâu?

- **Tưởng:** Cũng phải có gì để tưởng, tưởng cái này tưởng cái kia, luôn luôn có đối tượng để tưởng, còn

nếu không có đối tượng để tưởng thì tưởng cái gì? và tưởng là nó đi theo ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai. Bây giờ quý vị tưởng một cái gì mà không nằm trong ba thời xem? Làm sao tưởng! Như vậy tưởng cũng không thật thì cái ngã ở đâu?

- **Hành:** là những niệm niệm sanh diệt trong tâm mình đó, niệm cũng vậy, cũng phải niệm cái gì? Cũng có cái gì để niệm, còn nếu không có gì thì niệm cũng không có chỗ đứng.

- **Thức:** là phân biệt, suy nghĩ, mà suy nghĩ thì luôn luôn có đối tượng suy nghĩ, Phân biệt là phân biệt cái gì? Bây giờ thử phân biệt cái không có đối tượng xem! Không có đối tượng thì cũng không suy nghĩ phân biệt được, vậy thức cũng không thật.

Nếu khéo thấy chỗ này, rồi ứng dụng tu, thì tu dễ yên lắng. Thay vì phân biệt cái này, phân biệt cái kia, giờ hãy phân biệt lại chính nó xem! phân biệt ra sao? Cũng như suy nghĩ, thay vì suy nghĩ cái này suy nghĩ cái kia, bây giờ suy nghĩ lại chính nó thử xem! Ngay đó tâm được yên liền. Còn mình luôn luôn có chỗ suy nghĩ cho nên suy nghĩ hoài không dừng được.

CHÁNH VĂN:

Nay lại chuyển pháp luân
 Rất lớn diệu vô thượng
 Pháp đó rất sâu mầu
 Ít có người tin được
 Chúng ta từ xưa lại
 Thường nghe Thế Tôn nói
 Chưa từng nghe thượng pháp
 Thâm diệu như thế này.

GIẢNG:

Các vị Thiên tử thuật lại, trước Phật nói về Tứ Đế, về sự sanh diệt của năm nhóm đó nó vô ngã, đến đây Phật chuyển pháp luân lần nữa, nói về pháp vi diệu thì pháp này ít có người tin nổi. Trước thì nói năm ấm nó sanh diệt vô ngã, nhưng rồi không nói thêm nữa, như vậy năm ấm sanh diệt vô ngã, thì không có gì hết sao? Khi nói vô ngã đó, nếu thật sự hoàn toàn không có ngã gì hết, thì nói vô ngã chi nữa? Sở dĩ nó không phải là cái ngã thật mà mình chấp là thật, cho nên nói vô ngã để phá cho mình không lầm chấp cái ngã hư dối đó nữa, thì mới thấy được cái chân ngã. Nhưng trước kia chưa nói tới cái chân ngã này, mà chỉ nói năm ấm vô ngã thôi, các vị mới nghe nói năm ấm vô ngã thì ngay đó chứng Niết Bàn, và cho như vậy là đủ rồi, chưa thấy được trong đó còn có gì nữa. Như vậy năm ấm vô ngã không thật rồi thì còn lại là cái gì? Đến đây mới nói Tri Kiến Phật, là cái bất sanh bất diệt nó hằng hữu, sống với cái này thì vượt ngoài thời gian, không còn nói ngã hay vô ngã gì nữa.

Bởi vì Phật phải nói cái sanh diệt trước để cho mình nhận rõ cái sanh diệt đó, mình không lầm cái ngã sanh diệt, rồi chỉ ra cái thật thì mình mới không lẫn lộn. Ví dụ mình đang mê như vậy, mà chỉ ra cái thật liền, thì có khi mình nhận lầm, lầm qua cái giả. Như người chưa biết vàng thật, vàng giả gì hết, khi ra chợ thấy vàng giả cũng giống như vàng thật, người đó đâu nhận ra vàng thật để mua. Cho nên trước hết phải chỉ rõ thế nào là vàng giả, khi rõ cái giả rồi, nói cái thật mới không lầm. Ở đây cũng vậy, trước chỉ cho

thấy cái ngã sanh diệt, cái ngã giả để nhận rõ rồi, sau chỉ cái thật mình nhận được không lầm.

CHÁNH VĂN:

**Thế Tôn nói pháp đó
Chúng ta đều tùy hỉ
Đại trí Xá Lợi Phất
Nay được lãnh Phật ký
Chúng ta cũng như vậy
Quyết sẽ đặng thành Phật**

GIẢNG:

Các vị Thiên tử cũng tin tưởng mình sẽ thành Phật, tin quyết chắc chắn như vậy.

**Trong tất cả thế gian
Rất tôn không còn trên**

Nghĩa là trong tất cả thế gian không còn gì trên cái này nữa, ngoài cái này còn có gì khác thì cũng đều như mộng như huyễn thôi, tức không có cái chân thật thứ hai.

CHÁNH VĂN:

**Phật đạo chẳng thể bàn
Phương tiện tùy nghi nói
Ta bao nhiêu nghiệp phước
Đời nay hoặc quá khứ
Và công đức thấy Phật
Trọn hồi hướng Phật đạo**

GIẢNG:

Đó các vị Trời, các Ngài thấy như vậy tin chắc mình sẽ thành Phật, cho nên bao nhiêu phước đức có từ trước đến giờ đều hồi hướng đến Phật đạo, tức là các Ngài có đầy đủ niềm tin để bây giờ quay trở về cố hương của mình. Các vị Trời ở đây đã thấy chỗ này rồi, thì dù cho có sanh lên được cõi trời, có được phước báo tốt đẹp gì đi nữa cũng nằm trong sanh tử, hết phước cũng rớt trở lại. Do đó sau này Phật mới dụ nhà lửa tam giới.

CHÁNH VĂN:

Bấy giờ, Xá Lợi Phất bạch rằng: "Thế Tôn! Con nay không còn nghi hối, tự mình ở trước Phật đặng thọ ký thành vô thượng chánh đẳng chánh giác. Các vị tâm tự tại một nghìn hai trăm đây, lúc xưa ở bậc hữu học, Phật thường dạy rằng: "Pháp của ta hay lìa sanh, già, bệnh, chết, rớt ráo Niết Bàn. Các vị hữu học, vô học đây cũng đều đã tự rời chấp ngã cùng chấp có, chấp không... nói là đặng Niết Bàn, mà nay ở trước đức Thế Tôn nghe chỗ chưa từng nghe, đều sa vào nghi lầm. Hay thay Thế Tôn! Xin Phật vì bốn chúng nói nhân duyên đó khiến lìa lòng nghi hối."

Khi ấy, Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất! Ta trước đâu không nói rằng: "Các Phật Thế Tôn dùng các món nhân duyên, lời lẽ thí dụ phương tiện mà nói pháp đều là đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác ư? Các điều nói đó đều vì dạy Bồ Tát vậy. Nhưng Xá Lợi Phất! Nay ta sẽ dùng

một thí dụ để chỉ rõ lại nghĩa đó, những người có trí do thí dụ mà dạng hiểu".

GIẢNG:

Ở đây Ngài Xá Lợi Phất, bạch Phật xin Phật nói rõ thêm, để cho hàng hữu học và vô học cũng được tin nhận, riêng Ngài đã tin nhận rồi và cũng được thọ ký. Phật bảo Xá Lợi Phất là:

- Ta trước đâu không nói rằng: "Các Phật Thế Tôn dùng các món nhân duyên lời lẽ thí dụ phương tiện mà nói pháp đều là đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác."

Ngài nhắc lại và nhấn mạnh điểm này. Vậy Ngài dùng bao nhiêu phương tiện lời nói từ trước đến giờ đều vì đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thôi. Trước kia, mới vào thì Phật phóng quang, lúc đó mọi người trong chúng nghi, Ngài Văn Thù giải nghi cho mọi người rõ về việc phóng quang. Sau đó Phật xuất định, khi xuất định rồi Phật nói ra nghĩa lý, pháp này là pháp rất sâu xa, hàng nhị thừa không thể hiểu được, trí tuệ như Ngài Xá Lợi Phất nhiều vô lượng cộng lại mà suy lường cũng không thể hiểu được, chúng lại nghi nữa. Phật phương tiện dẫn chúng ba đời chư Phật có nói pháp ra cũng đều rất ráo quy về nhất thừa thôi, chỉ có một việc này là thật, còn có hai là chẳng phải chân.

Như vậy, khiến cho mỗi người rõ biết được những điều nói trước đó, đều là phương tiện, mà phải tự mình sống dậy để vượt khỏi dấu vết của người, vì có nói ra tức là phương tiện. Ngài nhấn mạnh lại, bao nhiêu phương tiện đó đều không phải chỗ thật, nên nói: "Bao nhiêu những món nhân duyên, lời lẽ thí dụ

phương tiện nói pháp đều là đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thôi". Nếu theo kinh Lăng Già Phật sẽ nói sao? - Phật nói: "Bốn mươi mấy năm thuyết pháp, chưa từng nói một chữ". Nói xong là quét sạch. Theo kinh Kim Cang thì Phật nói: - "Ta nói tất cả pháp, tức chẳng phải tất cả pháp, đó gọi là tất cả pháp". Ngài nói rồi, liền quét sạch không cho mình chấp vào đó, vì cái đó cũng là phương tiện thôi. Như vậy cho thấy rõ, những điều Ngài nói trước kia đều chưa phải chỗ thật.

Ngài Xá Lợi Phất tin nhận trước nên được thọ ký, trong chúng thấy Ngài được thọ ký thì vui mừng, vì thấy rằng hạt giống Phật được tiếp nối không có đoạn dứt, kể đó là cái nghi chấp đã nhẹ, nên mới cởi áo cúng dường như ở trước.

Trong chúng còn có người sẽ nghĩ : "Ngài Xá Lợi Phất là vị trí tuệ bậc nhất, đứng đầu trong hàng Thanh Văn, nên Ngài được Phật thọ ký là phải rồi, nhưng còn mình không biết sao đây?" Ngài Xá Lợi Phất biết ý đó, nên giờ đây Ngài thỉnh Phật nói rõ lại để giải sạch hết những nghi ngờ còn đọng lại, mới khiến cho mọi người tự nhận được lời thọ ký của Phật. Như vậy không phải riêng một mình Ngài được thọ ký thôi, mà Ngài muốn ai cũng được thọ ký hết, điều này muốn nói lên cái gì? - Đó là Ngài Xá Lợi Phất thấy được ai ai cũng đều có phần đó hết, nên Ngài muốn Phật giải rõ để mọi người hết nghi, để được tiếp nhận lời thọ ký cũng như Ngài vậy. Tức là Ngài đã thấy thấu được chỗ đó rồi. Nhưng lẽ thật này là lẽ thật khó nói, khó diễn tả được, dù nói cách mấy cũng không thể đến được chỗ thật này, cho nên Phật chỉ còn cách mượn thí dụ. Ngài tạm mượn thí dụ để

khiến cho mọi người nhân thí dụ này mà hiểu được cái kia, gọi là nhân đây mà thấy được kia. Ngài nói: "Những người có trí do thí dụ mà đặng hiểu". Đó là phương tiện khéo léo của Ngài. Sau đó Phật nói thí dụ nhà lửa ba xe.

CHÁNH VĂN:

Xá Lợi Phất! Như trong quốc ấp, tụ lạc có vị Đại Trưởng giả tuổi đã già suy, của giàu vô lượng có nhiều nhà ruộng và các tôi tớ. Nhà ông rộng lớn mà chỉ có một cửa để ra vào, người ở trong đó rất đông: hoặc một trăm, hai trăm cho đến năm trăm người, lầu gác đã mục, vách phen sụp đổ, chân cột hư nát, trính xiêng xiêu ngã, bốn phía đồng một lúc, lửa bùng nổi lên đốt cháy nhà cửa.

Các người con của Trưởng giả hoặc mười người hoặc hai mươi người, hoặc đến ba mươi người, ở trong nhà đó.

GIẢNG:

Đoạn này nói về thí dụ như trong cõi nước, tụ lạc, thành ấp, xóm làng, có một vị đại trưởng giả, tuổi già, của giàu nhiều, có nhiều nhà ruộng, đồng tôi tớ, nhà ông rộng lớn nhưng chỉ có một cửa ra vào thôi, người trong đó gồm một trăm, hai trăm, cho đến năm trăm, mà nhà thì lầu gác đã mục, sập sụp đổ, rồi kể đó bốn phía lửa mỗi lúc bùng nổi lên cháy, trong đó có hai mươi, ba mươi người con (quý vị nắm vững những điều đó, sẽ giải thích sau).

CHÁNH VĂN:

Trưởng giả thấy lửa từ bốn phía nhà cháy lên, liền rất sợ sệt mà nghĩ rằng: Ta đâu có thể ở nơi cửa của nhà cháy này, ra ngoài rất an ổn, song các con ở trong nhà lửa ưa vui chơi giỡn không hay biết, không sợ sệt, lửa đến đốt thân rất đau khổ lắm, mà lòng chẳng nhàm lo, không có ý cầu ra khỏi.

Xá Lợi Phất! Ông Trưởng giả đó lại nghĩ: thân và tay của ta có sức mạnh, nên dùng vạt áo hoặc dùng ghế đẩu từ trong nhà mà ra ngoài. Ông lại nghĩ: nhà này chỉ có một cái cửa mà lại hẹp nhỏ, các con thơ bé chưa hiểu, mê đắm chơi giỡn hoặc vấp ngã bị lửa đốt cháy, ta nên vì chúng nó mà nói những việc đáng sợ.

Nhà này đã bị cháy phải liền mau ra, chớ để bị lửa đốt hại. Nghĩ như thế rồi theo chỗ đã nghĩ đó mà bảo các con: "Các con mau ra!". Cha dầu thương xót khéo nói để dụ dỗ, mà các người con ưa vui chơi chẳng kham tin chịu, chẳng sợ sệt, trọn không có lòng muốn ra, lại cũng chẳng hiểu gì là lửa? Gì là nhà? Thế nào là hại? Chỉ cứ đông tây chạy giỡn nhìn cha mà thôi.

GIẢNG:

Đây nhà cháy, ông trưởng giả ra dễ dàng không khó khăn gì hết, nhưng thương các con ở trong đó, ông tìm cách kêu ra, mà kêu không chịu ra, cứ nhìn cha mà chạy giỡn.

CHÁNH VĂN:

Bấy giờ, trưởng giả liền nghĩ, nhà này đã bị lửa lớn đốt cháy, ta cùng các con nếu không liền ra chắc sẽ bị cháy, Vậy ta nay nên bày chước phương tiện khiến cho các conặng khỏi nạn này. Cha biết các con đều vẫn có lòng thích các đồ chơi trân báu lạ lùng, nếu có chắc chúng nó ưa đấđm, mà bảo các con rằng: "Đây này là những món ít có khó đặđng mà các con có thể vui chơi, nếu các con không ra lấy sau chắc buồn ăn năn. Các thứ xe dê, xe hươu, xe trâu như thế, nay ở ngoài cửa có thể dùng dạo chơi, các con ở nơi nhà lửa nên mau ra đây, tùy ý các con muốn cha đều sẽ cho các con".

Đây là dụ, kêu ra không chịu ra, bèn đem đồ chơi kêu ra mới chịu ra, giống như mình không?

Lúc bấy giờ, các người con nghe cha nói đồ chơi báu đẹđp vừa ý mình, nên lòng mỗi người đều mạnh mẽ xô đấđy lẫn nhau, cùng đua nhau ruổi chạy, tranh ra khỏi nhà lửa. Khi đó trưởng giả thấy các con đặđng an ổn ra khỏi nhà lửa đều ở trong đường ngã tư ngồi nơi đất trống không còn bị chướđng ngại, tâm ông thơ thới vui mừng hơn hở.

Các người con nghe cha cho đồ chơi tốt đẹđp mỗi người đều tranh nhau liền chạy ra khỏi nhà lửa, đến ngồi chỗ đất trống, người cha mừng hơn hở rồi.

Bấy giờ, các người con đều thưa với cha rằng: "Cha lúc nầy hứa cho những đồ chơi tốt đẹđp, nào xe dê, xe hươu, xe trâu xin liền ban cho".

Bây giờ đòi đồ chơi, mấy điểm này quý vị nghe cho kỹ, rồi giải thích mới thấy.

CHÁNH VĂN:

Xá Lợi Phất! Khi đó Trưởng giả đều cho các con đồng một thứ xe lớn, xe đó cao rộng chững dọng bằng các món báu lan can bao quanh, bốn phía treo linh, lại dùng màn lọng giăng che ở trên, cũng dùng đồ báu đẹp tốt lạ mà trau giồi đó, dây bằng báu kết thắt các dải hoa rủ xuống, nệm chiếu mềm mại trải chồng, gối đỏ để trên, dùng trâu trắng kéo, sắc da mập sạch, thân mình mập đẹp có sức rất mạnh, bước đi ngay bằng mau lẹ như gió, lại có đông tôi tớ để hầu hạ đó.

Nói về sự trang hoàng của chiếc xe báu.

Vì cố sao? Vì ông Trưởng giả đó của giàu vô lượng, các thứ kho tàng thấy đều đầy ngập, ông nghĩ rằng: "Của cải của ta nhiều vô cực, không nên dùng xe nhỏ xấu kém mà cho các con, nay những trẻ thơ này đều là con của ta, đồng yêu không thiên lệch, ta có xe bằng bảy báu như thế số nhiều vô lượng nên lấy lòng bình đẳng mà đều cho chúng nó, chẳng nên sai khác".

Vì sao? Dầu đem xe của ta đó khắp cho cả người một nước hãy còn không thiếu hưởng gì các con. Lúc ấy, các người con đều ngồi xe lớn đặng điều chưa từng có, không phải chỗ trước kia mình trông.

GIẢNG:

Phật ví dụ trước, nói về trong quốc ấp tụ lạc có vị đại trưởng giả tuổi già, của giàu, nhiều nhà ruộng tô tở, nhà đó lớn mà chỉ có một cửa ra vào thôi, trong đó có người rất đông hoặc hai trăm đến năm trăm người, nhà thì hư mục, trong khi đó đồng một lúc bốn phía nhà bỗng nhiên lửa nổi lên bốc cháy, người nhiều như vậy, nhưng có hai mươi, ba mươi người con ở trong đó. Đó là điểm thứ nhất, muốn nói lên cái gì?

Ông Trưởng giả: chỉ cho Đức Như Lai.

Quốc ấp tụ lạc: Quốc là nói cõi nước lớn. Ấp: là xóm làng lớn; tụ lạc: là thôn xóm trong đó, giống như một phường hay một huyện.

Nhà lửa: chỉ cho nhà lửa tam giới.

Vậy quốc ấp tụ lạc ở đây là chỉ cái gì? - Chỉ cho cảnh giới của Như Lai, nó bao trùm hết, nhà lửa này cũng nằm trong đó, cái nhà này ở trong quốc ấp tụ lạc đó, nó chỉ là một phần nhỏ trong đó thôi, cảnh giới Như Lai này trong đó đầy đủ vô lượng công đức không thể nghĩ bàn (của giàu vô lượng). Cho nên cảnh giới này ở trước gọi là chỉ Phật với Phật mới biết thôi. Bởi vì mấy người con ở trong nhà lẩn quẩn thì làm sao biết được ở ngoài. Ở ngoài là cõi nước thành ấp tụ lạc, chỉ có ông trưởng giả mới biết, chứ mấy người con đâu có biết, cũng như mình phải không?

Mình cũng chỉ biết lẩn quẩn trong nhà lửa này thôi, còn ở bên ngoài mình đâu biết được. Cảnh giới Như Lai này chỉ có người nào ra khỏi nhà lửa thì mới biết được thôi. Như vậy nhà lửa đã thêm mục nữa thì có đáng gì đâu, mà mình quý nó không chịu ra.- Bởi sống trong tình mê.

Trưởng giả nhiều nhà ruộng, tôi tớ, là muốn nói lên cái gì? Ông Trưởng giả tuổi già là chỉ cho cái gì? - Là chỉ cho Như Lai vô sự. Bởi vì Như Lai là chỉ cho người đã ra khỏi nhà lửa tam giới, đã giải thoát rồi, Ngài như người vô sự, không có việc bận rộn nữa. Nhưng Ngài phải vào trong nhà lửa là vì mình, nên Ngài mới vào đó. Và Như Lai ở đây không phải chỉ có một cái nhà này thôi mà nhiều nhà lắm, tức là chỉ Như Lai vô trụ mà mình học trong Kinh Kim Cang, Ngài hiện khắp nơi, không ở chỗ nào, không cố định ở nhà nào hết.

Cửa giàu vô lượng: Đó là chỉ cho trí tuệ không ngăn mé, cái kho Như Lai đầy đủ trí tuệ diệu dụng, không thể đếm được, đây ví dụ là cửa giàu vô lượng, hết tính kể, không có gì so sánh được, do đó mà phần trước Phật nói trí tuệ như Ngài Xá Lợi Phất nhiều vô lượng, cộng lại suy lường cũng không biết được.

Trưởng giả giàu vô lượng, làm chủ nhà này, là chỉ cái gì? - Là chỉ cho Như Lai Ngài hiện thân trong ba cõi này nhưng Ngài vẫn tự tại, không bị lệ thuộc vào trong ba cõi. Làm chủ trong nhà đó, tức là Ngài tự tại trong đó, chứ không phải như mình bị mắc kẹt trong đó. Nhưng cái nhà đó chỉ có một cửa ra vào thôi, cửa đó là cửa gì? - Đó là cửa Tâm, ba cõi lằng xằng đó nhưng có một tâm thôi, ra vào thì cũng một tâm thôi chớ không gì khác. Từ “tâm mê” đi vào ba cõi chịu luân hồi. Từ “tâm giác” đi ra ba cõi, giải thoát, an vui.

Cho nên chỉ có một cửa rõ ràng vậy thôi, còn nói bờ này bờ kia cũng là ngay một tâm này. Tâm này mê thì ở bờ này, giác thì qua bờ kia. Nhà to rộng vậy mà chỉ một cửa thôi, có ai thấy cửa đó chưa? Thấy cửa sao không chịu ra? Thêm điều nữa, nhà có một cửa thôi mà

lại nhỏ hẹp nữa, vì sao lại nhỏ hẹp? - Đó là muốn nói lên chỗ chân thật này là chỗ rất khó tin, khó hiểu, ít người tin nổi, nên khó ra là vì chỗ đó. Quả thật cửa sấn ở đó thôi đâu có giấu giếm gì ai, nhưng vẫn ít có người chịu ra, bởi vì vô minh che, do đó trong nhà Thiên có câu: "Nếu một bề đề cao việc này, thì cửa pháp đường cỏ cao một trượng!"

Vì nếu một bề đề cao việc đó tức là cứ nói thẳng chỗ đó thôi thì ít người tin nổi, hết người đến, thành ra pháp đường cỏ mọc cao một trượng. Vì vậy các Ngài phải dùng nhiều phương tiện nói thế này, nói thế kia, bao giờ sạch hết chấp mới sống được chỗ này. Phải sạch hết vô minh như Phật vậy đó. Phật đã sạch hết vô minh nên Ngài cần ra thì ra thôi, ra dễ dàng! Thật ra, nói ra hay vào chỉ là một lối nói, chứ nói thẳng đối với Như Lai thì Ngài không có gì ra vào nữa, vì tất cả đều ở trong tánh Như Lai, nói có ra có vào, cũng là thí dụ thôi, còn đã thấu triệt chỗ đó thì không có gì ra vào.

Ở đây Ngài thương nên vào đây để đánh thức mình, nhưng còn chưa chịu ra nữa, như những người con trong đây, ông trưởng giả thương kêu như vậy cũng không chịu ra, mấy người con đó là chỉ cho ai? Giống như mình không? Như vậy kêu hoài có ai chịu ra chưa? Nó chân thật sẵn đó nhưng lại khó tin, cho nên Ngài phải đánh thức mình, tin được thì mình ra chứ không gì khác. Rồi lâu gác hư mục, cùng một lúc lửa bỗng cháy lên, chỉ cho cái gì? - Lâu gác hư mục chỉ cho vô thường đeo đuổi tàn phá con người cũng như mọi vật ở trong ba cõi này tất cả đều chịu chung trong đó.

Dù cho Phật hay Bồ Tát hiện thân ở trong đây, mà mang cái thân này cũng phải chịu vậy thôi. Bởi vậy tám mươi tuổi Phật cũng nhập Niết Bàn. Thô thì

sanh già bệnh chết nó ép ngặt, còn tế là sanh trụ dị diệt nó chi phối. Vì tế là trong tâm niệm mình, từng niệm, từng niệm nó sanh trụ dị diệt đó, nó chi phối trong từng niệm, luôn luôn vô thường.

Lửa bỏng nổi lên là sao? - Đó là muốn chỉ cho sự vô thường, nó không có góc gác, không có cội rễ, chỉ do mê lầm mà thôi. Cho nên nó bỏng nổi lên không biết góc gác từ đâu. Tìm góc gác nhà lửa này tìm không ra, thấy được chỗ này, mới thấy cái sanh tử vô thường, cũng không phải có thật tánh, nên mình giác thì mình thoát được.

Trong nhà Thiền có câu chuyện Ngũ Tông đến hỏi Thiền Sư Duy Tuệ:

- Con đã học thiền nhiều năm, nhưng vẫn chưa thành tựu, bây giờ xin thầy vui lòng chỉ dạy cho con.

Ngài Duy Tuệ bảo:

- Cũng không có bí quyết, vấn đề là giải thoát sinh tử thôi.

Ngũ Tông thưa:

- Nhưng làm sao thoát sinh tử?

Thiền Sư Duy Tuệ liền lớn tiếng bảo:

- Từng niệm tưởng trôi qua là sinh và tử.

Ngay đó Ngũ Tông tâm rỗng rang, cảm nhận thấy như mình vừa đặt gánh nặng xuống.

Đơn giản, nhưng mình mới nghe qua thấy lạ, vậy giải thoát sanh tử ở chỗ nào? Mình nghe nói sanh tử sự đại, mình nghĩ Phật, Tổ nhắc nhở mình quan tâm cho thật kỹ, mình liền tưởng sanh tử là cái gì quá sức tưởng tượng. Nhưng sanh tử không phải gì khác, là chính ngay nơi từng tâm niệm của mình đó, từng niệm từng niệm trôi qua đó là sanh tử chứ gì nữa? Sanh tử không là cái bên ngoài, do đó mình giác được nó tức thấu suốt được nó thì tâm rỗng rang, lửa này không

chỗ khởi, là mình thoát sanh tử, nếu còn thấy sanh tử thật là mình bị chi phối trong đó.

Cho nên mình nghe giải thoát được Niết Bàn, mình tưởng Niết Bàn là cõi nào đó. Đâu biết rằng Niết Bàn là ngay tâm niệm mình thôi, tâm mình được lặng dừng, một niệm lặng thì một niệm là Niết Bàn, còn niệm niệm được lặng là niệm niệm Niết Bàn, chứ có gì đâu, thoát sanh tử là thoát nơi tâm niệm mình, chớ có gì thoát. Do đó Ngũ Tông nghe nói vậy liền cảm nhận được, tâm rỗng rang giống như buồng gánh nặng xuống, thật nhẹ nhàng!

Thấy được như vậy, thì sanh tử tức vô sanh, không phải tìm vô sanh ở đâu. Thấy được chỗ này, thì thấy mình đang ngồi trên đất trống tự thuở nào rồi không chạy đi đâu hết, chạy ra ngoài đó là thí dụ.

Một hôm Ngài Dược Sơn muốn thử nghiệm Sa Di Cao có chỗ thấy hiểu chân thật chưa, Ngài mới nói với Sa Di Cao rằng:

- Ta nghe nói ở Trường An ồn náo phải không?
Sa Di Cao đáp:

- Riêng nước con thì an ổn.

Coi như mình ngồi chỗ chân thật an ổn sẵn rồi, có chạy đi đâu, chỉ tại mê thôi nên tạm gọi là kêu ra.

Ngài Dược Sơn gạn thêm nữa:

- Ông do xem Kinh mà được, hay thưa hỏi mà được?

Sa Di Cao đáp:

- Con không do xem kinh được, cũng không do thưa hỏi mà được.

Ngài Dược Sơn nói:

- Vậy nhiều người không xem kinh, cũng không thưa hỏi sao họ không được?

Sa Di Cao đáp:

- Chớ nói họ không được, chỉ vì họ không chịu nhận thôi.

Nó sẵn đó rồi, thì nói gì được với không được, chỉ tại chưa chịu nhận, nên còn lẫn lộn mãi trong nhà lửa này.

Ở đây trở lại đoạn 13, nhà ông trưởng giả trong đó người rất đông, tức chỉ trong tam giới này có rất nhiều loại, nhưng trong nhà đó chỉ có mười, hai mươi, hoặc ba mươi người con thôi, đây chỉ cho trong tam giới này người rất đông nhưng người gặp Phật tu hành thì rất ít. (tiếp đoạn 14). Khi ông trưởng giả thấy lửa từ bốn phía nhà cháy lên, liền rất sợ sệt mà nghĩ rằng: ta dẫu có thể nơi cửa nhà này, ra ngoài rất an ổn, dễ dàng không có khó khăn gì hết, ta có thể dùng thân và tay của ta có sức mạnh, nên dùng vạt áo hoặc ghế đẩu từ trong nhà mà ra ngoài, nhưng mà thương mấy người con trong này phải kêu ra. Đó là muốn nói lên cái gì? Đối với Như Lai Ngài có sức tự tại với sanh tử rồi, cho nên không thành vấn đề. Ngài ra dễ dàng thôi, Ngài cũng đầy đủ sức thần thông diệu dụng, nhưng sao Ngài không dùng thần thông diệu dụng đó đem mấy người con kia ra mà phải kêu, đó là điểm phải thấy cho kỹ! Đây là muốn nói lên cái gì? - Đó là Phật muốn đánh thức họ dậy để cho họ có niềm tự tin, tự mình nhận mới giải thoát được, chứ không có thể ỷ lại từ bên ngoài mà thoát được, đây là điểm căn bản. Trong nhà thiền có câu chuyện: có vị tín đồ, một hôm vị này đang tránh mưa dưới mái hiên của một căn nhà bên đường, ông thấy có một vị Thiền sư che dù đi ngang qua, ông liền gọi to:

- Xin Thiền Sư Ngài từ bi độ khắp chúng sanh, cho con được quá giang một khoảng đường xem thế nào?

Vị Thiên Sư bảo:

- Ta thì ở trong mưa, ông ở dưới mái hiên đâu có mưa, thì đâu cần ta độ.

Vị tín đồ nghe vị Thiên Sư nói như vậy, ông liền chạy ra đứng ngoài mưa và nói:

- Bây giờ con đang ở ngoài mưa xin Ngài độ con!

- Ta cũng ở trong mưa, ông cũng ở trong mưa, ta chẳng bị mưa ướt nhân vì ta có dù, còn ông bị mưa ướt vì ông không có dù. Do đó chẳng phải là ta độ ông, ở đây cây dù nó độ ta, ông muốn được độ, xin ông tự kiếm cây dù che. Nói xong Ngài đi.

Chuyện này quý vị thấy có lý không? Đây là nhắc mình cái gì? - Rõ ràng do cây dù độ Ngài, ông muốn không bị mưa ướt thì kiếm dù che là hết bị mưa. Đó chính là chỗ này, tự mình tin nhận, mình thoát ra thôi, còn nhờ ai nữa. Do đó ở đây Phật kêu ra mà không ra, Ngài cũng đành chịu thôi chứ biết sao. Tức là: "Người này ăn, không thể người kia no được".

Đến câu chuyện của Ngài Đạo Khiêm với Thiên Sư Tông Nguyên. Ngài Đạo Khiêm ở chỗ Thiên sư Đại Huệ tham thiền thời gian lâu mà không tỏ ngộ, một hôm Ngài Đại Huệ sai Đạo Khiêm đem một lá thư cho một người ở xa, hồi xưa kia không phải như bây giờ, lên xe đi một ngày thì tới, có khi đi phải mấy tháng trời, Đạo Khiêm nghe vậy không muốn đi, Ngài than: "Ta nghĩ là ở đây tham thiền bao nhiêu năm rồi, chưa được đắc lực gì hết, bây giờ phải đi trên một quãng đường dài như vậy, thì công phu không biết ra sao?" Ngài Tông Nguyên là bạn, mà cũng là người đã tỏ ngộ rồi, thấy Đạo Khiêm than như vậy thì Ngài Tông Nguyên thúc đẩy nói:

- Huynh hãy đi, tôi sẽ cùng đi với huynh, không

thể bảo rằng: trên đường đi không có công phu tham thiền được, chỗ nào cũng là chỗ công phu được hết.

Trên đường đi Đạo Khiêm than lần nữa:

- Tôi tham thiền mấy mươi năm, công phu chưa đến đâu, không biết ra sao?

Ngài Tông Nguyên mới bảo:

- Thôi bây giờ đây, những điều gì ông học hỏi được từ các Lão Hoà thượng lâu nay, hãy gạt qua một bên hết đi, ngay đây những cái gì giúp được huynh thì tôi sẵn sàng giúp hết, nhưng có năm điều huynh phải tự làm đó là: thứ nhất là đi đại, thứ hai là đi tiểu, thứ ba là ăn cơm, thứ tư là mặc áo, thứ năm là tự huynh phải mang cái thân thú này trên suốt quãng đường đi, không ai mang thế cho huynh được.

Đạo Khiêm nghe tới đó, liền tỏ ngộ.

Có người nào tỏ ngộ chưa? Ai có thể vào đây mà mang thế cái thân cho mình? - Chính mình phải mang chớ ai mang thay thế cho mình được! Cũng vậy, chính mình sáng chứ ai sáng cho mình. Phải tự mình mở sáng ra, tự mình giác ngộ, thấy được con người thật của chính mình, đó là mở sáng trí vô sư, từ trí vô sư đó nó giúp mình giải thoát sanh tử. Còn trí mình học được của Tổ, của Phật, cũng trả về Tổ Phật mà thôi. Ở đây Phật kêu mình, mình thức tỉnh được thì mình chạy ra thôi, Ngài không dùng thần thông đưa mình ra. - Mình đang ở trong nhà lửa là một cái đã thu hẹp rồi, lại còn bám vào cái thân này nữa, là thêm lớp thu hẹp thứ hai nữa. Trong khi đó tâm chân thật của mình thì nó thênh thang nhưng mình lại không ngó ngang tới? - Cái tâm thể chân thật này không có chỗ nào thiếu nó. Bây giờ nói gần hơn, quý vị có thể cảm nhận được như mình còn tâm chúng sanh đây tức là tâm chưa thanh tịnh gì, mà

thấy nó thên thang rồi, ví dụ ngồi đây quý vị nghĩ tới Mỹ, nghĩ tới mặt trăng, nếu mình sống trở về được với tâm thanh tịnh thì nó còn rộng lớn thế nào nữa, nhưng mình lại không chịu nhận mà cứ Đông Tây chạy giỡn nhìn cha vậy thôi, cũng không biết gì là nhà? Gì là lửa? Gì là hại? Ở trên Phật kêu ra, đó là:

Đức Như Lai trong này luôn luôn thúc đẩy, mà mình không để ý, cũng giống như ở đây, Phật kêu ra mà mình cứ lo chạy giỡn thôi. Cũng vậy, tánh giác nó ngậm ngậm thúc đẩy, nếu không thì chắc là giờ này quý vị không ngồi đây; mà nó có thúc đẩy ngậm, nên mới tỉnh phần nào đó để mà học Đạo, nghe pháp nhưng còn chưa chịu ra, vì ham vui thôi. Tức là bị cái vô minh tham ái nó che mờ không sáng được, nên không biết gì lửa? Gì là nhà? Gì là hại? Chỉ biết vui trong ngũ dục mà thôi. Cha kêu mà cứ chạy giỡn, chạy một lúc va đầu, sút trán chịu khổ, loanh quanh chạy trong nhà lửa đó, với con mắt Phật nhìn mới thấy mình đáng thương, còn mình ở trong cảnh đó lại thấy vui.

Trong lúc đông tây chạy giỡn nhưng nhìn cha là sao? Là loanh quanh trong đó cũng không rời Như Lai, chỉ cần biết nghe trở lại, tin nhận thì thoát ra thôi. Trong nhà Thiên có câu chuyện Ngài Huệ Tịch lúc làm Sa Di ở chỗ Thiên sư Tánh Không, Ngài nghe một vị tăng hỏi Tánh Không là:

- Thế nào ý Tổ Sư từ tây sang?

Thiên sư Tánh Không đáp:

- Như có người ở giếng sâu ngàn thước, không có một tắc dây gì hết, mà ra khỏi giếng được, thì người này đáp cho ông được ý Tổ Sư.

Một thời gian sau Huệ Tịch đi tham vấn nơi khác, Ngài đến Thiên Sư Đàm Nguyên hỏi:

- Người ở giếng sâu như vậy, thì làm sao ra được?

Ngài Đàm Nguyên bảo:

- Ôi ! Cái đồ ngốc, ai ở dưới giếng?

Minh nghe nói ở dưới giếng thì tưởng có người ở dưới giếng thật, đó là mê.

Lúc đó Huệ Tịch nghe nói như vậy nhưng chưa tỉnh lắm. Sau đó Ngài đến Thiên Sư Quy Sơn đem câu chuyện này hỏi lại, Ngài Quy Sơn liền gọi:

- Huệ Tịch!

Ngài nghe gọi liền: Dạ!

Ngài Quy Sơn bảo:

- Ra rồi!

Quý vị thấy ra dễ không? Minh nghe gọi, liền "Dạ". Vậy sắc thân năm ấm có ngăn che gì không? Nếu ngăn che thì đâu có "Dạ" được, vậy chỉ cần "nghe trở lại" thì ra liền chớ có gì đâu. Dù cho người có nghiệp chướng sâu dày mà nghe kêu có biết dạ không? Vậy có che được nó không? Nhưng tại sao không ra được? Tại vì chưa chịu nghe lại thôi. Ở đây Phật kêu nhưng cứ đông tây chạy giỡn, tuy vậy mà vẫn không rời Như Lai, tức nhìn Như Lai mà chạy.

Ông trưởng giả liền nghĩ: nhà này đã bị lửa lớn đốt cháy như vậy đó, mà các người con không biết lo sợ, cứ chạy giỡn hoài, ông bèn bày phương tiện, biết chúng nó ham đồ chơi, nếu đem đồ chơi ra dụ thì chúng nó sẽ chạy ra thôi. Cho nên ông bảo là để sẵn ở ngoài cửa các đồ chơi nào xe dê, xe hươu, xe trâu mà nói với các con rằng các con mau ra cha sẽ cho các con các thứ xe như thế. Mấy người con nghe cha nói đồ chơi báu đẹp vừa ý mình, nên mỗi người đều mạnh mẽ xô đẩy lẫn nhau, cùng tranh ra khỏi nhà lửa. Trước kia kêu gọi hết lời mà không ra, bây giờ nghe có xe đẹp thì

chạy ra liền, giống mình chưa? Tức là nói cái gì? Ở đây dụ cho chúng sanh là luôn luôn ham thích được hưởng. Làm mà không hưởng đâu chịu làm, cũng như giờ nói tu đi thì đâu chịu, phải nói tu có phước, được quả này quả kia thì chịu lắm, bởi mình luôn luôn sống trong ngã tưởng, nên phải luôn có một cái gì đó để cho nó hưởng, nó được, mới chịu. Bây giờ bảo buông đi, buông chạy ra đây thôi, nhưng bỏ cái này thì uống, cho nên không chịu ra, phải có được gì đó.

Do đó khi nghe nói cho ba xe liền tranh nhau chạy ra liền. Bởi vậy mà có câu: "Trước dùng dục mà dẫn dắt, sau mới đưa vào trí huệ Phật". Đối với người còn đắm mê trong này nhiều quá, nếu Phật nói ráng tu để được giải thoát thì đâu chịu. Nhưng nếu bảo thôi ráng làm phước sau sanh lên cõi trời, được cái này cái kia như ý thì chịu liền dễ dàng. Như vậy cũng là cứu khổ, còn hơn là để bị đọa vào địa ngục biết bao giờ mới lên. Hoặc bảo ráng tu khổ nhọc, sau sẽ được quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, nghe vậy thì cũng chịu. Ở đây Phật rất khéo là như vậy,

Nghe nói vậy cùng tranh nhau ra, khi đến ngã tư đường, ngồi nơi đất trống, tức là giải thoát tự tại rồi, không còn lo sợ gì nữa, nhưng mà chịu chưa? Chưa chịu, còn đòi xe. Cha đã hứa, bây giờ cho chúng con xe đi, đó là chỉ cho tâm trạng chưa quên được sở đắc, ra ngoài rồi tức là đã sáng được và hiểu được đạo, nhưng vẫn còn kẹt trong sở đắc, thấy mình có được, tức là còn kẹt trên phương tiện thứ lớp của Phật. Phật nói có quả này, quả kia, là trên phương tiện thôi, nhưng mình lại kẹt trên phương tiện, cho nên nói ba xe là dụ quả Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. Xe dê dụ cho Thanh Văn, xe hươu dụ cho Duyên Giác, xe trâu dụ cho Bồ

Tát, đó là phương tiện dẫn dắt tùy theo trình độ tâm chứng của người, do tâm chứng của người có cạn sâu sai biệt mà tạm lập vậy thôi, trên tâm thể rất ráo có hai không? Thanh Văn cũng tâm thể này, Duyên Giác cũng tâm thể này, Bồ Tát cũng tâm thể này, và Phật cũng tâm thể này, có gì khác đâu. Cũng như mình, nếu nhìn bên ngoài thì thấy có vị A La Hán khác, Bồ Tát nhưt địa khác, Bồ Tát nhị địa khác, còn nếu như mình nhìn lại chính mình thì lúc ở nhưt địa là ai, nhị địa là ai trong đó, tam địa ai trong đó, tứ địa ai trong đó, có mấy người trong đó, có ai khác không? Mình không thấy chỗ đó, chỉ nhìn bên ngoài nên mắc kẹt trên phương tiện thứ lớp của Phật, rồi còn phân chia cao thấp nữa. Ở đây thấy rõ, sống trọn vẹn trong đây rồi, thì chỉ có một tâm thể đó thôi, còn có sự sai biệt là do mình sống trọn vẹn hay chưa trọn vẹn vậy thôi. Chưa trọn vẹn thì tạm lập ra lúc này thì như vậy, lên chút nữa thì như vậy, như vậy, ... đó là lúc mình chưa sống trọn vẹn, còn nếu trọn vẹn thì chỉ cái đó thôi, chớ có gì khác đâu. Do đó kinh Kim Cang nói:

- Tất cả Hiền Thánh đều do pháp vô vi mà có sai khác thôi.

Như vậy còn đòi xe, đó là chưa quên được chỗ sở đắc, ra rồi còn đòi nữa tức là đòi “được”. Cho nên Phật cho đồng một thứ xe thôi, dù trước kia là nói ba xe, nhưng bây giờ cho một thứ xe là xe trâu trắng lớn, xe đó trang hoàng đầy đủ hết, đó là nói lên cái gì? Xe trâu trắng đây là nói lên Phật tánh bình đẳng của tất cả, nghĩa là tất cả đều có Phật tánh bình đẳng chung đó, hay gọi là giác thể không hai. Nói rằng, dù cho cả nước cũng không thiếu nữa, bởi vì ai ai cũng đều đủ chỗ này hết, có ai thiếu đâu. Nói cho, mà thật ra có cho gì đâu,

mà nói thiếu nói đủ. Mình mắc kẹt trên danh từ, nghe nói cho, tưởng đâu là có được, mới nghĩ đến thiếu đủ. Chính chỗ này, trong kinh Pháp Bảo Đàn Ngài Pháp Đạt cũng nghi và thưa với Lục Tổ rằng:

- Con tụng kinh Pháp Hoa mà chưa hiểu được nghĩa kinh, xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy cho.

Lục Tổ bảo:

- Ông đâu có biết, mình đang ngồi trên xe trâu trắng mà lại đi tìm ba xe ngoài cửa, ba xe là giả, là việc thuở xưa, còn một xe là thật, là việc hiện nay. Chỉ dạy ông dẹp các giả để trở về cái thật, sau khi trở về cái thật thì cái thật đó cũng không tên. Nên biết có những của báu, trọn thuộc về ông, do ông thọ dụng, lại không khởi cái tưởng của cha, cũng không khởi tưởng của con, cũng không khởi tưởng dùng, đến đó mới thấu triệt được.

Rõ ràng tưởng có cho, có nhận đó là lầm! Đây là của báu sẵn trong nhà thôi.

Đức Sơn hầu Ngài Sùng Tín, đêm khuya đi ra ngoài thấy trời tối, đi vào thưa với Ngài Sùng Tín là:

- Bên ngoài trời tối đen.

Ngài Sùng Tín nói:

- Tối thì ta đưa đèn cho.

Ngài đốt đèn đưa cho, Đức Sơn vừa đưa tay tiếp lấy, thì Ngài Sùng Tín thổi tắt đi. Ngay đó Đức Sơn sáng tỏ liền.

Đưa đèn là cho. Cho, nhưng người ta vừa nhận thì thổi tắt, vậy có cho gì không? Chỉ là đánh thức cái có sẵn của mình thôi. Như Lục Tổ nói: "Bao nhiêu của báu đó đều có sẵn nơi mình rồi, là do mình thọ dụng thôi". Có gì là cho là nhận. Còn nghĩ có cho có nhận, đó là còn lớp mê, cho nên mình nghe nói ba xe kẹt theo lời nói đó, liền chấp có ba xe. Khi chấp có ba xe đó rồi, còn

phân biệt là cao là thấp, là lớn, là nhỏ, tôi tu đại thừa, còn anh là tu theo tiểu thừa, tôi cao anh thấp, là mắc kẹt thêm một lớp nữa. Đó là chưa được vào nhà Như Lai, còn đứng ngoài cửa, bởi đứng ngoài cửa phỏng đoán nên mới phê bình kia đây. Biết rõ ráo rồi, như Lục Tổ nói ba xe cũng là giả, chỉ có một thừa, nhưng một thừa đó cũng không phải thật, bởi vì sao? - Bởi vì còn một, còn ba là cũng còn đối đãi, một hay ba đó cũng chỉ là phương tiện thôi, và còn giả mới tạm nói là thật, như vậy thật giả cũng là hai tên đối đãi thôi, một - ba cũng là hai tên đối đãi. Khi sống được trong đây rồi, thì còn tưởng thật tưởng giả gì nữa? Sống được đây rồi, ngay đó liền dùng thôi, cũng như tay mình đây, muốn quơ thì quơ, chớ còn nghĩ phải dùng cái tay để quơ thì sao? Thì giống như có cái tay thứ hai ở ngoài mình. Còn nghĩ là cha, là con, cũng chưa thật thấu, phải biết đó chỉ là thí dụ. Cũng như nghe kêu liền dạ, nó sẵn đó bật ra vậy thôi, còn nghĩ dùng cái đó là tự mình tách rời ra.

Đoạn cuối Phật giải thích rõ, Ngài nói cho ba xe, rốt cuộc lại cho một xe thôi, vì Ngài nghĩ rằng ai cũng là con hết, nên dùng lòng bình đẳng mà cho, vì sao? Dầu đem xe đó mà cho khắp cả nước cũng không thiếu, vì ai ai cũng đều đủ hết không phải là cái bên ngoài. Lúc ấy mấy người con ngồi trên xe lớn rồi, mới đặt điều chưa từng có, không phải là chỗ trước kia mình trông. Bây giờ mới thấy ngoài sức mong đợi của mình. Nghĩa là, không mong cầu mà được, tức là ngoài chỗ hiểu biết, ngoài chỗ mình nghĩ tới. Bởi vì sao? Bởi vì ngồi sẵn trong đó rồi còn nói được gì nữa. Mình cứ nghĩ tu sau đó sẽ được cái gì đó, mà không ngờ, khi mình sáng ra là cái mình có sẵn tự bao giờ, cho nên không cầu mà được, còn có cầu mà được là thuộc bên ngoài rồi, mà có được là có mất.

Đó mới thấy được niềm vui chân thật, còn niềm vui trong ba cõi này là niềm vui vô thường, có vui có khổ, vui được chút liền mất, rõ ràng không thật.

Vì chỗ đó khó chỉ, khó nói, cho nên Phật dùng thí dụ để cho mình nhận cái đó thấy cái này thôi, vậy có ai chịu ra chưa?

CHÁNH VĂN:

Xá Lợi Phất! Ý của ông nghĩ sao, ông Trưởng giả đó đồng đem xe trâu báu lớn cho các người con, có lỗi hư vọng chăng? Xá Lợi Phất thưa: "Thưa Thế Tôn! Không, ông Trưởng giả đó chỉ làm cho các con dặng khỏi lửa, toàn thân mạng chúng nó chẳng phải là hư vọng. Vì sao? Nếu được toàn thân mạng bèn đã được đồ chơi tốt đẹp, huống nữa là dùng phương tiện cứu vớt ra khỏi nhà lửa.

Thế Tôn! Dầu ông Trưởng giả đó nhẫn đến chẳng cho một thứ xe rất nhỏ còn chẳng phải hư vọng. Vì sao? Vì ông Trưởng giả đó trước có ý nghĩ như vậy: ta dùng chước phương tiện cho các con dặng ra khỏi, vì nhơn duyên đó nên không hư vọng vậy. Huống gì ông trưởng giả tự biết mình của giàu vô lượng, muốn lợi ích các con mà đồng cho xe lớn!

GIẢNG:

Đây Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất, ở trên ông Trưởng giả kê ra cho ba xe, cuối cùng chỉ cho một xe thôi, vậy ông Trưởng giả đó có lỗi hư vọng không?

Ngài Xá Lợi Phất thưa: Không có hư vọng, bởi vì ông Trưởng giả cứu được các người con bảo toàn thân mạng, đó là cái lợi ích lớn rồi, huống nữa là ông còn cho xe lớn, dù ông không cho xe nào cũng không hư vọng. Bởi vì sao? Bởi mục đích là cứu được thân mạng cho người con đó. Mục đích đó thành công, đâu phải là hư dối. Như Phật dùng phương tiện khiến cho mình ra khỏi nhà lửa, thoát được sanh tử luân hồi đó là lợi ích lớn rồi, chỉ bấy nhiêu đó thôi mình thấy quá vui rồi, huống nữa Phật còn chỉ ra cái tánh giác sẵn có cho mọi người, tức là Tri Kiến Phật, để cho mọi người tự nhận rồi sống với cái bất diệt đó, trong đó đầy đủ diệu dụng không thể nghĩ bàn, thì còn gì hơn nữa mà nói là hư dối. Tuy nói không được gì hết, nhưng mà tự mình được cái đã bỏ quên, mình sống lại với cái sẵn có đó, thì cái niềm vui này còn cái gì diễn tả nữa. Không có hư dối là vậy.

Cũng như ở trong nhà thiền, có người đến hỏi các Thiền Sư là:

- Thế nào là Phật?

Thì các Ngài đáp là:

- Ba cân gai!

Thì như vậy có hư dối không? Phật là ba cân gai sao? Ba cân gai không phải là Phật rồi, nhưng ở đây đánh thức ông Phật hiện tiền vô phân biệt của mình đó. Bởi vì mình đang sống trong phân biệt cho nên hỏi thế nào là Phật là cũng tìm Phật để hiểu, tức là phân biệt theo tình thức. Thiền sư muốn phá cái tình thức đó, đánh thức ông Phật hiện tiền vô phân biệt đây, cho nên nói ba cân gai mình hết nghĩ ngợi, như vậy mình mới nhận ra ông Phật thật của mình. Vậy nói ba cân gai không phải là nói suông,

không phải luống ướng, không phải hư vọng. Đây cũng vậy, kêu ra cho ba xe, rốt cuộc chỉ cho một xe thôi, là chỉ cho chỗ chân thật đó, mình thấy như vậy là không hư dối, nhưng chỉ có người bất chước nói bừa tức là mình không thấu được lẽ thật thì quả là hư dối.

CHÁNH VĂN:

Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: "Hay thay! Hay thay! Như lời ông nói, Xá Lợi Phất! Như Lai cũng lại như thế, Phật là cha của tất cả thế gian, ở nơi các sự sợ hãi suy não lo buồn, vô minh che tối hết hẳn không còn thừa, mà trọn thành tựu vô lượng tri kiến, trí lực, vô sở úy, có sức đại thân thông cùng sức trí huệ, đầy đủ các món phương tiện, trí huệ ba la mật, đại từ đại bi thường không hề lười mỏi. Hằng vì cầu việc lành lợi cho tất cả muôn loại mà sanh vào nhà lửa tam giới cũ mục này, để độ chúng sanh ra khỏi nạn lửa, Sanh, già, bệnh, chết, lo buồn khổ não, ngu si tối tăm, ba độc, dạy bảo cho chúng sanh đặng vô thượng chánh đẳng chánh giác.

GIẢNG:

Phật khen ngợi lời đáp của Ngài Xá Lợi Phất đó là đúng, Phật cũng như vậy. Đây là hợp pháp lại Phật có vô lượng tri kiến, trí lực, vô sở úy, dứt hết không còn thừa, đã ra khỏi sanh tử này rồi, nhưng mà bây giờ vì lợi ích cho mọi người, mọi chúng sanh, nên Ngài mới sanh trong nhà lửa này để mà độ.

CHÁNH VĂN:

Ta thấy, các chúng sanh bị những sanh, già, bệnh, chết, lo buồn, khổ não nó đốt cháy, cũng vì nắm món dục tài lợi mà bị các điều thống khổ. Lại vì tham mê theo đuổi tìm cầu nên hiện đời thọ các điều khổ, đời sau thọ khổ địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Nếu sanh lên trời và ở trong loài người thời nghèo cùng khốn khổ, bị khổ về người yêu thương xa lìa, kẻ oán ghét lại gặp gỡ. Các món khổ như thế mà chúng sanh chìm trong đó vui vẻ dạo chơi, chẳng hay chẳng biết, chẳng kinh chẳng sợ, cũng không sinh lòng nhàm không cầu giải thoát, ở trong nhà lửa tam giới này đông tây rảo chạy dầu bị khổ nhiều vẫn chẳng lấy làm lo.

GIẢNG:

Phật thấy các chúng sanh bị sanh, già, bệnh, chết, lo buồn, khổ não nó đốt cháy. Vì sao lại có những cái này? Vì sanh, già, bệnh, chết là hiện tượng của vô thường; do vô thường mới có từ sanh đến già, cũng do vô thường mới có lúc mạnh, lúc bệnh rồi đến lúc chết, cũng do vô thường mà có thương yêu phải xa lìa. Người mình yêu mến đâu muốn xa lìa, chỉ muốn gần mãi, khi vô thường đến khiến cái duyên gì đó phải chịu xa lìa mà xa lìa thì khổ. Còn kẻ oán ghét, người mình không ưa thì đâu muốn gặp, nhưng vô thường đưa đến lại gặp nữa, cứ thế mà khổ mãi, cho nên cái khổ đã nằm sẵn trong vô thường. Phật thấy chúng sanh sống trong đó, Ngài thương nên vào đây để đánh thức; nhưng mình còn

chìm trong đó không biết, không hay, cứ đông tây mà rảo chạy dẫu bị khổ nhiều mà cũng không cầu giải thoát.

CHÁNH VĂN:

Xá Lợi Phát! Đức Phật thấy việc này bèn nghĩ rằng: Ta là cha của chúng sanh nên cứu chúng nó ra khỏi nạn khổ đó, ban vô lượng vô biên món trí huệ vui của Phật để chúng nó dạo chơi.

GIẢNG:

Phật thấy ai cũng như con, tức là mọi người đồng ở trong cảnh giới Như Lai đó mà mê lầm không biết, cứ nhận nhà lửa tam giới vô thường này làm nhà của mình, sống loanh quanh trong đó rồi chịu khổ. Vì vậy Phật thường hiện thân trong tam giới để đánh thức mình, tức đánh thức bấy con đang mê chạy giỡn vui trong ngũ dục đó. Vui trong ngũ dục là vui trong khổ chứ có gì? Nhưng mình không xét thấu, mình tưởng là vui, sự thật chỉ là vui tạm thôi. Nếu thế gian thật là vui, thì chắc là ở trên cõi đời này, khỏi cần bày ra những trò vui giả tạo nữa, như cải lương, phim ảnh. Người chết đã mấy trăm năm, dựng lên tuồng hát cho vui, vậy có vui thật không? Bởi vì cuộc sống nhiều khi nhọc nhằn khổ quá, xem chút cho đỡ buồn, mượn đó để tạm vui chút vậy thôi, ngoài ra còn có cái vui như đá gà, vui này là vui trên cái khổ của chúng sanh. Hễ vỗ tay cười, nhìn lại con gà đã đổ máu; hoặc xem đấu võ, dưới này vỗ tay cười là có người bị đo ván rồi, đó là vui trên cái khổ của người, vậy có thật vui chưa? Hiểu rõ như vậy mới thấy Phật nói lẽ thật, vui trong thế gian

là vui trong khổ, không vui thật. Cho nên Phật đánh thức cho mỗi người nhớ lại tánh giác sẵn có của mình, để mình sống trở lại trong Vô thượng Bồ đề, cái đó mới là cái vui thật, mà ở đây Phật nói:

Ngài là cha của chúng sanh nên cứu chúng nó ra khỏi nạn khổ đó, ban vô lượng vô biên món trí tuệ vui của Phật. Đó là cái vui chân thật.

CHÁNH VĂN:

Xá Lợi Phất! Đức Như Lai lại nghĩ: Nếu ta chỉ dùng sức thần thông cùng sức trí tuệ bỏ chước phước thiện, mà vì chúng sanh khen ngợi các món tri kiến, trí lực, vô sở úy của Như Lai, ắt chúng sanh chẳng có thể do đó mà đặng độ thoát.

Vì sao? Vì các chúng sanh đó chưa khỏi sự sanh, già, bệnh, chết, lo buồn đau khổ, đương bị thiêu đốt trong nhà lửa tam giới, làm sao có thể hiểu được trí huệ của Phật.

GIẢNG:

Tức là đang sống trong đau khổ phiền não, trong tâm sanh diệt, thì làm sao hiểu được tâm thật này. Cho nên tuy Phật có sức thần thông mà không dùng cái đó, phải dùng phước thiện kêu gọi; nghĩa là Phật thấy rõ chúng sanh lẩn quẩn trong ba cõi, thí dụ lên cõi trời tuy có vui nhưng khi hết phước rớt xuống lại khổ, vậy cũng chịu trong sanh tử vô thường thôi. Trong kinh nói mấy ông trời đó sống lâu, không có tướng già như mình, nên ít nhớ tới vô thường; đến khi tuổi thọ sắp hết, nó hiện ra tướng vô thường, như là thân ra

mồ hôi, hoa trên đầu héo, các hiện tượng đó xuất hiện thì họ giật mình, biết sắp chết rồi, thấy khổ sở vô cùng vì họ ít thấy chết. Vì vậy sanh lên cõi trời cũng khổ, nên ở đây nói đông tây rảo chạy cũng không ra ngoài nhà lửa đó. Phật thấy họ sống khổ như vậy, còn vô minh, còn trong tâm sanh diệt, những phiền não còn đầy đó, mà bây giờ dùng thần thông cho ở cõi Phật đi nữa thì họ có hết khổ không?

Do đó, Phật không dùng thần thông, mà dùng phương tiện để đánh thức cho mình biết là khổ, mình tu hành cho hết tham, sân, si, dùng tạo nghiệp rồi mới chỉ ra cái thật thì mới được vui, mới hết khổ, lẽ thật là như vậy, Thí dụ con chó bị ghẻ nếu đem để trên lều năm, rồi cho nó nằm nệm, nó hết khổ không? Nó còn đang ghẻ, thì dù có lên đó nó cũng không hết ngứa được, nên cũng khổ thôi. Điều quan trọng là phải trị cho nó hết ghẻ, thì nó ở dưới này nó cũng vui nữa.

CHÁNH VĂN:

Xá Lợi Phất! Như ông Trưởng giả kia đau thân và tay có sức mạnh mà chẳng dùng đó, chỉ ân cần phương tiện gắng cứu con thoát nạn nhà lửa, vậy sau đều cho xe trâu báu lớn.

GIẢNG:

Phương tiện khiến cho mình quên cái thân tâm sanh diệt vô thường này, thì mới cảm nhận được chỗ vi diệu kia, còn bám chấp vào thân tâm sanh diệt hư giả này, và quý nó quá, mà bảo chỉ cái thật kia thì làm sao nhận nổi, đã không nhận nổi có khi còn chê bai nữa.

CHÁNH VĂN:

Đức Như Lai cũng lại như thế, dầu có trí lực cùng sức vô úy mà chẳng dùng đến, chỉ dùng trí huệ phương tiện nơi nhà lửa tam giới cứu vớt chúng sanh, vì chúng sanh nói ba thừa Thanh Văn, Duyên Giác cùng Phật thừa, mà bảo rằng: "Các người không nên ưa ở trong nhà lửa tam giới, chớ có ham mê các món sắc, thanh, hương, vị, xúc thô hèn, nếu tham mê ấy sanh ái nhiễm thời sẽ bị nó đốt, các người mau ra khỏi ba cõi, sẽ đặng chứng ba thừa: Thanh Văn, Duyên Giác và Phật Thừa.

GIẢNG:

Ở đây Phật nói thêm, Ngài dùng phương tiện nói ba thừa Thanh Văn, Duyên Giác và Phật Thừa, mà bảo mình tỉnh lại, không nên ưa ở trong nhà lửa tam giới này. Ở trong đó nếu tham mê thì sanh ái nhiễm, ái nhiễm là cái đốt mình khổ, cho nên phải mau ra, muốn mình tỉnh giác mà dứt cái niệm ái nhiễm, đây chính là tập nhân của khổ đế, là nhân của luân hồi sanh tử.

Trong nhà Thiên có câu chuyện:

Hòa thượng Kim Bích Phong sau khi tỏ ngộ, Sư buông hết mọi tham ái, chỉ thích một cái bát bằng ngọc chẳng rời tay. Mỗi lần trước khi ngồi thiền định, Sư lại đem cái bát cất kỹ gần bên mới an tâm. Có lần nhân tuổi thọ sắp hết, Vua Diêm La sai quỷ đến bắt Sư, song Sư cũng biết thời đã đến, mỉm cười ngồi nhập định xem Vua Diêm La làm gì. Quỷ đến bên cạnh Sư

đợi một ngày, hai ngày... không thể bắt Sư, bèn đi hỏi ý thổ địa. Thổ địa bảo:

- Thiên sư Kim Bích Phong này rất thích cái bát ngọc, nếu người có cách đem cái bát ấy đi, Ngài động niệm sẽ xuất định.

Quý nghe nói, liền nhanh đến chỗ đặt cái bát ấy làm lay động nó. Sư nghe bát động, động niệm liền xuất định giữ lại! Quý thấy Sư xuất định liền vỗ tay cười to:

- Hay đấy! Giờ đây xin mời Ngài theo tôi đến gặp Vua Diêm La!

Thiên sư Kim Bích Phong vừa nghe lời quý, biết rõ do tâm tham ái cái bát, làm mất đi huệ mạng ngàn năm của mình, liền đập vỡ cái bát ngọc, nhập định trở lại và để bài kệ:

*Nhược nhân dục nã Kim Bích Phong
Trừ phi thiết luyện tỏa hư không
Hư không nhược năng tỏa đặc trụ
Tái lai nã ngã Kim Bích Phong*

Tạm dịch:

*Nếu người muốn bắt Kim Bích Phong
Trừ khi sắt luyện khóa hư không
Nếu hay khóa được hư không ấy
Trở lại bắt ta Kim Bích Phong*

Đó là vì có chút tình luyến ái vật sở hữu mà tâm bị động, tâm động liền có tướng hiện, tức bị quỷ thần xem thấy. Đây là Sư còn có sức định tĩnh mạnh nếu không đã bị trở lại trong sanh tử rồi!

Một câu chuyện khác, là có một ông tướng có bộ đồ trà cổ rất quý. Ông quý bộ tách cổ đó hơn

những người quen thân. Một hôm ông đang cầm mân mê xem, bỗng sẩy tay rớt, ông hoảng hốt chụp lấy, lúc đó mặt ông tái xanh sợ rớt bể, thì ngay đó ông chợt tỉnh, ông nghĩ: "Ta đã từng vào sanh ra tử, trước trận địa lớp lớp hàng hàng tên đạn, mà không có chút gì sợ sệt hết, hôm nay tại sao vì cái tách nhỏ mà sợ sệt như vậy?".

Ông tỉnh lại biết vì do cái ái, thuận tay ông quăng bể luôn.

Quý vị thấy khổ trong ái luyến này chưa? Mà cái tham ái này là do si mê không thấy được lẽ thật nên mới ái thôi. Do đó mở sáng trí tuệ, thấy được lẽ thật, thì trừ những niệm này. Cho nên Phật kêu ra để tỉnh lại, để trừ cái tâm ái nhiễm này, phiền não này bớt, chỉ ra lẽ thật mình dễ thấy hơn. Nếu còn cái ái này, khi về cõi Phật thấy đẹp quá lại ái nữa.

CHÁNH VĂN:

Nay ta vì các người mà bảo nhiệm việc đó quyết không dối vậy.

Các người chỉ nên siêng năng tinh tấn tu hành. Đức Như Lai dùng phương tiện ấy để dẫn dụ chúng sanh thẳng đến, lại bảo: Các người nên biết rằng pháp ba thừa đó đều là pháp của các đấng Thánh khen ngợi, là pháp tự tại không bị ràng buộc không còn phải nương gá tìm cầu, ngồi trong ba thừa này dùng các món căn, lực, giác chi, thánh đạo, thiên định vô lậu, cùng giải thoát tam muội vv... để tự vui sướng, đặng vô lượng sự an ổn khoái lạc.

GIẢNG:

Ở đây Phật nói rõ ba thừa đều là pháp của bậc Thánh khen ngợi. Như vậy Phật có chê Thanh Văn Duyên Giác không? Nhiều khi mình học không tới, liền nói pháp này là pháp tiểu thừa, pháp kia là pháp đại thừa, rồi khen chê trong đó, chính tâm khen chê đó là tâm sinh diệt. Ở đây Phật nói ba thừa đó đều là pháp của các đấng Thánh khen ngợi, nhưng đó là phương tiện, chớ lầm kẹt trên đó. Mình phải khéo nhận đến chỗ chân thật không hai, thấy đến lẽ thật đó thì mới là điểm trọng yếu. Nghĩa là mình phải quên niệm kia đây để thấy nó đồng một thể, chứ không phân biệt pháp này pháp kia, Thanh Văn, Duyên Giác đều là phương tiện để đưa mình đến chỗ chân thật không hai thôi.

CHÁNH VĂN:

Xá Lợi Phất! Nếu chúng sanh nào bề trong có trí tánh, theo đức Phật Thế Tôn nghe pháp tin nhận ân cần tinh tấn, muốn chóng ra khỏi ba cõi tự cầu chứng Niết Bàn gọi đó là Thanh Văn thừa, như các người con kia vì cầu xe dê mà ra khỏi nhà lửa.

GIẢNG:

Thanh Văn thừa đó, là do tâm mong muốn chóng ra khỏi ba cõi, tự chứng Niết Bàn dụ cầu xe dê.

CHÁNH VĂN:

Nếu có chúng sanh nào theo đức Phật Thế Tôn nghe pháp, tin nhận, rồi ân cần tinh tấn, cầu trí huệ tự nhiên, ưa thích riêng lẽ vắng lặng, sâu rõ hơn duyên của các pháp, gọi đó là Duyên Giác thừa, như các người con kia vì cầu xe hươu mà ra khỏi nhà lửa.

GIẢNG

Đây do tâm của người mong cầu trí tuệ tự nhiên, sâu về lý nhân duyên của các pháp, ưa thích ở nơi vắng lặng riêng lẽ một mình, thì thuộc về Duyên giác thừa. Túc cũng do tâm mong muốn của người, chứ không phải là do pháp.

CHÁNH VĂN:

Nếu có chúng sanh nào theo đức Phật Thế Tôn nghe pháp tin nhận, siêng tu tinh tấn cầu nhưất thiết trí, Phật trí, tự nhiên trí, vô sư trí, các món tri kiến lực, vô úy của Như Lai, có lòng thương xót làm an vui cho vô lượng chúng sanh, lợi ích Trời, người độ thoát tất cả, hạng đó gọi là Đại Thừa. Bồ Tát vì cầu đặng thừa này thời gọi là Ma Ha Tát, như các người con kia cầu xe trâu mà ra khỏi nhà lửa.

GIẢNG:

Bồ Tát thì cũng do tâm cầu trí huệ Phật rồi

rộng độ chúng sanh. Như vậy tùy theo tâm lượng căn cơ mong muốn tu hành mà thành có sai khác, chứ không phải tại nơi pháp. Nhiều khi mình phân biệt khen chê, đó là điều không hay. Nếu mình hiểu rõ khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế một cách thấu suốt, thì thấy rõ tứ đế đó không phải thuộc về tiểu thừa. Nếu nhìn bằng mắt đại thừa thì tứ đế cũng là đại thừa.

Như Phật nói khổ đế, tập đế đó là để chi? Là để mình sáng tỏ không lầm lẫn cái nhân quả sanh diệt vô thường. Vì tập đế là nhân sanh diệt đưa đến khổ đế là quả sanh diệt mình không lầm nó với thật tướng thường trụ tức không lầm nhân quả sanh diệt với thật tướng thường trụ nơi mình. Biết như vậy thì không có diệt đế, đạo đế nào riêng khác để chứng, chỉ là sống trở về chân thật nơi mình, đó là khéo chuyển tứ đế thành ra đại thừa rồi. Như vậy mình đưa tứ đế đó về nhất thừa, không còn có niệm phân biệt pháp này cao, pháp kia thấp, mà đó là tùy theo căn cơ của mỗi người.

CHÁNH VĂN:

Xá Lợi Phất! Như ông Trưởng giả kia thấy các con được an ổn ra khỏi nhà lửa đến chỗ vô úy, ông tự nghĩ, ta của giàu vô lượng, nên bình đẳng đem xe lớn đồng cho các con. Đức Như lai cũng lại như thế, là cha của tất cả chúng sanh, nếu thấy có vô lượng, nghìn ức chúng sanh do cửa Phật giáo mà thoát khỏi khổ, đường hiểm đáng sợ của ba cõi dặng sự vui Niết bàn.

Bấy giờ, đức Như Lai bèn nghĩ: "Ta có vô lượng, vô biên trí huệ, lực vô úy... Tạng pháp của các Đức Phật, các chúng sanh này đều là con của

ta đồng ban cho pháp đại thừa, chẳng để có người được diệt độ riêng, đều đem pháp diệt độ của Như Lai mà cho chúng sanh nó diệt độ.

Những chúng sanh đã thoát khỏi ba cõi đó, Phật đều cho món vui thiên định, giải thoát... của các Đức Phật, các món đó đều là một tướng, một thứ mà các đấng thánh khen ngợi, hay sanh ra sự vui sạch mẫu bậc nhất”.

GIẢNG:

Đây Phật nói rõ, khi Ngài phương tiện đánh thức mọi người ra khỏi rồi, Ngài nghĩ ngài có trí huệ vô lượng vô biên đồng ban cho một pháp thôi, tức một pháp đại thừa, chẳng để có người được diệt độ riêng.

Đây là phá chỗ thấy có riêng khác, đã là diệt độ sạch hết phiền não thì phải sạch hết như nhau, không còn cấp bậc nào mới phải. Đến chỗ diệt độ sạch hết phiền não rồi, mà còn sạch hết phiền não của Thanh văn, sạch hết phiền não của Duyên giác, sạch hết phiền não của Bồ tát, như vậy đã sạch hết phiền não rốt ráo hoàn toàn chưa? Phật phá ý niệm thấy có cái diệt độ riêng đó. Trong nhà Thiên, Tổ Lâm Tế nói: "Theo chỗ thấy của sơn tăng thì cùng Phật Tổ không khác". Khi thấy lẽ thật đó rồi, thì nó phải không khác với Phật, không khác với Tổ. Nếu cái thấy còn có sai biệt, còn thấy khác với Phật Tổ, là cái thấy đó chưa đến chỗ rốt ráo rồi.

CHÁNH VĂN:

Xá Lợi Phất! Như ông Trưởng giả ban đầu

dùng ba thứ xe dụ dẫn các con, sau rồi chỉ ban cho xe lớn, vật báu trang nghiêm, an ổn thứ nhất, song ông Trưởng giả kia không có lỗi hư dối. Đức Như Lai cũng như thế, không có hư dối, ban đầu nói ba thừa dẫn dắt chúng sanh sau rồi chỉ dùng đại thừa mà độ giải thoát đó.

Vì sao? Như Lai có vô lượng tạng pháp trí huệ, lực, vô sở úy, có thể ban pháp đại thừa cho tất cả chúng sanh, chỉ vì chúng sanh không thọ được hết.

GIẢNG:

Phật nói rõ, Ngài có vô lượng tạng pháp trí tuệ để ban hết cho chúng sanh, nhưng vì chúng sanh không thọ được hết thôi. Tại sao không thọ được hết? Bởi vì mình còn dùng tâm lượng nhỏ hẹp của mình cho nên không thọ được hết, nếu mở rộng tâm mình thì sẽ thọ được hết. Do đó Phật phải dạy mình trước hết phải thấu suốt vô ngã, có quên được cái ngã tương nhỏ hẹp này, thì tâm mới mở rộng được để tiếp nhận cái sâu xa, nếu còn bao quanh trong cái ngã giới hạn này, thì tâm nhỏ hẹp không lãnh hội được hết chỗ sâu xa kia.

Như vậy ở trên Phật nói pháp ba thừa ra đó, đều là phương tiện không có pháp cố định, mà mình phải thấy cho tốt chỗ tâm Phật giác ngộ, đó mới là chỗ tốt.

CHÁNH VĂN:

Xá lợi Phát! Vì nhơn duyên đó nên phải biết các đức Như Lai dùng sức phương tiện ở nơi Phật thừa phân biệt nói thành ba.

GIẢNG:

Chỉ ở một Phật thừa thôi mà phân biệt nói thành ba, nói ba đó là tùy theo tâm và căn cơ của mỗi người.

Tâm mà chỉ mong cho mình mau thoát khổ để chứng Niết bàn, đó là tâm của Thanh văn.

Tâm thích ở riêng một mình, để thấy rõ lý nhân duyên của các pháp, mở sáng được trí tự nhiên đó là tâm của Duyên giác.

Còn tâm mong mỗi được trí Phật, để độ thoát chúng sanh không bỏ sót ai hết, đó là tâm của Bồ tát.

Như vậy, tùy theo tâm mà phân là Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, chứ không phải có pháp cố định. Bởi vậy Ngài Lâm Tế tùy theo người đến, có khi ngài đoạt người mà chẳng đoạt cảnh, trừ người không trừ cảnh, có khi đoạt cảnh chẳng đoạt người, lại có khi đoạt cả người và cảnh, có khi người và cảnh không đoạt, không trừ gì hết. Ở đây cũng vậy, Phật khi nói Tứ Đế, khi nói Nhân duyên, khi lại nói Lục độ, nói như vậy là tùy theo căn cơ thôi, mình phải thấy đến tột chỗ nguồn tâm chân thật của Phật đó, thấy được chỗ đó là thấy được chỗ gặp nhau, tức quên chỗ sai biệt. Cho nên cuối cùng Phật nói chỉ đồng một thể giác, cũng như Phật không khác. Mình mê là chúng sanh, giác là Phật, đâu có hai, ba, thứ lớp gì? Thấy được chỗ đó thì mới thấy được chỗ nhất thừa này. Đó là khiến cho mọi người tin nhận mà vượt lên, không có mắc kẹt, không có chết theo phương tiện thứ lớp của các Ngài, không có dẫm chân mãi trong dấu vết cũ đó. Nghe nói có thừa này, thừa kia rồi mắc kẹt theo các thừa đó, tức là mắc kẹt theo phương tiện, chữ ghĩa.

Trong nhà thiền có câu: "Cái thấy bằng thầy kém thầy nửa đức, cái thấy vượt thầy mới kham truyền trao".

Cái thấy mà vượt hơn Thầy là cái thấy sao? Đó là phải soi lại mình, mình sống dậy mà không kẹt nơi ông Thầy. Cái thấy mình còn nương ông Thầy, tức còn kẹt nơi ông Thầy, lệ thuộc nơi ông Thầy, tức còn bám theo dấu vết của ông Thầy. Còn đây mình nhân chỗ ông Thầy dạy đó, mình phải soi lại mình, từ chỗ mở sáng trí tuệ ngay chính mình đó, mình tự sống dậy, như vậy mới kham truyền trao được. Đó là chỗ mình làm cho Phật pháp sống động, nó truyền mãi không dứt.

Đó là phần hợp pháp trở lại về thí dụ nhà lửa ba xe. Tiếp theo Đức Phật muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

CHÁNH VĂN:

Thí như ông Trưởng giả.
 Có một nhà rất lớn
 Nhà đó đã lâu cũ
 Mà lại rất xấu xa
 Phòng nhà vừa cao nguy
 Góc cột lại gãy mục
 Trính xiêng đều xiêu vẹo
 Nền móng đã nát rã
 Vách phen đều sụp đổ
 Đất bùn rơi rớt xuống
 Tranh lợp sa tán loạn
 Kéo đòn tay rời khớp
 Bốn bề đều cong vạy
 Khắp đây những tạp nơ
 Có đến năm trăm người
 Ở đổ nơi trong đó.

GIẢNG:

Đây Phật nhắc lại, như có ông Trưởng giả là ông chủ nhà, mà chủ nhà đó là dụ cho Như Lai. Rồi nhà này là nhà đã lâu cũ, tức chỉ cho cái vô thường này là lẽ thật từ xưa đến giờ, chứ không phải mới có, không phải ai đặt ra. Phật ra đời Ngài giác ngộ, Ngài chỉ cho mình thôi, chứ không phải Ngài ra đời rồi mới có.

Ngài mới kể, phòng nhà vừa cao, gốc cột đó gãy mục, trính xiêng đều xiêu vẹo hết. Đó là dụ sự vô thường, không bền vững của ba cõi này, sự vô thường đó nó luôn luôn đeo đuổi tàn hại con người, dù cho vua chúa, tiên, hiền thánh gì ở trong đây cũng chịu chung lẽ đó hết cho nên gọi là:

*Tam giới vô an
Du như hỏa trạch.*

Giống như nhà lửa, chỗ này không phải chỗ mình ở lâu, chớ có đắm mê, phải nhớ sanh tử là việc lớn để luôn luôn tỉnh mà thoát ra. Nhà này vách phen đều sụp đổ, đất bunn rơi rớt xuống, là nói lên nó sụp đổ bất cứ lúc nào, nhưng mình không hay; sống trong đó không biết mình chết lúc nào, không tính trước được. Song cần nhất là phải nhận ra được ông chủ trong đó, Ngài Lâm Tế nói: "Ở trong cục thịt đỏ có một vị Chơn hơn không có ngôi thứ gì hết." Trong cục thịt đỏ tức trong thân mình đây, có một vị Chơn hơn là con người chân thật. "Con người đó thường ra vào ở ngay mặt các ông". Con người chân thật thường ra vào ngay trong mặt mình đây, mà mình

không hay không biết gì hết. Sao là nó thường ra vào trong mặt mình? Tức luôn luôn nó thấy, nó nghe đủ thứ hết, nó ra vào đó mà mình không nhận được con người chân thật này, mình lại nhận cái bị thấy, bị nghe thôi. Nó thấy cái gì, nó nghe cái gì, mình theo đó mà nhận cái sắc, cái tiếng, quên mất người chân thật nó nghe, nó thấy hết tất cả kia kìa. Ở đây nhắc mình khéo thấy con người chân thật đó, thì mình mới giải quyết được cái khổ trong nhà lửa này. Ở trong nhà lửa này đầy những tạp nhơ, có đến năm trăm người ở trong đó, là để chỉ cho chúng sanh sống đông đầy ở trong đó.

CHÁNH VĂN:

**Chim xi, hiêu diêu, thứu
 Quạ, chim thước, cưu, cáp
 Loài ngươn xà, phúc yết
 Giống ngô công, do diên
 Loài thủ cung, bá túc
 Dứu, ly, cùng hề thử.**

GIẢNG:

Quạ, chim thước, cưu, cáp: đó là những loài chim dâm nhiều, sát nhiều, độc hại.

Loài ngươn xà, phúc yết: là loài rắn độc, giống ngô công là rắn rít.

Do diên là cuốn chiếu.

Loài thủ cung và tá túc: là thạch sùng, rít.

Dứu, ly, cùng hề thử: là chồn, cáo, chuột.

CHÁNH VĂN:

**Các giống độc trùng dữ
Ngang dọc xen ruồi chạy**

GIẢNG:

Ở trên nói chim cú, chim cưu, chim cáp, chim hiêu, chim điêu là những con sát sinh, những con dâm dục, và những loài độc hại như rắn rít. Coi như nhân quả ác nghiệt đầy dẫy trong đó, lấy ba độc làm chủ trì trong cuộc sống này, tức là sống trong ba độc. Các giống độc đó nó cứ ngang dọc xen ruồi chạy, là nói mình để buông thả cho ba độc mặc tình nó phát ra, mà không tự kiểm chế được.

CHÁNH VĂN:

**Chỗ phân giải hôi thối
Đồ bất tịnh chảy tràn
Các loài trùng khương lương
Bu nhóm ở trên đó**

GIẢNG:

Nói lên trong đó nó thải ra những đồ như nhớp, thân bất tịnh, thân nam thân nữ cũng đều bất tịnh hết, nếu nói thật sự sạch thì không cần phải tắm, mấy tiệm xà phòng thơm cũng đẹp tiệm luôn, bởi sạch sẵn rồi, nhưng ở đây thì không phải vậy, phải cần những thứ đó, để cho nó bớt mùi dơ, mà do con mắt người phạm điên đảo, lấy cái dơ mà làm

sạch, rồi tham đấm giành giựt trong đó, đây mới nói là những loài trùng khương lương, nó bu nhóm trên đó, giành giựt để làm vui. Như ngoài đời nam bu nhóm theo nữ rồi nữ bu nhóm theo nam, rồi cấu xé, đấu đá giết nhau hại nhau trên các nhơ nhớp, vì sao lại như vậy? Vì cái tướng thô, không có gì khác, bởi do cái tướng lấy dơ làm sạch, rồi bu nhóm giành giựt trên cái thân dơ, có khi chết rồi mà cũng giành nữa, giành cái thân thối rữa.

Như con cháu trong nhà, cha mẹ chết rồi, giành giựt để chôn. Trong chùa cũng vậy, trong chùa Thầy chết thì đệ tử giành để nhập tháp ở chùa của tôi, nhưng cũng giành cái thân thối mà thô, mới thấy điên đảo nhiều là như vậy đó! Cho nên nói bu nhóm, rồi giành giựt trên đó.

CHÁNH VĂN:

Cáo, sói, cùng dã can
 Liếm nhai và dày đập
 Cấu xé những thân chết.
 Xương thịt bữa bãi ra
 Do đây mà bầy chó
 Đua nhau đến ngoạm lấy
 Ôm dúi và sợ sệt.
 Nơi nơi tìm món ăn
 Giành giựt cấu xé nhau
 Gầm gừ gào sủa rân

GIẢNG:

Đây nói lên sự giành giựt nhau thật đáng ghê sợ

trong tam giới này! Chó đua nhau ngoạm lấy, giành giật, gào sủa vang lên, để chỉ tình trạng đua chen ghê gớm, hết còn sáng suốt, say mê trong đó càng sâu nó lại càng hăng. Đó là muốn nhắc, để mình bớt lòng tham mà tỉnh lại, nếu còn đắm trong đó thì không còn sáng suốt nữa. Cho nên cứ lo đua tranh giành giật, đó là cái vô minh điên đảo, tưởng giành giật cái gì, chỉ là giành giật cái thân chết thôi.

CHÁNH VĂN:

**Nhà đó sự đáng sợ
Những biến trạng dường ấy.**

GIẢNG:

Những biến trạng đó nói lên cái gì? Cái này nó không phải thật gì chỉ là biến trạng thôi, tức là do vô minh bất giác hiện ra, chớ không phải thật.

Ở đây tất cả những chúng sanh này, ai cũng đều có đủ ông chủ là Như Lai chân thật đó mà mình không sáng suốt thấy được, mình bỏ quên. Chính bỏ quên, bất giác mới sanh tâm gì?

CHÁNH VĂN:

**Khắp chỗ đều có những
Quý, ly, my, vọng lượng**

GIẢNG:

Đó là sanh những tâm quý quái, ly mị, vọng

lượng rồi nó đưa mình đi vào chỗ tà động, ăn nuốt, giết hại lẫn nhau, càng dắm trong đó thì càng mê, mê càng nhiều thì càng hăng thêm nữa.

CHÁNH VĂN:

Quý dạ xoa quý dữ
Nuốt ăn cả thịt người
Các loài trùng độc dữ
Những cầm thú hung hăng
Ấp, cho bú sản sanh
Đều tự giấu gìn giữ
Quý dạ xoa đưa đến
Giành bắt mà ăn đó.

GIẢNG:

Đây là nói cái nhân quả nó xoay vần, nhân ác chước quả ác. Cho nên ở trong đó loài trùng độc dữ, những loài cầm thú hung ác, sanh con, ấp cho con bú giữ gìn, thì quý dạ xoa lại đến giành bắt ăn, nhân ác đưa đến quả ác, nó cứ lẫn quẩn trong đó mà không ra khỏi được.

Dạ xoa là tên tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là Tiệp tạt quý, lấy cái khổ mà làm sự sống, quên mất pháp thân chân thật của mình tự thưở nào, lo giành bắt ăn nuốt nhau.

CHÁNH VĂN:

Ăn đó no nê rồi
Lòng hung dữ thêm hăng.

GIẢNG:

Say mê ngũ dục đó rồi, ba độc càng lấy lòng, vô minh càng dày thêm nữa, cho nên gọi là lòng hung dữ thêm hăng.

CHÁNH VĂN:

**Tiếng chúng đánh cãi nhau
Thật rất đáng lo sợ**

GIẢNG:

Tiếp là đánh đá cãi cọ, thì hết còn biết sáng suốt gì. Trong khi đó ngay đây nhớ lại thì sao? Thì biết rằng “Như Lai đang đứng nhìn mình đó”, ông Trưởng giả đang đứng nhìn kêu ra nhưng mà không hay!!!

CHÁNH VĂN:

**Những quý cứu bàn trà
Ngồi xỏm trên đồng đất
Hoặc có lúc hồng đất
Một thước hay hai thước
Qua rồi lại dạo đi
Buông lung chơi cùng giỡn
Nắm hai chân của chó
Đánh cho la thất tỉnh
Khủng bố chó để vui.**

GIẢNG:

Cưu bàn trà là loài quỷ hút tinh khí người, ở đây dụ cho quỷ vô thường, nó sát hại rất đáng sợ, bởi vậy mà nó ngồi xồm trên đồng đất, qua lại dạo đi, là muốn nói lên cái gì? Đó muốn nói lên ở trong cõi dục giới, sắc giới và vô sắc giới, tức cả ba cõi đó đều không thoát khỏi con quỷ vô thường này. Nó qua lại khắp ba cõi, mặc tình mà khùng bố chúng sanh. Cho nên nói, ở trong đó dạo đi đùa giỡn nắm chân chó đánh la chơi.

CHÁNH VĂN:

**Lại có các giống quỷ
Thân nó rất cao lớn
Trần truồng thân đen xấu
Thường ở luôn trong đó.**

GIẢNG:

Đây nói nạ quỷ tướng đáng ghê sợ, vẫn ở luôn trong đó. Tức một khi vào trong này rồi khó mà ra được, nhất là sanh trong loài nạ quỷ rồi muốn ra khỏi, thời gian càng lâu nữa. Như câu chuyện Tổ Xà Đa Đa, một hôm đi khát thực đến một cửa thành, thấy có một con nạ quỷ con đứng thất thểu, thấy vậy Ngài hỏi:

- Sao người đứng đây thất thểu buồn vậy?

Con quỷ con đó nói:

- Tôi sanh ra mới mấy ngày, ở đây chờ mẹ vào trong thành kiếm món ăn ra, đứng chờ hoài lâu quá mà chưa thấy ra, xin Ngài có vào thành thì nhấn giùm.

Ngài Xà Dạ Đa đi vào thành gặp quý mẹ Ngài mới hỏi:

- Sao người ở đây lâu quá vậy, con người ở ngoài thành đang chờ người?

Thì nó mới nói rằng:

- Tôi vào trong đây để kiếm đồ ăn đem về cho con, nhưng kiếm hoài không gặp, do cái thân mới sanh nên sức yếu, cho nên có được cái gì thì bị những loài quỷ mạnh hơn nó giành giật hết rồi. Hôm nay có người bệnh khạc ra một ít đàm mới giật được, mà bây giờ còn chưa dám ra vì sợ mấy quỷ thần có năng lực, đang giữ cửa thành, họ không cho ra. Vậy xin Ngài giúp đưa ra giùm để gặp con cho nó ăn.

Quý vị thấy, sanh trong ngã quỷ là khổ rồi, mà ăn đâu phải đồ ăn như mình, chỉ ăn được máu, mủ, đồ dơ dư thừa thôi.

Khi đưa ra rồi Ngài mới hỏi tiếp:

- Bao giờ thì mới hết kiếp ngã quỷ như vậy?

Ngã quỷ đó nói:

- Thời gian bao lâu tôi không biết nữa, nhưng tôi sống đến nay thì thấy thành này nó thành nó hoại đã bảy lần rồi.

Vậy kiếp ngã quỷ nó dài bao nhiêu? Đó là chỉ cái khổ trong ngã quỷ, thuộc trong tam giới.

CHÁNH VĂN:

**Rên tiếng hung ác lớn
Kêu la tìm món ăn
Lại có các giống quỷ
Cổ nó nhỏ bằng kim
Lại có các giống quỷ**

Đầu nó như đầu trâu
Hoặc nó ăn thịt người
Hoặc lại ăn thịt chó
Đầu tóc rối tung lên
Rất ác lại hung hiểm
Bị đói khát bức ngặt
Kêu la vừa rong chạy
Dạ xoa cùng quý đói
Các chim muông ác độc
Đói gấp rảo bốn bề
Rình xem nơi cửa sổ
Các nạn dường thế đấy
Vô lượng việc ghê sợ

GIẢNG:

Cho thấy, một phen vô minh điên đảo rồi, thì quay cuồng trong sanh tử, tham sân, điên loạn, sát hại trong đó không còn biết đâu là bờ mé, không biết đâu là lối ra, lẫn quẩn để chịu khổ. Nếu không nhờ Như Lai kêu gọi đánh thức thì không biết bao giờ mới ra khỏi chốn này. Nhưng bây giờ Như Lai kêu gọi đánh thức như vậy đó mà còn không chịu ra nữa, cũng chưa chịu tỉnh giấc! Ở đây có câu này: "những loài chim ác độc đó, còn rình xem nơi cửa sổ nữa kìa". Cửa sổ đó là cửa sổ gì? Cửa sáu căn của mình đây, ngay nơi cửa sáu căn đủ mọi nguy hiểm trong đó, tức nguy hiểm đang rình ngoài cửa vừa phóng ra thì gặp liền! Cho nên người tu phải luôn tỉnh táo. Như mắt vừa phóng ra thấy sắc thì hoặc là sân hay tham, tức thấy đẹp thì tham, còn thấy xấu xí thì sân, là chim ác độc luôn rình xem ở ngoài cửa sổ đó. Bởi vậy Ngài Thạch Sư khi

xưa có một câu nói: "Vừa ra khỏi cửa liền là cỏ". Minh vừa phóng ra là gặp cỏ ngay thôi. Đó là nói lên, phải tu thật kỹ, để không lằm trong từng tâm niệm của mình. Nếu vừa thấy, tỉnh liền, khéo như vậy mình sống trở lại, thì ngay đó là chỗ vô sanh chứ không có gì khác. Đây nói các nạn đó ghê như vậy, rất là đáng sợ phải khéo để mà tỉnh trở lại.

CHÁNH VĂN:

Nhà cũ mục trên đó.
Thuộc ở nơi một người
Người ấy vừa mới ra
Thời gian chưa bao lâu
Rồi sau nhà cửa đó
Bỗng nhiên lửa cháy đỏ
Đồng một lúc bốn bề.
Ngọn lửa đều hừng hực
Rường cột và trính xiêng
Tiếng tách nổ vang động
Nát gãy rơi rớt xuống
Vách phên đều lở ngã
Các loại quỷ thần thấy
Đồng cất tiếng kêu to
Các giống chim diều, thú
Quỷ cứ bàn trà thấy
Kinh sợ chạy sáng sốt
Vẫn không tự ra đặng.

GIẢNG:

Ở đây lặp lại, nhà lửa cũ mục đó thuộc ở nơi

một người, người đó là người nào? Phải thấy được người đó, nếu thấy người đó thì làm chủ trong nhà này, còn như quên người đó thì lăn lộn mãi trong nhà lửa, chịu khổ trong sanh tử luân hồi thôi.

Người ấy vừa mới ra, thời gian chưa bao lâu, bỗng nhiên lửa cháy đỏ. Nhà đó thuộc một người, người đó chỉ cho Như Lai. Như Lai đó không phải là Thích Ca Như Lai mình thờ ở trên bàn, mà Như Lai đây là của mỗi người. Nhưng người đó vừa mới ra, tức là sao? Tức là chỉ cho Như Lai thoát ra nhà lửa ba cõi, không thuộc trong vô thường sanh diệt. Ra thời gian chưa bao lâu, bỗng nhiên lửa đó cháy đỏ, thấy được chỗ này, ngộ đạo liền! Ra chút xíu chưa bao lâu, chỉ một niệm bất giác thì đi vào trong vô thường sanh diệt, chỉ một niệm bất giác đó thì ba cõi đều hiện. Tuy ba cõi hiện sanh tử vô thường, nhưng sanh tử đó vốn không tự tánh, cho nên nói bỗng nhiên lửa cháy đỏ, “bỗng nhiên” vậy thôi chứ không có tánh thật, không có ngã thật trong đó để mà sanh tử. Chính vì vậy mình giác được thì sao? Nếu ngay đó giác được liền gặp Như Lai. Như vậy, tuy là nhà lửa vô thường sanh diệt nó triền miên, nhưng nếu mình giác trở lại, thì ngay đó thấy rõ Như Lai ngay trong sanh diệt, chứ không phải là bỏ cái này tìm ở đâu khác. Mình không phải trừ bỏ nhà lửa này hay đẹp đi đâu để được giải thoát. Chỉ ngay trong nhà lửa này, giác là nhảy vào giải thoát.

Tóm lại, chỉ do một niệm bất giác quên tự tánh chân thật của mình thì ba cõi hiện rồi đi vào sanh tử vô thường, nếu giác trở lại, ngay đó liền giải thoát vậy thôi, chứ không nói gốc gác gì hết.

Đây nói nhà lửa cháy lên, rường cột trính xiêng rơi rớt xuống, các quỷ thần trong đó đều đồng cất tiếng

kêu to lên, kêu cái gì? Ý nói nó đánh thức để cho mình thấy vô thường đang hiện bày rõ ràng khắp mọi nơi, mọi lúc. Nhưng mình vì vô minh quá sâu dày nên cũng chưa tỉnh nổi. Rồi trong đó như là chim điêu, chim thúu, quý cứu bàn trà kinh sợ chạy sáng sốt, cũng không ra khỏi nhà lửa, tức là chạy tới chạy lui cũng chỉ lẩn quẩn trong nhà lửa đó thôi.

CHÁNH VĂN:

**Thú dữ loài trùng độc
Chui núp trong lỗ hang
Các quý Tỳ xá xá
Cũng ở trong hang đó
Vì phước đức kém vậy
Bị lửa đến đốt bức
Uống máu ăn thịt nhau.**

GIẢNG:

Mình lẩn quẩn rồi cũng ở trong ba cõi này, khi thân chết thì sao? Khi mình chết thì phiền não tam độc này nó tàng ẩn trở lại trong cái nghiệp thức là tàng thức đó, rồi nó dẫn đi thọ sanh. Thọ sanh qua thân sau thì sao? Sanh ra, lớn lên gặp duyên nó khởi động ba độc nổi dậy, rồi chịu khổ, rồi tạo nghiệp và rồi đi đâu? Cũng lẩn quẩn trong đó không ra được. Nên những thú dữ trùng độc là chỉ cho ba độc phiền não nó chui núp trong hang thôi, chớ không mất đi đâu hết. Các quý Tỳ xá xá ở trong hang đó thôi. Quý Tỳ xá xá chỉ cho loại quý làm náo hại người, vì phước nó kém, bị lửa đốt bức, rồi nó lại tàn hại lẫn

nhau, uống máu, ăn thịt nhau. Là muốn chỉ mình sống mà không có tu phước, cho nên phước đức kém, khi chết phải chịu ở trong hang tối tăm u minh để chịu khổ. Nghĩa là thân này nó chết, nhưng trong chỗ tối tăm u minh, thì nghiệp thức nó vẫn tìm nhau để báo đáp. Cho nên bây giờ mình làm khổ ai đó, khi chết rồi qua đời sau thì không còn nhớ được, nhưng mà trong cái chỗ thâm thâm đó, nó cũng tìm đến mà nó đòi. Như trong đời sống hiện tại mình không làm ác, làm hại ai, nhưng lâu lâu cũng gặp chuyện khổ, những chuyện nghịch cảnh đưa đến. Chính là những cái đã tạo từ trước đó, bây giờ quên đâu có nhớ, nhưng nó cũng vẫn tìm tới chớ không phải không nhớ mà nó mất. Cho nên ở đây nói rằng, cũng ở trong hang đó thôi, trong đó lửa nó đốt bức tàn hại lẫn nhau, uống máu ăn thịt nhau, nó tìm đến nhau đòi để đáp lại không mất.

CHÁNH VĂN:

**Những loại thú dã can
 Thời đều đã chết trước
 Các giống thú dữ lớn
 Giành đua đến ăn nuốt
 Khói tanh bay phùn phụt
 Phủ khắp bít bốn bề
 Loài ngô công, do diên
 Cùng với rắn hung độc
 Bị lửa lòn đốt cháy
 Tranh nhau chạy khỏi hang
 Quý bàn trà rình chờ
 Liền bắt lấy mà ăn.**

GIẢNG

Thấy khổ liên tục không? Dã can chết trước thì thú dữ lớn giành lấy ăn nuốt lửa khói bay phùn phụt. Rồi loài ngô công, loài rắn độc, tranh nhau chạy khỏi hang, nhưng bên ngoài quỹ bàn trà rình chờ bắt ăn, khổ gặp khổ thôi. Đây nói lên cái ý: thú dã can chết trước chỉ cho ba độc thô, thì tạm dừng, nhưng cái ba độc căn bản, gốc ba độc nó lại khởi, cho nên dã can chết trước thì thú dữ lớn giành nó ăn. Tức những cái tham sân si thô thì tạm dừng đi, nhưng tham sân si sâu dầy trong này nó vẫn nổi dậy, rồi cũng dồn đến, nó bức ép mình. Bởi vậy còn trong vòng nhà lửa ba cõi này thì vẫn còn khổ liên miên không dứt. Nếu tạo ba nghiệp nặng thì sanh vào địa ngục, ra khỏi địa ngục thì sanh vào ngạ quỷ, súc sanh. Cũng vẫn chịu khổ thôi. Nếu hết ngạ quỷ súc sanh lên làm người cũng chịu khổ trong cõi người, lẫn quần vẫn bị quỷ vô thường nó theo đuổi nó bắt. Nên chạy ra khỏi hang thì bị quỷ bàn trà nó rình chờ sẵn đó, tức là vô thường nó luôn luôn chực sẵn bên, làm gì cũng không thoát khỏi vô thường.

Ở đây, không phải nói theo cái khổ thường của thế gian là thiếu ăn, thiếu mặc, mà khổ đây là chỉ cho cái khổ vô thường, còn sống trong vô thường là còn chịu khổ. Bởi tất cả những cái khổ cũng từ vô thường mà ra

CHÁNH VĂN:

**Lại có các ngạ quỷ
Trên đầu lửa rực cháy
Đói khát rất nóng khổ
Sảng sốt chạy quàng lên**

**Nhà lửa đó dường ấy
Rất đáng nên ghê sợ
Độc hại cùng tai lửa
Các nạn chẳng phải một**

GIẢNG:

Đây nói thêm những loài nga quỷ, lửa cháy phục trên đầu, nơi mình thì đói khát khổ sở. Nhà lửa đó có nhiều thứ đáng ghê sợ dường thế đó. Bởi vậy, không phải là một loài quỷ mà có rất nhiều, nên Phật nói đây không phải chỗ dừng ở lâu, nhưng mình thì mền tiếc. Tu mà bảo tu giải thoát ít có chịu. Tu để đời sau sanh ra được hưởng phước thì chịu, tức là sao? Tức là còn mền trong này chưa chịu ra. Cho nên Phật, Bồ tát luôn luôn nhắc nhở đánh thức hoài. Sau đây nói lên người chủ nhà.

CHÁNH VĂN:

**Lúc bấy giờ chủ nhà
Đứng ở nơi ngoài cửa
Nghe có người mách rằng:
Các người con của ông
Trước đây vì đạo chơi
Mà đến vào nhà này
Thơ bé không hiểu biết
Chỉ vui ham ưa đắm.**

GIẢNG:

Nghĩa là ông chủ nhà đó ra rồi đứng nơi ngoài

cửa chỉ cho Như Lai thoát ra ba cõi đó. Nghĩa là Như Lai không còn chịu vô thường chi phối.

Nhưng Như Lai ra đứng ngoài cửa nghe có người mách rằng: các người con của ông trước đây vì dạo chơi mới đến nhà này, thì ai mách? Thấy được người mách này thì hay lắm? Người mách đó chính là lòng đại bi thúc đẩy, nhắc nhở, mà không bỏ chúng sanh. Nhắc là mấy người con của ông còn vui trong này, chứ không phải ra rồi hưởng vui một mình, mà còn phải nhớ đến để vào đây đánh thức và cứu giúp chúng, cho nên:

CHÁNH VĂN:

Trưởng giả vừa nghe xong
 Kinh sợ vào nhà lửa
 Tìm phương nghi cứu tế
 Cho con khỏi thiêu hại
 Mà đụ bảo các con
 Nói rõ các hoạn nạn
 Nào ác quỷ độc trùng
 Hoả tai lan tràn cháy
 Các sự khổ thứ lớp
 Nói luôn không hề dứt
 Loài độc xà, ngươn phúc
 Và các quỷ dạ xoa
 Cùng quỷ cứu bàn trà
 Những dã can, chồn, chó
 Chim điêu, thú, xi, hiêu
 Lại giống bá túc thủy
 Đều đói khát khổ gấp
 Rất đáng phải ghê sợ

**Chỗ khổ nạn như thế
Huống lại là lửa lớn.
Các con nhỏ không hiểu
Dẫu có nghe cha dạy
Cứ vẫn còn ham ưa
Vui chơi mãi không thôi.**

GIẢNG:

Trưởng giả nghe nói mới giật mình, mà vào lại trong nhà lửa để tìm phương cứu tế. Đó là nói lên, Như Lai không còn bị chi phối trong sanh tử nữa, nhưng mà Ngài phương tiện mới vào trong sanh tử. Đây cũng là ý ngầm nhắc mình, chớ lầm ba mươi hai tướng tốt đó mà cho là Như Lai. Ba mươi hai tướng tốt Phật hiện ra, cũng là phương tiện để vào đây đánh thức mình, mà phải thấy “Như Lai là cái bất sanh bất diệt kia!” Còn nếu nhận Như Lai là ba mươi hai tướng đó, thì bây giờ tìm Như Lai ở đâu? Ba mươi hai tướng đó cũng nhập Niết bàn rồi.

Cho nên Tổ Lâm Tế có lần Ngài nói rất là mạnh: “Phật là thân huyễn hoá. Tổ là ông Tỳ kheo già”. Mà quý vị thấy phải vậy không? Nếu mình nhìn Phật là ông già sanh ở Ấn Độ, đến tám mươi tuổi nhập Niết bàn, thì Phật đó rõ ràng là tướng huyễn hoá rồi. Nếu nhìn Tổ là ông Sa môn Ấn Độ, có râu, là không phải Tỳ Kheo già sao? Thấy Tổ là phải thấy cái gì kia. Đó là muốn nhấn mạnh, mình phải thấy được tâm chân thật Như Lai, như Kinh Kim Cang nói: “Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai” nghĩa là nếu thấy các tướng chẳng phải tướng thì đó mới là thấy Như Lai. Còn thấy tướng mà bám vào tướng thì

đó không phải là thấy Như Lai. Cho nên ở đây muốn nhắc mình là phải thấy như vậy, thì Như Lai đó mới vào trong này đánh thức mình được. Trong đây nào là quỷ, dã can, chồn, chó, bá tước, đều là đói khát, khổ gấp, đây là câu nhắc mình nó là chỗ đáng ghê sợ, chứ không phải chỗ dừng lâu trong đó cũng không nên mê đắm; vậy mà mình vẫn còn đam mê trong ngũ dục chưa có chệu tỉnh.

Cho nên các con nhỏ không hiểu, dầu có nghe cha dạy đó mà cũng còn ham ưa, vui chơi mãi không thôi.

CHÁNH VĂN:

**Bấy giờ trưởng giả kia
Mới bèn nghĩ thế này:**

Ở trên các con vẫn vui chơi trong nhà lửa mà không chịu ra, bởi vậy mà ở đây ông trưởng giả nghĩ:

**Các con như thế đó
Làm ta thêm sầu não
Nay trong nhà lửa này
Không một việc đáng vui
Mà các con ngây dại
Vẫn ham mê vui chơi
Chẳng chịu nghe lời ta
Toan sẽ bị lửa hại
Ông bèn lại suy nghĩ
Nên bày các phương tiện
Bảo với các con rằng:**

GIẢNG:

Bây giờ các người con ham chơi, ông bèn nghĩ phương tiện mà bảo ra ta cho đồ chơi. Cũng giống như mình vậy, đang vui trong này cho đó là vui, mà bây giờ bảo ra được giải thoát, thì giải thoát có cái gì vui hơn cái này không? Nói giải thoát khơi khơi không được! Bỏ cái vui này cần có cái vui khác thay thế thì mới chịu.

**Cha có rất nhiều thứ
 Các đồ chơi trân kỳ
 Những xe báu tốt đẹp
 Nào xe dê, xe hươu
 Cùng với xe trâu lớn
 Hiện để ở ngoài cửa
 Các con mau ra đây
 Cha chính vì các con
 Mà sắm những xe này
 Tùy ý các con thích
 Có thể để dạo chơi**

GIẢNG:

Đây là đem những quả vị này, quả vị kia để mà dụ. Ví dụ như quả vị Thanh văn, tu lên kiến đạo chứng Tu đà hoàn, hay hay chút nữa chứng Tư đà hàm, lên lên chút nữa chứng A na hàm, hay chút nữa chứng A la hán. Rồi lên chút nữa chứng Duyên giác, Bồ tát. Nhưng rốt cuộc Phật nói sao? Rốt cuộc tới Phật thừa mới xong. Thay vì như vậy, ban đầu nói, ông tu gì thì tu tới Phật thừa là xong thì chịu không? Cho nên nói chứng này chứng kia mới chịu.

CHÁNH VĂN:

**Các con nghe cha nói
Các thứ xe như vậy
Tức thời cùng giành đua
Rảo chạy ra khỏi nhà
Đến nơi khoảng đất trống
Rời những sự khổ nạn.**

GIẢNG:

Như vậy nói lên cái tâm có được có mất, còn kẹt trong đây kia, nhưng mà nói đến những quả vị đó để theo đó mà vượt ra, chạy ra cũng còn được đi, còn có những cái tệ hơn là sao? Có khi đua nhau chứng cao, chứng thấp! Cái đó mới là cái nguy! Tức là tôi chứng cao, anh chứng thấp, hoặc mình tu sao lâu quá còn anh kia mới tu mà chứng hơn mình, sao đây? Rồi sanh tâm ganh ghét, tìm cách nói xấu này kia thành xa với đạo. Mình phải biết để dừng tâm niệm hẹp hòi xấu dở, chướng đạo đó.

Ở đây khi chạy ra khỏi nhà lửa rồi đến nơi khoảng đất trống thì rời hết các khổ nạn, được an ổn.

CHÁNH VĂN:

**Trưởng giả thấy các con
Được ra khỏi nhà lửa
Ở nơi ngã tư đường
Đều ngò toà sư tử
Ông bèn tự mừng rằng**

**Ta nay rất vui mừng
Những đứa con ta đây
Đẻ nuôi rất khó lắm
Chúng nhỏ dại không hiểu
Mới lằm vào nhà hiểm**

GIẢNG:

Nó nhỏ nó không hiểu mới lằm vào trong đây, chỗ này quý vị xét cho kỹ thấy cái lằm này thì xong. Mà cái lằm này là cái lằm gì? Đó là bất giác. Bất giác cái chân thật mới khởi sanh ra ba cõi. Cho nên thấy được niệm bất giác này, là mình sống trở về thôi, biết lằm thì hết lằm. Bởi lằm vào nhà lửa rồi, sau mới có nhiều loài trùng độc.

CHÁNH VĂN:

**Quý lý my đáng sợ
Lửa lớn cháy hừng hực
Bốn phía đều phực lên
Mà các trẻ con này
Lại ham ưa vui chơi
Nay ta đã cứu chúng
Khiến đều dạng thoát nạn**

Đến đây ông trưởng giả thấy mình đã cứu chúng thoát nạn rồi.

**Vì thế các người ơi
Ta nay rất vui mừng**

GIẢNG:

Có ai nghe thấy được tiếng kêu này chưa? Nghe được thì hay lắm! Đây là tiếng kêu nhiệm mầu của Như Lai! Nghe được tiếng kêu này, quý vị sẽ có niềm vui. Ai mà nghe được tiếng kêu này thì cười mãi thôi.

CHÁNH VĂN:

**Khi ấy các người con
Biết cha đã ngồi an
Đều đến bên chỗ cha
Mà thưa cùng cha rằng
Xin cha cho chúng con
Ba thứ xe báu lạ
Như vừa rồi cha hứa
Các con mau ra đây
Sẽ cho ba thứ xe
Tuỳ ý các con muốn
Bây giờ chính phải lúc
Xin cha thương cấp cho**

Ra rồi bây giờ đòi xe, đó nói lên còn muốn có cái được chưa quên cái được, chớ đáng lẽ ra rồi, thoải mái tự do rồi, còn đòi xe chi nữa.

**Trưởng giả giàu có lớn
Kho dựng rất nhiều đây
Vàng bạc cùng lưu ly
Xa cừ ngọc mã nã
Dùng những món vật báu
Tạo thành các xe lớn**

Chưng dọn trang nghiêm đẹp
Khắp vòng có bao lơ
Bốn mặt đều treo linh
Dây vàng xen thất tụi
Lưới màn kết chơn châu
Giăng bày phủ phía trên
Hoa vàng các chuỗi ngọc
Lòng thông rủ khắp chỗ
Các màu trang sức đẹp
Khắp vòng xoay quanh xe
Dùng nhiều hàng mềm mại
Để làm nệm lót ngồi
Vải quý mịn rất tốt
Giá trị đến nghìn muôn
Bóng láng trắng sạch sẽ
Dùng trải trùm trên nệm.

GIẢNG:

Quý vị nghe thích không? Ông trưởng già này của giàu như vậy đó, tức là ở trong tự tánh Như lai đó đây đủ diệu dụng không thể nghĩ bàn. Không phải mình tu hành đến chỗ cuối đó rồi, thì coi như không còn gì hết. Nói đây để cho mọi người không sợ, nghe nói tu đến rốt ráo rồi nhập Niết bàn, không biết ra sao. Hoặc mình tu hết vọng tưởng rồi còn biết gì nữa không? Ở đây khi hết vọng tưởng lăng xăng sanh diệt này rồi, thì trong đó đầy đủ diệu dụng không thể nghĩ bàn. Tới đó cái biết còn lạnh lợi hơn nhiều. Chính cái biết vọng tưởng này thôi mà mình nghĩ không tới nổi nó chế ra phi thuyền, vi tính, v..v.. Bây giờ những vọng tưởng đó dừng lại, thì những diệu dụng nó còn siêu đến

thế nào nữa. Ngài Úc Sơn Chủ khi ngộ đạo có bài kệ:

*Ngã hữu minh châu nhứt lỏa
Cửu bị trần lao quan tỏa
Kim triều trần tận quang sanh
Chiếu phá sơn hà vạn đoá.*

Tức là:

“Ta có một viên minh châu”, là viên ngọc sáng tỏ đó, “lâu bị bụi đời vùi sâu”, là hạt minh châu đó từ lâu bị bụi trần lao này nó vùi lấp, “sáng nay bụi hết sáng tỏ”, tức là tỏ ngộ, thì nó “soi phá núi sông vạn đoá”. Khi hết lớp bụi rồi, ánh sáng soi khắp hết cả, chứ không phải tới đó rồi không còn gì hết. Cho nên đừng sợ hết vọng tưởng rồi không biết gì, chỉ sợ là nó không hết thôi, nó không dừng được. Vì thế ở đây mới nói là, ông Trưởng giả đó của giàu có như vậy.

CHÁNH VĂN:

**Có trâu trắng to lớn
Mập khoẻ nhiều sức mạnh
Thân hình rất tươi tốt
Để kéo xe báu đó
Đông những tôi và tớ
Mà chục hầu giữ gìn
Dem xe đẹp như thế
Đông ban cho các con
Các con lúc bấy giờ
Rất vui mừng hơn hở
Ngồi trên xe báu đó**

**Dạo đi khắp bốn phương
Vui chơi nhiều khoái lạc
Tự tại không ngăn ngại**

GIẢNG:

Ở trước hứa cho ba xe, đến đây cho một xe thôi, một xe trâu lớn, đó là nói lên cuối cùng đồng một tri kiến Phật, từ cái này nó phát khởi những điều dụng không lường, không từng thiếu thốn gì hết. Cho nên quên cả niệm nghèo giàu luôn. Lúc kia ở trong nhà lửa chạy ra còn thấy thiếu thốn nên mới còn cầu còn xin. Đây thấy rõ mình ngồi trong xe báu rồi, còn nghèo giàu gì nữa, quên hết thời lang thang làm khách phong trần, vui chơi tự tại không ngăn ngại.

Nói Trưởng giả cho xe lớn cũng là thí dụ, chứ không phải cho là được, quên cái niệm được mất, niệm cha con thì mới tự tại dạo chơi khắp nơi.

CHÁNH VĂN:

**Bảo Xá Lợi Phất này
Đức Phật cũng như vậy
Tôn cả trong hàng thánh
Cha lành của trong đời
Tất cả các chúng sanh
Đều là con của ta.**

GIẢNG:

Nói Đức Phật là bậc tôn quý trong hàng Thánh, là cha lành trong tất cả thế gian, mà tất cả chúng sanh

đều là con Phật hết. Nghĩa là, tất cả chúng sanh ai ai cũng đều có phần giác ngộ đó, tức đều có phần Như Lai đó hết. Nhưng ở đây còn nói có cha, có con, còn nói có phàm, có thánh, là nói với người còn trong mê mà thôi. Chứ khi giác rồi thì thấy rõ, ai cũng đều có phần, ngay mình cũng tự có phần đó rồi.

CHÁNH VĂN:

**Say mê theo thế lạc
Không có chút huệ tâm
Ba cõi hiểm không an
Dường như nhà lửa cháy**

GIẢNG:

Hai câu sau nguyên âm là:

*Tam giới vô an
Du như hoả trạch*

Tức là: Ba cõi này là chỗ hiểm nguy không an ổn gì hết, nó giống như nhà lửa, không phải là chỗ để mình ở lâu.

CHÁNH VĂN:

**Các nạn khổ dẫy dầy
Rất đáng nên ghê sợ
Bệnh, chết và sầu lo
Các thứ lửa như thế
Cháy hừng chẳng tắt dứt.**

GIẢNG:

Ở trong nhà lửa này sanh, già, bệnh, chết luôn luôn sẵn đó, lửa cháy hừng không tắt dứt. Chỗ này là một ý nữa, nó cháy hừng mà không tắt dứt là sao? Lửa cháy đó là nói lên sự vô thường, mà nó cháy mãi không tắt dứt, tức vô thường là lý hằng thường, không phải là cái mới có, mà nó hằng như vậy từ xưa tới nay rồi.

CHÁNH VĂN:

Đức Như Lai đã là
 Nhà lửa ba cõi đó
 Vắng lặng ở thong thả
 An ổn trong rừng nội
 Hiện nay ba cõi này
 Đều là con của ta
 Những chúng sanh trong đó
 Cũng là con của ta
 Mà nay trong ba cõi
 Có nhiều thứ hoạn nạn
 Chỉ riêng một mình ta
 Có thể cứu hộ chúng
 Dầu lại đã dạy bảo
 Mà vẫn không tin nhận
 Vì nơi các dục nhiễm
 Rất sanh lòng tham mê
 Vì chúng nói ba thừa
 Khiến cho các chúng sanh
 Rõ ba cõi là khổ

Mở bày cùng diễn nói
 Những đạo pháp xuất thế
 Các người con đó thầy
 Nếu nơi tâm quyết định
 Đây đủ ba món mình
 Và sáu món thân thông
 Có người được Duyên giác
 Hoặc bất thối Bồ tát
 Xá Lợi Phát phải biết
 Ta vì các chúng sanh
 Dùng món thí dụ này
 Để nói một Phật thừa
 Các ông nếu có thể
 Tin nhận lời nói đây
 Tất cả người đều sẽ
 Chứng thành quả Phật đạo.

GIẢNG:

Trên nói rằng trong nhà lửa ba cõi, Như Lai đã ra khỏi nên được an ổn, trong ba cõi đó đều là của ta hết, chúng sanh trong đó cũng là con của Như lai. Trong đó bao nhiêu những thứ hoạn nạn, chỉ riêng một mình ta có thể cứu hộ chúng. Tức là trong mọi cái hoạn nạn khổ này, thì ngoài Như Lai ra không có một cái gì khác mà có thể cứu khổ được. Cho dù mình có tu pháp gì, mà chưa nhận rõ được tự tánh Như lai bất diệt này, thì chưa đến chỗ rốt ráo viên mãn được, cho nên ở đây xác định rõ, chỉ mình ta cứu hộ chúng thôi.

Tin được cái này, là cái nhân chân thật để tu hành. Vì Như Lai là bất sanh bất diệt mà mình lấy cái

nhân này để tu, thì sẽ được quả bất sanh bất diệt, không còn phải nghi ngờ gì nữa. Còn lấy nhân sanh diệt để tu mà muốn được quả bất sanh bất diệt thì hơi khó. Bây giờ nếu chưa thấy, chưa ngộ được, nhưng biết tin có cái đó, tức là đã có cái nhân, có hạt giống, đến khi đủ duyên thì hiện ra.

Cho nên Phật vì thương chúng sanh mà nói ba thừa thôi, nhưng cuối cùng chỉ quy về một Phật thừa. Ở đây ngài nói, nếu mọi người tin nhận được lời nói trên, thì tất cả đều chứng thành Phật đạo. Tức là tin chắc mình có hạt giống Phật thì sẽ thành Phật.

CHÁNH VĂN:

**Phật thừa đây vi diệu
Rất thanh tịnh thứ nhất
Ở trong các thế giới
Không còn pháp nào trên**

GIẢNG:

Phật xác định rõ, trên thế gian không có pháp nào hơn pháp này. Cho nên nếu mình còn thấy có đây kia sai biệt là chưa đến chỗ chân thật này, dù cho người có lý luận hay cách mấy đi nữa thì cũng là lý luận thôi, mà phải thấy đến chỗ này mới là chỗ chân thật. Bởi vậy các Tổ thường nói là:

- Nếu có pháp nào vượt hơn pháp này, thì ta cũng nói như mộng, như huyền thôi.

Bởi vì sao? Vì thật thì đâu có hai cái thật, nếu có thêm cái thật nữa thì cũng như mộng như huyền thôi. Rõ ràng như vậy.

CHÁNH VĂN:

**Của các Phật vui ưa
Tất cả hàng chúng sanh
Đều phải nên khen ngợi
Và cúng dường lễ bái.**

GIẢNG:

Ngài nhấn mạnh lại, mình phải khen ngợi cúng dường lễ bái, tức phải tin nhận thuận theo chớ có trái.

CHÁNH VĂN:

**Đủ vô lượng nghìn ức
Các trí lực giải thoát
Thiên định và trí tuệ
Cùng pháp khác của Phật
Chứng dựng thừa như thế
Khắp cho các con cháu
Ngày đêm cùng kiếp số
Thường dựng ngôi đạo chơi**

GIẢNG:

Đây là khen ngợi chỗ chân thật này, trong đây đủ những diệu dụng, nên nói: Thiên định, trí lực, giải thoát đầy đủ trong đó, đều muốn cho hết các con. Ngày đêm cùng kiếp số, thường đạo chơi trên đó. Sống được chỗ này rồi mới thấy cái chân thật luôn luôn hiện tiền, trong nhà thiền gọi là: "Trâu trắng sờ sờ" lúc này đuổi không đi. Còn bây giờ mình lo giữ kỹ mà nó vẫn chạy,

vì mình còn sống trong tâm vọng tưởng, còn nếu sống trong này rồi thì nó vượt ngoài thời gian, lúc nào cũng ngồi đạo chơi trên đó.

CHÁNH VĂN:

**Cho các hàng Bồ tát
Cùng với chúng Thanh văn
Nương nơi thừa báu này
Mà thẳng đến đạo tràng**

GIẢNG:

Nói nương nơi thừa này mà thẳng đến đạo tràng, tức là đến chỗ tự chứng tự ngộ, không còn nghi ngờ.

CHÁNH VĂN:

**Vì bởi nhân duyên đó
Tìm kỹ khắp mười phương
Lại không thừa nào khác
Trừ Phật dùng phương tiện**

GIẢNG:

Phật nói thừa này, hay thừa kia chưa phải là chân thật, mà chỉ có nhất thừa là chỗ chân thật thôi.

CHÁNH VĂN:

**Bảo với Xá Lợi Phất!
Bọn ông các người thầy**

Đều là con của ta
 Ta thời là cha lành
 Các ông trải nhiều kiếp
 Bị các sự khổ đốt
 Ta đều đã cứu vớt
 Cho ra khỏi ba cõi
 Ta dầu ngày trước nói
 Các ông được diệt độ
 Nhưng chỉ hết sanh tử
 Mà thiệt thời chẳng diệt
 Nay việc nên phải làm
 Chỉ có trí huệ Phật.

GIẢNG:

Ở trước nói ông được diệt độ đó, nhưng chỉ hết sanh tử, chứ chưa phải thật diệt, phải đến chỗ trí huệ Phật mới thật diệt. Hết sanh tử mà chưa phải thật diệt là sao? Thấy chỗ này quý vị mới thấy rõ giáo lý ban đầu, với giáo lý phát triển. Cái kia nói tu đến cuối cùng thì hết sanh tử nhập Niết bàn vậy thôi, mà hết sanh tử nhập Niết bàn thì cái gì hết sanh tử, nhưng chưa nói đến cái đó, cho nên có người sẽ nghi. Nếu đem tâm phàm của mình để mà suy, mà hiểu, thì hết sanh tử, cái gì đó hết cũng là cái ngã phải không? Còn thấy có cái gì đó để hết cũng là cái ngã, nhưng mà hết sanh tử rồi thì tu cuối cùng ra sao? Tức còn nhiều chỗ thắc mắc chưa giải đáp được. Cho nên ở đây phải nói đến chỗ "Nay việc nên phải làm" là "Chỉ có trí huệ Phật", mở sáng cái Tri kiến Phật, cái bất sanh bất diệt này, chính sống cái đó thì sanh tử làm sao đến, vì vậy hết sanh tử là sống cái chân thật thôi. Nhưng cái này phải là qua

cái kia rồi, thì mới nói được cái này. Lúc đầu Phật chưa nói, nếu nói thì sợ người ta dùng tâm phàm phu này hiểu thì sẽ lầm. Nói cái này là cái chân thật của mình, nó cũng sẵn ở trong thân này, rồi có khi mình lầm với cái ngã thuộc thân ngã của ngoại đạo. Bởi vì ngoại đạo bên Ấn Độ nói: "Trong thân sanh diệt này cũng có thần ngã, thần ngã đó là bất sanh bất diệt, vì có thần ngã đó cho nên làm cho mình cử động, nháy mắt, nói năng", vậy làm sao phân biệt được? Cho nên ở đây ban đầu Phật chưa nói, khi mình dùng được những phiền não sanh diệt này, qua được cái này rồi thì mới nói đến tri kiến Phật, người ta nhận không lầm.

CHÁNH VĂN:

**Nếu có Bồ tát nào
Ở trong hàng chúng này
Có thể một lòng nghe
Pháp thật của các Phật
Các đức Phật Thế Tôn
Dầu dùng chước phương tiện
Mà chúng sanh được độ
Đều là Bồ tát cả**

GIẢNG:

Ở đây Phật nói, nếu ở trong chúng ai mà một lòng nghe, chú ý pháp chân thật này, thì dù nghe các phương tiện cũng đều là Bồ tát. Nghĩa là nghe được ý nghĩa này, thấu được lý thật này, thì dù chỉ là những phương tiện nói ra, mà mình không kẹt trên phương tiện, nên cùng là Bồ tát. Cũng như bây giờ đây, mình

nghe Phật nói phải dứt sanh tử, lìa khổ, liền hiểu là để muốn cho mình sống trở về với cái thật, chứ không phải nói dứt lìa sanh tử đó, là lấy cái này mà bỏ cái kia, biết đó là phương tiện, cùng đưa mình tiến tới chỗ giác ngộ.

CHÁNH VĂN:

**Nếu có người trí nhỏ
Quá mê nơi ái dục
Phật bèn vì bọn này
Mà nói lý khổ đế.**

GIẢNG:

Đây là Phật phương tiện, người trí nhỏ, mê nơi ái dục này, Phật mới vì họ mà nói khổ đế, để cho bớt tham đắm.

**Chúng sanh nghe lòng mừng
Đặng đều chưa từng có.**

Họ nghe, đúng theo chỗ mong muốn của mình, nên vui thích để nhận.

CHÁNH VĂN:

**Đức Phật nói khổ đế.
Chơn thật không sai khác
Nếu lại có chúng sanh
Không rõ biết gốc khổ
Quá say nơi khổ nhưn**

Chẳng tạm rời bỏ được
Phật vì hạng người này
Dùng phương tiện nói dạy
Nguyên như có các khổ
Tham dục là cội gốc

GIẢNG:

Nói khổ đế là lẽ thật rồi, mà gốc khổ đó là gì? Phật nói gốc khổ đó là tham dục, là nói gọn còn nói đủ thì gồm có phiền não, tham, sân, si, mạn, nghi... Nhưng tham dục là căn bản. Tức là tham ái, chấp ngã, chính tham ái này là gốc sanh tử luân hồi, đó gọi là tập đế là cái nhân đưa đến các khổ. Bởi luyến ái cái ngã này và cộng thêm ngã sở, tức cái ta và của ta mà nó dẫn đi trong sanh tử luân hồi, bỏ cái này kiếm cái khác không thôi. Trong sử có ghi câu chuyện:

Ngài Đặng Ân Phong đem đi thiêu một ông tăng có một hôm Ngài thấy ông Tăng hiện về đòi:

- Hãy trả mạng cho ta!

Ngài mới bảo:

- Ông chết hay chưa?

Ông Tăng đó nói:

- Đã chết rồi.

Thì Ngài bảo:

- Ông đã chết rồi, vậy còn ai đòi mạng đó?

Ngay đó ông Tăng biến mất luôn.

Câu chuyện trên quý vị thấy ý nghĩa gì? Đã chết rồi còn đến đòi mạng thì là ai? Chính vì tham ái cái thân này, bám chắc nó nên chết rồi mà cũng còn nghĩ thân này, đến đòi. Nếu ngay khi đòi trả mạng cho ta, thì ai kêu đòi đó? Có chết đâu mà đòi?

Nhận ra chỗ này thì đi tự do tự tại không vướng sao, mà còn đòi chui vào cái này nữa? Bởi vì lúc đó thân này đâu còn nữa, trong đó đi ở rất là tự tại có thể xuyên qua tường, qua vách một cách dễ dàng. Ở đây không nhớ cái ấy mà chỉ nhớ đi đòi cái thân này thôi, là muốn vào cái khác nữa. Đó là gốc sanh tử luân hồi, là gốc khổ.

Đây là tham ái về ngã. Còn tham ái về cái ngã sở tức cái của ta, cũng như câu chuyện Hoà thượng Kim Bích Phong vì luyện ái cái bát ngọc, mà đang ngồi thiền, quỷ sứ nó lại rung rung cái bát ngọc Ngài động niệm xả thiền để giữ cái bát lại, quỷ thấy. Đó là luyện ái ngã sở, chính cái đó cũng là cái đi vào trong luân hồi, trong cái khổ. Đã biết quả khổ, biết cái nhân đưa đến khổ rồi, thì sao? Phật dạy:

CHÁNH VĂN:

**Nếu dứt được tham dục
 Khổ không chỗ nương đỡ
 Dứt hẳn hết cái khổ
 Vì chứng diệt đế vậy
 Mà tu hành Đạo đế
 Là hết các khổ phược
 Gọi đó là giải thoát**

GIẢNG:

Dứt được cái nhân khổ, chứng Niết bàn hết khổ, nhưng muốn chứng như vậy, thì không phải là nói suông mà phải thực hành Đạo đế, là con đường đưa đến Niết bàn đó. Con đường Đạo đế nói chung là Bát chánh đạo,

nói rộng ra là 37 phẩm trợ đạo, tức con đường đưa đến dứt khổ. Khi khỏi các khổ rồi thì gọi đó là giải thoát.

CHÁNH VĂN:

Người đó nơi pháp gì
 Mà nói dạng giải thoát?
 Chỉ xa rời hư vọng
 Gọi đó là giải thoát
 Kỳ thiết chưa phải được
 Giải thoát hẳn tất cả

GIẢNG:

Giải thoát tới đây chưa phải là giải thoát tất cả. Đây là qua được hư vọng, dứt được sanh tử, nhưng chưa mở sáng Tri Kiến Phật. Khi mở sáng Tri Kiến Phật và sống được cái Tri kiến Phật, tức là vượt qua cái **chân - vọng** rồi, không còn cái gì giải thoát, thì mới thật sự giải thoát, còn có cái này đối với cái kia thì Ngài nói đó là chưa phải thật diệt.

CHÁNH VĂN:

Đức Phật nói người đó
 Chưa phải thiết diệt độ
 Vì người đó chưa được
 Đạo quả vô thượng vậy.

GIẢNG:

Quả vô thượng chưa xong, còn chưa phải thật

diệt, như vậy giải thoát nhưng còn có cái trên, chưa phải là vô thượng, đến đạo quả vô thượng này không còn gì để trên nữa thì mới là thật sự giải thoát.

CHÁNH VĂN:

Ý của ta không muốn
Cho đó đến diệt độ
Ta là đấng Pháp Vương
Tự tại nơi các pháp
Vì an ổn chúng sanh
Nên hiện ra nơi đời
Xá Lợi Phất phải biết
Pháp ấn của ta đây
Vì muốn làm lợi ích
Cho thế gian nên nói
Tại chỗ ông đi qua
Chớ có vọng tuyên truyền

GIẢNG:

Đây muốn nhắc, pháp này không phải là pháp quảng cáo, nên không có vọng tuyên truyền. Mà phải gặp đúng người có lòng khao khát, thì nói ra dễ tin nhận, nếu nói bừa có khi không được lợi ích.

CHÁNH VĂN:

Nếu có người nghe đến
Tuỳ hỷ kính nhận lấy
Phải biết rằng người ấy
Là bậc bất thối chuyển

GIẢNG:

Nghe đây mà kính tin, nhận lấy thì Ngài nói là bậc bất thối chuyển, có chủng duyên sâu với Phật pháp, nhưng tin nhận gồm có hai: Nghe tin nhận có cái đó, thì cũng là tin nhận. Còn tin nhận sâu hơn là trực giác ngay nơi mình liền, thì cái tin nhận này là nhận ra được cái đó, nếu tin nhận được chỗ này rồi thì đến bậc bất thối chuyển. Quý vị thấu rõ chỗ này rồi, còn có cái gì ở thế gian này sánh kịp! Nên cứ thẳng tới mà đi thôi.

CHÁNH VĂN:

**Nếu có người tin nhận
Kinh pháp vô thượng này
Thời người đó đã từng
Thấy các Phật quá khứ**

GIẢNG:

Phật nói: " Nếu có người tin nhận kinh pháp vô thượng này" Nhưng kinh ở đây là kinh gì? Có phải là kinh Pháp Hoa 28 phẩm này không? Tin được kinh pháp vô thượng này tức tin được Tri Kiến Phật đó, thì người đó đã thấy các Phật quá khứ.

CHÁNH VĂN:

**Cung kính và cúng dường
Cũng được nghe pháp này**

**Nếu người nào có thể
Tin chịu lời ông nói
Thời chính là thấy ta
Cũng là thấy nơi ông
Cùng các chúng tỳ kheo
Và các hàng Bồ tát**

GIẢNG:

Tin được cái này có sung sướng không? Tin được nó tức là thấy Phật, thấy Xá Lợi Phất, thấy cả chúng Tỳ kheo trong hội Linh sơn, và thấy luôn các hàng Bồ tát nữa. Tin được cái này thì thấy pháp hội Linh Sơn đang còn diễn ra trước mắt, vì trước kia trên hội Linh Sơn Phật phóng ánh sáng từ chạng mờ soi khắp cả mười tám ngàn cõi nước phương Đông đó, mà Phật chưa thu lại. Phóng ra mà chưa thu lại nên vẫn còn đó. Tức tin nhận rõ chỗ này rồi, mình thấy chỗ Phật, Bồ tát, chúng sanh không hai. Thì cái thấy của mình kế hợp với cái thấy của Phật, vậy ngay đây tức là cái gì rồi? Tức chỗ này Phật ngầm thọ ký rồi! Bởi vậy Ngài Lâm Tế dám nói mạnh mẽ: "Chỗ thấy của ta đây cùng Phật Thích Ca không khác" Ngài Lâm Tế sống cách Phật cả ngàn năm hơn, mà Ngài nói chỗ thấy của ta cùng Phật không khác, thì chính là thấy được chỗ này. Thấy chỗ không khác này là mới thấy chỗ chân thật rất ráo. Còn thấy mình khác, Phật khác, Bồ tát khác, đó là còn cái thấy của chúng sanh, của tình thức sai biệt. Hiểu chỗ này, tin chắc được chỗ này, thì hết còn thói chuyển, đâu còn ai gạt được mình nữa.

CHÁNH VĂN:

**Phật vì người trí sâu
Nói kinh Pháp Hoa này
Kẻ thức cạn nghe đến
Mê lầm không hiểu được**

GIẢNG:

Đây muốn nhắc mình nghe kinh này phải nghe thật kỹ, không thể dùng tâm hơi hợt hoặc là phân biệt theo cái phàm tình thông thường, mà phải lắng lòng nghe thì mới nghe đến chỗ sâu của Phật.

CHÁNH VĂN:

**Tất cả hàng Thanh văn
Cùng với Bích chi Phật
Ở trong kinh pháp này
Sức kia không hiểu được**

Đây hàng Thanh văn, Bích chi cũng không hiểu được.

**Chính ông Xá Lợi Phất
Hãy còn nơi kinh này
Dùng lòng tin đặt vào
Hưởng là Thanh văn khác.**

GIẢNG:

Chính Ngài Xá Lợi Phất cũng do lòng tin mà được vào, Ngài là trí tuệ bậc nhất, tại sao lại không do

trí tuệ vào? Mà phải do lòng tin vào? Tức là chỗ này không phải là chỗ suy lường hay so tính mà hiểu đến được, không phải đem cái thông minh, cái biện luận giỏi ở thế gian mà hiểu được, trí thông minh của thế gian không thể đến được chỗ này. Cho nên ở đây Phật nói Ngài Xá Lợi Phất cũng do lòng tin đặt vào, hướng là những Thanh văn khác, tức tin nhận ở ngay tâm mình chứ không do suy luận.

CHÁNH VĂN:

**Bao nhiêu Thanh văn khác
Do tin theo lời Phật
Mà tùy thuận kinh này
Chẳng phải trí của mình**

GIẢNG:

Do tin theo lời Phật, mà tùy thuận kinh này, còn không phải là trí của mình, vậy thì mình làm sao đến được? Ở đây muốn nói phải thuận theo trí của Phật mà vào, không phải là đem trí thế gian này tức trí phân biệt của mình đây. Đây cũng là muốn nhắc nhở mình, là muốn vào đây cần có cái nhảy. Là phải nhảy qua chữ nghĩa, nhảy qua văn tự, nhảy ra ngoài tình thức phân biệt này, phải có cái nhảy đó, thì mới vào được thôi.

CHÁNH VĂN:

**Lại này Xá Lợi Phất
Kẻ kiêu mạn biếng lười**

**Vọng so chấp lấy ngã
Chớ vì nói kinh này**

GIẢNG:

Muốn nhắc, với người kiêu mạn khinh người, so đo chớ nói. Tại sao? Bởi vì so đo chấp ngã thì cứ so tính ta người, tính toán hơn thua, đem tâm đó mà nghe Pháp Hoa, thì Pháp Hoa này cũng thành phàm luôn, cho nên với người đó thì không nên nói kinh này.

CHÁNH VĂN:

**Hạng phàm phu biết cạn
Quá mê năm món dục
Nghe pháp không hiểu được
Cũng chẳng nên vì nói**

GIẢNG:

Người quá cạn, vì đắm các món dục không nên vì nói, tại sao? Vì nói họ cũng chưa thấm được, với hạng người này thì trước hết dạy cho họ bớt lòng dục, bớt đắm mê ngũ dục này, rồi mới chỉ dạy, chứ không phải nói như vậy là bỏ gạt qua một bên.

CHÁNH VĂN:

**Nếu có người không tin
Khinh huỷ chê kinh này
Thời là dứt tất cả
Giống Phật ở thế gian.**

GIẢNG:

Người khinh chê kinh này, dứt giống Phật ở thế gian. Tức là tự mình chôn lấp lấy mình, cũng là ý Phật ngầm muốn đánh thức mình phải nhớ tâm Phật sáng suốt nơi mình đó. Nếu không tin nhận mà lại khinh huỷ, chê bai, thì đó là đi vào trong vô minh tăm tối rồi.

CHÁNH VĂN:

Nếu có người xị mặt
Mà cứ lòng nghi hoặc
Ông nên lắng nghe nói
Tội báo của người đó
Hoặc Phật còn tại thế
Hoặc sau khi diệt độ
Nếu có người chê bai
Kinh điển như thế này
Thấy có người đọc tụng
Biên chép thọ trì kinh
Rồi khinh tiện ghét ganh
Mà cứ lòng kết hờn
Tội báo của người đó
Ông nay lại lắng nghe.

GIẢNG:

Đây là sắp nói về tội báo của người không tin mà còn khinh chê kinh, và cũng là nhắc muốn nói kinh này, phải nói đúng người, còn người không tin mà chê bai đó sẽ mắc những tội báo.

CHÁNH VĂN:

Người đó khi mạng chung
Sa vào ngục A Tỳ
Đầy đủ một kiếp chẵn
Kiếp mãn hết lại sanh
Cứ xoay vần như thế
Nhấn đến vô số kiếp
Từ trong địa ngục ra
Sẽ đọa vào súc sanh
Hoặc làm chó, dã can
Thân thể nó ốm gầy
Đen đũi thêm ghẻ lác
Lại còn phải bị người
Gớm nhờm và ghét rẻ
Thường ngày đói khát khổ
Xương thịt đều khô khan
Lúc sống chịu khổ sở
Chết bị ném ngói đá
Vì đoạn mất giống Phật
Nên thọ tội báo đó.

GIẢNG:

Người đó khi mạng chung, sa vào ngục A Tỳ, tại sao? Rồi khinh huỷ chê bai kinh này, đoạn mất giống Phật, là sao? Tức là tánh sáng suốt này mà mình không tin, lại còn sống trái với nó là đi vào chỗ tối tăm, chịu lang thang đói khổ, chứ còn gì nữa. Ở đây nói chê bai kinh này là sống trái với tánh giác này, nên phải đi vào trong đói khổ tối tăm, là ý đó.

CHÁNH VĂN:

Hoặc sanh làm lạc đà
Hoặc sanh vào loài lừa
Thân thường mang kéo nặng
Lại thêm bị đánh đập
Chỉ nhớ tướng: Nước, cỏ
Ngoài ra không biết gì
Vì khinh chê kinh này
Mà mắc tội như vậy.

GIẢNG:

Khinh chê kinh này sanh làm lạc đà, lừa, phải kéo nặng mà còn bị đánh đập, và chỉ nhớ toàn nước với cỏ thôi. Chê kinh này tức là chê tâm thể chân thật sáng suốt, tức là đi theo tướng hư vọng rồi tạo nghiệp, khi theo tướng hư vọng tạo nghiệp thì sẽ có muôn ngàn tướng sai biệt khác, như là heo, chó, lừa, lạc đà, rồi chỉ nhớ theo cảnh thô. Chỉ nhớ nước, nhớ cỏ tức là nói mình quên mất bản tâm chính mình.

CHÁNH VĂN:

Có khi làm dã can
Đi vào trong xóm làng
Thân thể đầy ghẻ lác
Lại chột hết một mắt
Bị bọn trẻ nhỏ vây
Theo đánh đập liệng ném
Chịu nhiều các đau khổ
Hoặc có lúc phải chết

Ở đây vừa chết rồi
 Liên lại thọ thân rắn
 Thân thể nó dài lớn
 Đến năm trăm do tuần
 Điếc ngậy và không chân
 Lăn lóc đi bằng bụng
 Bị các loài trùng nhỏ
 Cắn rúc ăn thịt máu
 Bị khổ cả ngày đêm
 Không tạm có ngừng nghỉ
 Vì khinh chê kinh này
 Mà mắc tội như vậy

GIẢNG:

Ở đây nói thêm ý nghĩa về khinh chê kinh này, còn bị sanh vào trong loài dã can, lại bị chột mắt, bị kẻ đánh đập, rồi lại sanh làm thân rắn, mà là rắn lớn có thân cả năm trăm do tuần, không chân, đi bằng bụng, chịu bao nhiêu cái khổ này. Bởi vì đánh mất hạt giống giác ngộ, mà đành phải chịu sống trong vô minh tăm tối khổ sở như vậy. Nghe đến đây quý vị có thấy giật mình không? Cũng vì bỏ cái sáng suốt này, mà phải chịu bao nhiêu cái khổ sở đó.

CHÁNH VĂN:

Nếu được sanh làm người
 Các căn đều ám độn
 Lùn xấu lại lệch què
 Đui điếc thêm lưng gù
 Có nói ra lời gì

Mọi người không tin nhận
Hơi miệng thường hôi thúi
Bị quỷ mỵ dựa nhập
Nghèo cùng rất hèn hạ
Bị người sai khiến luôn
Nhiều bệnh thân ốm gầy
Không có chỗ cậy nhờ
Dầu nường gần với người
Mà người chẳng để ý
Nếu có đặng điều chi
Thời liền lại quên mất

GIẢNG:

Ở đây nói lên những người không tin kinh này, thì có những tội nghiệp trước là bị sanh vào loài súc sanh, bây giờ làm người mà bị ám độn, lùn, xấu, lệch, què, đui, điếc, lưng gù, có nói ra lời gì thì người ta không tin nhận, thêm hơi miệng bị hôi thối, lại còn bị quỷ mỵ dựa nhập. Bởi vì không tin kinh này là trái bỏ tri kiến Phật, mà trái bỏ tri kiến Phật thì coi như là mất chủ, nhà không chủ nên mới bị người ngoài vào cướp phá, tức vào dựa nhập, cho nên những người bị dựa nhập là những người bị mất chủ, hay có chủ mà mất sáng suốt nên bị bên ngoài dựa vào làm chủ trở lại, tức là trong tâm nó có tà nên tà bên ngoài mới đến nhập được. Rồi thân bệnh ốm gầy, không có chỗ cậy nhờ, tức là không có chỗ nương tựa, gần người thì không ai để ý. Tại vì bỏ mất gốc sáng suốt, nên không có chỗ cậy nhờ, nếu có được điều gì lại là quên mất, là không có chánh niệm và rời bỏ mất tri kiến Phật, thiếu sáng suốt.

CHÁNH VĂN:

Nếu học qua nghề thuốc
 Theo đúng pháp trị bệnh
 Mà bệnh người nặng thêm
 Hoặc có khi đến chết
 Nếu tự mình có bệnh
 Không người chữa lành đặng
 Dầu có uống thuốc hay
 Mà bệnh càng thêm nặng
 Hoặc người khác phản nghịch
 Cướp giựt trộm lấy của
 Các tội dường thế đó
 Lại tự mang vạ lây

GIẢNG:

Sanh làm người bị nhiều quả báo, là nói lên người thiếu phước trí, nên học nghề thuốc tuy học đúng phép, nhưng trị bệnh người ta thì bệnh lại nặng thêm. Ở đây cho thấy mình không có phước mấy, thì đừng vì cái thân này tức bản ngã này mà tự cao, tạo nghiệp để rồi chịu khổ. Đây là điểm nhắc mình phải khéo để tự tỉnh trở lại, đừng mãi chìm trong chỗ tối tăm này thì tối càng tối thêm. Thiếu phước làm đâu trật đó, nhiều khi than thân trách phận, rồi sanh ra oán hận người này, hờn người kia, trách cả trời, cả Phật, phước càng tổn thêm nữa.

CHÁNH VĂN:

Những người tội như đây

Trọn không thấy được Phật
Là Vua trong hàng Thánh
Thường nói pháp giáo hoá
Những người tội như dây
Thường sanh chỗ hoạn nạn
Tâm cuồng loạn, tai điếc
Trọn không nghe pháp được

GIẢNG:

Vì bỏ quên tánh giác hằng hữu của mình, cho nên không thấy được Phật là Vua trong hàng Thánh. Đã trái với tánh giác rồi cứ theo nghiệp mê lầm đó mà tạo tội, rồi bị thọ báo sanh trở lại, khi sanh trở lại thì tạo nghiệp khác nữa, rồi đi thọ báo nữa, nó cứ xoay vần mãi như vậy, nên mỗi ngày càng đi xa tánh giác không quay lại được. Do đó mà không thấy được Phật.

CHÁNH VĂN:

Trái qua vô số kiếp
Như số cát sông Hằng
Sanh ra liền điếc câm
Các căn chẳng đầy đủ
Thường ở trong địa ngục
Như dạo chơi vườn nhà
Ở tại ác đạo khác
Như ở nhà cửa mình
Lạc đà, lừa, heo, chó
Là chỗ kia thường đi
Vì khinh chê kinh này
Mắc tội đường thế đó

GIẢNG:

Sanh trong luân hồi này vô số kiếp, bị tật điếc câm, đi trong địa ngục cũng giống đi trong vườn nhà tức là thường xuyên ở trong đó, cứ lẫn quẩn trong sáu đường mà quên cả đường về. Tổ Quy Sơn nói là: "bò lên lét xuống". Tức là ở trong sáu đường này lâu lâu bò lên chút làm người, bò lên chút nữa làm trời, rồi ít bữa lét xuống trở lại làm súc sanh, ngựa quỉ, địa ngục, rồi bò lên chút nữa, lại lét xuống trở lại. Cho nên gọi là bò lên lét xuống lẫn quẩn trong đó. Đó là mê lầm do khinh chê kinh này, tức là trái bỏ với tánh giác sáng suốt đó.

CHÁNH VĂN:

Nếu dặng sanh làm người
 Điếc, đui lại câm ngọng
 Nghèo cùng các tướng suy
 Dùng đó tự trang nghiêm
 Bụng bệnh khô khát
 Ghẻ, lác cùng ung thư
 Các bệnh như trên đó
 Dùng làm y phục mặc
 Thân thể thường hôi hám
 Nhơ nhớp không hề sạch
 Lòng chấp ngã sâu chặt
 Thêm nhiều tánh giận hờn
 Tình dâm dục hỷ hừng
 Đến chẳng chữa cam thú
 Vì khinh chê kinh này
 Mắc tội dường thế đó.

CHÁNH VĂN:

Đây là nói lên cái khổ sống không giác ngộ, là chối bỏ tri kiến Phật này, nên đâu thấy được lẽ thật, vì không thấy được lẽ thật nên chìm trong mê lầm đó và bị những cái tối tăm nó che đậy. Do đó ở đây nói: "Lòng chấp ngã sâu chặt", cũng bởi chấp ngã quá sâu, quá dầy nên không thấy được chân thật, ngã này chỉ là giả ngã mà cho là thật, rồi bám chặt vào nó, do đó mà tham, sân si nổi dậy, lòng dâm dục, đến không chữa cầm thú, tức là hết sáng suốt. Khi chấp ngã sâu nặng rồi thì chỉ biết cái ta này thôi, hễ đụng đến là nóng thôi. Rồi tham cũng vậy, chỉ biết có nó thôi, cho nên lúc đó hết sáng suốt, cũng vì do tội khinh chê kinh này.

CHÁNH VĂN:

**Bảo cho Xá Lợi Phát!
 Người khinh chê kinh này
 Nếu kể nói tội kia
 Cùng kiếp cũng chẳng hết
 Vì bởi nhân duyên đó
 Ta vẫn bảo các ông
 Trong nhóm người vô trí
 Chớ nên nói kinh này**

GIẢNG:

Ở đây Phật kết lại, răn nhắc cẩn thận khi nói kinh này. Mỗi người hãy tự xét lại mình, để mà vươn lên, chớ đừng để vướng vào tội này mà sống trong tối

tâm vô minh đó mãi. Ở đây tuy nói như vậy, nhưng cũng không gạt bỏ những người này, người không nên nói thì gạt bỏ qua một bên, không phải như vậy. Nhưng muốn đem pháp này nói cho người thì thứ nhất phải nói đúng người, đúng thời, đúng lúc, phải chín chắn, thứ hai là mình phải tự kiểm lại mình, đừng để rơi vào những lỗi lầm trên. Thấy được ý đó tức là mình có lòng tin, để mình tiến lên, mà tránh rơi vào chỗ này.

CHÁNH VĂN:

Nếu có người lợi căn
Sức trí huệ sáng láng
Học rộng và nhớ dai
Lòng mong cầu Phật đạo
Những hạng người như thế
Mới nên vì đó nói

GIẢNG:

Đây nói qua những người đáng nói đáng tin để nói kinh này, là người có trí tuệ sáng láng học rộng và nhớ dai, lại có lòng tin, thì mình nói họ dễ tiếp nhận.

CHÁNH VĂN:

Nếu có người đã từng
Thấy trăm nghìn Đức Phật
Trông các cội đức lành
Thâm tâm rất bền vững
Hạng người được như thế
Mới nên vì đó nói

GIẢNG:

Người đã tu hành lâu, trồng các cội lành sâu ở nơi các Đức Phật, đây là hạng người có đủ lòng tin. Vậy nếu mình nghe và tin được cái này là có duyên sâu với Phật pháp. Thấy như vậy để cho mình có lòng tin mạnh hơn, sâu hơn mà tiến lên.

CHÁNH VĂN:

**Nếu có người tinh tấn
Thường tu tập lòng từ
Chẳng hề tiếc thân mạng
Mới nên vì đó nói**

GIẢNG:

Có người tinh tấn, từ bi quên mình, thì mới nên vì đó nói, người như vậy đó thì dễ khế hợp.

**Nếu có người cung kính
Không có sanh lòng khác
Lìa xa các phàm ngu
Những hạng người như thế
Mới nên vì đó nói**

GIẢNG:

Đây đối với người nhất tâm tu hành, thì mới nên vì đó nói.

**Lại Xá Lợi Phát này!
Nếu thấy có người nào**

**Rời bỏ ác tri thức
Gần gũi bạn hiền lành
Người được như thế này
Mới nên vì đó nói.**

GIẢNG:

Đây nói về người tránh xa ác tri thức, tránh xa tà kiến mà thường gần gũi bạn hiền lành thì cũng nên vì họ mà nói kinh này.

**Nếu thấy hàng Phật tử
Giữ giới hạnh trong sạch
Như minh châu sáng sạch
Ham cầu kinh đại thừa
Những người được như thế
Mới nên vì đó nói**

GIẢNG:

Tức là người giữ gìn giới hạnh trong sạch, thanh tịnh, thì sẵn sàng tiếp nhận, cho nên nói có lợi ích.

**Nếu người không lòng giận
Chắc thiết ý dụ hoà
Thường thương xót mọi loài
Cung kính các đức Phật
Hạng người tốt như thế
Mới nên vì đó nói.**

Đây là người mà tâm ý dụ hoà, lại có lòng đại bi, thì cũng nên vì họ nói.

Lại có hàng Phật tử
Ở tại trong đại chúng
Thuần dùng lòng thanh tịnh
Các món nhơn cùng duyên
Thí dụ và lời lẽ
Nói pháp không chướng ngại
Những người như thế ấy
Mới nên vì đó nói.

Người có tâm thanh tịnh, thì cũng nên nói pháp.

Nếu có vị tỳ kheo
Vì cầu nhưt thiết trí
Khắp bốn phương cầu pháp
Chấp tay cung kính thọ
Chỉ ưa muốn thọ trì
Kính điển về đại thừa
Nhấn đến không hề thọ
Một bài kệ kinh khác
Hạng người được như thế
Mới nên vì đó nói.

Đây nói về người mà tâm hướng thẳng đến đại thừa, người này nói ra họ dễ tin nhận.

Như có người chí tâm
Cầu xá lợi của Phật
Cầu kinh cũng như thế
Đặng rồi đánh lễ thọ
Người đó chẳng còn lại
Có lòng cầu kinh khác
Cũng chưa từng nghĩ tưởng

**Đến sách vở ngoại đạo
Người được như thế ấy
Mới nên vì đó nói**

GIẢNG:

Ở đây nói hạng người hết lòng khao khát cầu kinh, giống như cầu xá lợi của Phật, người như vậy đó không có tâm kia đây, mà đem nói với người này thì họ sẽ tiếp nhận dễ dàng. Cầu xá lợi Phật thì cầu sao? Bây giờ cầu xá lợi nhưng chưa có tâm bằng người xưa.

Ngày xưa như Ngài Khương Tăng Hội, nhìn sang nước Trung Hoa, Ngài thấy có ánh sáng năm màu, nó soi sáng lên cả bầu trời, thấy như vậy thì Ngài biết có xá lợi Phật ở bên đó, cho nên Ngài theo ánh sáng đó đến ở tại một làng tên là làng Phật Đà (Phật Đà này là do sau này Chúa Tôn Quyền đặt cho) Làng đó thuộc về Giang Đông của Trung Quốc. Ngài thiết am, lập tượng thờ, ở đó hành đạo nhưng mới qua chưa ai biết gì hết. Có người thấy vậy tâu lên Ngô Tôn Quyền, cho Ngài là một vị sư ngoại quốc, đem những điều lạ lùng đến mê hoặc người (dị đoan). Bởi vì lúc đó Phật giáo chưa qua tới chỗ đó, họ thấy lạ, Ngô Tôn Quyền cho gọi Ngài lại và hỏi:

Ông là vị sư nào?

Ngài đáp:

- Tôi là đệ tử của Phật

Ngô Tôn Quyền hỏi:

- Phật ở đâu?

Ngài nói:

- Phật đã tịch diệt lâu rồi, nhưng còn có xá lợi chứng nghiệm được.

Tôn Quyền hỏi tiếp:

- Có thể thấy được chăng?

Ngài đáp:

- Lòng tin tâm chí thành mong cầu mới có thể thấy được.

Nghe nói như vậy ông cười và bảo Ngài:

- Vậy ông hãy lập đàn tràng cầu xá lợi đi, nếu cầu không được ông sẽ bị giết chết.

Khi về am, Ngài Khương Tăng Hội nói với mấy vị trong chúng rằng:

- Đây là một nhân duyên mà chúng ta phải hết lòng thành kính cầu xá lợi, nếu cầu mà được chúng thì Phật pháp được truyền rộng rãi ở đây, còn nếu không được thì phải chịu chết chung tại đây thôi.

Sau đó Ngài lập đàn tràng, tắm rửa sạch sẽ thanh tịnh, Ngài hẹn với Tôn Quyền là bảy ngày sau. Mấy thầy trò thành kính cầu suốt bảy ngày mà không thấy ứng gì hết. Còn Ngô Tôn Quyền sai người đến hỏi thăm hoài, Ngài xin thêm bảy ngày nữa, nhưng cũng không thấy ứng nghiệm, Ngài lại nói: "Chúng tôi phước còn mỏng nên cầu chưa được chúng, xin cho tôi thêm bảy ngày nữa là 21 ngày, lần thứ ba này mà không được thì chịu chết thôi". Lần này thầy trò cầu nguyện đến ngày thứ bảy rồi, mà cũng không có gì hết, các đệ tử xanh mặt hết. Ngài Khương Tăng Hội chí thành cầu nguyện, lúc đó Ngài bạch thăm với Phật rằng:

- Con có chết thân này cũng không tiếc gì hết, nhưng chúng sanh ở cõi này sẽ dứt duyên Phật pháp!

Vào giữa đêm thứ bảy này, Ngài đem hết lòng tín tâm chí thành, dùng hết sức mình đọc to lên danh hiệu Phật ba lần, lúc đó mồ hôi Ngài chảy ra như máu

vì hết lòng thành kính. Bấy giờ bỗng nghe có tiếng vang động ở trong bình, thấy ánh sáng trong bình rọi ra sáng rực cả phòng, lúc đó thầy trò mừng quá lại đánh lễ, hôm sau đem dâng cho Ngô Tôn Quyền, ông thấy vậy mới kính tin Phật pháp. Theo sử ghi lại còn thử nữa: Là khi dâng xá lợi ông lấy búa đập xem có bể không, nhưng búa đập không bể ông mới tin.

Sau khi đã tin, ông đổi tên làng đó là Phật Đà, tức làng của Đức Phật, và lập chùa đầu tiên của vùng Giang Đông, gọi là chùa Kiến Sơ.

Đó là nói lên lòng tín thành cầu Xá lợi, người cầu kinh này mà có lòng tín thành như vậy thì dễ lãnh hội tri kiến Phật.

CHÁNH VĂN:

**Bảo cùng Xá Lợi Phát!
Ta nói các sự tướng
Của người cầu Phật đạo
Cùng kiếp cũng chẳng hết
Những người như thế đó
Thời có thể tin hiểu
Ông nên vì họ nói
Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.**

GIẢNG:

Kết lại nói về sự tướng của người cầu Phật đạo cùng kiếp cũng không hết. Cho nên nói, tội khinh khi không tin kinh này cũng nhiều không nói hết, mà phước của người tin được kinh này cũng không thể kể hết. Ở đây gồm có hai phần là:

- Thứ nhất, là nói về quả báo của người khinh chê kinh này, vì khinh chê kinh này mà chịu quả báo khổ sở, sống trong tối tăm, là vì chối bỏ con đường giác ngộ tức con đường sáng suốt, phải sống trong vô minh đen tối, phải chịu khổ sở luân hồi dài dài.

- Thứ hai, là nói kinh này với những người có thể tin nhận được. Tức là muốn nhắc đến mọi người, tin được kinh này là đã có trồng sâu hạt giống Phật, chứ không phải thường, không phải là chuyện ngẫu nhiên, cho nên mình có lòng tin sâu vững chắc, ngay đó mình có thể cảm nhận được những điều sâu xa không thể nghĩ bàn của kinh Pháp Hoa.

Như vậy, người tin nhận kinh này là người đã trồng sâu duyên lành với Phật pháp, với Pháp Hoa, có gieo hạt giống Phật đã nhiều rồi chứ không phải ít, nên vì người đó nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa này.

Tóm lại: qua ba phẩm này, từ phẩm Tựa tới phẩm Thí Dụ, Phật nhắc rõ bản hoài ra đời của Phật. Phật thí dụ nhà lửa ba xe đó cho mình thấy rõ là:

- Thứ nhất: Là mình phải tin nhận rõ Tri Kiến Phật của chính mình, ai ai cũng đều có đủ hết, tin chắc điều này đó là chúng ta đã có nhân thành Phật, gieo nhân thành Phật. Dù cho tu hành pháp gì, rốt cuộc rồi cũng đến chỗ chân thật không hai này thôi, nếu rời bỏ cái này mà có cái khác, là cái bên ngoài mình rồi. Cho nên nhận được chỗ này, gọi là chỗ Phật thọ ký chứ không gì khác.

- Thứ hai: mình tin nhận chính mình có khả năng nhận ra Tri kiến Phật này và sống được với nó, bởi vì đây là cái của mình, không phải của ai, đã là của mình thì mình có quyền nhận, có quyền sống.

Thứ ba: là **tin chắc, nhớ rõ Tri kiến Phật là**

cái không hình tướng, không nam nữ, không trí, ngu, già, trẻ gì hết. Như vậy ai cũng có quyền nhận được hết, không phân biệt già, trẻ.

Cho nên Ngài Huệ Năng đến chỗ Ngũ Tổ. Ngũ Tổ hỏi:

- Ông đến đây để làm gì?

Thì Ngài nói:

- Con đến đây để cầu làm Phật.

Ngũ Tổ mới thử:

- Ông là người mội, làm sao làm Phật?

Ngài thưa:

- Người có Nam Bắc, nhưng Phật tánh thì không hai. Phật tánh của con với Phật tánh Hoà thượng cũng đồng nhau không khác.

Ngũ Tổ nghe nói như vậy biết đây là người khác thường. Lúc đó trong chúng đông người, Ngài sợ họ biết được, người có tâm không tốt sẽ đổ ỵ, họ hại. Ngũ Tổ mới bảo:

- Thôi, đi xuống nhà sau đi!

Như vậy Ngài Huệ Năng thấy được Phật tánh đó Ngài cũng có, Tổ cũng có, đó là không hai không khác, thấy được như vậy, tin nhận được chỗ đó, là chỗ chân thật, là đã có hạt giống sâu với Phật pháp.

- Thứ tư: là biết rõ Tri Kiến Phật thì không thứ lớp cấp bậc. Cho nên ở trước Phật nói là Ngài có nói tam thừa Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát thừa, nhưng cũng qui về một Phật thừa thôi. Tin nhận như vậy, đó là mình đã gieo cái nhân giác ngộ. Là đáng nghe được kinh Pháp Hoa này và nếu khéo chút nữa, ngay đây-một niệm tâm mình mở sáng, tâm niệm này không kẹt nơi căn, không trụ nơi trần. Tức là nơi mắt này thấy biết tất cả nhưng không kẹt nơi mắt tai này, cũng

không trụ nơi sắc, thanh, hương bên ngoài, mà nó vẫn thấy, vẫn biết thì cái đó là cái gì? Thì ngay đó khai Tri Kiến Phật liên; chính đó liền thấy đức Như Lai ở trong nhà lửa. Cho thấy rõ, kinh Pháp Hoa ở ngay chính mình, không từ đâu khác và như vậy cũng quên niệm cầu ra khỏi ba cõi nữa. Mình trong tình mê thấy ba cõi là thật, nên cầu ra ba cõi để giải thoát. Nếu cầu ra ba cõi thì ở đâu mà giải thoát.

Bởi vậy Ngài Lâm Tế có lần bảo:

- “Các ông từ nhiều nơi đến đây đều có tâm cầu Phật cầu pháp, cầu giải thoát ra ba cõi, kẻ si, các ông muốn ra khỏi ba cõi rồi đi đâu đây? Phật và Tổ là cái tên thuộc về khen tặng”. Nói Phật, nói Tổ đó là cái tên để mình tôn kính Ngài, chứ cái gì là Phật, là Tổ? Phật Tổ chính là cái tâm giác ngộ sáng suốt của mọi người. Nhận rõ, sống được chỗ đó, là Phật Tổ sống. Còn nói Phật Tổ bên ngoài đó cũng là cái tên. “Các ông muốn biết ba cõi chẳng? Tức chẳng lìa chỗ tâm nghe pháp này đây”.

Quý vị thấy cái tâm này thế nào đủ ba cõi?

Ngài bảo:

- “Một niệm tâm tham của ông chính là cõi dục.

Một niệm tâm sân của ông chính là cõi sắc.

Một niệm tâm si của ông chính là cõi vô sắc.

Đó là đồ dùng của ông thôi. Ba cõi chẳng tự nói ta là ba cõi, chính là người sáng rõ ràng ở trước mắt huynh đệ biết soi sáng muôn thứ, xét nét thế giới, người đó đặt tên cho ba cõi. Ba cõi không tự có, do tâm đặt mà hiện ra, nếu không có tâm này thì ba cõi không có chỗ đứng”.

Ngài nói một niệm đang nghe pháp đây đủ hết. Khi một niệm tâm tham nổi lên thì cõi dục hiện liền,

một niệm tâm sân thì cõi sắc nó hiện, hiện sân thì tóe lửa liền, còn một niệm tâm si cõi vô sắc hiện, si tức là nó lờ mờ. Cho nên một niệm đây rõ ba cõi, mà cũng đủ luôn cả cõi Phật nữa. Quý vị biết cõi Phật sao không? Thì một niệm thanh tịnh tức cõi Phật hiện thôi. Nhưng một niệm hiện tiền sáng rõ chưa từng mê đây, thì nó thuộc cõi nào? Không có cõi nào hết, ngay đó là giải thoát rồi. Cầu ra ba cõi thì ở chỗ nào nữa? Cho nên chỉ cần nhận ra một niệm sáng rõ này, sống ngay đây thì giải thoát liền. Sống trong ba cõi mà tự tại. Còn bỏ ba cõi này để tìm giải thoát thì cũng là lẩn quẩn còn có tâm lấy bỏ, chưa thật giải thoát. Bởi vậy mới có câu "Hồi đầu thị ngạn", tức là quay đầu lại là bờ mé liền, khỏi phải đi đâu hết. Bây giờ mình cứ lo bỏ bờ này đến bờ kia, mà bờ kia ở đâu nữa? Chính đó là cái tâm lấy bỏ. Ở đây nếu khéo soi trở lại, nhớ trở lại là giải thoát ngay chỗ này.

Cho thấy việc này là việc ở ngay nơi mình, chính mình có thể nhận và sống được, không ai làm thay thế cho mình.

Có một tín đồ đến Hoà thượng Triệu Châu hỏi:

-Xin hỏi Hoà thượng, làm thế nào tham thiền mới hay ngộ đạo được?

Triệu Châu liền rời chỗ ngồi đứng dậy nói:

- Tôi đang cần đi tiểu một chút.

Sư bước xuống đi vài bước, rồi quay đầu lại bảo:

- Đó ông hãy xem, chỉ một việc nhỏ này là đi tiểu thôi, mà tôi cũng phải tự mình đi, người khác không thể thay thế được.

Còn việc kia, ông biết rồi. Đó là việc ngay nơi mình, mình làm chứ không cầu người khác làm thay được. Thí dụ Thầy gọi, ai dạy thay cho mình được đây?

Gọi mình thì mình dạ thôi, mình nhớ ra, mình nhận ra cái đó cũng mình thôi, chứ ai nhận thế được, khéo thấy như vậy là thấy rõ Tri kiến Phật sẵn nơi mình. Tin nhận được như vậy, đó là mình có hạt giống giác ngộ sâu.

Mong rằng mỗi người nhớ rõ ngay trong nhà lửa vô thường này còn có một đức Như Lai đang ngự trong đó, mình phải khéo nhớ lại, sống với đức Như Lai đó, đừng quá bám vào cái lăng xăng ở trong nhà lửa, cứ vui chơi chạy giỡn như mấy đứa con trong kia, mà bỏ quên đức Như Lai này thì đáng buồn lắm! Ngài Hàn Sơn có bài thi:

*Từ xưa bao thánh nhân
Dặn dò hãy tự tin*

Nghĩa là: Bao nhiêu vị thánh nhân từ xưa thường thường dặn dò mình hãy tự tin.

*Người chẳng đồng căn tánh
Cao thấp có chậm nhanh*

Mỗi người căn tánh không đồng, có người cao hoặc thấp, cho nên có chậm có nhanh, chậm nhanh đó là do căn cơ của người, chứ còn Phật tánh này không có chậm nhanh, cao thấp.

*Phật thật không chịu nhận.
Đem sức luống nhọc nhằn*

Đức Phật đó không chịu nhận, rồi ra sức, ra công tìm đâu đâu nhọc nhằn.

*Chẳng biết tâm thanh tịnh
Chính là ấn Pháp Vương*

Chính tâm thanh tịnh là ấn Pháp Vương chứ không gì khác. Vậy mình lo tìm Phật đầu này, đầu kia, mà quên mất tâm thanh tịnh đó là Phật nơi mình, cũng là chỗ Phật thọ ký. Mình khéo sống trở lại, ngay trong vô thường có cái không sanh diệt, chớ lầm mê!

Ngài Ưu Ba Cúc Đa lúc còn nhỏ thôi, gặp Tổ Thương Na Hoà Tu hỏi Ngài:

- Chú năm nay mấy tuổi?

Ngài thưa là:

- Con mười bảy tuổi.

Tổ hỏi tiếp.

- Tánh ông mười bảy tuổi, hay thân ông mười bảy tuổi?

Ngài không trả lời mà hỏi lại Tổ:

- Đầu Hoà thượng bạc, vậy tóc Hoà thượng bạc hay tâm Hoà thượng bạc?

Ngài Thương Na Hoà Tu trả lời:

- À, tóc ta bạc chứ tâm ta không bạc.

Thì Ngài Ưu Ba Cúc Đa nói:

- Cũng vậy, thân con mười bảy tuổi, chứ không phải tánh con mười bảy tuổi.

Ngay đó Tổ thấy chú bé này không phải thường, rồi dẫn theo, sau đó truyền y bát cho Ngài Ưu Ba Cúc Đa.

Cho thấy thân vô thường này lớn lên có trẻ, có già, có tóc đen, tóc bạc còn tánh đó thì đâu có già trẻ gì? Cái nào có già, trẻ, đen bạc, có lớn có nhỏ thì cái đó là thuộc về vô thường thuộc về sanh diệt. Còn cái không có già, trẻ, không có đen bạc gì hết, thì nó đâu có vô thường, mà không vô thường tức là không sanh

diệt, sống với cái đó phải sướng hơn không? Nhưng mình lại chịu sống với cái sanh diệt này hơn là sống với cái kia, bởi vì cái kia không thấy.

Ở đây nhớ được như vậy, sống được như vậy, thì từ trong cái vô thường giả dối đó, mình vươn lên, giống như cá nhảy khỏi lưới, ở trong lưới mà nhảy ra được là cái hay, cái giỏi. Trong kinh Pháp Cú, Phật nhắc:

*Như giữa đồng rác nhớp
Quãng bỏ ngoài đường lớn
Chỗ ấy hoa sen nở
Thơm đẹp sạch lòng người*

Như đồng rác người ta bỏ ngoài đường lớn, chỗ nhơ nhớp đó, có hoa sen mọc, vì sen thường mọc trong bùn nhơ.

*Cũng vậy giữa quần sanh
Uế nhiễm, mù, phạm tục.
Đệ tử bậc chánh giác
Sáng ngời với trí tuệ.*

Cũng như vậy đó, giữa đám quần sanh này, vừa là uế nhiễm, vừa là mù tối, phạm tục, nhưng mà đệ tử của bậc chánh giác, tức đệ tử của Đức Phật thì sáng ngời với trí tuệ.

Ở trong phạm tục mê mờ này, nhưng người đệ tử Phật phải sáng suốt trí tuệ, ở trong đó mà vươn lên, cũng giống hoa sen từ trong bùn nhơ mà vượt lên khỏi bùn. Đó là cái khéo léo của người biết học Phật, tu Phật, và cũng là ý nghĩa của kinh Pháp Hoa này.

Thấy được như vậy, tin được như vậy đó, quý vị thấy sống trong cuộc sống vô thường, nhưng mình bớt

đau khổ. Bởi vì trong cái vô thường sanh diệt, mình biết có cái không sanh diệt; như vậy tuy nó có vô thường nhưng mình còn có chỗ sống kia. Song phải thường nhớ, chứ không phải học qua hiểu vậy thôi, phải có sự luôn chiêm nghiệm lại. Học vậy mới là khéo học kinh điển. Bởi vậy Ngài Hoàng Bá thường nhắc:

- “Đọc kinh xem giáo lý đều phải uyển chuyển, xoay lại chính mình. Tất cả ngôn ngữ giáo lý chỉ là tấm gương soi lại chính mình hiện nay”. Nếu cứ học theo chữ nghĩa bên ngoài, nhiều khi bị chữ nghĩa đó làm lầm, nghe chuyện trong kinh nói quá sức tưởng tượng, mình lại tưởng tượng thêm nữa, thì nó càng xa.

Như kinh Pháp Hoa này nói Phật phóng hào quang, rồi soi khắp phương Đông, thấy cõi này, cõi kia; nghe như vậy, mình cũng muốn tu cho nó phóng hào quang ra để mà soi thấy chỗ này chỗ kia, thì càng vọng tưởng thêm. Phải soi lại cho rõ, đó là ánh sáng nơi chính mình đây, nó thấy suốt mọi thứ bên ngoài, không lầm lẫn, đó là chỗ sống hàng ngày của mình, vượt qua hết ngôn ngữ chữ nghĩa. Học kinh Đại thừa phải khéo như thế.



Chư Pháp từng bản lai
Thường tự tịch diệt tướng
Xuân đảo bách hoa khai
Hoàng oanh đề liễu thương

Các pháp tử xưa nay
Tướng thường tự lặng lẽ
Xuân đến trăm hoa nở
Hoàng oanh hót trên cành

MỤC LỤC

- Lời đầu	5
- Lời dẫn	9
- Giải Đề Kinh	15
1- Phẩm Tựa	27
2- Phẩm Phương Tiện	101
3- Phẩm Thí Dụ	189



KINH PHÁP HOA

Glông Loo



ĐIỂM ĐẾN VÀI NGÀY

Địa chỉ: 4-10 Đường Dục Trưng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: 04 5566710 Fax: 04 5566702

Địa chỉ: 4-10 Đường Dục Trưng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: 04 5566710 Fax: 04 5566702

KINH PHÁP HOA

Giảng Lục

Tập I

THÍCH THÔNG PHƯƠNG

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

Nguyễn Thanh Xuân

Biên tập: Đỗ thị Quỳnh
Sửa bản in: Thiền sinh Trúc Lâm
Bìa&Trình bày: Thiền sinh Trúc Lâm

Điện thoại Phát hành: 033. 661477

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Nhà số 4-Lô 11-Trần Duy Hưng-Hà Nội
ĐT: 04.5566701-Fax: 04.5566702

In 3000cuốn (đợt 1). Khổ 14,5cmx20,5cm, tại Công ty In & Văn hóa phẩm.
Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 117-2006/CXB/358-10/TG.
In xong và nộp lưu chiểu Quý 1 năm 2007.